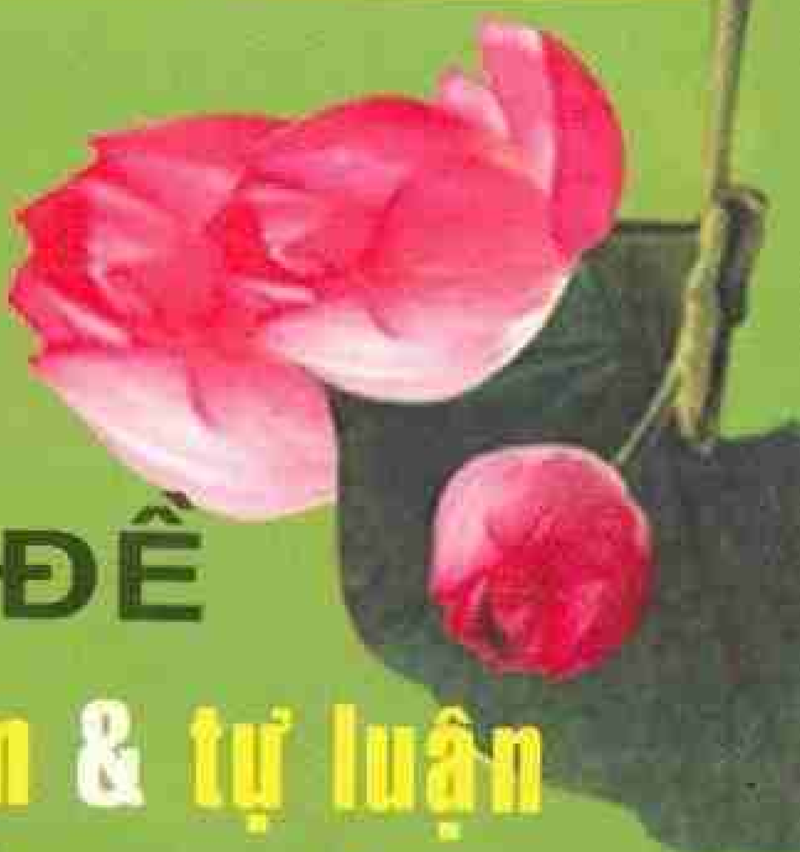
TẠ THANH SƠN - TS. NGUYỄN VIỆT NGA - TS.PHẠM MINH TÚ
TS. PHẠM ĐỨC MINH - ThS. NGUYỄN NHẬT HOA



45 ĐỀ
Trắc nghiệm & tự luận
Ngữ văn 8





NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TẠ THANH SƠN
TS. NGUYỄN VIỆT NGA - TS. PHẠM MINH TÚ
TS. PHẠM ĐỨC MINH - ThS. NGUYỄN NHẬT HOA

45 đề
TRẮC NGHIỆM VÀ TỰ LUẬN
NGỮ VĂN 8

Để ôn luyện, vươn lên học khá và học giỏi Ngữ văn

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Các em học sinh quý mến,

Cuốn sách này gồm có 45 bộ đề: 555 câu hỏi trắc nghiệm và 45 bài Tập làm văn tự luận. Mỗi bộ đề gồm có 2 phần:

- Đề trắc nghiệm.

- Đề tự luận.

Các kiến thức về Ngữ pháp, Tập làm văn và Văn học được quy tụ và phản ánh trong từng bộ đề, trong cả 45 bộ đề.

Đề trắc nghiệm nhằm kiểm tra và đánh giá khách quan sự nhớ biết, nhận biết một số đơn vị kiến thức Ngữ văn của học sinh đã được học tập, tích luỹ, so sánh và hệ thống trong quá trình học tập thuộc phạm vi chương trình cụ thể; ở đây là Chương trình Ngữ văn 8 Trung học Cơ sở.

Đề tự luận là một hoặc hai đề văn nhằm kiểm tra kiến thức Văn học, Ngữ pháp, Tập làm văn, đồng thời đánh giá các kĩ năng viết văn của học sinh như phân tích đề, lập dàn ý, dùng từ, đặt câu, dựng đoạn, cách mở bài và kết bài, kĩ năng phân tích, cảm thụ, bình luận một tác phẩm văn chương (ngắn), một trích đoạn, hoặc giải thích, chứng minh, bình luận một vấn đề chính trị, văn hoá, xã hội rất gần gũi và thiết yếu đối với tâm hồn và cuộc sống của thế hệ trẻ.

Nếu đề trắc nghiệm chỉ kiểm tra sự nhớ biết, nhận biết (cái gì? của ai? đúng hay sai? v.v...) thì đề tự luận lại nhằm kiểm tra đánh giá năng lực phân tích, cảm thụ văn chương, kĩ năng dùng từ, đặt câu, dựng đoạn, bố cục, nghệ thuật diễn đạt (hay, mạch lạc, biểu cảm, hàm súc...) kiến thức văn học, kiểm tra về chữ viết, về cách trình bày... của thí sinh. Một đề tự luận thường đặt ra một số câu hỏi: như thế nào? tại sao? phải làm gì?... Ở đây không còn là chuyện đánh dấu đúng, sai mà phải viết thành văn bản. Văn hay chữ tốt là cái thước, cái cân để nhận ra giá trị đích thực của một bài văn tự luận.

Sự kết hợp đề trắc nghiệm và đề tự luận trong một bộ đề thi Ngữ văn có thể kiểm tra toàn diện kiến thức Ngữ văn (Ngữ pháp, Tập làm văn, Văn học, kiến thức cuộc sống của thí sinh).

Vì thế, học sinh phải học và hành, ôn và luyện Ngữ văn một cách toàn diện, hệ thống và cụ thể thì mới có thể đạt được điểm cao trong bài kiểm tra, bài thi.

Cuốn sách này dùng để tự đọc và tự học. Hi vọng nó sẽ giúp các em học sinh lớp 8 Trung học Cơ sở ôn luyện kiến thức Ngữ văn trong quá trình học tập và thi cử.

Chúc các em nỗ lực vươn lên học giỏi.

Hà Nội, 1 tháng 6 năm 2006

Thay mặt nhóm Văn học Thuận Hoá

Tạ Thanh Sơn

ĐỀ 1

* **Tôi đi học.**
* **Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ.**
* **Tính thống nhất về chủ đề của văn bản.**

1. Cho biết, trong 3 tác phẩm sau đây của Thanh Tịnh, "Tôi đi học" được in trong tác phẩm nào?

A. "*Quê mẹ*" (Tập truyện ngắn, 1941)

B. "*Ngậm ngải tìm trầm*" (Tập truyện ngắn, 1943)

C. "*Những giọt nước biển*" (Tập truyện ngắn, 1956).

2. "Tôi đi học" của Thanh Tịnh được viết theo thể loại nào?

A. Tiểu thuyết | **B.** Hồi kí

C. Bút kí | **D.** Truyện ngắn

3. Nhân vật chính được nói đến trong truyện ngắn "Tôi đi học" là nhân vật nào?

A. Bà mẹ | **B.** Nhân vật "tôi"

C. Ông đốc | **D.** Thầy giáo trẻ

4. Theo em, nhân vật chính trong truyện ngắn "Tôi đi học" được miêu tả và kể ở phương diện nào là chủ yếu? Hãy chọn ý đúng.

A. Cử chỉ, hành động | **B.** Ngôn ngữ

C. Tâm trạng | **D.** Ngoại hình

5. Diễn biến tâm trạng của nhân vật "tôi" trong buổi tựu trường được tác giả kể theo trình tự thời gian - không gian: một buổi sáng sớm mùa thu, khi trên đường làng đi tới trường, khi đứng giữa sân trường, khi vào ngồi trong lớp học.

A. Đúng | **B.** Sai

6. Chất thơ trong sáng, nhẹ nhàng, rung động và thấm thía của truyện "Tôi đi học" được thể hiện qua phương thức biểu đạt nào là chủ yếu? Chọn đáp án đúng.

A. Tự sự | **B.** Biểu cảm

C. Thuyết minh | **D.** Miêu tả

7. Chọn ý đúng nào sau đây nói về chủ đề truyện "Tôi đi học".

A. Truyện "*Tôi đi học*" diễn tả những cảm xúc lo âu, sợ sệt của các em bé trong buổi tựu trường đầu tiên của đời mình.

B. Truyện "*Tôi đi học*" nói lên tình thương và sự quan tâm của gia đình và nhà trường đối với việc học hành của tuổi thơ.

C. Truyện "*Tôi đi học*" thể hiện cảm giác, cảm xúc bâng khuâng, trong sáng, sâu sắc nảy nở trong lòng tuổi thơ trong buổi tựu trường đầu tiên.

D. Truyện "*Tôi đi học*" chỉ rõ được cắp sách đến trường đi học là niềm vui hạnh phúc to đẹp nhất của tuổi thơ.

8. Phương thức biểu đạt nào được thể hiện qua câu văn sau đây?

"Hằng năm cứ vào buổi thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơn man của bu tựu trường".

A. Tự sự. **B.** Miêu tả.

C. Biểu cảm. **D.** Miêu tả và biểu cảm.

9. Trong câu văn có mấy từ láy, là những từ láy nào?

A. Có một từ láy: "*bàng bạc*".

B. Có hai từ láy: "*bàng bạc*", "*nao nức*".

C. Có ba từ láy: "*bàng bạc*", "*nao nức*", "*mơn man*".

D. Không có từ láy nào cả.

10. Đọc thầm câu văn: "Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy n trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng". Em hãy cl biết tác dụng của biện pháp tu từ so sánh và nhân hoá được sử dụng trong câu văn?

A. Làm cho câu văn có hình ảnh đẹp.

B. Vừa làm cho câu văn có hình đẹp, gợi cảm vừa làm nổi bật ý: những cả giác trong sáng nảy nở trong lòng tuổi thơ buổi tựu trường đầu tiên m mãi là những kỉ niệm đẹp, vô cùng sâu sắc đối với nhân vật "tôi" cũn như đối với nhiều người là không bao giờ có thể quên, lúc nào cũng cả thấy mới mẻ.

C. Dù đã khôn lớn nhưng không bao giờ quên những kỉ niệm đẹp buổi tụ trường.

D. Buổi tựu trường đầu tiên là kỉ niệm vô cùng sâu sắc và đẹp đẽ.

11. Những câu văn sau đây thể hiện ý nghĩa, tâm trạng gì của nhân vật tôi?

"Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự tha đổi lớn: hôm nay tôi đi học.

Tôi không lội qua sông thả diều như thằng Quý và không đi ra đồng nô đù như thằng Sơn nữa.

Trong chiếc áo vải dù đen dài, tôi cảm thấy mình trang trọng và đứng đắn Dọc đường thấy mấy cậu nhỏ trạc bằng tuổi tôi áo quần tươm tất, nhí nhảnh gọi tê nhau hay trao sách vở cho nhau xem mà tôi thèm..."

Chọn đáp án đúng.

A. Ý nghĩa ngây thơ, hồn nhiên.

B. Cảm thấy mình đã bước đầu khôn lớn, chững chạc trong buổi tựu trường.

C. Khát vọng được học tập.

D. Cả 3 ý A, B, C.

12. Nhẩm đọc đoạn văn sau:

"Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới bỡ ngỡ đứng nép bên người thân, ch dám nhìn một nửa hay dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim con đứng bên bờ tổ nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ. Họ thèm vụng, và ước

thâm được như những người học trò cũ, biết lớp, biết thầy để khỏi phải rụt rè ong cảnh lạ".

Cho biết, tác giả đã dùng biện pháp tu từ gì trong đoạn văn trên?

A. Điệp ngữ. **B.** Nhân hoá.

C. So sánh. **D.** So sánh và điệp ngữ.

. Đáp án nào trúng nhất về tác dụng của biện pháp tu từ được Thanh Tịnh sử dụng ong đoạn văn trên đây?

A. Diễn tả tâm trạng sợ sệt, rụt rè, ngập ngừng e sợ của nhân vật "tôi" và các bạn học trò mới khi đứng giữa sân trường buổi tựu trường.

B. Thể hiện niềm ao ước thâm muốn được như những học trò cũ, biết lớp, biết thầy để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ.

C. Nói lên ước mơ lớn khôn, được học hành giỏi giang để vươn tới những chân trời xa xôi, bao la.

D. Tất cả các ý A, B, C.

4. Có phải những dòng in đậm trong đoạn văn sau làm nổi bật tâm trạng hồi hộp của hân vật "tôi" khi đứng xếp hàng nghe ông đốc đọc tên từng người?

*"Ông đốc trường Mĩ Lí cho gọi mấy cậu học trò mới đến đứng trước lớp ba. rường làng nhỏ nên không có phòng riêng của ông đốc. Trong lúc ông ta đọc tên ừng người, **tôi cảm thấy như quả tim tôi ngừng đập. Tôi quên cả mẹ tôi đứng sau ôi**. Nghe gọi đến tên, **tôi tự nhiên giật mình và lúng túng**".*

A. Đúng **B.** Không đúng.

5. Các từ in đậm trong hai câu văn sau đây là loại từ gì?

*"Các em phải gắng học để thầy mẹ được **vui lòng** và để thầy dạy các em ược **sung sướng**".*

A. Danh từ. **B.** Động từ. **C.** Tính từ. **D.** Trạng từ.

6. Hai câu văn sau đã thể hiện những đức tính gì của ông đốc và thầy giáo trẻ?

"Ông đốc tươi cười nhẫn nại chờ chúng tôi... Một thầy giáo trẻ tuổi, gương ặt tươi cười, đang đón chúng tôi trước cửa lớp".

A. Rất vui vẻ.

B. Rất hiền hậu.

C. Hết lòng săn sóc và thương yêu học sinh.

D. Có cả A, B, C.

7. "Bàn tay" trong hai câu văn sau là hình ảnh được xây dựng bằng biện pháp tu từ ào?

*"Tôi cảm thấy sau lưng tôi có một **bàn tay** dịu dàng đẩy tôi tới trước... Một **àn tay** quen nhẹ vuốt mái tóc tôi".*

A. Biểu tượng. **B.** So sánh. **C.** Hoán dụ. **D.** Ẩn dụ.

8. Hình ảnh "bàn tay" trong hai câu văn trên nhằm diễn tả ý gì?

A. Sự săn sóc của mẹ hiền.

B. Sự âu yếm của mẹ hiền.

C. Tình thương con bao la của mẹ hiền.

D. Tấm lòng mẹ hiền bao la săn sóc, âu yếm, chở che, nâng đỡ và thương y
đối với con thơ.

19. Đoạn văn sau đây miêu tả tâm trạng gì của nhân vật "tôi" khi ngồi trong lớp?

*"Một mùi hương lạ xông lên trong lớp. Trông hình gì treo trên tường, t
cũng thấy lạ và hay hay. Tôi nhìn bàn ghế chỗ tôi ngồi rất cẩn thận tôi tự nhi
lạm nhận là vật riêng của mình. Tôi nhìn người bạn tí hon ngồi bên tôi, một ngu
bạn tôi chưa hề quen biết, nhưng lòng tôi vẫn không cảm thấy sự xa lạ chút nào.
quyến luyến tự nhiên và bất ngờ quá đến tôi cũng không dám tin có thật".*

Hãy chọn ý đúng trong các ý sau:

A. Cảm giác lạ, bâng khuâng.

B. Cảm thấy gắn bó với lớp học.

C. Tình bạn nảy nở trong lòng.

D. Xúc động bâng khuâng, cảm thấy gắn bó và yêu thương trường lớp và b
học tuổi nhỏ.

20. Nêu định nghĩa về "từ ngữ có nghĩa rộng", một học sinh đã viết:

*"Một từ ngữ được coi là có nghĩa rộng khi phạm vi của từ ngữ đó bao hà
phạm vi nghĩa của một số từ ngữ khác"*

A. Đúng **B.** Sai.

***21. Trong ba ví dụ về từ ngữ có nghĩa rộng (in đậm) được nêu ra ở sau đây, theo em
đúng hay sai.***

- ***Cây ăn quả***: cây cam, cây xoài, cây dừa, cây hồng xiêm, cây mận,...
- ***Vũ khí***: gươm, giáo, cung tên, súng trường, đại bác, tên lửa,...
- ***Lương thực***: thóc gạo, ngô, khoai, sắn, cao lương,...
- ***Dụng cụ học tập***: thước kẻ, bút chì, bút máy, ê-ke, tẩy,...
- ***Súc vật***: trâu, bò, chó, mèo, gà, lợn,...

A. Đúng **B.** Sai.

22. Khi nào thì một từ ngữ được coi là có nghĩa hẹp?

A. Khi phạm vi nghĩa của từ ngữ đó chỉ được bao hàm trong phạm vi nghĩ
của một từ ngữ khác.

B. Khi từ ngữ đó đồng nghĩa với một số từ ngữ khác.

C. Khi nghĩa của từ ngữ đó trái nghĩa với một số từ ngữ khác.

D. Khi phạm vi nghĩa của từ ngữ đó bao hàm phạm vi nghĩa của một số t
ngữ khác.

23. Trong các cách sắp xếp các nhóm từ ngữ sau đây, cách sắp xếp nào không đúng?

A. Những người thân yêu trong gia đình: ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em (ruột thị

B. Nông cụ: cày, bừa, cuốc, mai, gàu,...

C. Dụng cụ thợ mộc: cưa, bào, cuốc, xẻng, cái bay,...

D. Gia cầm: vịt, gà, ngan, ngỗng,...

24. Chủ đề của văn bản là gì? - Hãy chọn ý đúng.

A. Chủ đề là vấn đề chính, vấn đề chủ yếu của văn bản.

B. Chủ đề chính là đại ý của văn bản.

C. Chủ đề là cốt truyện của tác phẩm tự sự.

D. Chủ đề chính là nhan đề của văn bản.

25. Muốn tìm chủ đề của văn bản, ta cần căn cứ vào những yếu tố nào?

A. Căn cứ vào nhan đề.

B. Căn cứ vào cốt truyện và nhân vật.

C. Căn cứ vào ngôn ngữ văn bản.

D. Căn cứ vào tất cả các yếu tố, nhân tố của văn bản, của tác phẩm.

26. Tính thống nhất của chủ đề thể hiện ở chỗ nào?

A. Không có yếu tố nào thừa hoặc thiếu.

B. Cấu trúc, bố cục, chặt chẽ.

C. Tất cả các yếu tố của văn bản đều hướng về một điểm duy nhất của văn bản.

D. Cả A, B, C đã nói.

27. Chủ đề của bài "Rừng cọ quê tôi" là gì? Hãy chọn ý đúng.

A. Cây cọ rất có ích.

B. Rừng cọ rất đẹp.

C. Người sông Thao rất yêu rừng cọ.

D. Rừng cọ rất đẹp. Người sông Thao đi đâu cũng nhớ rừng cọ, nhớ tha thiết quê hương yêu dấu của mình.

28. Chủ đề bài thơ "Qua Đèo Ngang" của Bà Huyện Thanh Quan là gì? Em hãy chọn đáp án đúng.

A. Tả cảnh Đèo Ngang lúc xế tà.

B. Nỗi buồn cô đơn của người lữ khách.

C. Nỗi nhớ nhà, nhớ quê của khách li hương.

D. Bài thơ tả cảnh Đèo Ngang lúc ngày tàn, qua đó thể hiện nỗi buồn cô đơn, nỗi buồn nhớ nhà, nhớ quê của khách li hương.

29. Hãy phân tích và nêu cảm nghĩ về truyện "Tôi đi học" của Thanh Tịnh.

Bài làm

"Tôi đi học" là một truyện ngắn mang màu sắc hoài niệm của Thanh Tịnh in trong tập *"Quê mẹ"*, xuất bản năm 1941. Tác giả kể lại những kỉ niệm êm đềm, sâu sắc của tuổi thơ, trong buổi tựu trường đầu tiên trong đời, khi ông được mẹ dẫn đi đưa vào học lớp 5, lớp đầu cấp tiểu học của trường Pháp - Việt trước năm 1945.

Mở đầu truyện là hai câu văn được tạo thành 2 đoạn văn rất gợi cảm. Câu 1 nói sắc thu với lá rụng, với mây *"bàng bạc"* gợi nhớ những kỷ niệm *"mơn man"*, nhè nhẹ lâng lâng của buổi tựu trường. Câu văn thứ 2, tác giả dùng một hình ảnh so sánh - nhân hóa để hình tượng cảm giác trong sáng nảy nở trong lòng

"như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng". Giọng văn nhẹ nhàng, giàu cảm xúc. Những thế hệ học trò ngày xưa đã học thuộc lòng 2 câu văn này:

"Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại náo nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường.

Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng".

Buổi tựu trường xa xưa ấy thật đáng nhớ, đó là "*một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh*", cậu con trai bé bỏng được mẹ "*âu yếm nắm tay dẫn đi*". Con đường đi đến trường là con đường làng "*dài và hẹp*" vốn "*đã quen đi lại lắm lần*" nhưng tự nhiên chú bé "*thấy lạ*". Cảnh vật quê nhà hình như "*đều thay đổi*" bởi lẽ "*vì chính lòng tôi đã có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học*". Chú bé 7, 8 tuổi cảm thấy mình đã lớn, không còn chơi bời lêu lổng "*lội qua sông thả diều như thằng Quý và không đi ra đồng nô đùa như thằng Sơn nữa*".

Buổi tựu trường xa xưa ấy thật đáng nhớ. Chú bé cảm thấy mình "*trang trọng và đứng đắn*" khi được mặc chiếc áo vải dù đen dài, khi trong tay cầm 2 quyển vở mới. Chú rất "*thèm*" cảnh mấy cậu nhỏ bằng trạc tuổi mình "*áo quần tươm tất nhí nhảnh*" gọi tên nhau, trao sách vở cho nhau xem, có nhiều cậu vừa ôm sách vở vừa cầm cả bút thước nữa. Mẹ chú đã cầm bút thước hộ chú. Chú non nớt ngây thơ nghĩ: "*chắc chỉ người thạo mới cầm nổi bút thước*". Ý nghĩ ấy thoáng qua tâm trí chú bé "*như làn mây lướt ngang trên ngọn núi*". Lần thứ hai, Thanh Tịnh lại sáng tạo nên một so sánh lí thú thể hiện ý nghĩ hồn nhiên ngây thơ của chú bé trên đường tựu trường.

Phần thứ hai của truyện nhắc lại những cảm xúc, ý nghĩ về ngôi trường, về quang cảnh ngày tựu trường và những xúc động của chú bé.

Trường làng Mĩ Lí đã được chú bé ghé lại một lần chỉ cách ngày tựu trường mấy hôm, khi chú đi bẫy chim quyên với thằng Minh. Đối với chú, đó là một nơi xa lạ; các lớp có cửa kính, có bản đồ treo trên tường. Nhà trường "*cao ráo*" và "*sạch sẽ*"... Nhưng buổi tựu trường hôm nay, chú lại thấy khác. Trường Mĩ Lí "*vừa xinh xắn vừa oai nghiêm như cái đình làng Hoà Ấp*". Vì thế chú bé "*đâm ra lo sợ vẩn vơ*". Đó là tâm trạng hồn nhiên, ngây thơ của tuổi thơ trong buổi tựu trường khi đứng trước ngôi trường xa lạ mới mẻ. Trường Mĩ Lí như một ngày hội: "*dầy đặc cả người*", người nào cũng áo quần "*sạch sẽ*", gương mặt cũng "*vui tươi sáng sủa*".

Thanh Tịnh đã ghi lại rất sống, rất chân thực, cảm động những rung động, những biến thái tâm lí của những cậu học trò mới. Họ "*bỡ ngỡ đứng nép bên người thân*", "*chỉ dám nhìn một nửa hay dám đi từng bước nhẹ*". Đây là một so sánh rất hay nói lên tâm lí đáng yêu ấy: "*Họ như con chim con đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ*".

Tiếng trống trường, tiếng trống trường ngày khai giảng, tiếng trống ngày tựu trường ở đâu và bất cứ thời nào cũng gây chấn động, hồi hộp kì lạ. Hồi trống buổi tựu trường của trường Mĩ Lí đã "*thúc vang dội cả lòng*" chú bé. Khi học sinh xếp hàng vào lớp, chú cảm thấy mình "*chơ vơ*". Và tất cả học trò mới đều bắt đầu "*vụng về lúng túng*". Tưởng như "*không đi*" mà bị "*kéo dìu*" tới trước. Co chân rồi duỗi chân "*cứ dềnh dàng mãi*". Toàn thân thì "*run run theo nhịp bước rộn ràng trong các lớp*". Và khi ông đốc gọi tên, khi ông đốc nói..., các em học trò mới vào học lớp Năm "*đã lúng túng càng lúng túng hơn*". Nhiều em "*ôm mặt khóc*", nhiều em "*thút thít*". Riêng chú bé thì có "*bàn tay dịu dàng đẩy tới trước*" nhưng vẫn "*dúi đầu vào lòng mẹ nức nở khóc*". Có bao giờ chú quên được cái bàn tay yêu thương của mẹ nhẹ vuốt lên mái tóc mình. Tuy vậy, chú bé khi xếp hàng vào lớp Năm, được thầy giáo trẻ tuổi tươi cười đứng đón trước cửa lớp, nhưng chú vẫn cảm thấy lẻ loi: "*Trong thời thơ ấu tôi chưa lần nào thấy xa mẹ tôi như lần này*".

Phần thứ ba của truyện nói lên cảm xúc, ý nghĩ của chú bé khi ngồi trong lớp. Chú cảm thấy một mùi hương lạ xông lên trong lớp. Chú nhìn các vật treo trên tường đều "*thấy lạ và hay hay*". Nhìn bàn ghế rồi nhìn bạn, tuy "*chưa hề quen biết*" mà cảm thấy "*quyến luyến tự nhiên...*". Một con chim liệng đến, đứng bên bờ cửa sổ hót rồi bay đi, chú bé đưa mắt "*thèm thuồng*"..., chú nhớ lại kỉ niệm cũ đi bẫy chim bên bờ sông Viêm. Chú lại trở về thực tại, khi nghe tiếng phấn của thầy gạch mạnh trên bảng đen. Chú vòng tay lên bàn. Chú lẩm nhẩm đánh vần. Bài viết tập "*Tôi đi học*" là bài học đầu tiên trong buổi tựu trường thời thơ ấu của chú. Kỉ niệm ấy như một dấu son trong tâm hồn vô cùng tươi sáng.

"*Tôi đi học*" là một trang hồi ức của Thanh Tịnh. Nhân vật "*Tôi*" được thể hiện rất sống, rất đáng yêu. Được mẹ hiền dắt tay đưa đến trường trong ngày tựu trường, nhưng chú vẫn cảm thấy hồi hộp, lo sợ, lẻ loi trước cảnh trường mới, thầy giáo mới, bạn học mới... Chú và bạn bè tuổi thơ đang ngỡ ngàng trước một chân trời mới, rất đẹp và mênh mông bao la.

"*Tôi đi học*" là trang văn đầy chất thơ. Chất thơ của kỉ niệm thời thơ ấu ngày tựu trường. Chất thơ ở giọng văn nhẹ nhàng truyền cảm. Chất thơ ở sự lắng đọng và khơi gợi tâm hồn kí ức thời cắp sách trong mỗi chúng ta. "*Tôi đi học*" là một tiếng lòng man mác, bâng khuâng của một thời để nhớ, một thời để yêu.

30. Tâm trạng hồi hộp, cảm giác bỡ ngỡ của nhân vật "tôi" trong buổi tựu trường qua truyện ngắn "Tôi đi học" của Thanh Tịnh.

Bài làm

"*Tôi đi học*" của Thanh Tịnh là một truyện ngắn xuất sắc đã thể hiện một cách xúc động tâm trạng hồi hộp, cảm giác bỡ ngỡ của nhân vật "*tôi*" - chú bé được mẹ đưa đến trường vào học lớp Năm trong ngày tựu trường.

Đó là "*một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh*", chú bé mặc "*chiếc áo vải dù đen dài*", chú cảm thấy "*trang trọng và đứng đắn*". Lòng chú "*tưng bừng rộn rã*" được mẹ hiền "*âu yếm nắm tay*" dẫn đi trên con đường làng thân thuộc "*dài và*

hẹp". Chú vô cùng xúc động, cảm thấy bỡ ngỡ, cảm thấy lạ, tưởng như con đường làng và mọi cảnh vật xung quanh "*đều thay đổi*". Chú đã nghĩ về sự bỡ ngỡ ấy: "*vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học*".

Chú bâng khuâng tự hào thấy mình đã lớn khôn, không còn lêu lổng đi thả diều, đi ra đồng nô đùa như thằng Sơn, thằng Quý nữa. Chú "*thèm*" cảnh mấy cậu học trò bằng tuổi mình "*áo quần tươm tất, nhí nhảnh gọi tên nhau hay trao sách vở cho nhau xem*". Chỉ cầm hai quyển vở mới, dù "*tay ghì thật chặt*" mà chú vẫn cảm thấy "*nặng*", rồi một quyển vở "*xệch ra và chếch đầu cúi xuống đất*". Nhìn thấy mấy cậu ôm sách vở nhiều lại còn kèm cả bút thước nữa, chú ngây thơ nghĩ: "*chắc chỉ người thạo mới cầm nổi bút thước*". Ý nghĩ, tâm lí ấy của nhân vật "*tôi*" đã thoáng qua trong trí mình một cách nhẹ nhàng "*như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi*".

Khi đứng trước ngôi trường, chú bé càng hồi hộp, bỡ ngỡ. Chú ngạc nhiên trước cảnh đông vui "*dầy đặc cả người*" trước sân trường; ai cũng áo quần "*sạch sẽ*", gương mặt cũng "*vui tươi sáng sủa*". Chú đã từng đi bẫy chim quyên với thằng Minh, và ghé lại trường một lần, đi quanh các lớp, cảm thấy trường "*xa lạ*", "*cao ráo và sạch sẽ hơn các nhà trong làng*". Buổi tựu trường hôm nay, chú cảm thấy trường Mỹ Lí của mình "*vừa xinh xắn oai nghiêm như cái đình làng Hòa Ấp*". Đứng giữa sân trường rộng, chú bé "*đâm ra lo sợ vẩn vơ*". Đó là tâm trạng bồi hồi, bỡ ngỡ rất thực, rất điển hình đối với tuổi thơ trong buổi tựu trường đầu tiên của đời mình.

Chú bé cũng như những học trò mới khác "*bỡ ngỡ đứng nép bên người thân*", chỉ dám "*nhìn một nửa*", chỉ dám "*đi từng bước nhẹ*". Tất cả đều "*như con chim con đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ*"...

Chú cảm thấy lòng mình vô cùng hồi hộp "*thúc vang dội*" bởi một hồi trống trường; cảm thấy mình "*chơ vơ*", "*vụng về lúng túng*". Chân "*không đi*" như bị một sức mạnh "*kéo dìu*" *về phía trước; lúc* "*co*", *lúc* "*duỗi*", *cứ* "*dềnh dàng mãi*". Chú cũng như các cậu học trò mới vì quá hồi hộp mà "*run run theo nhịp bước rộn ràng trong các lớp*".

Lúc nghe ông đốc đọc tên từng người, chú bé xúc động, hồi hộp đến độ quả tim như "*ngừng đập*", "*giật mình lúng túng*", chú "*quên cả mẹ*" đứng sau mình. Nghe ông đốc dặn dò, "*không em nào dám trả lời*"; trước cái nhìn của mọi người, các học trò mới cũng như nhân vật "*tôi*" càng thêm "*lúng túng*". Nhiều học trò mới "*ôm mặt khóc*", chú bé cũng "*dúi đầu vào lòng mẹ nức nở khóc theo*". Mặc dù lúc ấy "*một bàn tay dịu dàng*", "*một bàn tay quen nhẹ*" của mẹ hiền "*vuốt mái tóc*" cho, nhưng chú vẫn cảm thấy cô đơn, lẻ loi hơn bao giờ hết khi xếp hàng đi vào lớp: "*Trong thời thơ ấu, tôi chưa lần nào thấy xa mẹ tôi như lần này*".

Cảm xúc hồi hộp, bâng khuâng dâng lên man mác trong lòng khi chú vào ngồi trong lớp, cảm thấy "*một mùi hương lạ xông lên*". Chú "*thấy lạ và hay hay*" những hình treo trên tường. Chú nhìn bàn ghế rồi lạm nhận đó là "*vật riêng của mình*", nhìn người bạn tí hon ngồi cạnh không cảm thấy xa lạ mà "*quyến luyến tự nhiên*"... Có lúc chú "*đưa mắt thèm thuồng*" một cánh chim... Chú vòng tay lên bàn

lầm nhẩm đánh vần bài viết tập *"Tôi đi học"*. Tiếng phấn của thầy giáo đã đưa chú trở về *"cảnh thật"*...

Thanh Tịnh đã diễn tả những kỉ niệm, những diễn biến tâm trạng hồi hộp, cảm giác bỡ ngỡ của nhân vật *"tôi"* trong buổi tựu trường theo trình tự thời gian - không gian: lúc đầu là buổi sớm mai mẹ dẫn đi trên con đường làng, sau đó là lúc đứng giữa sân trường, một hồi trống vang lên, nghe ông đốc đọc tên và dặn dò, cuối cùng là khi thầy giáo trẻ đưa vào lớp.

Kỉ niệm ấy rất sâu sắc và rất đẹp, vì thế sau này *"hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường."*

Đáp án đề 1

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Trả lời	A	D	B	C	A	B	C	D	C	B	D	D	D	A

Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Trả lời	C	D	C	D	D	A	A	A	C	A	D	D	D	D

ĐỀ 2

*** Trong lòng mẹ (trích "*Những ngày thơ ấu*")**
*** Trường từ vựng.**
*** Bố cục của văn bản.**

1. "Trong lòng mẹ" được trích trong tác phẩm nào của nhà văn Nguyên Hồng?

A. Bỉ vỏ. **B.** Những ngày thơ ấu.

C. Cửa biển. **D.** Núi rừng Yên Thế.

2. "Những ngày thơ ấu" được viết theo thể loại nào?

A. Tiểu thuyết. **B.** Truyện ngắn.

C. Hồi kí. **D.** Tuỳ bút.

3. Theo em, hồi kí cần chân thực hay vẫn được hư cấu (bịa).

A. Phải chân thực. **B.** Được hư cấu (bịa).

4. Nội dung đoạn trích "Trong lòng mẹ" là gì?

A. Kể lại những đau khổ bị giày vò của bé Hồng - đứa bé mồ côi bố, phải xa mẹ, đang ăn chực nằm chờ người.

B. Kể lại âm mưu độc địa, tanh bẩn của bà cô của bé Hồng.

C. Kể lại nỗi chờ mong mẹ về của bé Hồng khi ngày giỗ đầu bố sắp đến.

D. Kể lại nỗi đau khổ bị giày vò và niềm vui sướng, yêu kính của bé Hồng đối với mẹ khi gặp lại mẹ sau gần một năm trời xa cách.

5. Từ ngữ nào nói đúng tâm địa bà cô của bé Hồng?

A. Ghen ghét, nhẫn tâm. **B.** Lắm lời, thích phỉ báng.

C. Hiểm độc và tàn nhẫn. **D.** Xấu xa đê tiện.

6. Thẩm đọc các câu văn sau:

"Tưởng đến vẻ mặt rầu rầu và sự hiền từ của mẹ tôi, và nghĩ đến cảnh thiếu thốn một tình thương ấp ủ từng phen làm tôi rớt nước mắt, tôi toan trả lời có.

... Nhưng đời nào tình thương yêu và lòng kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến...

... Nước mắt tuôn ròng ròng rớt xuống hai bên mép rồi chan hoà đầm đìa ở cằm và ở cổ".

- Tình cảm của bé Hồng đối với mẹ như thế nào được diễn tả trong các câu văn trên?

A. Rất thương mẹ. **B.** Rất cảm thông với mẹ.

C. Vô cùng tủi nhục, đau đớn. **D.** Tất cả A, B, C.

7. Những từ in đậm trong hai câu văn sau thuộc từ loại nào?

*"Mẹ tôi vừa **kéo** tay tôi, vừa **xoa** đầu tôi **hỏi**, thì tôi oà lên **khóc** rồi cứ thế **nức nở**. Mẹ tôi cũng **sụt sùi** theo".*

A. Danh từ **B.** Động từ **C.** Tính từ **D.** Trạng từ

8. Câu văn dưới đây, các từ in đậm là thuộc từ loại gì?

*"Gương mặt mẹ tôi vẫn **tươi sáng** với đôi mắt **trong** và nước da **mịn** làm nổi bật màu **hồng** của hai gò má".*

A. Danh từ **B.** Động từ **C.** Tính từ **D.** Trạng từ

9. Các từ ngữ in đậm trong câu văn trên có tác dụng gì?

A. Miêu tả vẻ đẹp của người mẹ trẻ.

B. Biểu lộ niềm ngạc nhiên sung sướng, tự hào của đứa con đối với mẹ hiền.

C. Có cả A và B.

10. Có phải đoạn văn sau đây diễn tả niềm sung sướng và hạnh phúc tột đột của đứa con sau gần một năm trời xa cách đã được gặp lại mẹ, được ôm ấp yêu thương?

"Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt".

A. Đúng **B.** Chưa đúng.

11. Đọc diễn cảm đoạn văn sau:

"Phải bé lại và lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng".

Chọn đáp án đúng:

A. Không thể thiếu tình thương của người mẹ.

B. Người mẹ là người yêu thương con nhất.

C. Người mẹ đôn hậu và giàu đức hi sinh.

D. Tình thương và sự ôm ấp của người mẹ là nguồn hạnh phúc vô tận của đứa con.

12. Thế nào là trường từ vựng?

A. Là tập hợp các từ có nét chung về nghĩa, và có mối tương quan gần gũi với nhau

B. Là những từ cùng nghĩa với nhau

C. Là những từ gần nghĩa với nhau

D. Là những từ có thể thay thế nhau trong câu.

13. Đọc bài thơ sau, và cho biết các từ in đậm cần xếp đúng vào trường từ vựng nào?

Rắn đầu biếng học

Lê Quý Đôn

Chẳng phải ***liu điu*** *cũng giống nhà,*
Rắn đầu biếng học chẳng ai tha
Thẹn đèn ***hổ lửa*** *đau lòng mẹ,*
Nay thét ***mai gầm*** *rát cổ cha*
Ráo mép chỉ quen tuồng nói dối,
Lằn lưng cam chịu tiếng roi tra.
Từ nay ***Trâu*** *Lỗ chăm nghề học,*
Kẻo ***hổ mang*** *danh tiếng thế gia.*

A. Động vật | **B.** Loài bò sát

C. Loài rắn | **D.** Loài thú dữ

14. Các từ ngữ in đậm trong câu văn sau có đúng cùng một trường từ vựng hay không?

"***Gương mặt*** *mẹ tôi vẫn tươi sáng với* ***đôi mắt*** *trong và* ***nước da*** *mịn, làm nổi bật màu hồng của* ***hai gò má***".

(Trong lòng mẹ)

A. Đúng | **B.** Sai

15. Bố cục là gì?

Bố cục văn bản là cách sắp xếp và trình bày các ý, các phần một cách hợp lí để tạo nên tính hoàn chỉnh của tác phẩm.

A. Đúng | **B.** Chưa đúng.

16. Bố cục văn bản 3 phần là những phần nào?

- Mở bài
- Thân bài
- Kết bài

A. Đúng | **B.** Sai

17. Bố cục 4 phần trong một bài thơ tứ tuyệt Đường luật gồm có những phần nào?

- Khai (câu 1)
- Thừa (câu 2)
- Chuyển (câu 3)
- Hợp (câu 4)

A. Sai | **B.** Đúng

18. Có phải 4 phần: đề, thừa, luận, kết là bốn phần trong bài thơ bát cú Đường luật?

A. Đúng **B.** Sai.

19. ***Phân tích nhân vật bé Hồng qua chương 4 "Trong lòng mẹ" (trích "Những ngày thơ ấu" của Nguyễn Hồng).***

Bài làm

"*Người mẹ có một êm dịu vô cùng...*". Người mẹ đã trở về đúng ngày giỗ để làm trọn đạo lí và tự khẳng định tư cách người vợ, người mẹ trong gia đình. Mẹ đem về cho hai con nhiều quà. Tan học, trên đường về nhà, bé Hồng gặp lại mẹ sau một năm dài xa cách. Em gọi rối rít: "*Mợ ơi ! Mợ ơi ! Mợ ơi !*". Cảnh hai mẹ con gặp lại nhau mừng mừng, tủi tủi. Mẹ cầm nón vẫy... mẹ kéo tay con, xoa đầu con, hỏi... Con "*òa lên khóc nức nở*", mẹ cũng sụt sùi theo... Con sung sướng ngắm nhìn gương mặt thương yêu của mẹ, tự hào vì mẹ "*vẫn tươi sáng*", "*đôi mắt trong*", "*nước da mịn*", gò má "*màu hồng*". Bé Hồng được sống trong những giây phút hạnh phúc nhất. Em được "*trông nhìn và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình*". Em sung sướng "*đầu ngả vào cánh tay mẹ*". Bao "*cảm giác ấm áp*" đã mất đi, nay lại "*mơn man khắp da thịt*". Miệng mẹ "*xinh xắn nhai trầu*" phả ra "*thơm tho lạ thường*". Bé Hồng vô cùng hãnh diện về mẹ. Cổ ngữ có câu: "*Mẫu tử tình thâm*". Tục ngữ có nói: "*Đứa con là hạt máu cắt đôi của mẹ*". Tình mẹ con là vô cùng thiết tha, sâu nặng. Phút giây gặp lại mẹ, bé Hồng nói là những phút "*rạo rực*". Và em khẳng định ngợi ca: "*Phải bé lại và lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng*".

Tiêu chí để bình giá hồi kí là sự chân thực. Mọi sự đẽo gọt, tô màu sẽ làm cho hồi kí trở thành vô nghĩa. Chương "*Trong lòng mẹ*" rất chân thực và cảm động. Đó là giá trị văn chương đích thực. Lòng con thương nhớ, yêu kính mẹ, sung sướng và tự hào khi gặp lại mẹ, giọt nước mắt, cảm giác êm dịu khi được sống bên mẹ hiền... đó là tình mẫu tử, lòng hiếu thảo. Những tình cảm sâu sắc ấy làm nên vẻ đẹp văn chương trong hồi kí của Nguyễn Hồng, 60 năm về trước...

Đáp án đề 2

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Trả lời	B	C	A	D	C	D	B	C	C	A	D	A	B	A	A	A	B	A

ĐỀ 3 + 4

*** Tức nước vỡ bờ (trích "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố)**
*** Xây dựng đoạn văn trong văn bản**

1. Tác phẩm "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố được sáng tác bằng thể loại nào?

A. Bút kí **B.** Tiểu thuyết **C.** Truyện ngắn **D.** Phóng sự

2. Đoạn "Tức nước vỡ bờ" trích trong "Tắt đèn" được thể hiện bằng phương thức biểu đạt nào?

A. Biểu cảm **B.** Miêu tả **C.** Tự sự **D.** Thuyết minh

3. Trích đoạn "Tức nước vỡ bờ" có mấy nhân vật là những nhân vật nào?

A. Hai nhân vật (chị Dậu và tên cai lệ).

B. Ba nhân vật (chị Dậu, tên cai lệ, tên hầu cận lí trưởng).

C. Bốn nhân vật (chị Dậu, chồng chị Dậu, tên cai lệ, tên hầu cận lí trưởng).

4. "Tức nước vỡ bờ" kể lại hai sự việc đã diễn ra tại nhà chị Dậu: Cai lệ đến đốc sưu, thét trói anh Dậu khi anh đang ốm; để bảo vệ chồng và dạy cho bọn cường hào một bài học, chị Dậu đã đánh ngã tên cai lệ và tên hầu cận lí trưởng.

A. Đúng **B.** Sai

5. Đọc lại các chi tiết, các sự việc sau:

Gõ đầu roi xuống đất, cai lệ thét bằng giọng khàn khàn của người hút nhiều xái cũ: "Thằng kia ! Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à? Nộp tiền sưu ! Mau !".

Cai lệ không để cho chị được nói hết câu, trợn ngược hai mắt, hắn quát: "Mày định nói cho cha mày nghe đấy à? Sưu của nhà nước mà dám mở mồm xin khất !".

Cai lệ vẫn giọng hầm hè: "Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi, chửi mắng thôi à!".

"Tha này ! Tha này !" - Vừa nói hắn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu.

Cai lệ tát vào mặt chị một cái đánh bốp, rồi hắn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu

Hắn ngã chổng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu.

Em hãy cho biết tác giả đã lột tả bản chất xấu xa của tên cai lệ bằng những yếu tố nào?

A. Ngôn ngữ (tiếng thét, tiếng chửi).

B. Điệu bộ, cử chỉ.

C. Hành động (bịch vào ngực chị Dậu mấy bịch, tát một cái đánh bốp vào mặt chị Dậu).

D. Có tất cả A, B, C.

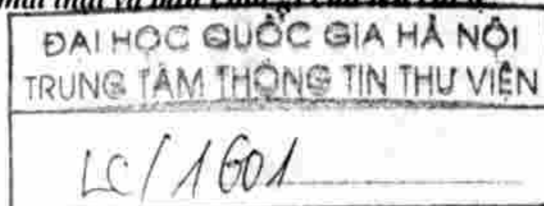
6. Qua các chi tiết, sự việc ấy, tác giả đã vạch trần bộ mặt thật và bản chất gì của tên cai lệ?

A. Cực kì hống hách, điên cuồng.

B. Vô cùng thô lỗ, cục cằn.

C. Bất nhân, độc ác, tàn nhẫn.

D. Gồm tất cả A, B, C.



7. Tâm lí, tính cách chị Dậu được miêu tả trong quá trình phát triển của sự việc: lúc đầu thì nhún nhường, nhẫn nhục van xin, cố nén giận, về sau thì liều mạng cự lại, rồi ra tay đánh ngã nhào lũ đầu trâu mặt ngựa, dạy cho chúng một bài học nhớ đời.

A. Chưa đúng **B.** Đúng

8. Đọc đoạn văn sau:

"Chị Dậu nghiến hai hàm răng: "Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem !"

Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiệ chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chồng quèo trê mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu.

Người nhà lí trưởng sấn sổ bước đến giơ gậy chực đánh chị Dậu. Nhanh nh cắt, chị Dậu nắm được ngay gậy của hắn. Hai người giằng co nhau, du đẩy nhau rồi ai nấy đều buông gậy ra, áp vào vật nhau. Hai đứa trẻ con kêu khóc om sòn Kết cục, anh chàng "hầu cận ông lí" yếu hơn chị chàng con mọn, hắn bị chị nà túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm".

- Hãy cho biết Ngô Tất Tố đã sử dụng phương thức biểu đạt nào để ghi lại cảnh chị Dậu trừng trị tên cai lệ và tên "hầu cận ông lí"?

A. Biểu cảm **B.** Tự sự.

C. Miêu tả **D.** Tự sự và miêu tả.

9. "Tức nước vỡ bờ" đã làm hiện lên chị Dậu là một con người như thế nào?

A. Nhẫn nhục, đau khổ.

B. Giàu tình thương yêu chồng con.

C. Căm thù bọn tay sai của thực dân phong kiến.

D. Có tinh thần dũng cảm, phản kháng quyết liệt bọn tay sai đầu trâu mặt ngựa

E. Gồm tất cả B, C, D.

10. Đoạn trích "Tức nước vỡ bờ" rất đặc sắc về mặt nghệ thuật: khắc hoạ nhân vật sắc nét, lối kể chuyện giàu kịch tính, hồi hộp, ngôn ngữ bình dị, hóm hỉnh.

A. Không đúng **B.** Đúng

11. Chọn đáp án đúng qua các nhận định sau về giá trị nội dung tư tưởng đoạn trích "Tức nước vỡ bờ".

A. Phản ánh nỗi thống khổ của người nông dân vì sưu thuế dã man của chế độ thực dân phong kiến.

B. Vạch trần bộ mặt độc ác, vô nhân đạo của bọn tay sai - công cụ của chính quyền thực dân phong kiến.

C. Ca ngợi những phẩm chất cao đẹp của người nông dân trong cuộc sống, trong cuộc đấu tranh chống áp bức bóc lột.

D. Gồm tất cả A, B, C.

12. Nhà văn Vũ Ngọc Phan có viết: "Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo". Ý kiến của em như thế nào?

A. Tán thành **B.** Không đồng ý

13. Những từ in đậm trong hai lời nói sau đây của chị Dậu là từ loại gì?

- *"Chồng **tôi** đau ốm, **ông** không được phép hành hạ !"*

- *"**Mày** trói ngay chồng **bà** đi, **bà** cho mày xem !".*

A. Danh từ **B.** Đại từ xưng hô

C. Tính từ **D.** Động từ.

14. Đoạn văn là gì? Ý kiến em như thế nào về định nghĩa đoạn văn sau đây?

Một văn bản gồm có nhiều đoạn văn hợp thành. Vậy, đoạn văn là một phần của văn bản. Đoạn văn có thể chỉ có một câu văn, cũng có thể do một số câu văn tạo thành. Đoạn văn biểu đạt một ý tương đối trọn vẹn của văn bản. Về hình thức, chữ đầu đầu đoạn văn phải viết hoa, lùi vào độ một ô (khoảng 1cm) tính từ lề. Kết thúc đoạn văn bằng dấu chấm xuống dòng.

A. Sai **B.** Đúng

15. Câu chủ đề của đoạn văn là câu thế nào? Chọn ý đúng:

A. Câu chủ đề đoạn văn là câu nêu lên ý chính của đoạn.

B. Câu chủ đề đoạn văn là câu chốt của đoạn văn.

C. Câu chủ đề đoạn văn là câu mang ý nghĩa khái quát của đoạn văn.

D. Câu chủ đề là câu mang nội dung khái quát của đoạn văn; lời lẽ ngắn gọn, thường đủ hai thành phần chính C-V; nó có thể đứng đầu đoạn văn (đoạn diễn dịch), cũng có thể đứng cuối đoạn văn (đoạn quy nạp).

16. Có mấy cách trình bày đoạn văn? - Có nhiều cách trình bày đoạn văn. Có 4 cách thường dùng như sau: 1 đoạn diễn dịch, 2 đoạn quy nạp, 3 đoạn song hành, 4 đoạn móc xích.

A. Đúng **B.** Sai.

17. Đoạn văn này là đoạn văn được trình bày theo cách dựng đoạn nào?

"***Đảng ta vĩ đại thật***. *Trong lịch sử ta có ghi chuyện anh hùng dân tộc là Thánh Gióng đã dùng gốc tre đánh đuổi giặc ngoại xâm. Trong những ngày đầu kháng chiến, Đảng ta đã lãnh đạo hàng nghìn hàng vạn anh hùng noi gương Thánh Gióng dùng gậy tầm vông đánh thực dân Pháp*".

Hồ Chí Minh

A. Đoạn quy nạp **B.** Đoạn diễn dịch

C. Đoạn song hành **D.** Đoạn móc xích

18. Trong đoạn văn trên, câu in đậm có phải là câu chủ đề không?

A. Đúng **B.** Sai

19. Đoạn văn này có 4 câu. Câu nào là câu chủ đề?

"① *Dân không đủ muối, Đảng phải lo.* ②*Dân không có gạo ăn đủ no, dân không có vải mặc đủ ấm, Đảng phải lo.* ③*Các cháu bé không có trường học, Đảng phải lo.* ④*Tất cả mọi việc, Đảng phải lo*".

A. Câu số 1 **B.** Câu số 2 **C.** Câu số 3 **D.** Câu số 4

20. Đoạn văn trên được dựng theo cách nào?

A. Quy nạp **B.** Diễn dịch **C.** Song hành **D.** Móc xích

21. Đoạn văn song hành không có câu chủ đề - Nói thế đúng hay sai?

A. Sai **B.** Đúng

22. Đoạn văn sau đây được dựng đoạn theo cách gì?

"*Đi giữa Hạ Long vào mùa sương, ta cảm thấy những hòn đảo vừa xa lạ, vừa quen thuộc, mờ mờ, ảo ảo. Chung quanh ta, sương buông trắng xoá. Con thuyền bơi trong sương như bơi trong mây. Tiếng sóng vỗ long bong trên mạn thuyền.*

Tiếng gõ thuyền lộc cộc của bạn chài săn cá, âm vang mặt vịnh. Thỉnh thoảng nảy con hải âu đột ngột hiện ra trong màn sương".

Thi Sảnh

A. Đoạn diễn dịch | B. Đoạn quy nạp

C. Đoạn song hành | D. Đoạn móc xích

23. Phân tích nhân vật chị Dậu qua cảnh "Tức nước vỡ bờ" trích trong tác phẩm "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố.

Bài làm

Chị Dậu là một phụ nữ nông dân cứng cỏi, dám đấu tranh chống áp bức, lúc nào chị cũng cố "*bươn ra, vùng vẫy*" để thoát khỏi tai họa. Chị rất nhẫn nhục trong xưng hô với bọn cường hào. Chị tự xưng là: "*cháu*", "*nhà cháu*". Gọi bọn cai lệ là "*ông*", "*cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc ông ha cho !*" Khi bị "*tát đánh bốp*", bị "*bịch*" vào ngực, khi tên cai lệ "*giật phắt cái dây thừng*" trong tay tên hầu cận lí trưởng, "*chạy sầm sập*" đến trói anh Dậu, khi anh còn "*ốm rề rề*", thái độ chị Dậu trở nên quyết liệt. Chị Dậu "*xám mặt*", "*nghiến hai hàm răng*" cự lại: "*Chồng tôi đau ốm, không được phép hành hạ*". Lũ thú dữ lồng lên, chị căm giận thách thức: "*Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem !*". "*Cháu*" đã trở thành "*bà*", "*ông*" đã biến thành "*mày*"! Uy thế bọn cường hào bị hạ bệ! Tay thước, roi song, dây thừng của lũ đầu trâu mặt ngựa trở nên vô nghĩa đối với chị. Chị Dậu đã dũng cảm đánh ngã nhào tên cai lệ và tên hầu cận lí trưởng. Chị đã dạy cho bọn chúng một bài học đích đáng! Chị Dậu đã phủ nhận tất cả. Hình ảnh chị Dậu sừng sững hiên ngang: "*Thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được...*".

Có người cho rằng hành động chị Dậu đánh lại bọn cai lệ là hành động phản kháng mang tính tự phát. Nhà văn Nguyễn Tuân đã bình luận thật hay: "*Trên cái tối giời tối đất của đồng lúa ngày xưa, hiện lên một cái chân dung lạc quan của chị Dậu*". Chương "*Tức nước vỡ bờ*" thật hay. Giọng văn của Ngô Tất Tố tràn đầy niềm vui hả hê! Thái độ yêu ghét của Ngô Tất Tố rất rõ ràng. Ông lên án chính sách sưu thuế dã man, ông khinh bỉ bọn quan lại thì dâm ô, bọn cường hào thì tham lam bê tha, độc ác. Ông đã dành cho vợ chồng chị Dậu và đàn con thơ, nhất là cái Tí bao tình thương và lòng trắc ẩn.

Chị Dậu, chồng con chị cũng như hàng triệu nông dân là nạn nhân của chế độ thực dân nửa phong kiến. Sưu thuế dã man, ách áp bức của bọn cường hào địa chủ đã tước đoạt quyền sống làm người của họ. Nhân vật chị Dậu là hiện thân cho bao phẩm chất tốt đẹp của người nữ nông dân như đảm đang, phúc hậu, giàu tình thương chồng, thương con, dũng cảm chống áp bức.

Bức chân dung chị Dậu đã tô đậm giá trị hiện thực và tinh thần nhân đạo của tiểu thuyết "*Tắt đèn*". Ta càng cảm thấy: "*Bản chất của nhân vật chị Dậu rất khỏe cứ thấy lăn xả vào bóng tối mà phá ra*", như Nguyễn Tuân đã nhận xét.

24. Bình luận về tiểu thuyết "Tắt đèn", nhà văn Vũ Ngọc Phan có viết:

"Có đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo".

Em hãy phân tích và chứng minh cái "*tuyệt khéo*" đó qua cảnh "*Tức nước vỡ bờ*".

Bài làm

"*Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo*", đó là lời bình luận của nhà văn Vũ Ngọc Phan về tiểu thuyết "*Tắt đèn*" của Ngô Tất Tố.

"*Tắt đèn*" có nhiều điểm rất hay, rất khéo; có nhiều trang làm xúc động lòng người. Trong đó có cảnh "*Tức nước vỡ bờ*", một trang văn "*tuyệt khéo*", giàu kịch tính như một màn bi hài kịch. Có tiếng khóc, tiếng rên. Có tiếng chửi, có tiếng van xin, có lời thách thức. Có cảnh đánh nhau giữa người đàn bà lực điền với tên cai lệ.

Anh Dậu vừa mới "*tỉnh*" được một lát thì tên cai lệ, tên hầu cận lí trưởng với roi song, tay thước, dây thừng "*sầm sập*" kéo tới. Lũ sai nha sát khí đằng đằng. Chỉ một tiếng thét "*thằng kia!*" thế mà tên cai lệ đã làm cho anh Dậu vừa kề miệng vào bát cháo đã "*lăn đùng ra*" chết ngất! Hắn chửi chị Dậu thậm tệ, khi chị thiết tha xin khất sưu. Hắn "*trợn ngược hai mắt*" quát: "*Mày định nói cho cha mày nghe đấy à? Sưu của nhà nước mà dám mở mồm xin khất!*". Hắn chạy "*sầm sập*" đến chỗ anh Dậu để trói kẻ thiếu sưu. Hắn dã man "*bịch*" vào ngực chị Dậu, "*tát đánh bốp*" vào mặt chị Dậu. Hắn lồng lên như một con thú dữ. Ngôn ngữ, điệu bộ, hành động của tên cai lệ được đặc tả "tuyệt khéo" đã vạch trần bộ mặt ghê tởm của một tên sai nha mất hết cả tính người.

Còn có gì "*tuyệt khéo*" nữa? Cảnh đánh nhau giữa chị Dậu và tên cai lệ diễn ra dữ dội, và hết sức bất ngờ. Người đàn bà con mọn chỉ có hai bàn tay không. Trong lúc đó, tên cai lệ, tên hầu cận lí trưởng nào roi song, nào dây thừng tay thước. Bị "*bịch*" vào ngực, bị "*tát đánh bốp*" vào mặt, người chồng ốm đau sắp bị trói, chị Dậu đã phản ứng lại dữ dội. Sau cái "*nghiến hai hàm răng*" thách thức, chị Dậu đã "*túm lấy cổ*" và "*ấn dúi*" tên cai lệ, làm cho hắn "*ngã chổng quèo*" trên mặt đất. Thật hài hước, kẻ "*hút nhiều xái cũ*" tuy đã bị đánh ngã nhào, nhưng miệng hắn "*vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu*". Sau đó, chị Dậu còn "*vật nhau*" với tên hầu cận lí trưởng. Chị đã "*túm tóc*" và "*lẳng cho một cái*", làm cho hắn "*ngã nhào ra thềm*". Người đọc vô cùng hả hê trước sức mạnh phản kháng của chị Dậu. Người đàn bà con mọn đã hạ nhục, đã đánh ngã nhào bọn đầu trâu mặt ngựa, tay chân lũ cường hào gian ác, tanh hôi.

Cảnh "*Tức nước vỡ bờ*" còn có gì "*tuyệt khéo*" nữa? Những lời đối thoại thật khéo. Ngòi bút của Ngô Tất Tố "*tuyệt khéo*" khi nói về cách đối đáp, ứng xử, tinh thần, thái độ, hành động của chị Dậu. Lúc đầu chị nín nhịn nhẫn nhục van xin: "*Nhà cháu đã túng lại phải... Hai ông làm phúc nói với ông lí cho cháu khất...*"; "*Khốn nạn ! Nhà cháu đã không có, dẫu ông chửi mắng cũng đến thế thôi. Xin ông trông lại !*"...; "*Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho !*"...

Sau đó, chị Dậu đã hoàn toàn thay đổi. Chị trở nên táo bạo và quyết liệt. Chồng sắp bị trói, chị bị tên cai lệ chửi và "*bịch*" vào ngực mấy cái. Chị cự lại: "*Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ !*". Cai lệ "*tát đánh bốp*" vào mặt chị Dậu. Như lửa đổ thêm dầu, chị đã "*nghiến hai hàm răng*" thách thức: "*Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem !*". Và chị đã đánh ngã nhào hai tên chó má! Dưới ngòi bút "*tuyệt khéo*" của ông Đầu xứ Tố, ta thấy "*Trên cái tối giời tối đất của đồng lúa ngày xưa, hiện lên một cái chân dung lạc quan của chị Dậu*" (Nguyễn Tuân).

Thật vậy, Ngô Tất Tố viết "*tuyệt khéo*". Sự việc ở nông thôn ngày xưa rất thực, rất sống. Trang văn thấm đầy tình nhân đạo. Ông đã chỉ ra cái hiện tượng "*Con giun xéo mãi cũng quằn*". Ông đã nêu lên một quy luật hiển nhiên: "*Có áp bức có đấu tranh*". Chị Dậu là một người vợ, người mẹ đảm đang, giàu tình thương và rất cứng cỏi. Cái "*tuyệt khéo*" của Ngô Tất Tố là đã dựng nên bức chân dung chị Dậu.

Đáp án đề 3 + 4

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Trả lời	B	C	C	A	D	D	B	D	E	B	D

Câu	12	13	14	15	16	17	18	18	20	21	22
Trả lời	A	B	B	D	A	B	A	D	A	B	C

ĐỀ 5 + 6

*** Lão Hạc.**
*** Từ tượng hình, từ tượng thanh.**
*** Liên kết các đoạn văn trong văn bản.**

1. Nam Cao chỉ để lại một cuốn tiểu thuyết duy nhất, đó là cuốn "Sống mòn". Ý kiến ấy đúng hay sai?

A. Đúng **B.** Sai

2. Tác phẩm "Lão Hạc" được Nam Cao sáng tác theo thể loại nào?

A. Tiểu thuyết **B.** Bút kí **C.** Truyện ngắn **D.** Hồi kí

3. Nam Cao để lại gần 100 truyện ngắn. Có phải truyện "Chí Phèo" là một kiệt tác văn chương?

A. Sai **B.** Đúng

4. Truyện "Lão Hạc" có khá đông nhân vật. Theo em, những nhân vật nào là nhân vật chính của truyện?

A. Lão Hạc, anh con trai, vợ chồng ông giáo, Binh Tư, thằng Xiên, thằng Mực.

B. Lão Hạc, anh con trai, ông giáo, Binh Tư

C. Lão Hạc, cậu Vàng, ông giáo, Binh Tư.

D. Lão Hạc, ông giáo, cậu Vàng.

5. Thời gian đầu, lão Hạc đau khổ, dằn vặt vì những nguyên cớ nào?

A. Vợ chết.

B. Nhà nghèo.

C. Anh con trai đi phu đồn điền cao su, đi biệt mãi...

D. Tuổi già cô đơn ốm đau.

E. Gồm tất cả A, B, C, D.

6. Có một thời gian, lão Hạc đã có những nhân vật nào làm chỗ dựa tinh thần?

A. Binh Tư.
B. Ông giáo.
C. Cậu Vàng.
D. Ông giáo và cậu Vàng

7. Phương thức biểu đạt chủ yếu trong đoạn văn sau là phương thức nào?

"... Tháng mười năm ấy, con kia đi lấy chồng, nó lấy con trai một ông phó lí, nhà có của. Thằng con lão sinh phẫn chí. Ngay mấy hôm sau, nó ra tỉnh đến sở mộ phu, đưa thẻ kí giấy xin đi làm đồn điền cao su..."

Lão rân rân nước mắt bảo tôi:

- Trước khi đi, nó còn cho tôi ba đồng bạc, ông giáo ạ. Chả biết nó gửi thẻ xong, vay trước được mấy đồng, mà đưa về cho tôi ba đồng. Nó đưa cho tôi ba đồng và bảo: *"Con biếu thầy ba đồng để thỉnh thoảng thầy ăn quà; xưa nay con ở nhà mãi cũng chẳng nuôi thầy được bữa nào, thì con đi cũng chẳng phải lo; thầy bòn vườn đất với làm thuê làm mướn thêm cho người ta thế nào cũng đủ ăn; con đi chuyến này cố chí làm ăn, bao giờ có bạc trăm mới về; không có tiền, sống khổ sống sở ở cái làng này, nhục lắm"*. Tôi chỉ còn biết khóc chứ còn biết làm sao được nữa? Thẻ của nó, người ta giữ. Hình của nó, người ta chụp rồi. Nó lại đã lấy tiền của người ta. Nó là người của người ta rồi, chứ đâu có còn là con tôi?..."

A. Thuyết minh.
B. Miêu tả.
C. Tự sự.
D. Biểu cảm.

8. Có phải đoạn văn sau đây thể hiện sự chăm chút yêu thương của lão Hạc đối với cậu Vàng như đối với một đứa con đứa cháu thơ bé?

"Lão gọi nó là cậu Vàng như một bà hiếm hoi gọi đứa con cầu tự. Thỉnh thoảng không có việc gì làm, lão lại bắt rận cho nó hay đem nó ra ao tắm. Lão cho nó ăn cơm trong một cái bát như một nhà giàu. Lão ăn gì cũng chia cho nó cùng ăn. Những buổi tối, khi lão nống rượu, thì nó ngồi ở dưới chân. Lão cứ nhắm vài miếng lại gắp cho nó một miếng như người ta gắp thức ăn cho con trẻ...".

A. Đúng.
B. Không đúng.

9. Đọc những câu sau, và cho biết đó là những kiểu câu gì?

"À không ! À không ! Không giết cậu Vàng đâu nhỉ !... Cậu Vàng của ông ngoan lắm ! Ông không cho giết... Ông để cậu Vàng ông nuôi...".

A. Câu cầu khiến.
B. Câu cảm thán.
C. Câu nghi vấn.
D. Câu trần thuật.

10. Về già, lão Hạc còn gặp phải những khó khăn tai hoạ nào nữa?

A. Một trận ốm kéo dài đúng hai tháng mười tám ngày.

B. Trận bão phá sạch sành sanh hoa màu trong vườn.

C. Gạo cứ kém mãi đi: lão Hạc và cậu Vàng ăn mỗi ngày hết ba hào gạo thế mà vẫn đói deo đói dắt.

D. Tuổi già sức yếu không ai thuê làm nữa.

E. Gồm tất cả A, B, C, D.

11. Đây là hình ảnh lão Hạc sau khi bán cậu Vàng:

"Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...".

- Cho biết phương thức biểu đạt chủ yếu qua đoạn văn trên?

A. Tự sự. **B.** Miêu tả.

C. Biểu cảm. **D.** Thuyết minh.

12. Đọc thầm câu văn này và cho biết ý nghĩa của nó?

"Ông giáo nói phải! Kiếp con chó là kiếp khổ thì ta hoá kiếp cho nó để nó làm kiếp người, may ra có sung sướng hơn một chút... kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn !...".

A. Lão Hạc ân hận, xót thương cậu Vàng.

B. Lão Hạc tự thương mình.

C. Lão Hạc chua chát nghĩ về kiếp người đói khổ, đau khổ.

D. Gồm tất cả A, B, C.

13. Sau khi gửi ông giáo "giữ hộ" ba sào vườn, gửi ông giáo ba mươi đồng bạc để phòng chết "gọi là của lão có tí chút", lão Hạc đã sống rất cực khổ:

"...Lão chỉ ăn khoai. Rồi thì khoai cũng hết. Bắt đầu từ đấy, lão chế tạo được món gì, ăn món ấy. Hôm thì lão ăn củ chuối, hôm thì lão ăn sung luộc, hôm thì ăn rau má, với thỉnh thoảng một vài củ ráy hay bữa trai, bữa ốc".

Cho biết, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào để gây ám ảnh?

A. Liệt kê. **B.** Điệp ngữ.

C. So sánh. **D.** Ẩn dụ.

14. Sự xuất hiện của nhân vật Binh Tư có tác dụng nêu bật đức tính gì của Lão Hạc?

A. *"Lão chỉ tâm ngẩm thế, nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu"* - Lời của Binh Tư.

B. Lão Hạc sống thật thà, lương thiện.

C. Lão Hạc rất hiền lành.

D. Lão Hạc giàu lòng tự trọng.

15. Có người nói: "Cái chết của lão Hạc là một cái chết đau đớn và vô cùng thương tâm !". Ý em thế nào?

A. Không đúng. **B.** Đúng.

16. Đoạn văn sau đây được tác giả sử dụng phương thức biểu đạt chủ yếu nào?

"Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên. Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết".

A. Tự sự. **B.** Biểu cảm.

C. Miêu tả. **D.** Thuyết minh.

17. Đọc đoạn văn sau, rồi chọn đáp án đúng:

"Nhưng nói ra làm gì nữa! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về,

tôi sẽ trao lại cho hắn và bảo hắn: "Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn; cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào"...".

A. Tình thương xót của ông giáo đối với lão Hạc.

B. Nhân cách trong sạch cao đẹp của ông giáo.

C. Ca ngợi tình thương con và đức hi sinh cao quý của lão Hạc.

D. Gồm tất cả A, B, C.

18. Nhân vật lão Hạc, một lão nông nghèo khổ, cô đơn, già nua, ốm đau, nhưng có bao phẩm chất tốt đẹp. Đó là những phẩm chất gì?

A. Cần cù, hiền lành, chất phác. **B.** Giàu tình thương con.

C. Nghèo mà trong sạch, tự trọng. **D.** Thương yêu loài vật.

E. Gồm tất cả A, B, C, D.

19. Ý nào nói lên đúng nhất nội dung và ý nghĩa truyện "Lão Hạc".

A. Số phận đau thương của người nông dân trước Cách mạng.

B. Phẩm chất tốt đẹp của người nông dân.

C. Cái đói và miếng ăn giày vò kiếp người đói khổ.

D. Có tất cả A, B, C.

20. Các ví dụ sau đây, những từ in đậm có phải là những từ tượng hình?

*"Dốc lên **khúc khuỷu**, dốc **thăm thẳm**,*
***Heo hút** cồn mây, súng ngửi trời".*

("Tây Tiến" - Quang Dũng)

*"Thân **gầy guộc**, lá **mong manh**,*
Mà sao nên luỹ, nên thành tre ơi!".

("Tre Việt Nam" - Nguyễn Duy)

*"Những luồng **run rẩy rung rinh** lá,*
*Đôi nhánh khô gầy xương **mỏng manh**".*

("Đây mùa thu tới" - Xuân Diệu)

A. Đúng. **B.** Sai.

21. Cho biết các từ in đậm trong các câu thơ sau là từ tượng thanh hay tượng hình?

*"Quyên đã gọi hè **quang quác quác**,*
*Gà từng gáy sáng **tẻ tè te**".*

("Chim chích choè" - Nguyễn Khuyến)

*"**Sột soạt** gió trêu tà áo biếc,*
Trên giàn thiên lí. Bóng xuân sang".

("Mùa xuân chín" - Hàn Mặc Tử)

*"Trong hoa oanh **ríu rít** nhau,*
*Nước tuôn **róc rách** chảy mau xuống ghềnh".*

("Tì bà hành" - Bạch Cư Dị)

A. Từ tượng hình. **B.** Từ tượng thanh.

22. Có mấy cách liên kết đoạn văn? *- Có hai cách liên kết đoạn văn.* ***Một là,*** *dùng từ ngữ để liên kết đoạn văn.* ***Hai là,*** *dùng câu nối để liên kết đoạn văn.*

A. Đúng. **B.** Sai.

23. Đọc đoạn văn sau, và cho biết những từ ngữ nào đã được sử dụng để liên kết đoạn văn?

"Làng Trường Lưu thuộc huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Trường Lưu cách Đồng Lộc độ 9km.

Là quê hương Thám hoa Nguyễn Huy Oánh (1713 - 1789). Ông là Thượng thư bộ Công, từng làm Tế tửu Quốc Tử Giám, là thầy học của chúa Trịnh Sâm và vua Lê Dục Tông.

Sau khi về hưu*, ông mở trường dạy học, đào tạo được hàng trăm tú tài, cử nhân, 30 tiến sĩ, trong số đó có Phạm Nguyễn Du, Phạm Quý Thích,... Thạc Đình học hiệu là trung tâm giáo dục lớn do Nguyễn Huy Oánh sáng lập ra, tiếng thơm lan truyền bốn cõi".*

- Chỗ in đậm có đúng là từ ngữ để liên kết đoạn văn không?

A. Sai. **B.** Đúng.

24. Câu văn in đậm trong văn bản sau có phải là câu nối để liên kết đoạn văn không?

"Học thơ ca dân gian và thơ cổ điển cho vững chãi nghề thơ, thà biết rất sâu rất thạo rồi sau đó không dùng theo, vì mình thấy cái lối mới của mình hay hơn nhiều, không theo một cách tự giác, chứ không phải vì chưa hiểu biết.

Trở lại với vần thơ dân gian*. Trong bài "Biển" (1961), tôi đã dùng nhiều vần theo lối hát dặm Nghệ Tĩnh:*

"Bờ đẹp dễ cát ***vàng***
Thoai thoải ***hàng*** *thông đứng*
Như lặng lẽ mơ ***màng***
Suốt ngàn năm bên sóng"...

(Xuân Diệu)"

A. Đúng. **B.** Chưa đúng.

25. Phân tích nhân vật lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao.

Bài làm

Viết về đề tài nông dân trước cách mạng, "*Lão Hạc*" là một truyện ngắn đặc sắc của nhà văn Nam Cao. Một truyện ngắn chứa chan tình người, lay động bao nỗi xót thương khi tác giả kể về cuộc đời cô đơn bất hạnh và cái chết đau đớn của một lão nông nghèo khổ. Nhân vật lão Hạc đã để lại trong lòng ta bao ám ảnh khi nghĩ về số phận con người, số phận người nông dân Việt Nam trong xã hội cũ.

1. *Lão Hạc, một con người nghèo khổ, bất hạnh.* Ba sào vườn, một túp lều, một con chó vàng... đó là tài sản, vốn liếng của lão. Vợ chết đã lâu, cảnh gà trống nuôi con, lão lần hồi làm thuê kiếm sống. Đứa con trai độc nhất không có trăm bạc để cưới vợ, cảm thấy "*nhục lắm*" đã "*phẫn chí*" đi phu đồn điền cao su Nam Kỳ, biền biệt 5, 6 năm chưa về. Tuổi già, sống cô quạnh, nỗi bất hạnh ngày thêm chồng chất. Lão Hạc chỉ còn biết làm bạn với con chó vàng. Lão bị ốm một trận kéo dài 2

náng 18 ngày. Không một người thân bên cạnh đỡ đần, săn sóc cho một bát cháo, một chén thuốc! Tình cảnh ấy thật đáng thương! Tiếp theo một trận bão to, cây trái oa màu trong vườn bị phá sạch sành sanh. Làng mất nghề sợi. Đàn bà con gái ong làng đi làm thuê rất nhiều, giành hết mọi việc. Sau trận ốm, lão Hạc yếu hẳn i, chẳng ai thuê lão đi làm nữa. Thất nghiệp! Giá gạo mỗi ngày một cao. Lão và ậu Vàng, mỗi ngày ăn hết ba hào mà vẫn *"đói deo đói dắt"*. Bao nhiêu tiền bán oa lợi trong vườn dành dụm được bấy lâu nay, lão đã chi tiêu gần hết trong trận m!

"Nhưng đời người ta không chỉ khổ một lần (...). Lão Hạc ơi! Ta có quyền ữ cho ta một tí gì đâu?". Nhân vật ông giáo đã nghĩ như thế khi nghe lão Hạc nói ể ý định phải bán con chó. Cậu Vàng *"ăn khỏe"*, mỗi ngày cậu ấy ăn *"bỏ rẻ cũng ất hào rưỡi, hai hào"*. Lão Hạc rất yêu cậu Vàng, nhưng *"lấy tiền đâu mà nuôi ược?"* Lão Hạc phải bán cậu Vàng cho thằng Xiên, thằng Mục... Bán cậu Vàng ong, lão Hạc bị đẩy sâu xuống đáy vực bi thảm. Lão cảm thấy mình là một kẻ *"tệ ím"*, đã già mà còn *"đánh lừa một con chó!"*. Đói khổ, túng bấn, cô đơn... ngày một thêm nặng nề... lão Hạc chỉ ăn khoai, ăn củ chuối, ăn sung luộc, ăn rau má, ình thoảng một vài củ ráy, hay bữa trai bữa ốc. Lão từ chối mọi sự giúp đỡ của ng giáo *"gần như là hách dịch"*. Lão xa ông giáo dần, chỗ dựa tinh thần của lão ấy lâu nay. Lão Hạc đã ăn bả chó để tự tử. Lão chết đau đớn thê thảm: đầu tóc rũ ượi, mắt long sòng sọc, tru tréo, bọt mép sùi ra... vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi ới chết! Cái chết thật là dữ dội!

Số phận một con người, một kiếp người như lão Hạc thật đáng thương. Với hủ nghĩa nhân đạo thống thiết, Nam Cao đã nói lên bao tình thương xót đối với hững con người đau khổ, bế tắc phải tìm đến cái chết thê thảm. Chí Phèo tự sát ằng mũi dao, Lang Rận thắt cổ chết... Và lão Hạc đã quyên sinh bằng cái bả chó! ão Hạc đã từng hỏi ông giáo: *"... nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp i cho thật sướng?"*. Câu hỏi ấy đã thể hiện nỗi đau khổ tột cùng của một kiếp gười.

2. *Lão Hạc, một con người chất phác, hiền lành, nhân hậu.* Lão rất yêu con. iết con buồn vì không có tiền để cưới vợ *"lão thương con lắm..."*. Lão đau đớn khi on sắp đi làm phu đồn điền cao su. Lão chỉ biết khóc: *"Thẻ của nó, người ta giữ. ình của nó, người ta đã chụp rồi (...). Nó là người của người ta rồi, chứ đâu còn ì con tôi?"*.*"Cao su đi dễ khó về"* (Ca dao). Con trai lão Hạc đã đi *"bằn bặt"* năm, áu năm chưa về. Hoa lợi trong vườn, bán được bao nhiêu lão dành dụm cho con, hi ong khi con trở về *"có chút vốn mà làm ăn"*. Lão tự bảo: *"Mảnh vườn là của con ı... Của mẹ nó tậu thì nó hưởng..."*. Đói khổ quá, nhưng lão Hạc đã giữ trọn vẹn ba ào vườn cho con. Lão đã tìm đến cái chết, *"thà chết chứ không chịu bán đi một ào"*. Tất cả vì con, một sự hi sinh thầm lặng cực kì to lớn!

Lòng nhân hậu của lão Hạc được thể hiện sâu sắc đối với con chó vàng mà gười con trai để lại. Lão quý nó, đặt tên nó là *"cậu Vàng"*. Cho nó ăn cơm trong át sứ như nhà giàu. Bắt rận hoặc đem nó ra cầu ao tắm. Lão ăn gì cũng chia cho ậu Vàng cùng ăn. Lão ngồi uống rượu, cậu Vàng ngồi dưới chân, lão nhắm một

miếng lại gắp cho nó một miếng như người ta gắp thức ăn cho con trẻ. Lão tâm sự với cậu Vàng như tâm sự với một người thân yêu ruột rà: "*Cậu Vàng của ông ngoan lắm ! Ông không cho giết... Ông để cậu Vàng ông nuôi...*". Có thể nói, cậu Vàng được lão Hạc chăm sóc, nuôi nấng như con, như cháu; nó là nguồn vui, chỗ dựa tinh thần, nơi san sẻ tình thương, giúp lão Hạc vợi đi ít nhiều nỗi buồn cô đơn, cay đắng. Cậu Vàng là một phần cuộc đời lão Hạc. Nó đã tỏa sáng tâm hồn và làm ánh lên bản tính tốt đẹp của ông lão nông đau khổ, bất hạnh này. Vì thế, sau khi bán cậu Vàng đi, từ túng quẫn, lão Hạc chìm xuống đáy bể bi kịch, dẫn đến cái chết vô cùng thảm thương.

3. *Lão Hạc là một nông dân nghèo khổ mà trong sạch, giàu lòng tự trọng.* Trong đói khổ cùng cực phải ăn củ chuối, củ ráy..., ông giáo mời lão ăn khoai, uống nước chè, lão cười hồn hậu và khất "*ông giáo cho để khi khác*". Ông giáo ngấm ngầm giúp đỡ, lão từ chối "*một cách gần như hách dịch*". Bất đắc dĩ phải bán con chó; bán xong rồi, lão đau đớn, lương tâm dằn vặt: "*Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó*". Ba sào vườn gửi lại nguyên vẹn cho con trai như một lời nguyền đinh ninh: "*Cái vườn là của con ta (...). Của mẹ nó tậu thì nó hưởng*". Trước khi chết, lão gửi lại ông giáo mảnh vườn cho con, và gửi lại 30 đồng bạc để "*lỡ có chết... gọi là của lão có tí chút...*", vì lão không muốn làm phiền đến hàng xóm. Nam Cao đã tinh tế đưa nhân vật Binh Tư, một kẻ "*làm nghề ăn trộm*" ở phần cuối truyện, tạo nên một sự đối sánh đặc sắc, làm nổi bật tấm lòng trong sạch, tự trọng của lão Hạc, một lão nông chân quê đáng trọng.

Tóm lại, cuộc đời của lão Hạc đầy nước mắt, nhiều đau khổ và bất hạnh. Sống thì âm thầm, nghèo đói, cô đơn; chết thì quằn quại, đau đớn. Tuy thế, lão Hạc lại có bao phẩm chất tốt đẹp như hiền lành, chất phác, vị tha, nhân hậu, trong sạch và tự trọng... Lão Hạc là một điển hình về người nông dân Việt Nam trong xã hội cũ được Nam Cao miêu tả chân thực, với bao trân trọng xót thương, thấm đượm một tinh thần nhân đạo thống thiết.

26. Phân tích nhân vật ông giáo trong truyện "Lão Hạc" của Nam Cao.

Bài làm

Đọc truyện "*Lão Hạc*", ta bắt gặp bao con người, bao số phận, bao mảnh đời đáng thương, bao tấm lòng đáng trọng: Lão Hạc và cậu con trai "*phẫn chí*" đi phu đồn điền cao su, ông giáo và người vợ, Binh Tư và thằng Mục, thằng Xiên,... Giữa bóng tối cuộc đời cùng quẫn sau xóm làng quê bùn đọng, ta vẫn tìm thấy ít nhiều ánh sáng tâm hồn nhân hậu, chứa chan tình thương yêu. Bên cạnh nhân vật lão Hạc là ông giáo, một nhân vật để lại bao ấn tượng đối với mỗi chúng ta về người trí thức nghèo trong xã hội cũ.

Không rõ họ tên là gì. Hai tiếng "*ông giáo*" đã khẳng định vị thế của một con người giữa làng quê trước năm 1945 "*nhiều chữ nghĩa, nhiều lí luận, người ta kiêng nể*". Hai tiếng "*ông giáo*" từ miệng lão Hạc nói ra, lúc nào cũng đượm vẻ thân tình, cung kính, trọng vọng: "*Cậu Vàng đi đời rồi ông giáo ạ!*",... "*Vâng, ông giáo dạy phải! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng*"..., "*Tôi cần rơm, cần cỏ tôi lạy ông giáo!...*".

Hãy đi ngược thời gian, tìm về thời trai trẻ của ông giáo. Là một con người chăm chỉ, ham mê, sống vì một lí tưởng đẹp với bao mộng tưởng. Ông đã từng lặn lội vào tận Sài Gòn, *"hòn ngọc Viễn Đông"* thời ấy, để làm ăn, để học tập, để gây dựng sự nghiệp. Cái va-li *"đựng toàn những sách"* được người thanh niên ấy rất *"nâng niu"*; cái kỉ niệm *"đầy những say mê đẹp và cao vọng"* ấy, hơn sáu chục năm sau còn làm cho ta xúc động và quý trọng một nhân cách đẹp.

Con người *"nhiều chữ nghĩa"* ấy lại nghèo. Sau một trận ốm nặng ở Sài Gòn, quần áo bán gần hết, về quê chỉ có một va-li sách. Nếu lão Hạc quý cậu Vàng bao nhiêu thì ông giáo lại quý những quyển sách của mình bấy nhiêu. Bởi lẽ những quyển sách ấy đã làm bừng lên trong lòng ông *"như một rạng đông"* thời trai trẻ, làm cho cuộc đời thêm sắc màu ý vị, sống say mê, *"trong trẻo, biết yêu và biết ghét"*.

Cái nghèo vẫn đeo đẳng ông giáo mãi, *"ông giáo khổ trường tư"*. Vận hạn xảy ra luôn luôn như ông nghĩ: *"Đời người ta không chỉ khổ một lần"*. Sách cứ bán dần đi. Chỉ còn giữ lại 5 quyển sách với lời nguyền: *"... dù có phải chết cũng không bán"*. Như một kẻ cùng đường phải bán máu. Đứa con thơ bị chứng kiết lị gần kiệt sức, ông giáo đã phải bán nốt đi 5 cuốn sách cuối cùng, cái gia tài quý giá nhất của người trí thức nghèo. *"Lão Hạc ơi! Ta có quyền giữ cho ta một tí gì đâu?"*, lời than ấy cất lên nghe thật não nuột, đã thể hiện một nhân cách đẹp trước sự khốn cùng: biết sống, và dám hi sinh vì cuộc sống!

Ông giáo là một trí thức có trái tim nhân hậu rất đáng quý. Ông là chỗ dựa tinh thần, là niềm an ủi, tin cậy của lão Hạc. Ông giáo là nơi để lão Hạc san sẻ bao nỗi đau, nỗi buồn. Nhờ đọc hộ một lá thư, nhờ viết hộ một lá thư cho đứa con trai đi phu đồn điền. Tâm sự về mảnh vườn và chuyện đứa con trai *"phẫn chí"* không lấy được vợ. San sẻ về nỗi đau buồn sau khi bán cậu Vàng cho thằng Mục, thằng Xiên,... Có lúc là một điếu thuốc lào, một bát nước chè xanh, một củ khoai lang... *"Lúc tắt lửa tối đèn có nhau"*. Ông giáo đã đồng cảm, đã thương xót, đã san sẻ với lão Hạc với tất cả tình người. Ai đã từng là độc giả của Nam Cao, chắc sẽ không bao giờ quên mẩu đối thoại này:

..."Tôi bùi ngùi nhìn lão, bảo:

- Kiếp ai cũng thế thôi, cụ ạ! Cụ tưởng tôi sung sướng hơn chăng?

- Thế thì không biết nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp gì cho thật sướng?

Lão cười và ho sòng sọc. Tôi nắm lấy cái vai gầy của lão, ôn tồn bảo:

- Chẳng kiếp gì sung sướng thật, nhưng có cái này là sung sướng: bây giờ cụ ngồi xuống phản này chơi, tôi đi luộc mấy củ khoai lang, nấu một ấm chè tươi thật đặc; ông con mình ăn khoai, uống nước chè, rồi hút thuốc lào... Thế là sướng.

- Vâng! Ông giáo dạy phải! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng."...

Ông giáo đã thương lão Hạc *"như thể thương thân"*. Không chỉ an ủi, động viên, mà ông còn tìm mọi cách để *"ngấm ngầm giúp"* khi biết lão Hạc đã nhiều ngày ăn rau, ăn khoai, ăn củ ráy... Trong lúc đàn con của ông giáo cũng đang đói; cái nghĩa cử *"lá lành đùm lá rách"* ấy mới cao đẹp biết bao!

Ông giáo nghèo mà đức độ lắm. Trước khi ăn bả chó, lão Hạc đã gửi ông giáo 30 đồng để phòng khi chết "*gọi là của lão có tí chút...*", gửi lại ông giáo sào vườn cho đứa con trai... Tình tiết ấy nói lên lão Hạc rất tin ông giáo. Ông giáo là người để lão Hạc "*chọn mặt gửi vàng*". Giữa cái xã hội đen bạc thời một bà cô dành cho đứa cháu nội bát nước cháo đã vữa ra như một sự bố (*Những ngày thơ ấu*), vợ tên địa chủ bắt bí, bóp nặn người đàn bà khốn cùng mua rẻ đứa con gái lên bảy tuổi và ổ chó (*Tắt đèn*), một tên phụ mẫu ăn đồng hào của chị nhà quê (*Đồng hào có ma*)..., ta mới thấy niềm tin, sự k trọng của kẻ khốn cùng đối với ông giáo thật là thánh thiện.

Trước cái chết "*dữ dội*" của lão Hạc, cái chết "*đau đớn và bất thình lình*", có ông giáo và Binh Tư hiểu... Ông giáo khẽ cất lời than trước vong linh người l giềng hiền lành tội nghiệp. Trong giọt lệ là những lời hứa của một nhân cách đẹp, đáng trọng: "*Lão Hạc ơi! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão tôi sẽ trao lại cho hắn và bảo hắn: Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh cố để lại cho anh trọn vẹn; cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào...*".

Cùng với ông giáo Thứ trong "*Sống mòn*", Điền trong "*Trăng sáng*", nhân "*tôi*" trong "*Mua nhà*", hình ảnh ông giáo trong truyện "*Lão Hạc*" đã kết tinh tâm và cái tài của Nam Cao trong nghệ thuật xây dựng nhân vật - nhà văn ngh ông giáo khổ trường tư - trọng xã hội thực dân nửa phong kiến. Đó là những người nghèo mà trong sạch, hăm hở và nhiệt tâm từng ôm ấp bao mộng đẹp, s nhân hậu, vị tha. Có người đã cho rằng, ông giáo là một nhân vật tự truyện, m dáng dấp hình bóng Nam Cao. Ý kiến ấy rất lí thú.

Trong truyện "*Lão Hạc*", ông giáo vừa là nhân vật, vừa là người dẫn chuy Không phải là nhân vật trung tâm, nhưng sự hiện diện của ông giáo đã làm "*Bức tranh quê*" ngày xa xưa ấy thêm sáng tỏ. Nhân vật ông giáo là chiếc gương sáng cuộc đời và tâm hồn lão Hạc, đã góp phần tô đậm giá trị nhân đạo của tru ngắn đặc sắc này.

Đáp án đề 5 + 6

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Trả lời	A	C	B	D	E	D	C	A	B	E	B	D

Câu	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Trả lời	A	B	B	C	D	E	D	A	B	A	B	A

ĐỀ 7

* Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội.
* Tóm tắt văn bản tự sự.
* Luyện tập tóm tắt văn bản tự sự.

1. Chọn ý đúng:

A. Từ ngữ địa phương là từ ngữ chỉ được dùng ở Nghệ Tĩnh.

B. Từ ngữ địa phương là từ ngữ chỉ được dùng ở Miền Nam.

C. Từ ngữ địa phương là từ ngữ chỉ dùng ở vùng sâu vùng xa.

D. Từ ngữ địa phương là từ ngữ chỉ được sử dụng ở một số vùng, một số địa phương nhất định.

2. Các từ in đậm trong bài ca dao sau đây là từ ngữ địa phương (thuộc vùng nào) trên đất nước ta?

*"Đứng bên **ni** đồng ngó bên **tê** đồng*
mênh mông bát ngát,
*Đứng bên **tê** đồng ngó bên **ni** đồng*
cũng bát ngát mênh mông.
Thân em như chẽn lúa đòng đòng,
Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai".

A. Vùng đồng bằng Bắc Bộ. **B.** Vùng Nghệ Tĩnh.

C. Vùng Nam Trung Bộ. **D.** Vùng đồng bằng Nam Bộ.

3. Chữ "đầu" và chữ "trốc" trong hai câu sau, chữ nào là tiếng địa phương?

- Ăn trên ngồi trốc.
- Được đằng chân lân đằng đầu.

A. Trốc. **B.** Đầu

4. Trong các từ:** lợn, heo, hợi, ỉn **từ nào là từ phổ thông?

A. *Nuôi **lợn** ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng.*

B. *Bún bò giò **heo**.*

C. *Nói toạc móng **heo**.*

D. *Người tuổi **hợi** tính nết hiền lành.*

E. *Giống **ỉn** cho nên dần.*

5. Trong các từ:** «chó, khuyển, cầy, cẩu, **từ nào là từ phổ thông?

A. *"Đi xem lận vẻ ra vào,*
*Mượn đường chú **khuyển** chui rào xấu ghê !"*
Ca dao

B. *"Cũng loài **cẩu** trệ (lợn) tanh hôi,*
Cũng phường bán nước buôn nòi hại dân"
Ca dao

C. *"**Chó** cậy gần nhà, gà cậy gần chuồng".*
Ca dao

D. *"Quân ta khí mạnh nuốt ngưu đẩu,*
*Thề diệt xâm lăng lũ sói **cầy**".*

Hồ Chí Minh

6. Chọn định nghĩa đúng về biệt ngữ xã hội:

A. Biệt ngữ xã hội là tiếng lóng.

B. Biệt ngữ xã hội là tiếng dùng trong các phường hội, làng nghề.

C. Biệt ngữ xã hội là loại từ ngữ chỉ được dùng trong một tầng lớp xã hộ nhất định nào đó.

D. Biệt ngữ xã hội là tiếng ám chỉ của một số ít người dùng.

7. Trong đoạn thơ sau, từ in đậm có phải là từ địa phương không?

"Ngày hôm nay, ồn ào, trên bến đỗ,
*Khắp dân làng tấp nập đón **ghe** về.*
*Nhờ ơn trời, biển lặng, cá đầy **ghe**,*
Những con cá tươi ngon, thân bạc trắng".

("Quê hương" - Tế Hanh)

A. Đúng **B**. Sai

8. Có thể thay thế từ "bây chừ" trong đoạn thơ sau bằng từ nào?

*"**Bây chừ** sông nước về ta,*
Đi khơi đi lộng thuyền ra thuyền vào.
***Bây chừ** biển rộng trời cao,*
Cá tôm cũng sướng, lòng nào chẳng xuân!".

("Mẹ Suốt" - Tố Hữu)

A. Bao giờ **B.** Hôm qua **C.** Bây giờ **D.** Ngày nay

9. Giải nghĩa các từ địa phương trong những ví dụ sau:

*- Giàu bán **ló**, khó bán con.*

(Tục ngữ)

*- Xấu **chuôm**, tốt cá, em ơi.*
*Tốt **chuôm** mà **nỏ có** nơi cá nằm.*

(Ca dao)

*- **Ghe bầu** cập bến chàng ơi,*
Mưa mau, gió nổi, tối trời vắng sao!

(Ca dao)

A. Ló: lúa (tiếng Nghệ Tĩnh).

B. Chuôm: ao (tiếng miền trong).

C. Nỏ có: không có, chẳng có (tiếng miền trong).

D. Ghe bầu: thuyền độc mộc (tiếng miền Nam).

E. Tất cả **A, B, C, D** đều đúng.

F. Tất cả **A, B, C, D** đều sai.

10. Tìm và giải nghĩa từ địa phương trong đoạn thơ sau:

"Chúng tôi đi
Nắng mưa sờn mép ba lô,
Tháng năm bạn cùng thôn xóm
Nghỉ lại lưng đèo
Nằm trên dốc nắng
Kì hộ lưng nhau ngang bờ cát trắng
Quờ chân tìm hơi ấm đêm mưa.
***Đằng nớ** vợ chưa?*
*- **Đằng nớ**?*
- Tớ còn chờ Độc lập!
*Cả bọn cười vang bên ruộng **bắp**.*
*Nhìn **o** thôn nữ cuối nương dâu"...*

("Nhớ" - Hồng Nguyên)

A. Đang nớ: đằng ấy
B. Bắp: ngô.
C. O: cô
D. Tất cả **A, B, C** đều đúng.
E. Tất cả **A, B, C** đều sai.

11. ***Tóm tắt tác phẩm "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố.***

Bài làm

Câu chuyện trong *"Tắt đèn"* diễn ra trong một vụ đốc sưu, đốc thuế ở một làng quê - làng Đông Xá dưới thời Pháp thuộc. Cổng làng bị đóng chặt. Bọn hào lí và lũ tay sai với roi song, dây thừng, tay thước, nghênh ngang đi lại ngoài đường thét trói kẻ thiếu sưu. Tiếng trống ngũ liên, tiếng tù và nổi lên suốt đêm ngày.

Sau 2 cái tang liên tiếp (tang mẹ chồng và tang chú Hợi), gia đình chị Dậu tuy vợ chồng *"dầu tắt mặt tối"* quanh năm mà vẫn *"cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc"*, đến nay đã *"lên đến bậc nhì, bậc nhất trong hạng cùng đinh"*. Anh Dậu lại bị trận ốm kéo dài mấy tháng trời... Không có tiền nộp sưu, anh Dậu đã bị bọn cường hào *"bắt trói như trói chó để giết thịt"*. Chị Dậu tất tả ngược xuôi chạy vạy, phải dứt ruột bán đứa con gái đầu lòng và ổ chó cho vợ chồng Nghị Quế để trang trải *"món nợ Nhà nước"*. Lí trưởng làng Đông Xá bắt anh Dậu phải nộp suất sưu cho chú Hợi đã chết từ năm ngoái vì *"chết cũng không trốn được nợ Nhà nước"*. Bị ốm, bị trói, bị đánh... anh Dậu bị ngất đi, rũ như xác chết, được khiêng trả về nhà. Sáng sớm hôm sau, khi anh Dậu còn *"ốm rề rề"* đang nghển cổ húp cháo thì tay chân bọn hào lí lại ập đến. Chúng lồng lên chửi mắng, bịch vào ngực và tát đánh bốp vào mặt chị Dậu. Chị Dậu van lạy chúng tha trói chồng mình. Nhưng tên cai lệ đã gầm lên, rồi nhảy thốc vào trói anh Dậu khi anh Dậu đã lăn ra chết ngất. Chị Dậu nghiến hai hàm răng thách thức, rồi xông vào đánh ngã nhào tên cai lệ và tên hầu cận lí trưởng, những kẻ đã *"hút nhiều xái cũ"*.

Chị Dậu bị bắt giải lên huyện. Tri phủ Tư Ân thấy Thị Đào có nước da đen dòn, đôi mắt sắc đã giở trò bỉ ổi. Chị Dậu đã *"ném tọt"* cả nắm giấy bạc vào mặt con quỷ dâm ô, rồi vùng chạy... *"Món nợ nhà nước"* vẫn còn đó, chị Dậu phải lên

tình đi ở vú. Một đêm tối trời, cụ cố thượng đã ngoài 80 tuổi mò vào buồng cl Dậu. Chị Dậu vùng chạy thoát ra ngoài, trong khi "*trời tối đen như mực*"...

12. Tóm tắt truyện "Lão Hạc" của Nam Cao.

Bài làm

Vợ lão Hạc chết. Lão Hạc và cậu con trai sống trên mảnh vườn ba sào. Nh nghèo, không có tiền cưới vợ, anh con trai phẫn chí đi làm phu đồn điền. Ngày ra d anh biếu bố 3 đồng bạc để ăn quà; lão khóc. Từ đó, lão Hạc sống thui thủi một mìn trong túp lều nơi xó vườn. Lão làm thuê để nuôi thân. Chỉ có con chó ở bên cạnl lão gọi là "*cậu Vàng*", lão quý nó như người đàn bà hiếm hoi quý đứa con cầu tự.

Hết hạn một công-ta 3 năm, anh con trai vẫn chưa về. Gần 4 năm vẫn chu về. Lão âm thầm đợi chờ và chỉ biết tâm sự với cậu Vàng. Tiền bán hoa lợi tron vườn được đồng nào lão dành dụm lại đồng ấy. Vợ lão thắt lưng buộc bụng, tậ mảnh vườn 50 đồng; lão nói với ông giáo "*Của mẹ nó tậu thì nó hưởng*"...

Một trận ốm kéo dài 2 tháng 18 ngày, lão yếu đi ghê lắm. Làng mất vé sợ lão Hạc không có việc làm. Rồi lại bão, hoa màu trong vườn bị phá sạch sành sanh Gạo mỗi ngày một kém. Mỗi ngày lão và cậu Vàng ăn hết ba hào gạo mà vẫn đó deo đói dắt. Lão Hạc phải bán con chó được 5 đồng cho thằng Xiên thằng Mục giế thịt. Sau khi bán chó, lão khóc.

Lão Hạc tâm sự với ông giáo về kiếp người khổ sở của mình; lão nhờ ôn giáo giữ hộ mảnh vườn cho cậu con trai, gửi ông giáo 30 đồng bạc để phòng khi lã chết "*gọi là của lão có tí chút, còn bao nhiêu dành nhờ hàng xóm cả...*". Từ đó, lã Hạc ăn khoai, ăn củ ráy, củ chuối, sung luộc,... chế tạo được món gì ăn món ấy.

Lão Hạc xin Binh Tư cái bả chó... Cái chết của lão Hạc thật dữ dội, hai mắ long lên sòng sọc, bọt mép sùi ra,... vật vã đến 2 giờ đồng hồ rồi mới chết. Chỉ có ông giáo và Binh Tư mới hiểu được cái chết đau đớn và bất thình lình của lão Hạc Ông giáo nhìn thi thể lão Hạc rồi khẽ hứa giữ gìn mảnh vườn cho lão và sẽ trao lạ trọn vẹn cho anh con trai lão khi hắn trở về.

Đáp án đề 7

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Trả lời	D	B	A	A	C	C	A	C	E	D

ĐỀ 8

*** Cô bé bán diêm.**
*** Trợ từ, thán từ.**
*** Miêu tả và biểu cảm trong văn tự sự.**

1. An-đéc-xen là nhà văn của nước nào?

A. Thuỵ Sĩ. **B.** Thuỵ Điển.
C. Đan Mạch. **D.** Pháp.

2. An-đéc-xen nổi tiếng với loại truyện viết cho độc giả nào?

A. Trẻ em. **B.** Thị dân.

B. Những thuỷ thủ. **D.** Dân nghèo thành thị.

3. Truyện của An-đéc-xen mang màu sắc thế nào?

A. Giàu yếu tố tưởng tượng.

B. Mang màu sắc thần kì như cổ tích.

C. Tuyện đan xen giữa hiện thực và mộng tưởng.

D. Gồm tất cả A, B, C.

4. Đoạn trích "Cô bé bán diêm" kể về chuyện gì?

- Kể về chuyện một em bé mồ côi mẹ, nghèo khổ ở với người cha cay nghiệt. Trong đêm giao thừa, chân trần đỏ đầm trên tuyết, bụng đói, lần mò đi bán diêm. Rét quá, em lần lượt đốt hết một bao diêm để sưởi. Ánh sáng que diêm đã đem đến cho em nhiều mộng tưởng đẹp: được sưởi ấm, được ăn ngỗng quay, được nhìn cây Nô-en, được gặp lại bà. Trước khi nằm chết trên tuyết, trong ánh lửa que diêm cuối cùng, em thấy bà cầm tay bay lên chầu Thượng đế.

A. Đúng **B.** Sai.

5. Hiện thực trong truyện "Cô bé bán diêm" là gì?

A. Nhà nghèo, mẹ mất, ở với bố cay nghiệt. Nơi ở là một xó tối tăm lạnh lẽo, "luôn luôn nghe những lời mắng nhiếc chửi rủa".

B. Bụng đói chân trần, đi trên tuyết để bán diêm trong đêm giao thừa. Không bán được bao diêm nào, không được ai bố thí cho một xu.

C. Lạnh quá, đói quá vẫn không dám về nhà. Về nhà vẫn rét và thế nào cũng bị cha mắng.

D. Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa.

E. Có tất cả A, B, C, D.

6. Em bé quẹt que diêm thứ nhất, em bé tưởng chừng ngồi trước một lò sưởi. Chọn ý đúng nói lên mộng tưởng đó?

A. Em mơ về một mái ấm gia đình.

B. Đang trải qua lạnh giá rét mướt, em mơ được sưởi ấm.

C. Em mơ ngọn lửa và hơi ấm lò sưởi xua tan cảnh tăm tối, lạnh lẽo của đời mình.

D. Em nhớ tới ngọn lửa ấm mà bà nhen nhóm năm xưa.

7. Những hình ảnh nào gợi tả mộng tưởng ấy?

A. *"Ngọn lửa lúc đầu xanh lam, dần dần biến đi, trắng ra, rực hồng lên quanh que gỗ, sáng chói trông đến vui mắt".*

B. *"Em tưởng chừng như đang ngồi trước một lò sưởi bằng sắt... lửa cháy nom đến vui mắt và tỏa ra hơi nóng dịu dàng".*

C. *"Khi tuyết phủ kín mặt đất, gió bấc thổi vun vút mà được ngồi hàng giờ như thế, trong đêm đông rét buốt, trước một lò sưởi thì khoái biết bao !".*

D. Gồm B và C.

8. Tác giả đã dùng biện pháp tu từ gì trong câu văn khi nói về mộng tưởng em bé, khi e đánh que diêm thứ hai?

"Bàn ăn đã dọn, khăn trải bàn trắng tinh, trên bàn toàn bát đĩa bằng sứ qu giá, và có cả một con ngỗng quay. Nhưng điều kì diệu nhất là ngỗng ta nhảy r khỏi đĩa và mang cả dao ăn, phuốc-sét cắm trên lưng, tiến về phía em bé".

A. So sánh. **B.** Ẩn dụ. **C.** Nhân hoá. **D.** Hoán dụ.

9. Mộng tưởng em bé về cây thông Nô-en sau khi em quẹt que diêm thứ ba. Những từ i đậm trong câu văn sau là từ loại gì?

"Hàng ngàn ngọn nến ***sáng rực****, lấp lánh trên cành lá* ***xanh tươi*** *và rất nhiề bức tranh màu sắc* ***rực rỡ*** *như những bức bày trong các tủ hàng hiện ra trước mắ em bé".*

A. Danh từ. **B.** Tính từ. **C.** Động từ. **D.** Trạng từ.

10. *Em bé đánh que diêm thứ tư, em bé "nhìn thấy rõ ràng bà em đang mỉm cười vớ em". Khi em đánh tiếp những que diêm còn lại trong bao diêm, em thấy bà em t lớn và đẹp lão, bà em cầm lấy tay em, hai bà cháu vụt bay lên chầu Thượng đế.*

- Vậy ý nghĩa của mộng tưởng này là gì?

A. Được gặp bà sống yên vui trong lòng bà.

B. Khao khát tình thương của bà trao cho.

C. Muốn được trường sinh bất tử.

D. Muốn thoát khỏi cảnh ngộ đen tối "chẳng còn đói rét, đau buồn nào d doạ nữa".

11. Hình ảnh em bé bán diêm chết vì giá rét trong đêm giao thừa *"có đôi má hồng v đôi môi đang mỉm cười"* **có ý nghĩa gì?**

A. Một cái chết thanh thản.

B. Chết trong mộng tưởng đẹp.

C. Tác giả gửi gắm bao tình thương đối với tuổi thơ bất hạnh.

D. Truyện giàu giá trị nhân bản.

E. Gồm tất cả A, B, C, D.

12. Qua những lần em bé đốt diêm và mộng tưởng của em bé, *An-đéc-xen muốn gử gắm tình thương đến mọi tâm hồn tuổi thơ, cầu mong cho tất cả các em thơ được sống ấm no, được yên vui sung sướng trong tình thương, không một em nào bị đó rét, bị hắt hủi.* **Đó là ý nghĩa của truyện "Em bé bán diêm". Ý kiến em thế nào?**

A. Đồng ý. **B.** Không đúng.

13. Thán từ là những từ như thế nào?

A. Dùng để bộc lộ tình cảm.

B. Dùng để gọi đáp.

C. Thường đứng ở đầu câu.

D. Có trường hợp được tách thành câu đặc biệt.

E. Gồm A, B, C, D.

14. Trong ba ví dụ sau, có thán từ dùng để gọi đáp không?

Ai ơi bưng bát cơm đầy,
Nhớ công hôm sớm cày cấy cho chăng?

Ca dao

\- *Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang,*
Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu !

Ca dao

\- *Trâu ơi, ta bảo trâu này,*
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.

Ca dao

A. Không. **B.** Có.

15. Trong các ví dụ sau, ví dụ nào không có thán từ?

A. *"Ôi Kim Lang ! Hỡi Kim Lang !*
Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây !"

("Truyện Kiều" - Nguyễn Du)

B. *"Ô hay ! Buồn vương cây ngô đồng*
Vàng rơi ! Vàng rơi... thu mênh mông".

("Tì bà" - Bích Khê)

C. *"Chàng về thiếp vẫn trông theo,*
Trông nước, nước chảy, trông bèo, bèo trôi.
Trông hoa, hoa chẳng muốn cười,
Trông núi, núi đứng, trông người, người xa..."

(Ca dao)

D. *"Còn đây phố cũ rêu phong,*
Lắng nghe lịch sử ngàn năm vọng về.
Hồ Gươm sóng vỗ xô bờ.
Ơi hàng liễu có đợi chờ nhớ thương..."

("Trở về Hà Nội" - Đinh Thế Vinh)

16. Trợ từ là gì? Chọn ý đúng:

A. Trợ từ là những từ để đưa đẩy trong câu.

B. Trợ từ là những từ để tạo giọng điệu, để biểu cảm trong câu.

C. Trợ từ những từ đứng trước hoặc sau động từ, để bổ nghĩa cho động từ trong câu.

D. Trợ từ là những từ chuyên đi kèm một từ ngữ khác trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó.

17. Các từ in đậm trong các ví dụ sau có đúng là trợ từ hay không?

\- ***Chính*** *điều thầy nhắc khẽ em đã ghi sâu trong lòng.*

\- *Đẹp ơi* ***là*** *đẹp những bông mai vàng bừng nở.*

\- *Các con phải làm* ***ngay*** *lời ông bà dặn kẻo quên.*

- *Những nấm mộ ven rừng*
*Của đồng đội **cùng** vào sinh ra tử*
Hoa sim tím nhắc thầm bao nỗi nhớ
Bến Cát ơi, ta trở lại chiều nay...

Lê Phan Quỳnh.

- *Vui **là** vui gượng kẻo là,*
Ai tri âm đó mặn mà với ai?

Nguyễn Du

A. Đúng. B. Sai.

18. Trong văn bản tự sự, những yếu tố miêu tả có tác dụng gì?

A. Làm hiện lên cảnh vật, khung cảnh nơi sự việc diễn ra.

B. Làm nổi bật ngoại hình nhân vật.

C. Diễn tả tâm trạng, hành động của nhân vật.

D. Có cả A, B, C.

19. Đọc đoạn văn sau:

"Tôi rất ngạc nhiên thấy Trũi đứng sừng sững trên đài, sắp đấu với anh Bọ Muỗm. Thì ra chú Trũi nhà tôi bấy lâu vẫn còn căm nhà Bọ Muỗm. Cái trận đòn của các mụ Bọ Muỗm nanh ác lần ấy vẫn chưa thể quên ! Còn căm nặng đến độ bây giờ khi gặp một gã Bọ Muỗm xa lạ cũng khiến Trũi nổi máu đòn thù. Trũi lên đài ngay.

Gã Bọ Muỗm kia đã đánh ngã được mấy địch thủ nhép hôm qua đương nhơn nhơn ra vẻ. Thực gã cũng không phải tay vừa. Người gã xanh rực và vạm vỡ, bắp chân bắp càng bóng nhẫy, mập mạp. Lưng gã gờ lên, rắn chắc, và đôi cánh màu lá cây làm thành chiếc áo giáp che kín xuống tận đuôi. Đằng đuôi, mắc tlêm lưỡi gươm cong hoắt. Đầu gã lớn, mút nhọn lại, húc rất khoẻ. Hai vành râu trắng phau. Đôi mắt ti hí như mắt cá. Hai tảng răng thì đen và nhọn khoằm khoằm.

Nếu không có Trũi lên võ đài thì Bọ Muỗm được đấu thẳng với Bọ Ngựa để tranh chức trạng võ...".

("Dế Mèn phiêu lưu kí" - Tô Hoài)

Hãy cho biết, Tô Hoài có sử dụng yếu tố miêu tả khi nói về gã Bọ Muỗm trên võ đài không?

A. Có. **B.** Không.

20. Trong đoạn văn sau, câu nào trực tiếp biểu cảm?

"① Ốm dậy, tôi về quê, hành lí chỉ vẻn vẹn có một cái va-li đựng toàn những sách. ② Ôi những quyển sách rất nâng niu! ③ Tôi đã nguyện giữ chúng suốt đời, để lưu lại cái kỉ niệm một thời chăm chỉ, hăng hái và tin tưởng đầy những say mê đẹp và cao vọng; mỗi lần mở một quyển sách ra, chưa kịp đọc dòng nào, tôi đã thấy bừng lên trong lòng tôi như một rạng đông, cái hình ảnh tuổi hai mươi trong trẻo, biết yêu và biết ghét. ④ Nhưng đời người ta không chỉ khổ một lần"...

("Lão Hạc" - Nam Cao)

A. Câu 1. **B.** Câu 2. **C.** Câu 3. **D.** Câu 4.

21. *Cảm nghĩ về truyện "Cô bé bán diêm"*

Bài làm

Trong chúng ta, chắc là đã có nhiều bạn từng đọc "*Bầy chim thiên nga*", đọc "*Nàng tiên cá*",... của nhà văn An-đéc-xen - nhà văn nổi tiếng của Đan Mạch trong thế kỉ 19. Ông là nhà văn của "*mọi thời, mọi người và mọi nhà*" với loại truyện kể cho trẻ em. Cái phong vị phương Bắc, với hoa tuyết, với cánh thiên nga, với nàng tiên cá, với ngọn lửa diêm thần kì,... như đưa tuổi thơ chúng ta vào sống với bao giấc mơ huyền ảo, những giấc mơ tuyệt đẹp.

Truyện "*Cô bé bán diêm*" được An-đéc-xen viết vào năm 1845, khi ông đã có trên 20 năm cầm bút, tên tuổi lừng danh thế giới. Nó thuộc loại truyện vừa thực vừa ảo, vừa mang màu sắc cổ tích thần kì, vừa đậm đà chất thơ trữ tình, gợi lên một tình thương, một vẻ đẹp nhân văn sáng giá. Em bé bán diêm đã chết cóng trong tuyết, với má hồng và đôi môi như mỉm cười tưởng được ru bằng những giấc mơ huyền thoại!

Người đọc từng băn khoăn tự hỏi: mẹ em bé đi đâu? Nhiều người ... em bé mồ côi mẹ. Tuổi thơ đẹp nhất của em là quãng thời gian được sống bên bà nội hiền hậu trong ngôi nhà xinh xắn có dây trường xuân bao quanh. Cuộc đời em trở nên bất hạnh từ sau ngày bà nội mất, sống bên người bố thô lỗ, cục cằn, em phải "*chịu chui rúc trong một xó tối tăm, luôn luôn nghe những lời mắng nhiếc chửi rủa*".

An-đéc-xen dẫn chúng ta đi theo con đường bán diêm của cô bé. Một thời điểm điển hình nói lên sự nghèo khổ, nói lên nỗi bất hạnh tột cùng của một em bé. Đó là một đêm giao thừa "*rét dữ dội, tuyết rơi*". Em ra đi đầu trần, lúc đầu có đôi "*giày vải phồng*", nhưng chỉ một lát sau thôi, giày của em, chiếc thì bị xe song mã nghiến, chiếc thứ hai thì bị một thằng bé xa lạ lượm lấy, tung lên trời, và nó bảo đem về "*làm nôi cho con chó sau này*". Em đi bán diêm trong đêm tối với đôi chân trần nhỏ bé, chẳng mấy chốc "*chân em đo ửng lên, rồi tím bầm lại vì rét*". Nhìn em, ai mà chẳng thương tâm?

Nhà văn tạo nên hai nghịch cảnh một đêm giao thừa. Một em bé đi bán diêm suốt một ngày mà chẳng bán được một bao diêm nào, "*bụng đói cật rét*" đi lang thang trên đường, chẳng được ai bố thí cho em chút đỉnh! Mái tóc và lưng em bám đầy tuyết. Trái lại, cửa sổ mọi nhà đều "*sáng rực ánh đèn*" và trong phố thì "*sực nức mùi ngỗng quay*". Đó là hai cảnh trái ngược. Câu chuyện trở nên thấm vị đời cay đắng! Trên bước đường bán diêm kiếm sống giữa đêm giao thừa, em bé đang sống trong cô đơn, buồn tủi. Một quá khứ hạnh phúc trở về trong tâm hồn em. Mái nhà xưa với dây trường xuân, với hình ảnh bà nội, đầm ấm thế, yên vui thế! Nay còn đâu? Mái nhà hiện tại thì tối tăn, suốt ngày em chỉ luôn nghe lời mắng chửi. Số phận em bé bán diêm thật cay đắng và đáng thương biết bao! Một tuổi thơ thấm đầy lệ. Đằng sau cảnh đời, số phận em bé bán diêm đêm giao thừa là một cái nhìn dõi theo của nhà văn An-đéc-xen với nhiều trắc ẩn, với nỗi lo khôn nguôi.

Cô bé bán diêm ngoài cái rét, đơn côi,... còn có một nỗi đau tinh thần, luôn luôn bị giày vò, ám ảnh hết sức nặng nề. Ở nhà thì bị bố mắng nhiếc chửi

rủa, lang thang trong đêm tuyết, giao thừa, nếu không bán được ít bao diêm ha không ai bố thí cho một đồng xu nào đem về, nhất định em sẽ bị bố đánh! Nỗ bất hạnh này thật đáng sợ, nó luôn luôn đè nặng tâm hồn em. Có biết rằng *"Tình thương của cha mẹ là thiên đường tuổi thơ"* mới thấy cái sâu sắc tron tấm lòng nhân ái của nhà văn Đan Mạch. Ông nhắc khẽ ai đó đang được sốn yêu thương, sung sướng trong vòng tay bố mẹ mình nên biết cảm thông với cá khổ tâm, nỗi thương đau của các bạn nhỏ bất hạnh như cô bé bán diêm này. Bở lẽ, biết san sẻ cùng đồng loại cũng là hạnh phúc.

Phần cảm động nhất, hay nhất khi tác giả nói về những cơn mơ của em b bán diêm. Em đã đánh hết cả một bao diêm trên tay. Lúc đầu là *"đánh liều* quẹt một que, với ý định *"sưởi cho đỡ rét một chút"*. Ngọn lửa của một qu diêm sao có thể chống lại cả một đêm dày sương tuyết? Lúc đầu em chỉ thấy em chỉ phát hiện ra ngọn lửa diêm đầu là *"xanh lam"*, rồi *"trắng ra"*, *"rực hồn lên quanh que gỗ trông đến vui mắt"*. Từ niềm vui nhỏ nhoi, bình dị của một en bé con nhà nghèo như thế, em đã bước vào những cơn mơ kì diệu. Mỗi que diên từ tay em bé quẹt lên là có một ngọn lửa *"thần kì"*. Que diêm thứ nhất *"sáng rự như than hồng"* làm cho em *"tưởng chừng như đang ngồi trước một lò sưởi bằn sắt có những hình nổi bằng đồng bóng nhoáng"*. Ngọn lửa trong lò sưởi ấy *"non đến vui mắt và tỏa ra hơi nóng dịu dàng"*. Đó cũng là mơ ước của những thân phận nghèo khổ trên đời giữa mùa đông giá rét dài lê thê! Nhà văn có cái tân đẹp, cái tấm lòng nhân hậu và giàu trí tưởng tượng mới đồng cảm với những en bé nghèo khổ qua những mơ ước bình dị như vậy.

Que diêm thứ hai bùng cháy dẫn hồn em đến một mái nhà êm ấm có *"tấm rèm bằng vải màu"*, có một mâm cỗ sang trọng. Một bàn ăn có khăn trải bàn trắng tinh, có bát đĩa bằng sứ quý giá, có ngỗng quay. Em đang *"bụng đói cậ rét"* mà, nên em thấy có một điều kỳ diệu nhất là *"ngỗng ta nhảy ra khỏi đĩa và mang cả dao ăn phóng sết cắm trên lưng, tiến về phía em"*. Que diêm tắt, mộng tan. Em bé bán diêm vẫn ngồi cô đơn một mình dưới trời tuyết trong đêm giao thừa. Hỡi ai còn mang trong lòng tình người nhất định sẽ chảy lệ khi nghĩ về thân phận em bé sau khi que diêm thứ hai tắt, mộng tan.

Lại que diêm thứ ba nữa bùng cháy. Em bé như thấy trước mắt mình mộ cây Nô-en được trang trí lộng lẫy với hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi... Em đang giơ tay với về phía cây... thì diêm tắt. Lần này, em thấy các ngọn nến bay lên cao mãi rồi *"biến thành những ngôi sao trên trời"*. Chất văn và cảm xúc của câu chuyện kể đã mang một nồng độ mới. Từ ngọn nến trên cây Nô-en (trong mơ) em nghĩ đến trời sao lấp lánh, rồi chập chờn về một ngôi sao đổi ngôi, một linh hồn nào đó đã *"bay lên trời với Thượng đế"*. Cũng cần cảm thụ được hình ảnh Thượng đế trong câu chuyện kể của An-đéc-xen, đó là một biểu tượng về niềm tin hướng tới cái vô cùng cao cả, thiêng liêng và tốt đẹp. Thượng đế trong ước mơ, chứ không phải trong đạo giáo, cũng như Tiên, Phật trong cổ tích Việt Nam vậy.

Em bé chìm dần vào giấc mơ huyền diệu tuổi thơ khi em quẹt que diêm thứ tư. Trong ánh lửa xanh tỏa ra từ cây diêm, em bé *"nhìn thấy rõ ràng bà em đang mỉm cười với em"*. Và lần này cũng vậy, diêm cháy rồi tàn, làm tan giấc

mộng: "Que diêm tắt phụt, và ảo ảnh rực sáng trên khuôn mặt em bé cũng biến mất". Đã hơn một thế kỉ trôi qua từ ngày An-đéc-xen viết truyện này (1845) nhưng người đọc khắp hành tinh - những cô, cậu học trò nhỏ bé đáng yêu - hình như vẫn còn nghe vang vang đâu đây lời nguyện cầu của cô bé bán diêm tội nghiệp. Cháu vẫn ngoan ngoãn đấy bà ơi! *"Cháu van bà, bà xin Thượng đế chí nhân cho cháu về với bà..."*

Chập chờn trong mơ tưởng. Đêm càng về khuya, rét càng dữ và tuyết càng phủ dày mặt đất. Diêm nối nhau chiếu sáng. Bà em hiện lên to lớn và đẹp lão. Bà nội cầm tay em bay lên cao, cao mãi *"chẳng còn đói rét, đau buồn nào đe doạ"* em nữa. Hai bà cháu *"đã về chầu Thượng đế"*.

Cái tài của An-đéc-xen là đã nói về cái chết của em bé bán diêm, chết đói, chết rét trong tuyết mà không gợi ra sự bi thảm hãi hùng. Em chưa chết và em không chết! Em đã cùng bà nội giã từ cái hiện thực cay đắng, phũ phàng và côi cút này để bước sang thế giới mới tươi đẹp hơn, hạnh phúc hơn. Đó là nơi mơ ước của em: lên trời với Thượng đế chí nhân. Hình ảnh em bé bán diêm chết nằm trên tuyết, giữa những bao diêm, trong đó có một bao đã đốt hết nhẵn *"cô đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười"* trong ngày mồng một Tết là một hình ảnh nhiều ý nghĩa gợi lên bao xót xa trong lòng người. Bầu trời thì xanh nhạt, mặt trời lên chói chang, tuyết vẫn phủ mặt đất. Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà. Và họ bảo nhau: *"Chắc nó muốn sưởi cho ấm!"*. Trái đất và bầu trời vẫn đẹp. Vẫn có kẻ vô tình trước nỗi đau của đồng loại. Đời vẫn nhiều nghịch cảnh đau buồn như *"tuyết vẫn phủ kín mặt đất"*. Ai mà biết được *"cảnh huy hoàng lúc hai bà cháu bay lên để đón lấy những niềm vui đầu năm"*".

Đọc truyện "*Cô bé bán diêm*", hình tượng ngọn lửa - diêm là hình tượng lấp lánh nhất. Đó là ngọn lửa của ước mơ tuổi thơ về mái ấm gia đình, về ấm no và hạnh phúc, được ăn ngon và vui chơi, ước mơ về tình thương gia đình mà ông bà, cha mẹ đem lại cho con cháu. Từ ngọn lửa - diêm đã hóa thành những ngôi sao trên trời,... để soi đường cho em bé bay lên với Thượng đế. Qua ngọn lửa và ngôi sao sáng, An-đéc-xen đã cảm thông, trân trọng, ngợi ca những mơ ước hoặc là bình dị hoặc là kì diệu của tuổi thơ. Vẻ đẹp nhân văn của truyện "*Cô bé bán diêm*" được thể hiện tài tình qua hình tượng ngọn lửa. Và ông cũng nhắc khẽ mọi người phải biết san sẻ tình thương, đừng có phũ phàng hoặc vô tình trước nỗi đau, bất hạnh của các em nhỏ. An-đéc-xen có một lối viết nhẹ nhàng. Giá trị nhân bản của truyện "*Cô bé bán diêm*" giúp ta thấy được, ông là nhà văn của "*mọi thời, mọi người và mọi nhà*" như Huy-gô đại văn hào Pháp đã nói. Hãy nghĩ đến và phấn đấu vì một NGÀY MAI - một NGÀY MAI đẹp - cho tuổi thơ trong ấm no, hạnh phúc và ca hát, hòa bình.

Đáp án đề 8

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Trả lời	C	A	D	A	E	C	D	C	B	D

Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Trả lời	E	A	E	B	C	D	A	D	A	B

ĐỀ 9 + 10

*** Đánh nhau với cối xay gió (trích Đôn Ki-hô-tê).**
*** Tình thái từ.**
*** Luyện tập viết đoạn văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.**

1. Xéc-van-tétx (1547-1616) là nhà văn lỗi lạc của nước nào thời Văn hoá Phục hưng?

A. Pháp **B.** Ý **C.** Tây Ban Nha **D.** Anh

2. Đôn Ki-hô-tê, nhân vật chính của truyện là một nhân vật thế nào?

A. Một anh hùng

B. Một hiệp sĩ

C. Một con người mụ mẫm học đòi hiệp sĩ phiêu lưu.

D. Một anh hùng phò nguy cứu đời.

3. Đoạn trích "Đánh nhau với cối xay gió" được tác giả viết bằng cảm hứng gì?

A. Ca ngợi **B.** Châm biếm

C. Đồng tình **D.** Không biểu lộ thái độ, tình cảm gì cả.

4. Ngoài nhân vật Đôn Ki-hô-tê, trong đoạn trích, tác giả còn nhắc đến những nhân vật nào nữa?

A. Giám mã Xan-chô Pan-xa.

B. Nàng Đuyn-xi-nê-a, tình nương xinh đẹp của Đôn Ki-hô-tê.

C. Những chiếc cối xay gió.

D. Gã khổng lồ Bri-a-rê-ô.

E. Lão pháp sư Phơ-re-xtôn.

F. Gồm tất cả A, B, C, D, E.

5. Với Đôn Ki-hô-tê thì những cối xay gió giữa đồng là những kẻ nào?

A. Ba bốn chục tên khổng lồ ghê gớm.

B. Gã khổng lồ Bri-a-rê-ô.

C. Lão pháp sư Phơ-re-xtôn.

6. Câu nói của giám mã Xan-chô: *"Thưa ngài, xuất hiện ở kia chẳng phải là tên khổng lồ đâu mà chỉ là những cối xay gió..."* ***cho thấy anh ta là một con người như thế nào?***

A. Đang mơ màng trong men rượu.

B. Rất tỉnh táo, có đầu óc thực tế.

C. Một kẻ hèn nhát.

D. Đầu độc, mất trí.

7. Câu nói của Đôn Ki-hô-tê thể hiện tâm lí, tính cách gì?

"Vận may run rủi khiến cho sự nghiệp của chúng ta tốt đẹp quá sự mong muốn, vì kia kìa, anh bạn Xan-chô Pan-xa ơi, có đến ba bốn chục tên khổng lồ ghê gớm, ta quyết giao chiến giết hết bọn chúng; và với những chiến lợi phẩm thu được,

chúng ta sẽ bắt đầu giàu có. Đây là một cuộc chiến đấu chính đáng, và quét sạch cái giống xấu xa này khỏi mặt đất là phụng sự Chúa đấy".

A. Một hiệp sĩ chân chính sống và chiến đấu vì một lí tưởng: trừ ác, phò nguy, cứu đời, phụng sự Chúa và làm giàu.

B. Một kẻ mụ mẫm vì đã bị đầu độc bởi các sách hiệp sĩ phiêu lưu, mơ mộng hão huyền.

C. Một kẻ ngông cuồng rồ dại.

D. Một kẻ làm trò cười cho thiên hạ.

8. Hãy đọc diễn cảm đoạn văn sau:

"Vừa lúc đó nổi lên một làn gió nhẹ và các cánh quạt lớn của những chiếc cối xay gió bắt đầu chuyển động; thấy thế, Đôn Ki-hô-tê liền nói: "Dù cho bọn ngươi có vung nhiều cánh tay hơn cả gã khổng lồ Bri-a-rê-ô, các ngươi cũng sắp phải đền tội". Nói xong, lão nhiệt thành tâm niệm cầu mong nàng Đuyn-xi-nê-a của mình cứu giúp cho trong lúc nguy nan này; rồi lấy khiên che kín thân, tay lăm lăm ngọn giáo, lão thúc con Rô-xi-nan-tê phi thẳng tới chiếc cối xay gió gần nhất ở trước mặt, và đâm mũi giáo vào cánh quạt; gió làm cánh quạt quay tít khiến ngọn giáo gãy tan tành, kéo theo cả ngựa và người ngã văng ra xa.

Xan-chô Pan-xa vội thúc lừa chạy đến cứu, và khi tới nơi thì thấy chủ nằm không cựa quậy: đó là kết quả cái ngã như trời giáng của lão và con Rô-xi-nan-tê".

- Cho biết trong cảnh này, tác giả đã sử dụng những phương thức biểu đạt nào?

A. Tự sự **B.** Miêu tả

C. Kết hợp tự sự với miêu tả **D.** Thuyết minh.

9. Ý nào nói đúng nguyên nhân thất bại thảm hại của Đôn Ki-hô-tê trong cuộc đánh nhau với cối xay gió?

A. "Tôi đã chẳng bảo ngài rằng phải coi chừng cẩn thận đấy ư, rằng đó chỉ là những chiếc cối xay gió, ai mà chẳng biết thế, trừ kẻ nào đầu óc cũng quay cuồng như cối xay!".

B. "Chính lão pháp sư Phơ-re-xtôn trước đây đã đánh cắp thư phòng và sách vở của ta, bây giờ lại biến những tên khổng lồ thành cối xay gió để tước đi của ta niềm vinh quang đánh bại chúng, vì lão thâm thù ta lắm cơ..."

C. Vì nàng Đuyn-xi-nê-a không đến cứu giúp.

D. Vì gió bất ngờ nổi lên.

10. Câu nói:** "Đúng thế, ta không kêu đau là vì các hiệp sĩ giang hồ có bị thương thế nào cũng không được rên rỉ, dù xổ cả gan ruột ra ngoài". **Chọn cách đánh giá:

A. Đó là khẩu khí và cách ứng xử của một hiệp sĩ chân chính.

B. Sống đua đòi các hiệp sĩ giang hồ qua sách hiệp sĩ phiêu lưu.

C. Lối nói khoe mẽ, buồn cười.

D. Quá mụ mẫm quay cuồng.

11. Hình ảnh Xan-chô ngồi ăn và tu rượu ngon lành khi ngồi trên lưng lừa, nằm ngủ say suốt đêm dưới các vòm cây, và suy nghĩ "cái nghề đi tìm kiếm chuyện phiêu lưu này dù có nguy hiểm đến đâu cũng chẳng vất vả gì mà lại thoải mái nữa là khác" - đã cho thấy anh giám mã là người như thế nào?

A. Vai u thịt bắp, vô tâm vô tư.

B. Lấy chuyện ăn ngủ và uống rượu làm thú vui.

C. Sống thoải mái, tự nhiên.

D. Gồm tất cả A, B, C.

12. Sau chiến bại vì sao Đôn Ki-hô-tê không ăn không ngủ?

A. Chỉ nghĩ đến chinh chiến phiêu lưu.

B. Quá mụ mẫm.

C. Nhớ tới tình nương Đuyn-xi-nê-a và học đòi cách sống của các hiệp sĩ giang hồ mà lão ta từng đọc trong sách.

D. Coi thường chuyện ăn uống, cho đó là chuyện tầm thường.

13. Tình thái từ là gì?

Tình thái từ là những từ được thêm vào câu để cấu tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán, và để biểu thị các sắc thái tình cảm của người nói.

A. Đúng **B.** Sai

14. Đọc đoạn thơ sau và cho biết tác dụng của tình thái từ (đã in đậm) là thế nào?

*"Hãy quên đi mọi lo âu, mẹ **nhé***
Đừng buồn phiền quá đỗi về con.
Mẹ chớ đi đi lại lại trên đường
Khoác tấm áo quàng xưa cũ nát".

("Thư gửi mẹ" - Ê-xê-nin)

A. Tình thái từ trong câu nghi vấn.

B. Tình thái từ trong câu cầu khiến.

C. Tình thái từ trong câu cảm thán.

15. Có phải chữ "chứ" trong ví dụ sau là tình thái từ biểu lộ sự băn khoăn lo lắng và được thêm vào câu để cấu tạo câu nghi vấn?

Bà lão láng giềng lại lật đật chạy sang. "Bác trai đã khá rồi chứ?"

(Trích "Tắt đèn")

A. Sai **B.** Đúng

16. Đọc đoạn văn sau và cho biết:

"... Các giọng hát tựa như khi gần khi xa, lúc bổng lúc trầm, lúc là giọng kim phát ra từ cuống họng với những luyến láy thánh thót kiểu xứ Ti-rôn. Đó không phải là bài hát mà là phác thảo diễn luyện nhẹ nhàng của một bài hát. Tôi không thể hiểu đó là cái gì, nhưng nghe rất tuyệt. Những hợp âm ghi-ta yếu ớt, say đắm đó, giai điệu nhẹ nhõm dễ nghe đó và hình bóng đơn độc của con người nhỏ bé vận đồ đen giữa khung cảnh huyền ảo của mặt hồ tối thẳm, giữa ánh trăng tỏa sáng, với hai nóc nhọn lớn trên đỉnh tháp lâm li vươn cao và những bóng cây dương hình

chóp ở trong vườn, tất cả những cái đó đến lạ lùng, những đẹp khôn tả, hoặc là tôi tưởng như vậy.

Mọi ấn tượng bất giác, vô bờ của cuộc sống bỗng chốc trở nên có ý nghĩa và đáng yêu đối với tôi. Tựa hồ như có một bông hoa nhỏ tươi tắn, ngọt ngào nở bừng trong hồn tôi. Thay vào sự mệt mỏi lờ đãng, dửng dưng với mọi thứ trên đời trong giây phút trước đó, tôi bỗng cảm thấy nhu cầu yêu thương, hi vọng tràn đầy và niềm vui sống không duyên cớ. Mong muốn gì, ước ao gì? - tôi bất giác nói - đấy, nó đấy, từ khắp mọi phía cái đẹp và chất thơ đang vây bọc lấy anh. Có bao nhiêu sức lực anh hãy căng lồng ngực mà hít thở lấy nó, hãy hưởng thụ cho thỏa thích những gì mà anh còn cần! Tất cả là của anh, tất cả là hạnh phúc...".

(Trích truyện "Luy-xer-nơ" - Lep Tôn-xtôi)

A. Chỉ có tự sự | B. Chỉ có miêu tả

C. Chỉ có biểu cảm. | D. Kết hợp tự sự, miêu tả với biểu cảm.

17. ***Tóm tắt cảnh "Đánh nhau với cối xay gió"***

Bài làm

Đôn Ki-hô-tê lại dấn thân vào chinh chiến. Thầy cưỡi ngựa đi trước, trò cưỡi lừa theo sau. Chợt nhìn thấy ba bốn chục cối xay gió giữa đồng, Đôn Ki-hô-tê cho đó là lũ khổng lồ hung tợn phải xông ra kết liễu đời chúng. Nhất định sẽ giàu to, sau khi đánh thắng thu chiến lợi phẩm. Mặc cho giám mã Xan-trô Pan-xa can ngăn, Đôn Ki-hô-tê vẫn hăng máu thúc con chiến mã Rô-xi-nan-tê xông lên. Vừa lúc ấy, gió thổi mỗi lúc một mạnh. Lão hiệp sĩ vừa thét lớn vừa xông vào bắt bọn khổng lồ đền tội! Gió nổi lên dữ dội, cánh quạt quay tít khiến ngọn giáo gãy tan tành, cả người lẫn ngựa ngã chổng kềnh ra đất. Giám mã thúc lừa tới cứu thì thấy chủ nằm không cựa quậy sau cái ngã như trời giáng. Sau khi hồi tỉnh, Đôn Ki-hô-tê cho rằng pháp sư Phơ-re-xtôn đã đánh cắp thư phòng và sách vở của mình, nay lại tước mất phần vinh quang chiến thắng.

Xan-trô vực Đôn Ki-hô-tê ngồi lên ngựa, hai người lại tiếp tục tiến lên. Tuy buồn phiền về chuyện mất ngọn giáo, nhưng Đôn Ki-hô-tê vẫn cảm khái nhắc lại chuyện hiệp sĩ Va-gax lúc chiến đấu bị gãy gươm đã nhổ cây sồi làm vũ khí, giết được bao quân giặc Mô-rô, trở thành "*Hiệp sĩ diệt dịch*" lừng danh. Đôn Ki-hô-tê cao hứng nói mình sẽ nhổ một cây sồi làm vũ khí và sẽ lập nên những chiến công mới phi thường.

Hai thầy trò nói chuyện. Thầy tuyên bố mình không kêu đau vì các hiệp sĩ giang hồ có bị thương cũng không được rên rỉ. Còn giám mã thì được Đôn Ki-hô-tê cho phép cứ việc rên la vì cho tới nay chưa thấy sách kiếm hiệp nào ngăn cấm cả!

Đến bữa ăn, thầy bảo chưa muốn ăn, còn giám mã ngồi trên mình lừa ăn một cách khoái trá, tu rượu ngon lành. Xan-trô Pan-xa cảm thấy cái nghề đi tìm kiếm chuyện phiêu lưu tuy có nguy hiểm song không đến nỗi vất vả!

Đêm đó, hai thầy trò ngủ dưới gốc cây. Đôn Ki-hô-tê bẻ một cành khô lắp vào cán gãy làm thành một ngọn giáo. Suốt đêm thao thức chỉ nhớ tới tình nương Đuyn-xi-nê-a. Xan-trô Pan-xa thì ngủ một giấc đến sáng, vừa mở mắt đã

tu rượu, chỉ lo bầu rượu đã vơi khó tìm được nơi mua rượu. Còn lão hiệp sĩ không ăn sáng, vì theo lão nói, chỉ cần nghĩ đến người yêu cũng đủ no rồi.

18. Phân tích và nêu cảm nghĩ về cảnh "Đánh nhau với cối xay gió" trích trong tác phẩm "Đôn Ki-hô-tê".

Bài làm

Cuốn tiểu thuyết *"Đôn Ki-hô-tê"* là một kiệt tác sáng ngời chủ nghĩa nhân văn cao đẹp, là một trong những tác phẩm vĩ đại nhất thời Phục hưng. Nó đã làm tên tuổi Xéc-van-tex trở thành bất tử, sống mãi trong lòng nhân loại cùng với những tên tuổi lừng danh như Sếc-xpia, Ra-bờ-le,... - vị trí vinh quang của những người đặt nền móng cho nền văn học thời đại mới.

Xéc-van-tex đã viết cuốn tiểu thuyết này trong vòng 10 năm (1605 - 1615); ông viết trong nghèo khổ và nghiệt ngã của cuộc đời. Khi tập II ra đời, cuốn tiểu thuyết trọn bộ thì chỉ một năm sau nhà văn qua đời.

Đôn Ki-hô-tê xuất thân là một lão quý tộc nghèo ở nông thôn tên là Ki-ha-da. Người lão gầy gò, cao lênh khênh, và trạc năm chục tuổi. Lão say mê các truyện hiệp sĩ phiêu lưu, đầu óc lão ngày một trở nên mụ mẫm, chìm đắm trong mộng tưởng hão huyền. Lão mơ ước trở thành một hiệp sĩ giang hồ đi khắp nước Tây Ban Nha, phò đời cứu nguy, diệt trừ lũ khổng lồ yêu quái, thiết lập lại trật tự và công lí, để lại bao chiến công oanh liệt cho đời.

Con ngựa gầy được lão phong cho cái tên rất oai: chiến mã Rô-xi-nan-tê. Lão tự xưng là hiệp sĩ Đôn Ki-hô-tê xứ Mantra. Anh nông dân lùn, cục mịch được lão phong tước: giám mã Xan-trô Pan-xa. Đã là hiệp sĩ thời thượng thì phải có tình nhân. Lão nhớ ngay một phụ nữ mà lão thầm yêu trộm nhớ thời còn trai trẻ, lão liền ban cho ả nhà quê này một cái tên rất quý tộc, mĩ miều: Công nương Đuyn-xi-nê-a duy Tô-bô-xô. Lão làm lễ thụ phong trước ngày lên đường chinh chiến. Có một chi tiết khá thú vị là trong lễ thụ phong này tại quán trọ, hai ả gái điếm được nhà hiệp sĩ xứ Man-tra ban tước thành 2 công nương vô cùng tôn quý. Hài hước nhất là lão tìm được binh khí, giáp trụ của tổ tiên đã han gỉ, rồi lão sửa chữa, đánh bóng lại để tự vũ trang cho mình.

Đó là những điều cần biết về hiệp sĩ Đôn Ki-hô-tê khi chúng ta tìm hiểu chuyện *"Đánh nhau với cối xay gió"* của lão. Sau trận đánh nhau với bọn lái buôn vì họ không chịu nhận công nương Đuyn-xi-nê-a là đẹp nhất trần gian, Đôn Ki-hô-tê bị nện một trận nhừ tử, bị bắt đưa về làng một thời gian, giờ đây lão lại ra đi với mộng chiến công mới. Lần này có quan giám mã Xan-trô Pan-xa theo hầu. Trận đánh nhau với lũ cối xay gió là một trận đánh nảy lửa là đỉnh cao của màn hài kịch, chế giễu những kẻ ngông cuồng, mê muội, luôn luôn sống trong mộng tưởng hão huyền.

Trận đánh diễn ra vào lúc ban trưa. Từ xa nhìn thấy ba bốn chục cối xay gió giữa đồng, hiệp sĩ xứ Man-tra reo lên vì *"vận may"* đã tới, quân địch là *"mấy chục tên khổng lồ hung tợn"*, mà cánh tay mỗi đứa dài tới gần 2 dặm. Không biết là lão có hay mỗi dặm dài đến 432 mét, đâu phải vừa? Lão phải kết liễu đời lũ khổng lồ yêu quái này, trước là để thu chiến lợi phẩm mà trở nên giàu sang phú quý, sau nữa là quét sạch cái giống xấu xa này khỏi trái đất và để

"*phụng sự Chúa*". Phải công bằng mà nói rằng, tuy lão có "*nhìn gà hóa cáo*" nhưng mục tiêu chiến đấu của lão không kém phần thiêng liêng! Mặc dù đã bị giám mã Xan-trô Pan-xa hết lời can ngăn, nhưng lão hiệp sĩ bỏ ngoài tai hết. Trước khi đánh nhau, Đôn Ki-hô-tê ăn nói rất "*hùng hồn*". Lúc thì nạt quan giám mã: "*Nếu anh sợ thì hãy mau mau lánh ra xa mà cầu kinh trong lúc ta đương đầu với chúng trong một cuộc giao tranh gay go và chênh lệch*". Lúc thì lão hiệp sĩ thét lớn, đằng đằng sát khí: "*Lũ súc sinh kia, không được chạy trốn ! Có ta là hiệp sĩ một thương một mã đến đọ sức với bọn ngươi đây !*". Lúc thì oai phong lẫm liệt cảnh cáo: "*Dù cho bọn ngươi có vung nhiều cánh tay hơn cả khổng lồ Bri-a-rê-ô, các ngươi cũng phải đền tội !*". Trước lúc vào giao phong với lũ khổng lồ này mà cánh tay mỗi đứa dài gần bằng 2 dặm thì khổng lồ Bri-a-rê-ô xa xưa dù có đến 100 cánh tay cũng chẳng so sánh được, vì thế Đôn Ki-hô-tê không quên "*cầu cứu nàng Đuyn xi-nê-a phù hộ và giúp cho trong cơn nguy biến này*". Tư thế của lão hiệp sĩ vô cùng dũng mãnh, hiên ngang "*lấy khiên che kín thân, tay lăm lăm ngọn giáo, thúc con Rô-xi-nan-tê phi thẳng tới chiếc cối xay gió gần nhất*". Lão đã "*đâm mũi giáo vào cánh quạt cối xay*". Tưởng là lũ khổng lồ sẽ máu đổ xương tan. Ai ngờ "*gió nổi lên dữ dội, cánh quạt quay tít khiến ngọn giáo gãy tan tành*". Đây là hình ảnh lão hiệp sĩ lừng danh trên chiến địa: "*Cả người lẫn ngựa ngã chổng kềnh ra đất*". Và lúc quan giám mã thúc lừa tới cứu thì đã thấy chủ tướng "*nằm không cựa quậy sau cái ngã như trời giáng*".

Đoạn văn hài hước hóm hỉnh. Nghệ thuật dựng cảnh và kể chuyện rất tài tình làm hiện lên một trận đánh thời trung cổ. Có dàn trận. Có đấu khẩu trước lúc giao phong. Có cảnh đánh nhau dữ dội, quyết tử. Có bãi chiến trường sau trận đánh diễn ra. Hiệp sĩ Đôn Ki-hô-tê là một "*người hùng*" đích thực sống trong ảo tưởng hão huyền, sự mụ mẫm đã lên đến cực độ, cối xay gió mà lão cho là khổng lồ quái vật! Ngôn ngữ khoác lác, trống rỗng, đại ngôn, cũng thét vang lúc xung trận. Cử chỉ, điệu bộ và hành động cũng rất tự tin, đàng hoàng, cực kỳ oai phong lẫm liệt! Đúng là coi cái chết nhẹ tựa lông hồng! Hình ảnh Đôn Ki-hô-tê nằm không cựa quậy trên mặt đất trước cặp mắt của quan giám mã là nét vẽ biếm họa đặc sắc nhất có giá trị chế giễu tầng lớp hiệp sĩ thời trung cổ đã lỗi thời! Người đọc không nhịn được cười khi lão hiệp sĩ cầu cứu tình nương trước lúc giao đấu!

Câu chuyện giữa hai thầy trò sau trận đánh nhau với cối xay gió cũng cực kì thú vị. Chết mà nết không chừa! Bị thảm bại nhục nhã mà vẫn còn khoác lác. Trước lời an ủi của quan giám mã, Đôn Ki-hô-tê đã chỉ cho anh béo lùn biết rằng cái nghề cung kiếm "*luôn luôn biến chuyển*", nghĩa là sự thắng, bại là chuyện bình thường. Nguyên nhân thất bại theo Đôn Ki-hô-tê rất bất ngờ vì lão pháp sư Phơ-re-xtôn đã đánh cắp mất "*sách vở*" báu bối của lão. Hắn đã "*thâm thù ta*", hắn đã tước mất phần vinh quang chiến thắng của ta! Đúng là khẩu khí của hiệp sĩ xứ Man-tra lừng danh thiên hạ!

Thương cho con ngựa gầy nhom "*bị toạc nửa lưng*" vẫn phải cõng chủ. Đôn Ki-hô-tê quyết định đi về phía cảng, hy vọng "*sẽ gặp được nhiều chuyện mạo hiểm khác*" mà thi thố tài năng. Hiệp sĩ tỏ ra rất buồn phiền về cái giáo bị

gãy. Cái vốn sách vở kiếm hiệp lại ru lão ta vào giấc mộng hão huyền. Lão nhắc tới hiệp sĩ Tây Ban Nha ngày xưa là Va-gax, giữa trận đánh, gươm bị gãy, đã nhổ cây sồi làm vũ khí tiêu diệt quân Mô-rô, nhờ thế mà trở nên bất tử với biệt hiệu "*Hiệp sĩ diệt địch*", làm rạng rỡ cháu con đời đời. Kể lại câu chuyện ấy, Đôn Ki-hô-tê muốn nói lên chí hướng mình muốn theo gương người xưa, cũng sẽ nhổ cây sồi để diệt địch, sẽ lập nên "*những chiến công phi thường*" mà quan giám mã sẽ là người có diễm phúc được mục kích! Qua đó, ta thấy Đôn Ki-hô-tê vẫn kiêu hùng, tự tin, đầu óc anh ta quá mê muội, khoác lác đến cực độ!

Khi giám mã "*thật thà*" nhắc lại sự thất trận vừa qua, cái ngã chắc hẳn "*làm ngài vẹo vọ hẳn đi*" thì chàng hiệp sĩ hồn nhiên trả lời: "*Đúng thế ! Và nếu ta không kêu đau là vì các hiệp sĩ giang hồ có bị thương cũng không được rên rỉ, dù sổ cả ruột ra ngoài*". Đó cũng là một nét rất "*anh hùng*" của Đôn Ki-hô-tê! Khi Xan-trô tâm sự là nếu có bị gai đâm cũng kêu lên thì ông chủ tại ba đã "*không nín được cười*", đĩnh đạc nói với giám mã: "*cứ việc rên la*" vì "*cho tới nay chưa thấy sách kiếm hiệp nào ngăn cấm cả*".

Phần cuối là chuyện ăn, chuyện ngủ của hai thầy trò chàng hiệp sĩ. Hai thầy trò cùng đi giang hồ, với "*lý tưởng*" dẹp bất công, cứu nguy phò đời nhưng trong tâm hồn, tính cách là hai thế giới riêng biệt! Đến giờ ăn, Đôn Ki-hô-tê không hiểu vì sao mà "*chưa muốn ăn*". Còn Xan-trô, sau khi được phép chủ, ngồi thoải mái trên lưng lừa "*ăn một cách khoái trá*", nghiêng bầu rượu "*tu một hơi ngon lành*". Đúng là "*dĩ thực vi thiên*", Xan-trô vừa nhấm rượu, quên cả những lời hứa hẹn của chủ phong anh ta làm thống đốc sau này, vừa vui vẻ suy ngẫm về cái nghề đi tìm kiếm chuyến phiêu lưu "*tuy có nguy hiểm song không đến nỗi vất vả*". Đó cũng là một nét vẽ hài hước về sự "*cái miếng ăn gần, cái ước mơ xa*" ở đời!

Đêm đến, hai thầy trò nằm dưới gốc cây. Giám mã sau khi đánh chén no say "*làm một giấc đến sáng*". Sáng dậy vừa mở mắt ra đã vớ ngay bầu rượu, bác hơi buồn vì bầu rượu đã vơi đi, mà quãng đường này khó đào đâu ra rượu để đổ vào cho đầy! Trái lại, Đôn Ki-hô-tê thì suốt đêm thao thức. Chàng đã bẻ "*một cành khô*" lắp vào cán gẫy làm thành một ngọn giáo! Chàng trằn trọc thâu đêm vì thương nhớ tình nương Đuyn xi-nê-a. Chiều qua đã nhịn, sáng nay lại không ăn, chẳng phải là Đôn Ki-hô-tê bị đau nên không ăn được, mà là chàng đang sống trong mộng mị, vì chỉ "*nghĩ đến người yêu cũng đủ no rồi !*".

Nhân vật giám mã Xan-trô là một nhân vật phụ, một nét vẽ bổ trợ nhưng rất sống động. Một mặt, nó có giá trị làm nổi bật tính cách ngông cuồng, mụ mẫm, ôm ấp những mộng tưởng hão huyền của Đôn Ki-hô-tê về cuộc đời hiệp sĩ, mặt khác, thể hiện một quan niệm sống phác thực, hồn nhiên, giản dị... của những người dân quê yêu đời, thiết thực.

"*Đánh nhau với cối xay gió*" là một trang đời, một trong những "*chiến công oanh liệt*" của Đôn Ki-hô-tê hiệp sĩ xứ Man-tra đã ghi vào sử sách! Xéc-van-tex đã sử dụng thủ pháp trào lộng, phóng đại và tương phản đối lập trong kể chuyện để dựng cảnh, đã làm hiện lên một trang hiệp sĩ Tây Ban Nha thời Trung

cổ đã lỗi thời! Đằng sau câu văn, dòng chữ, ta luôn luôn bắt gặp nụ cười hóm hỉnh của Xéc-van-tex. Đằng sau nụ cười chế giễu của nhà văn là sự đề cao trong một chừng mực nhất định tình yêu tự do, bình đẳng, sống thiết thực yêu đời... mang tính nhân văn.

Đáp án đề 9 + 10

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trả lời	C	C	B	F	A	B	B	C	A	B	D	C	A	B	B	D

ĐỀ 11

*** Chiếc lá cuối cùng**
*** Chương trình địa phương (phần Tiếng Việt)**
*** Lập dàn ý cho bài văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm**

1. O' Hen-ri (1862-1910) là nhà văn nước nào?

A. Pháp **B.** Nga

C. Mĩ **D.** Tây Ban Nha.

2. "Chiếc lá cuối cùng" của O' Hen-ri được sáng tác bằng thể loại nào?

A. Bút kí **B.** Hồi kí

C. Tiểu thuyết **D.** Truyện ngắn

3. Đọc đoạn văn sau và cho biết:

"Nhưng, ô kìa ! Sau trận mưa vùi dập và những cơn gió phũ phàng kéo dài suốt cả một đêm, tưởng chừng như không bao giờ dứt, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng trên cây. Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa lá hình răng cưa đã nhuốm màu vàng úa, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ".

- Đây là sự ngạc nhiên của ai?

A. Bác sĩ **B.** Cụ già Bơ-men

C. Cô Xiu **D.** Cô Giôn-xi

4. Qua đoạn văn trên, tác giả đã dùng biện pháp tu từ nào để miêu tả chiếc lá cuối cùng?

A. So sánh **B.** Nhân hoá

C. Điệp ngữ **D.** Ẩn dụ

5. Cụm từ "chuyến đi xa xôi bí ẩn" trong câu văn: "Cái cô đơn nhất trong khắp thế gian là một tâm hồn đang chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi xa xôi bí ẩn của mình" là một ẩn dụ để nói về gì?

A. Chỉ một chuyến đi chơi xa.

B. Nói về cái chết.

C. Chỉ sự bất lực, mệt mỏi.

D. Nói về sự ân hận, day dứt.

6. Những chi tiết sau đây nói lên điều gì về Giôn-xi?

- Giờ thì chị có thể cho em xin tí cháo và chút sữa pha ít rượu vang đỏ.

- Chị Xiu thân yêu ơi, một ngày nào đó em hi vọng sẽ được vẽ vịnh Na-plơ.

- Và buổi chiều hôm đó, Xiu tới bên giường Giôn-xi nằm, thấy Giôn-xi đang vui vẻ đan một chiếc khăn choàng len màu xanh thẫm rất vô dụng, chị ôm lấy cả người Giôn-xi lẫn những chiếc gối.

A. Giôn-xi rất đói.

B. Giôn-xi nói lời giã biệt - vĩnh biệt.

C. Giôn-xi muốn để lại một kỉ niệm cho Xiu trước khi mất.

D. Giôn-xi bình phục dần, tử thần đã bị đánh lui.

7. Đọc đoạn cuối và đọc chậm mấy dòng này:

"... Em thân yêu ơi, em hãy nhìn ra ngoài cửa sổ, nhìn chiếc lá thường xuân cuối cùng ở trên tường. Em có lấy làm lạ tại sao chẳng bao giờ nó rung rinh hoặc lay động khi gió thổi không? Ồ, em thân yêu, đó chính là kiệt tác của cụ Bơ-men - cụ vẽ nó ở đấy vào cái đêm mà chiếc lá cuối cùng đã rụng".

Hãy chọn ý trả lời đúng:

A. Thể hiện niềm vui của chị Xiu.

B. Chị Xiu báo cho Giôn-xi biết điều bí mật "*vẽ chiếc lá cuối cùng*".

C. Chị Xiu muốn lưu ý Giôn-xi hãy nhìn cho kĩ chiếc lá cuối cùng trên cây thường xuân.

D. Chị Xiu muốn nói cho Giôn-xi biết cụ Bơ-men đã cứu sống Giôn-xi, và cụ là ân nhân của hai chị em mình.

8. Tại sao chị Xiu lại nói chiếc lá cuối cùng là kiệt tác của cụ Bơ-men?

A. Một bức vẽ

B. Một bức hoạ độc đáo.

C. Một bức tranh có ích đem lại sự sống và niềm vui cho đồng loại.

D. Một tấm lòng cao cả.

E. Gồm tất cả A, B, C, D.

9. Truyện "Chiếc lá cuối cùng" rất đặc sắc, có tình huống bất ngờ, hấp dẫn. Em thấy thế nào?

A. Đúng　　　　　　　　**B.** Không đúng

10. Có ý kiến cho rằng: *Truyện "Chiếc lá cuối cùng" là một tác phẩm đặc sắc có 2 chủ đề:*

- Ca ngợi tấm lòng cao cả, nhân hậu, giàu đức hi sinh.

- Chỉ rõ nghệ thuật chân chính là nghệ thuật hướng tới con người, vì hạnh phúc của con người.

Ý kiến em thế nào?

A. Không nhất trí.　　　　　　　　**B.** Đồng ý.

11. Có bạn đã khẳng định rằng từ "mẹ" là tiếng phổ thông, còn các tiếng: "bầm má, u" trong các ví dụ sau là tiếng địa phương. Em cho là đúng hay sai?

- *"Con ra tiền tuyến xa xôi*
Yêu bầm yêu nước cả đôi mẹ hiền"

("Bầm ơi" - Tố Hữu)

"Nghìn muôn gian khổ chẳng nề
Má chờ con nhé, con về, má ơi!"

("Chung một lời thề" - Nguyễn Bính)

"U tôi ngày ấy mỗi mùa xuân,
Dặm liễu mây bay sắc trắng ngần.
Lại dẫn chúng tôi về nhận họ,
Bên miền quê ngoại của hai thân".

("Đường về quê mẹ" - Đoàn Văn Cừ)

A. Sai B. Đúng

12. Đọc truyện sau và tìm các yếu tố miêu tả và biểu cảm kết hợp với tự sự. Một truyện ngắn, kết hợp rất chặt chẽ và mạch lạc.

Con chim hồng

1. Một người đi săn ở Thiên Tân đem bẫy vào rừng đánh bắt được một con chim hồng mái rất đẹp. Bỏ chim vào lồng, đem về. Con chim trống cứ bay theo, cất tiếng kêu rất ai oán. Con trống bay theo về tận nhà người đi săn, kêu khóc như van xin cho đến tối mịt mới chịu bay đi.

2. Mờ sáng hôm sau, người đi săn dậy mở cửa đã nhìn thấy con chim trống đậu trước sân. Chim vẫy cánh nhịp nhàng như có ý ra hiệu gì. Người đi săn lại gần, định bắt lấy cho được cả đôi. Chim trống vươn cao cổ, nhả ra một cục vàng rất to, sáng lấp lánh. Người đi săn chợt hiểu, hỏi: "*Muốn chuộc vợ sao?*" Bèn thả con chim mái ra. Đôi chim mừng mừng tủi tủi, quanh quẩn mãi, chưa nỡ bay đi...

3. Người đi săn cân vàng. Được hai lạng sáu đồng cân. Cầm cục vàng trên tay., anh ta xúc động nghĩ: "*Cầm thú không biết gì mà còn chung tình thế? Có nỗi buồn nào bằng nỗi buồn của đôi lứa phải chia lì. Loài cầm thú cũng thế ư?...*".

(Theo "Liêu trai chí dị")

13. Phân tích và nêu cảm nghĩ về truyện "Chiếc lá cuối cùng" của O Hen-ri.

Bài làm

Đọc truyện"*Chiếc lá cuối cùng*", lúc đầu người đọc cứ đinh ninh là cô Giôn-xi nhất định sẽ chết vì bệnh viêm phổi. Nhưng tình huống đã đảo ngược, giàu kịch tính và kết thúc bất ngờ: chiếc lá cuối cùng sắp rụng, và Giôn-xi sẽ chết. Sau một đêm bão tuyết, chiếc lá cuối cùng đã rụng mà chẳng ai hay, bức vẽ "*chiếc lá cuối cùng*" vẫn bám chắc cây thường xuân, chính chiếc lá ấy, bức vẽ kì diệu ấy đã cứu sống Giôn-xi. Cụ Bơ-men, tác giả bức vẽ ấy đã chết ở tuổi 60, sau 2 ngày bị viêm phổi nặng.

Kết thúc bất ngờ ấy, đã khắc sâu vẻ đẹp tâm hồn của nghệ sĩ già Bơ-men, đã tô đậm giá trị tư tưởng và nghệ thuật của truyện.

- Cụ Bơ-men suốt đời chưa chạm tới cái gấu áo của nàng Mĩ thuật. Cụ khao khát vẽ nên kiệt tác. "*Chiếc lá cuối cùng*" được sáng tạo nên trong gió tuyết lạnh lẽo là kiệt tác của cụ Bơ-men để lại cho đời. Kiệt tác ấy đã kết tinh bao tình thương của người nghệ sĩ chân chính. Kiệt tác ấy đã chỉ rõ nghệ thuật chân chính luôn hướng tới sự sống và hạnh phúc của con người.

- Giôn-xi đã bình phục, được cứu sống. Nhưng cụ Bơ-men đã chết vì bệnh sưng phổi. Lòng nhân ái, đức hi sinh của cụ Bơ-men tỏa sáng trang văn và cuộc đời. Cụ đã chết một cách âm thầm, lặng lẽ nhưng cao quý biết bao! Một cái thang, một cái đèn bão, những chiếc bút và máng màu... đó là kỉ vật của cụ Bơ-men để lại cùng bức tranh "*Chiếc lá cuối cùng*" mãi mãi đẹp như một bài ca.

O'Henri là cây bút truyện ngắn xuất sắc của nền văn học Mĩ đầu thế kỉ XX. Giải thưởng o'Henri là giải thưởng văn chương ở Mĩ dành cho những truyện ngắn hay nhất hàng năm. Tên tuổi nhà văn mãi mãi lưu danh hậu thế.

Truyện "*Chiếc lá cuối cùng*" tiêu biểu cho bút pháp nghệ thuật của O'Henri. Truyện chỉ có 3 nhân vật, những họa sĩ nghèo: Xiu, Giôn-xi và cụ già Bơ-men. Truyện có kết cấu chặt chẽ, hầu như không có chi tiết nào thừa, diễn biến xúc động như khi nói về trận ốm kéo dài của Giôn-xi và cái chết bất ngờ của cụ Bơ-men. Có ý kiến cho rằng:

Truyện "*Chiếc lá cuối cùng*" của O'Henri là bức thông điệp màu xanh về tình thương và sự sống của con người".

1. Truyện "*Chiếc lá cuối cùng*" của O'Henri đã thể hiện một tình bạn cao quý cảm động. Giôn-xi và Xiu là hai nữ họa sĩ trẻ, tuy nghèo mà lắm ước mơ, nhiều yêu thương. Họ gắn bó với nhau về những sở thích và về nghệ thuật mà kết thành chị em cùng chung nhau thuê một phòng họa nơi phố nghèo. Mùa đông năm ấy, chứng viêm phổi hoành hành đã "*đánh ngã hàng chục nạn nhân*". Giôn-xi cũng bị cảm lạnh, nằm liệt giường. Mọi thứ thuốc men, đều trở thành "*vô dụng*", cô yên trí là mình "*không thể khỏi được*". Giôn-xi lại bị ám ảnh, một khi chiếc lá cuối cùng của cây thường xuân phía cửa sổ rụng xuống thì cô "*cũng ra đi thôi*". Sự sụp đổ về tinh thần của cô họa sĩ trẻ bất hạnh làm cho bệnh tình ngày thêm trầm trọng.

Chính trong hoàn cảnh bi đát ấy, tình bạn được thử thách. Xiu thương đứa em nuôi vô cùng. Cô đã khóc "*đến ướt đẫm cả một chiếc khăn trải bàn Nhật Bản*". Xiu lo âu. Xiu săn sóc và hết lòng chạy chữa cho em. Xiu làm việc nhiều hơn để kiếm thêm tiền mua thuốc và thức ăn cho Giôn-xi. Khi đứa em tội nghiệp "*nằm yên lặng và trắng nhợt như một pho tượng bị đổ*" thì Xiu vẫn kiên nhẫn an ủi em. Cô nói qua làn nước mắt:

"*Em thân yêu, em yêu dấu!... Em hãy hứa với chị là hãy nhắm mắt lại và không nhìn ra ngoài cửa sổ nữa...*". Em hãy "*cố ngủ đi*"...

Xiu đã tận tình săn sóc em, lúc thì quấy nước súp gà, lúc thì pha sữa với rượu Boóc-đô, lúc thì đặt thêm gối, lúc thì mời bác sĩ, lúc thì cầu cứu bác Bơ-men. Xiu đã giành giật với tử thần để chạy chữa cho đứa em nuôi bé bỏng tội nghiệp.

Xiu là hiện thân của tấm lòng trắc ẩn vị tha, là một con người giàu đức hi sinh thầm lặng, có một trái tim nhân hậu mênh mông. Xiu là một nhân vật rất đẹp làm ta xúc động và ngưỡng mộ về một tình bạn, tình chị em thủy chung, cao quý. Nhân vật Xiu tỏa sáng "*bức thông điệp màu xanh*" của "*Chiếc lá cuối cùng*".

2. Để cứu người khỏi tai họa, có những con người đứng trước cái chết không hề sợ chết. Cụ già Bơ-men, một họa sĩ già là một con người giàu đức hi sinh như vậy. Năm ấy, cụ Bơ-men đã 60 tuổi, khắc khổ, đã 40 năm cầm bút vẽ mà vẫn không

với tới được "*gần áo vị nữ thần*" của nghệ thuật. Tuy vậy, cụ đã nói với cô Xiu: "*Một ngày kia tôi sẽ vẽ một tác phẩm kiệt xuất*". Ông không ngồi làm mẫu nữa, mà đã đứng trong cơn mưa lạnh lẽo, dai dẳng, pha lẫn tuyết đang đổ xuống, chỉ mặc một cái áo sơ mi cũ màu xanh, đứng suốt đêm âm thầm sáng tạo nên "*chiếc lá cuối cùng*", "*chiếc lá dũng cảm*". Gió bấc lồng lộn, nhưng chiếc lá thường xuân "*đơn độc*" ấy vẫn bám chắc lấy cành. Giày và áo quần cụ họa sĩ đã ướt sũng và lạnh buốt. Cụ Bơ-men đã chết vì sưng phổi. Chiếc lá cuối cùng do cụ "*vẽ*" nên đã đánh lui thần chết, cứu sống cô Giôn-xi. Quên mình để cứu người là một hành động cao cả. Cái chết của cụ già Bơ-men đẹp hơn mọi bài ca. Nếu chúa bị đóng đinh chịu nạn vì hạnh phúc của con người, thì cụ Bơ-men cao đẹp thay đã xả thân vì sự sống của Giôn-xi. Cụ đã vĩnh viễn ra đi, nhưng chiếc lá cuối cùng là một kiệt tác, cụ để lại cho đời, vì sự sống và hạnh phúc của con người thì còn lại mãi mãi. Giôn-xi khỏi bệnh, cô lặng ngắm "*tác phẩm kiệt xuất*" của cụ Bơ-men, và cô xúc động nghĩ: "*Cụ vẽ nó vào cái đêm mà chiếc lá cuối cùng đã rụng*" với tất cả tình thương và lòng biết ơn vô hạn. Hơn một thế kỉ nay, hàng triệu độc giả trên hành tinh đã cúi đầu nghiêng mình trước nghĩa cử và cái chết của họa sĩ già Bơ-men.

3. "*Chiếc lá cuối cùng*" là một trong những tác phẩm văn học nước ngoài đã đem đến cho chúng ta nhiều nhã thú. "*Bức thông điệp màu xanh*" ấy, mãi mãi tươi non trong lòng người. Tình bạn bè, tình chị em, tấm lòng nhân hậu, đức hi sinh của họa sĩ trẻ và già ấy làm cho người đọc tin yêu hơn vào lòng tốt của con người. Nó nhắn nhủ nhân loại: hãy phấn đấu cho hạnh phúc của con người, hãy đem nghệ thuật phục vụ con người. Vẻ đẹp nhân văn, giá trị nhân bản của "*Chiếc lá cuối cùng*" đã rung động tâm hồn mỗi chúng ta.

Nghệ sĩ Bơ-men đã ngã xuống vì nghệ thuật, đã hi sinh vì sự sống và hạnh phúc của con người. Nghệ thuật hướng tới con người là nghệ thuật đẹp nhất, lâu bền nhất!

Đáp án đề 11

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Trả lời	C	D	D	B	B	D	D	E	A	B	B

ĐỀ 12

* **Hai cây phong**
* **Nói quá**

1. Ai-ma-tốp là nhà văn nước nào?

A. Pháp **B.** Liên Xô (cũ)

C. Đức **D.** Ba Lan

2. "Hai cây phong" trích từ tác phẩm nào?

A. Những tấm lòng cao cả? **B.** Người thầy đầu tiên.

C. Đôn Ki-hô-tê. **D.** Chiếc lá cuối cùng.

3. Đoạn đầu: *"Làng Ku-ku-rêu chúng tôi nằm ven núi... chạy tít đến chân trời phía tây"* **có ý nghĩa gì trong câu chuyện? Chọn ý hợp lí nhất.**

A. Người kể chuyện tự hào giới thiệu về vị trí cảnh sắc làng Ku-ku-rêu thân yêu của quê hương mình.

B. Giới thiệu một phong cảnh thảo nguyên phương Bắc.

C. Bức tranh hùng vĩ về làng Ku-ku-rêu.

D. Vẻ đẹp độc đáo của một làng quê vùng Ca-dắc-xtan.

4. Đoạn văn sau đây nói về những tình cảm gì của nhân vật "tôi" đối với hai cây phong?

"Đã bao lần tôi từ những chốn xa xôi trở về Ku-ku-rêu và lần nào tôi cũng nghĩ thầm với một nỗi buồn da diết: "Ta sắp được thấy chúng chưa, hai cây phong sinh đôi ấy? Mong sao chóng về làng, chóng lên đồi mà đến với hai cây phong! Rồi sau đó cứ đứng dưới gốc cây để nghe mãi tiếng lá reo cho đến khi say sưa ngây ngất".

A. Nỗi buồn day dứt nhớ hai cây phong của người tha hương.

B. Mong được gặp lại hai cây phong.

C. Niềm vui sướng ngây ngất khi được đứng dưới gốc cây phong để nghe tiếng lá reo.

D. Tình yêu cây phong gắn liền với tình yêu làng tha thiết.

E. Gồm tất cả A, B, C, D.

5. Đọc diễn cảm đoạn văn sau:

"Trong làng tôi không thiếu gì các loại cây, nhưng hai cây phong này khác hẳn - chúng có tiếng nói riêng và hẳn phải có một tâm hồn riêng, chan chứa những lời ca êm dịu. Dù ta tới đây vào lúc nào, ban ngày hay ban đêm, chúng cũng vẫn nghiêng ngả thân cây, lay động lá cành, không ngớt tiếng rì rào theo nhiều cung bậc khác nhau. Có khi tưởng chừng như một làn sóng thuỷ triều dâng lên vỗ vào bãi cát, có khi lại nghe như một tiếng thì thầm thiết tha nồng thắm truyền qua lá cành như một đốm lửa vô hình, có khi hai cây phong bỗng im bặt một thoáng, rồi khắp lá cành lại cất tiếng thở dài một lượt như thương tiếc người nào. Và khi mây đen kéo đến cùng với bão dông, xô gãy cành, tỉa trụi lá, hai cây phong nghiêng ngả tấm thân dẻo dai và reo vù vù như một ngọn lửa bốc cháy rừng rực".

Cho biết tác giả đã sử dụng phương thức biểu đạt nào trong đoạn văn?

A. Tự sự B. Miêu tả

C. Biểu cảm D. Tự sự gắn với miêu tả và biểu cảm.

6. Trong đoạn văn trên, tác giả đã vận dụng tài tình nhiều biện pháp tu từ. Cho biết những biện pháp tu từ nào là chủ yếu?

A. So sánh và nhân hoá. B. Ẩn dụ và nhân hoá.

C. Điệp ngữ và so sánh. D. Điệp ngữ và ẩn dụ

7. Kỉ niệm nào về hai cây phong cứ in đậm mãi trong lòng nhân vật "tôi". Đó là những kỉ niệm nào?

A. Năm học cuối cùng, trước khi bắt đầu nghỉ hè, bọn con trai trèo lên hai cây phong phá tổ chim, hai cây phong nghiêng ngả đong đưa như chào mời.

B. "*Tôi*" và các bạn thi nhau "*ai can đảm và khéo léo hơn ai*" trèo mãi lên những cành cao ngất, cao đến ngang tầm cánh chim bay.

C. Sung sướng được ngắm nhìn một thế giới đẹp đẽ vô ngần của không gian bao la: chuồng ngựa của nông trang, dải thảo nguyên hoang vu, những dòng sông lấp lánh, những đám mây, đồng cỏ...

D. Gồm A, B, C.

8. Những từ in đậm trong câu văn thuộc từ loại nào?

"Chúng tôi ***ngồi nép*** *trên các cành cây,* ***lắng nghe*** *tiếng gió ảo huyền, và tiếng lá cây* ***đáp lại*** *lời gió,* ***thì thầm*** *to nhỏ về những miền đất bí ẩn đầy sức quyến rũ* ***lẩn*** *sau chân trời xa thẳm biêng biếc kia".*

A. Danh từ   B. Động từ

C. Tính từ   D. Trạng từ

9. Đọc lại đoạn văn sau đây và cho biết đoạn văn gồm những kiểu câu gì?

"Thuở ấy chỉ có một điều tôi chưa hề nghĩ đến: ai là người đã trồng hai cây phong trên đồi này? Người vô danh ấy đã mơ ước gì, đã nói những gì khi vùi hai gốc cây xuống đất, người ấy đã ấp ủ những niềm hi vọng gì khi vun xới chúng nơi đây trên đỉnh đồi cao này?".

A. Câu trần thuật   B. Câu cảm thán

C. Câu nghi vấn   D. Câu cầu khiến

10. Chọn một ý tưởng đẹp nói về bài "Hai cây phong".

A. Tình sâu nghĩa nặng đối với quê hương thân yêu.

B. Thầy Đuy-sen, người trồng cây cũng là người trồng người.

C. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

D. "*Hai cây phong*" là một bài văn đầy chất thơ đem đến nhiều rung động, khám phá.

E. Gồm tất cả A, B, C, D.

11. Có nhà giáo cho biết: nói quá, phóng đại, thậm xưng, khoa trương là những từ đồng nghĩa, gần nghĩa.

A. Đúng   B. Sai.

12. Bài sau đây sử dụng lối nói quá nhằm mục đích gì?

"Lỗ mũi mười tám gánh lông,
Chồng yêu chồng bảo râu rồng trời cho.
Đêm nằm thì gáy o o,
Chồng yêu chồng bảo gáy cho vui nhà.
Đi chợ thì hay ăn quà,
Chồng yêu chồng bảo về nhà đỡ cơm.
Trên đầu những rác cùng rơm,
Chồng yêu chồng bảo hoa thơm rắc đầu."

Ca dao

A. Nói cho vui | B. Để châm biếm

C. Không đúng sự thật | D. Để giáo dục.

13. Cảm nhận về trích đoạn "Hai cây phong" ("Người thầy đầu tiên" của Ai-ma-tốp).

Bài làm

1. "*Người thầy đầu tiên*" là tác phẩm xuất sắc của Ai-ma-tốp, nhà văn xứ Cư-rơ-gư-xtan của nước Cộng hòa ở vùng Trung Á thuộc Liên Xô trước đây. "*Hai cây phong*" là phần đầu của truyện gợi tả cảnh sắc làng Kur-ku-rêu, hồi tưởng lại những kỉ niệm êm đềm về hai cây phong của chốn quê dào dạt tâm hồn đứa con đi xa về thăm nơi chôn nhau cắt rốn của mình.

Trích đoạn này đã thể hiện một cách đằm thắm, thiết tha tình yêu cố hương, biểu lộ lòng biết ơn người thầy đầu tiên đã trồng cây và trồng người nơi thảo nguyên hoang vu mênh mông.

2. Phần đầu trích đoạn nói về cảnh sắc làng Kur-ku-rêu, chốn quê thân yêu của nhân vật "*tôi*" - họa sĩ, sau những năm tháng đi xa trở về thăm làng. Những tiếng: "*Làng Kur-ku-rêu chúng tôi*"..., "*phía dưới làng tôi*...", "*phía trên làng tôi*" cất lên thật gợi cảm, đầm ấm và mến thương biết bao! Làng ở "*ven chân núi*" trên một cao nguyên. Cảnh sắc thiên nhiên hùng vĩ, bao la. Có "*thung lũng đất vàng*", có cánh thảo nguyên Ca-dắc-xtan "*mênh mông*". Có khe nước "*ào ào từ nhiều ngách đá đổ xuống*", có rặng núi Đen và con đường sắt "*băng qua đồng bằng chạy tít đến tận chân trời phía tây*". Cảnh sắc quê hương được cảm nhận bằng những hình ảnh đường nét đậm nhạt, cao thấp, gần xa làm hiện lên một không gian nghệ thuật rất đẹp với bao yêu mến tự hào của một đứa con đối với cố hương, của một họa sĩ tài hoa trước thiên nhiên kì thú. Sau câu chữ là bao cảm xúc dâng trào, với bao bồi hồi thương nhớ.

Nhớ làng Kur-ku-rêu đối với đứa con xa quê trở về là nhớ hai cây phong trên đồi cao ở đầu làng. Họa sĩ biết hai cây phong "*từ thuở bắt đầu biết mình*", một sự gắn bó thiết tha với cả một đời người. Hai cây phong lớn "*như những ngọn hải đăng đặt trên núi*" từng gây ấn tượng đối với bất cứ ai, dù "*đi từ phía nào*" đến thăm làng Kur-ku-rêu. Riêng đối với họa sĩ, mỗi lần về thăm quê nhà đã "*từ xa đưa mắt tìm hai cây phong thân thuộc ấy*" và tự coi đó là "*bổn phận đầu tiên*" của mình. Với họa sĩ, tình yêu quê hương đã chan hòa, đã gắn bó với tình thương nhớ hai cây phong lớn đầu làng.

Nhớ hai cây phong đối với họa sĩ là nhớ "*với một nỗi buồn da diết*"; nên càng về gần tới làng lại càng nhớ. Đứa con li hương tự hỏi thầm lòng mình: "*Ta sắp được thấy chúng chưa, hai cây phong sinh đôi ấy? Mong sao chóng về tới làng, chóng lên đồi mà đến với hai cây phong !*". Và hạnh phúc biết bao đối với đứa con xa quê lâu ngày mới trở về, được "*đứng dưới gốc cây để nghe mãi tiếng lá reo cho đến khi say sưa ngây ngất*".

Nhớ cây phong đối với khách tha hương là nhớ "*tiếng nói riêng*", "*tâm hồn riêng, chan chứa những lời ca êm dịu*" của nó. Nhớ cây phong là nhớ dáng hình của

nó, nhờ thân cây "*nghiêng ngả*", nhờ âm thanh "rì rào" của lá cành "*lay động*" cả ban ngày hay ban đêm. Ai-ma-tốp đã sáng tạo nên hàng loạt ẩn dụ, so sánh và nhân hóa để gợi tả và biểu cảm về "*tiếng nói riêng*", "*tâm hồn riêng*" của hai cây phong quê nhà: "*như một làn sóng thủy triều dâng lên, vỗ vào bãi cát*", "*như một tiếng thì thầm thiết tha nồng thắm chuyền qua lá cành, như một đốm lửa vô hình*"... Có lúc hai cây phong tưởng như đang trầm tư "*bỗng im bặt một thoáng*" rồi "*lại cất tiếng thở dài một lượt như thương tiếc người nào*". Nếu cây tre, luỹ tre làng ta, trong "*Bão bùng thân bọc lấy thân - Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm*" (Nguyễn Duy), thì cây phong làng Kur-ku-rêu, cây phong thảo nguyên trong mây đen và bão dông bị "*vỡ gãy cành, tỉa trụi lá*", nó vẫn "*dẻo dai và reo vù vù như một ngọn lửa bốc cháy rừng rực*". Hai cây phong có một sức sống vô cùng mãnh liệt, biểu tượng cho bao phẩm chất tốt đẹp của con người quê hương, con người thảo nguyên.

Đây là một đoạn văn hay nhất, giàu hình tượng và biểu cảm nhất nói về hai cây phong, thể hiện một sự tưởng tượng kì diệu, phong phú, với tất cả tình yêu nồng hậu đối với hoa cỏ, cây lá; một đoạn văn đáng học thuộc, đáng nhớ:

... "Trong làng tôi không thiếu gì các loại cây, nhưng hai cây phong này khác hẳn... và reo vù vù như một ngọn lửa bốc cháy rừng rực".

Họa sĩ yêu hai cây phong quê nhà với tất cả tấm lòng và tình nghĩa thủy chung, như ông đã tâm sự: "*Tuổi trẻ của tôi đã để lại nơi ấy, bên cạnh chúng như một mảnh vỡ của chiếc gương thần xanh*". "*Mảnh vỡ của chiếc gương thần xanh*" ấy là tâm hồn tuổi thơ vô cùng trong sáng.

3. Ký ức tuổi thơ về hai cây phong quê nhà:

Phần hai trích đoạn "*Hai cây phong*", tác giả kết hợp tự sự với miêu tả, nhắc lại kỉ niệm tuổi thơ êm đềm. Hoài niệm tuổi thơ về quê hương bao giờ cũng đằm thắm, thiết tha. Với con người Việt Nam chúng ta, mỗi lần đi xa nhớ quê là nhớ hương vị đậm đà "*nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương*", là nhớ con đò, cánh diều biếc, nhớ cây đa, giếng nước, sân đình, là nhớ dòng sông quê mẹ với bao kỉ niệm một thời thơ bé:

"*Bạn bè tôi tụm năm tụm bảy*
Bầy chim non bơi lội trên sông
Tôi đưa tay ôm nước vào lòng
Sông mở nước ôm tôi vào dạ..."

("Nhớ con sông quê hương" - Tế Hanh)

Nhân vật họa sĩ nhớ quê hương, nhớ làng Kur-ku-rêu là nhớ kỉ niệm tuổi thơ với cây phong thân thương. Không bao giờ có thể quên được "*buổi học cuối cùng*" năm ấy, trước khi bắt đầu nghỉ hè. Bọn con trai nghịch ngợm và hồn nhiên "*reo hò, huýt còi ầm ĩ*" chạy lên đồi... Hai cây phong như những người bạn thân tình mở lòng đón tiếp "*nghiêng ngả đung đưa như muốn chào mời... đến với bóng râm mát rượi và tiếng lá xào xạc dịu hiền*". "*Lũ nhóc con đi chân đất*" trèo lên hai cây phong "*làm chấn động cả vương quốc loài chim*". Trên ngọn cây phong "*những cành cao ngất*", bọn trẻ nhỏ làng Kur-ku-rêu vô cùng sung sướng ngắm nhìn cảnh

vật gần xa, chúng tưởng như "*có một phép thần thông nào vụt mở ra trước mắt... cả một thế giới đẹp đẽ vô ngần của không gian bao la và ánh sáng*".

Cây phong đã mở rộng tầm mắt, làm sáng lên tâm hồn tuổi thơ, làm cho lũ trẻ "*sửng sốt*", tất cả đều "*nín thở ngồi lặng đi*"... phóng tầm mắt về bốn phía chân trời. Bức tranh quê hương hiển hiện, như mở rộng, như vẫy gọi. Chuồng ngựa của nông trang, dải thảo nguyên hoang vu, "*xa thẳm biêng biếc*". Những dòng sông xa lạ "*lấp lánh tận chân trời như những sợi chỉ bạc mỏng manh*". Lũ trẻ "*lắng nghe tiếng gió ảo huyền*", tiếng "*thì thầm to nhỏ*" của "*lá cây đáp lại lời gió*", rồi chúng nghĩ về những miền đất lạ nơi chân trời xa xôi, về bầu trời, những đám mây, những đồng cỏ, sông ngòi, "*những miền đất bí ẩn đầy sức quyến rũ lẩn sau chân trời xa thẳm biêng biếc kia*". Cậu bé - hoạ sĩ tương lai vô cùng xúc động "*lắng nghe tiếng hai cây phong rì rào, tim đập rộn ràng vì thảng thốt và vui sướng*"...; lòng mơ tưởng và "*cố hình dung ra những miền xa lạ kia...*". Hai cây phong trên đồi quê không chỉ mở rộng tầm mắt mà còn nâng cánh ước mơ cho những em bé làng Kur-ku-rêu bay tới những chân trời xa xôi tươi sáng... Sau này, khi đã trưởng thành, nhân vật họa sĩ mới tự hỏi lòng mình - điều mà thuở ấu thơ chưa hề nghĩ đến: "*Ai là người đã trồng hai cây phong trên đồi này? Người vô danh ấy đã ước mơ gì, đã nói những gì khi vùi hai gốc cây xuống đất, người ấy đã ấp ủ những niềm hi vọng gì khi vun xới chúng nơi đây, trên đỉnh đồi cao này?*". Tuổi thơ non nớt cũng không hiểu vì sao quả đồi có hai cây phong ấy, bà con làng mình gọi là "*Trường Đuy-sen*"... Tình cảm "*ăn quả nhớ người trồng cây*" đã được Ai-ma-tốp diễn tả một cách tinh tế, sâu lắng, đầy chất thơ. Phần sau truyện "*Người thầy đầu tiên*" đã nói rõ những tình cảm, tư tưởng tốt đẹp đó.

3. Trích đoạn "*Hai cây phong*" là trang văn chứa chan thi vị đã thể hiện một cách sâu sắc tình yêu quê hương, tình yêu cây cỏ, cảnh sắc thiên nhiên quê nhà. Những kỉ niệm đẹp của tuổi thơ, và lòng biết ơn người thầy đầu tiên của đời mình, của quê hương mình đã làm nên chất thơ của truyện.

Đoạn văn tả tiếng nói riêng, tâm hồn riêng của cây phong là hay nhất. Đoạn văn kể lại kỉ niệm tuổi thơ trèo lên hai cây phong nhìn về bốn phía chân trời là cảm động nhất. Dòng hồi tưởng, nỗi nhớ hai cây phong của nhân vật họa sĩ như được chắt lọc từ nơi sâu thẳm tâm hồn, rất chân thực, hồn nhiên và trong sáng. Vẻ đẹp cây phong là vẻ đẹp thảo nguyên phương Bắc. "*Hai cây phong*" là bài ca nghĩa tình về quê hương, về người thầy vĩ đại đã "*trồng cây và trồng người*"...

Đáp án đề 12

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Trả lời	B	B	A	E	D	A	D	B	C	E	A	B

ĐỀ 13 + 14

* Ôn tập truyện kí Việt Nam.
* Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000.
* Nói giảm, nói tránh.
* Luyện nói: Kể chuyện theo ngôi kể kết hợp với miêu tả và biểu cảm.

1. Những tác phẩm trong dòng văn học hiện thực trước năm 1945 mà các em đã học là những tác phẩm nào? Nhà văn nào?

- "*Tôi đi học*" trích trong "*Quê mẹ*" của Thanh Tịnh.
- "*Tức nước vỡ bờ*" trích trong "*Tắt đèn*" của Ngô Tất Tố.
- "*Lão Hạc*" của Nam Cao.
- "*Trong lòng mẹ*" trích trong "*Những ngày thơ ấu*" của Nguyên Hồng.

A. Đúng　　B. Sai

2. Cho biết thể loại mỗi tác phẩm?

- "*Tôi đi học*" là truyện ngắn.
- "*Lão Hạc*" là truyện ngắn.
- "*Tắt đèn*" là tiểu thuyết.
- "*Những ngày thơ ấu*" là hồi kí.

A. Sai　　B. Đúng

3. Giá trị nội dung tư tưởng của những tác phẩm ấy là gì?

A. Giá trị hiện thực.　　B. Giá trị nhân đạo.　　C. Cả A và B.

4. Tác phẩm nào thể hiện cuộc sống cùng khổ đau thương và phẩm chất tốt đẹp của người nông dân Việt Nam dưới thời Pháp thuộc?

A. "Tắt đèn".　　B. "Lão Hạc".　　C. Cả A và B.

5. Tác phẩm nào ghi lại tâm trạng hồi hộp, bỡ ngỡ và những kỉ niệm trong sáng của một em bé trong buổi tựu trường đầu tiên?

A. "*Tắt đèn*".　　B. "*Lão Hạc*".

C. "*Những ngày thơ ấu*".　　D. "*Tôi đi học*".

6. Đoạn trích nào đã thể hiện một cách "tuyệt khéo" bộ mặt độc ác tàn nhẫn của bọn tay sai thực dân phong kiến và tinh thần phản kháng quyết liệt của người nông dân?

A. "*Lão Hạc*".　　B. "*Tôi đi học*".

C. "*Tức nước vỡ bờ*".　　D. "*Trong lòng mẹ*".

7. Hình ảnh người mẹ đôn hậu, tần tảo được nhắc đến thật cảm động qua những tác phẩm nào?

A. "*Lão Hạc*".　　B. "*Tôi đi học*".

C. "*Tắt đèn*".　　D. "*Những ngày thơ ấu*".　　E. Cả B, C, D.

8. Phương thức biểu đạt chính của các tác phẩm ấy là tự sự có đúng không?

A. Sai　　B. Đúng.

9. Từ năm 1970 trở đi, "Ngày Trái Đất" là ngày nào?

A. Ngày 22 - 4 hằng năm. **B.** Ngày 1 - 5

C. Ngày 1 - 6 **D.** Ngày 20 - 11

10. Tính đến năm 2000 đã có bao nhiêu nước tham gia "Ngày Trái Đất"? - 141 nước.

A. Đúng **B.** Sai.

11. Năm 2000 là năm đầu tiên Việt Nam tham gia "Ngày Trái Đất" với chủ đề gì?

A. Trồng cây gây rừng.

B. Chống ô nhiễm bảo vệ nguồn nước.

C. Khí đốt và chất thải công nghiệp.

D. Môi trường xanh sạch đẹp.

E. Một ngày không sử dụng bao bì ni lông.

12. Văn bản "Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000" cho biết mỗi ngày ở nước ta thải ra bao nhiêu bao bì ni lông?

- Hàng triệu bao bì ni lông.

A. Đúng **B.** Sai.

13. Có 5 nguy hại lớn về việc sử dụng bừa bãi bao bì ni lông gây ra, là những nguy cơ nào?

- Bao bì ni lông lẫn vào đất làm cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật, làm cản trở sự phát triển của cỏ, gây ra hiện tượng xói mòn ở các vùng đồi núi.

- Bao bì ni lông vứt bừa bãi làm tắc nghẽn cống rãnh, gây ra ngập lụt về mùa mưa, muỗi phát sinh nhiều, lây truyền dịch bệnh.

- Bao bì ni lông trôi ra biển làm chết các sinh vật khi chúng nuốt phải.

- Bao bì ni lông màu chứa các kim loại như chì, ca-đi-mi đem đựng thực phẩm làm ô nhiễm thực phẩm, sẽ gây tác hại cho não và ung thư phổi cho người dùng.

- Bao bì ni lông thải đem đốt, trong khói chứa khí độc đi-ô-xin gây ngộ độc, khó thở, nôn ra máu, gây ung thư và các dị tật bẩm sinh cho trẻ sơ sinh.

A. Sai **B.** Đúng.

14. Văn bản "Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000" đã đưa ra 4 kiến nghị là những kiến nghị nào?

- Thay đổi thói quen sử dụng bao ni lông, cùng nhau giảm thiểu cách sử dụng.

- Không sử dụng bao bì ni lông khi không cần thiết.

- Thay đổi bao bì ni lông bằng giấy, lá, nhất là khi dùng để gói thực phẩm.

- Tuyên truyền cho mọi người thấy rõ tác hại ghê gớm của việc sử dụng và vứt thải bừa bãi bao bì ni lông.

A. Đúng **B.** Sai.

15. Mục tiêu của chủ đề "Một ngày không sử dụng bao bì ni lông là gì?" - "Hãy bảo vệ Trái Đất, ngôi nhà chung của chúng ta trước những nguy cơ ô nhiễm môi trường đang gia tăng".

A. Chưa đúng **B.** Đúng.

16. Chọn định nghĩa đúng về nói giảm, nói tránh:

A. Nói giảm nói tránh cho tiện lợi, không dài dòng văn tự.

B. Nói giảm nói tránh để đỡ mất thì giờ.

C. Nói giảm nói tránh để đỡ phiền hà.

D. Nói giảm nói tránh là một biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự.

17. Đọc lại thật to:

"Cai lệ không để cho chị nói hết câu, trợn ngược hai mắt hắn quát:

- Mày định nói cho cha mày nghe đấy à? Sưu của nhà nước mà mày dám mở mồm xin khất!".

("Tức nước vỡ bờ")

A. Cai lệ đã dùng cách nói giảm nói tránh.

B. Đó là tiếng chửi rất thô tục, là lời đe doạ của cai lệ đối với người thiếu sưu. Hắn là tên tay sai đã mất hết tính người, nên hắn chưa bao giờ biết nói giảm, nói tránh!

18. Chữ in đậm trong đoạn thơ sau diễn tả ý gì?

- "Ông mất năm nao? - Ngày độc lập
Buồm cao đỏ sông bóng cờ sao
Bà ***về*** *năm đói làng treo lưới*
Biển động, Hòn Mê giặc bắn vào..."

("Mẹ Tơm" - Tố Hữu)

A. Mẹ Tơm đi vắng.

B. Mẹ Tơm về quê ngoại

C. Mẹ Tơm đã mất năm đói 1945

D. Mẹ Tơm đi xa chưa về.

19. Hãy tưởng tượng mình là chị Dậu và kể lại chuyện chị Dậu đánh tên cai lệ.

Bài làm

Xế trưa hôm ấy, lí trưởng làng Đông Xá bắt tôi giải ra đình. Chúng bắt tôi khai về chuyện chống đối chính quyền, để lập cung giải huyện. Có đủ mặt quan viên. Có cả lí cựu nữa. Nhiều người dân kéo đến, đứng lố nhố phía ngoài đình.

- Thị Đào, sao mày dám đánh người nhà của quan! Tội mày to lắm. Tù mọt gông! Mày hãy kể lại việc làm ngỗ ngược của mày, để làng lập cung.

Lí dương vừa nói vừa đập tay xuống chiếu. Mấy tên tay chân chạy lăng xăng. Tôi chẳng sợ.

- Các ông nên hỏi hai thằng khốn nạn ấy chứ! Nhưng các ông muốn lập cung chứ gì? Ừ thì tôi nói. Chồng tôi bị ông lí trói đánh thập tử nhất sinh. Sợ xẩy ra án mạng, ông lí đã sai tay chân gánh chồng tôi về nhà trả cho mẹ con tôi. Mẹ con tôi, bà con hàng xóm chạy chữa mãi, chồng tôi mới hoàn hồn.

- Thị Đào, mày dài dòng lắm! Nói ngay vào sự việc! - Lí dương ngắt lời tôi và nạt bằng giọng lè nhè.

- "*Trời đánh còn tránh miếng ăn*", có phải không nào? Chồng tôi vừa k miệng vào bát cháo thì tên cai lệ xồng xộc kéo tới, hắn thét trói. Chồng tôi ch ngất lăn đùng ra! Tôi van xin. Tôi đâu phải là kẻ quá quắt. Nhưng hắn là đứa bạ nhân đã chửi tôi thậm tệ. Hắn gào lên: "*Tha này ! Tha này !*". Hắn bịch vào ngự tôi mấy bịch. Hắn sấn đến trói chồng tôi. Phải cứu chồng tôi chứ. Tôi nghiêm sắ mặt, nói với hắn: "*Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ !*". "*Sự đ mềm nắn, rắn buông !*" Ai ngờ, hắn lấn tới áp chế. Hắn tát đánh bốp vào mặt tô Hắn như con chó dại lồng lên, hắn nhảy vào trói chồng tôi. Máu trong người tôi số lên. Tôi nghiến hai hàm răng. Tôi chỉ tay vào mặt hắn: "*Mày trói ngay chồng bà đ bà cho mày xem !*".

Tôi còn sợ gì nữa. Cái đồ nghiện oặt ấy, tôi coi như rơm như rác. Tôi túm lấ cổ hắn, tôi ấn dúi hắn ngã chỏng quèo trên mặt đất. Còn cái thằng hầu cận ông l không tự biết thân lại còn giơ gậy đánh tôi. Hắn bị tôi túm tóc, lẳng cho một cá ngã nhào ra thềm. Hai thằng khốn nạn ấy lồm ngồm bò dậy, chạy thục mạng v đình. Chúng đã bỏ lại ở nhà tôi nào roi song, tay thước, dây thừng... Đáng lẽ tô phải đánh cho hai tên ấy một trận nhừ tử. Nhưng đánh chó còn ngó đến chúa nhà Tôi nể ông lí đấy!...

Xung quanh đình có tiếng cười rúc rích.

Lí cựu ngồi trên chiếu, xoay mình vuốt râu, tủm tỉm cười.

Lí đương cất tiếng: "*Con Thị Đào này ghê gớm lắm ! Bướng bỉnh lắm ! Ph giải ngay lên quan phủ để trừng trị !...*".

Bài làm của Trương Quang Vũ lớp 8

Học sinh trường THCS Nguyễn Nghiêm, tỉnh Quảng Ngãi)

20. Hãy nêu cảm nhận của em sau khi đọc bài "Thông tin Ngày Trái Đất năm 2000".

Bài làm

Văn bản "*Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000*" đã đem đến cho mỗi chún ta những kiến thức cần biết, nên biết và phải biết.

1. Về tổ chức và mục đích.

"*Ngày Trái Đất*" là ngày 22-4 hàng năm; lúc đầu do một tổ chức bảo vệ mô trường của Mĩ khởi xướng từ năm 1970; đến nay đã có 141 nước trên thế giới than gia nhằm mục đích bảo vệ môi trường, những vấn đề môi trường nóng bỏng nhấ của từng nước hoặc từng khu vực.

Năm 2000, Việt Nam mới gia nhập tổ chức "*Ngày Trái Đất*". Nước ta đã nêu lên chủ đề "Một ngày không sử dụng bao bì ni lông".

2. Tác hại.

Tác giả đã phân tích, đã giải thích một cách sáng tỏ về những tác hại của việ sử dụng bao bì ni lông. Đó là những điều mà số đông người trong chúng ta chưa h biết. Có 5 tác hại đáng sợ như sau:

- Một là, bao bì ni lông có chứa chất pla-xtic, một chất không phân hủy s gây nguy hại đối với môi trường khi khắp mọi nơi trên đất nước ta, mỗi ngày vứt ra thải ra hàng triệu bao bì ni lông; vứt bừa bãi khắp mọi nơi công cộng, từ ao hồ sông ngòi đến đường phố, chợ búa, làng mạc...

- Hai là, bao bì ni lông khi lẫn vào đất sẽ làm cản trở quá trình phát triển của các loài thực vật như cây trồng, hoa cỏ... sẽ dẫn đến sự xói mòn ở các vùng đồi núi.

- Ba là, bao bì ni lông vứt bừa bãi sẽ làm tắc nghẽn cống rãnh, kênh mương, gây nên cảnh úng đọng, ngập lụt, làm cho ruồi muỗi phát sinh, lây truyền dịch bệnh. Bao bì ni lông trôi ra biển làm chết các sinh vật khi nuốt phải.

- Bốn là, bao bì ni lông màu vốn hàm chứa các chất như chì, ca-đi-mi sẽ làm ô nhiễm thực phẩm, gây tác hại cho não và nguyên nhân gây ung thư phổi.

- Năm là, khi đốt các bao bì ni lông phế thải, khói độc ấy vì có chứa chất đi-ô-xin sẽ gây ngộ độc, khó thở, ngạt thở, nôn ra máu, gây rối loạn chức năng, gây ung thư và các dị tật bẩm sinh cho trẻ sơ sinh.

Tóm lại, sử dụng và vứt bừa bãi bao bì ni lông sẽ đầu độc môi sinh và môi trường, sẽ gây nhiều tác hại nguy hiểm cho sức khỏe và cuộc sống của con người. Những điều ấy, chúng ta chưa hiểu và chưa hề nghĩ tới.

3. Những kiến nghị.

"*Ngày Trái Đất năm 2000*" của Việt Nam nêu lên chủ đề "*Một ngày không dùng bao bì ni lông*" thật vô cùng cấp thiết và thiết thực. Nếu mọi người, mọi nhà, nếu 80 triệu con người Việt Nam đều tự giác thực hiện thì chúng ta sẽ giảm được hàng trăm triệu, hàng nghìn triệu bao bì ni lông trong mỗi ngày, trong mỗi tháng, sẽ mang lại bao lợi ích vô cùng to lớn. Có đi quanh Hồ Tây, có đến Hạ Long, Đồ Sơn, Sầm Sơn, Nha Trang, Vũng Tàu,... có dạo quanh sân trường, bệnh viện, chợ búa,... ta mới nhận thấy con người Việt Nam ta đã và đang sử dụng bao bì ni lông một cách bừa bãi như thế nào!

Tổ chức "*Ngày Trái Đất năm 2000*" của Việt Nam đã nêu lên những kiến nghị rất thiết thực:

- Hãy thay đổi thói quen và giảm thiểu sử dụng bao bì ni lông.

- Hãy không sử dụng bao bì ni lông khi không cần thiết.

- Hãy dùng giấy, lá để gói thực phẩm.

- Hãy nói cho mọi người trong nhà và bè bạn biết những tác hại ghê gớm về việc sử dụng bao bì ni lông.

Vì bảo vệ Trái Đất, ngôi nhà chung của chúng ta, ai cũng phải quan tâm tới Trái Đất hơn nữa, góp phần bảo vệ môi trường. Một trong những việc làm của chúng ta là "*Một ngày không dùng bao ni lông*".

"*Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000*" là văn bản thuyết minh. Những kiến thức khoa học về độc tố, về tác hại của bao bì ni lông được tác giả phân tích, giải thích một cách ngắn gọn, sáng tỏ, đầy sức thuyết phục. Những kiến nghị mà tác giả nêu lên rất thiết thực; đó là những điều mà ai cũng có thể làm được để góp phần bảo vệ môi trường nơi ta đang sinh sống.

Đáp án đề 13+14

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Trả lời	A	B	C	C	D	C	E	B	A	A	E	A	B	A	B	D	B	C

ĐỀ 15

*** Câu ghép**
*** Tìm hiểu chung về văn bản thuyết minh**

1. Nêu định nghĩa về câu ghép? Chọn đáp án đúng.

A. Câu ghép là câu văn dài.

B. Câu ghép là câu văn có nhiều ý.

C. Câu ghép là câu văn có hai, ba... động từ trở lên.

D. Câu ghép là những câu do hai hoặc nhiều cụm C-V không bao chứa nhau tạo thành, mỗi cụm C-V là một vế câu.

2. Trong các ví dụ sau, câu nào là câu ghép?

A. Mặt trăng mỗi lúc một lên cao thêm.

B. Gió càng thổi mạnh, sóng biển càng cuộn lên nhấp nhô.

C. Đoàn thuyền cá đầy khoang trở về bên trong bóng chiều hôm.

D. Em lắng nghe lời ru con cất lên từ một ngôi nhà nhỏ cuối xóm vắng.

3. Có mấy cách nối các vế câu ghép? - Có 2 cách: nối bằng quan hệ từ hoặc cặp quan hệ từ; nối bằng dấu câu (dấu phẩy, dấu chấm phẩy, dấu hai chấm).

A. Đúng **B.** Sai

4. Câu ghép nào trong các ví dụ sau được nối bằng quan hệ từ?

A. Nghe ba tiếng trống, hàng trăm học sinh reo lên rồi ào ra sân trường như một đàn chim vỡ tổ.

B. Tốp này đá cầu, tốp kia nhảy dây, bọn con trai đá bóng, ...

C. Thằng Dần khóc thét lên, níu chặt lấy chị Tí.

D. Hàng đàn chim hoảng hốt kêu lên, chao đi chao lại trên đầu.

5. Câu ghép nào được nối bằng cặp quan hệ từ trong các câu ghép sau?

A. Binh Tư làm nghề ăn trộm nên vốn không ưa lão Hạc bởi vì lão lương thiện quá.

(Lão Hạc)

B. Chúng tôi ngồi nép trên các cành cây, lắng nghe tiếng gió ào huyền và tiếng lá cây đáp lại lời gió, thì thầm to nhỏ về những miền đất bí ẩn đầy sức quyến rũ lẩn sau chân trời xa thẳm biêng biếc kia.

(Hai cây phong)

C. Mẹ vẫn nhỏ nhẹ nhắc: con không chỉ ngoan ngoãn mà còn phải học giỏi, lao động tốt như các anh, các chị.

D. Trăm con suối đều đổ vào các dòng sông, trăm dòng sông đều đổ về biển cả.

6. Các cặp từ ngữ in đậm có phải là cặp quan hệ từ trong câu ghép không?

*- **Mặc dù** đường ngái truông dài,*
***Nhưng** anh vẫn tới giữ lời thuỷ chung.*

Ca dao

- ***Nếu** cải tiến phương pháp học tập và chăm chỉ **thì** nhất định sẽ trở thành học sinh giỏi*

A. Không đúng **B.** Đúng

7. Chọn ý đúng với về văn thuyết minh:

A. Văn thuyết minh cũng là văn tự sự

B. Văn thuyết minh để giới thiệu nhân vật.

C. Văn thuyết minh để giải thích sự vật.

D. Văn thuyết minh là kiểu văn bản thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằm cung cấp kiến thức về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân,... của các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên, xã hội bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích.

8. Văn thuyết minh phải đảm bảo những yêu cầu gì?

- Tính khách quan.
- Tính xác thực.
- Tính rõ ràng.

A. Đúng **B.** Sai

9. Bài đọc tham khảo:

1. Trường đại học Harvard (Ha-vớt)

Tốt nghiệp Harvard (Ha-vơt) là một danh dự ở Mĩ vì trường đại học này có những truyền thống lâu đời. Trường ở thành phố Cambrige (Cam-brit-giơ) thuộc ngoại vi Boston. Cambrige nguyên là tên một thành phố đại học của Anh.

Trường Harvard được thành lập năm 1636 bởi Công ty Anh Massachusetts Bay Company. Trường mang tên Harvard, một mục sư trẻ để lại cho trường một nửa tài sản (780 bảng) và thư viện (320 cuốn) của mình. Lúc đầu chỉ có 12 học sinh và một thầy giáo, do giáo phái Thanh giáo xây dựng, với mục đích đào tạo mục sư cho các thuộc địa mới của Anh. Trường lấy tên Cambrige trước khi đổi tên là trường Trung học và sau là trường Đại học Harvard.

Năm 1640 ông Henry Dunster (Hen-ry Đan-xtơ) tốt nghiệp trường Đại học Cambrige ở Anh, được cử làm hiệu trưởng trường Harvard. Ông điều hành theo mô hình của Anh và dạy các môn: Khoa học xã hội, ngôn ngữ và 3 môn triết học. Khoa thần học ra đời năm 1721 nhờ sự giúp đỡ của một nhà kinh doanh ở London để trả lương cho giáo viên. Sáu năm sau, trường có thêm khoa toán học và khoa triết học. Trong 100 năm đầu, trường phải dựa vào sự giúp đỡ của nhà nước thuộc địa, nhờ các khoản tiền ủng hộ của các cựu sinh viên và tổ chức nhân đạo, cho đến năm 1833 thì chấm dứt. Harvard bắt đầu phát triển mạnh kể từ khi ông C.W.Eliot (Ê-li-ơt) được bổ nhiệm làm hiệu trưởng trong năm 1869. Là một người có đầu óc cách tân, ông đã đưa nhiều bộ môn mới vào chương trình giảng dạy, cải cách phương pháp giảng dạy, đổi mới cơ sở vật chất kĩ thuật. Ông đã khôi phục khoa luật và cải cách khoa y. Thành tích lớn nhất của ông là ban hành "*chế độ lựa chọn*", cho phép sinh viên được tự do chọn môn học. Do đó, số sinh viên từ 1.000 đã tăng lên 3.000, và số khoa tăng từ 49 lên 278. Nhà trường trở thành tổ chức giáo dục tiên phong trong nước, là nơi xuất hiện nhiều giáo sư xuất sắc, nổi tiếng thế giới. Ông

Eliot luôn luôn tin rằng "*Trường đại học là thầy dạy chân lí, là cái kho chân lí, và là người đi tìm chân lí*". Ông đã nghỉ hưu vào năm 1909.

Việc tổ chức chế độ nội trú và chế độ trợ lí học tập là sáng kiến đầu tiên của hiệu trưởng A.L.Powell (Pau-ơl). Ông còn sửa đổi "chế độ lựa chọn", vì ông cho rằng "*một người có học phải am tường một vài môn và có hiểu biết chung về các môn khác*". Nhờ các khoản tiền giúp qua nhiều thập kỉ, trường đã xây được 10 khu nội trú cho thầy, trò và các trợ lí.

Sau đó, hiệu trưởng J.B. Conant (Cầu-nơnt) đã thực hiện chương trình giáo dục tổng hợp vào năm 1949, quy định mỗi sinh viên bắt buộc phải học các môn thuộc 3 lĩnh vực - khoa học nhân văn, khoa học xã hội, và khoa học tự nhiên. Ông đặt ra chế độ học bổng giúp các thanh niên ưu tú có điều kiện học tập.

Đến năm 1953, hiệu trưởng N.M. Pusey (Piu-zi) tổ chức các trung tâm nghiên cứu Đông Á, Trung Đông và Liên Xô. Ngoài ra, trường còn ra báo hàng ngày cho sinh viên Harvard tờ "The Crimson Eye" là cơ quan phát triển các nhân tài báo chí Mĩ như: Donald Graham, chủ bút báo "Washington Post", Peter Kann, trợ lí chủ bút báo "Wall Street Journal"; Anthony Lewis, nhà báo chuyên giữ một mục của tờ "New York Times". Cần kể thêm những nhà báo lớn của Mĩ, như: Walter Lippman, các nhà văn có hạng như: T.S.Eliot, Robert Frost và Wallace Stevens...

Hiện nay trường Đại học Harvard là một tổ chức học đường có quyền tự hào với 100 thư viện lưu giữ trên 10 triệu cuốn sách, 8 viện bảo tàng, và đầy đủ những phương tiện học tập và nghiên cứu độc nhất ở nước Mĩ. Năm 1965, trường sát nhập với một trường Đại học nữ là Radcliffe Colege.

Trong 353 năm tồn tại, trường Harvard đã đào tạo nhiều chính khách và nhiều nhà khoa học, trong số đó có 6 tổng thống, 29 nhà khoa học và hoạt động xã hội được giải thưởng Nobel, và 27 người được giải thưởng Pulizer. Trường Harvard đã cho ra mắt thế giới chiếc máy tính dùng số đầu tiên, chiếc phổi bằng sắt đầu tiên, chiếc đồng hồ chính xác nhất và một loạt các phát minh và phát kiến kể cả lí thuyết di truyền về hành vi của con người.

Học sinh mới vào trường, được chào đón bằng câu châm ngôn nổi bật trên tường: "*Vào đây để lớn lên trong sự thông thái, ra đi để phục vụ tốt hơn đất nước và đồng loại của bạn*".

Ngày nay để được tiếp nhận vào trường Đại học Harvard, mỗi thí sinh phải hoàn thành các thủ tục nhập học khá chặt chẽ và phải đóng 60.000 đô la cho 4 năm học. Mỗi năm, trường tiếp nhận đơn xin học của khoảng 14.000 sinh viên, không riêng của Mĩ mà của cả các nước trên khắp thế giới, nhưng chỉ có khoảng 16% đủ tiêu chuẩn vào học. Trường có khoảng 36.000 sinh viên.

Hữu Ngọc

2. Viết một bài văn thuyết minh về chiếu cói và nghề dệt chiếu cói.

Nghề trồng cói, trồng đay để dệt chiếu có đã lâu đời ở nước ta. Ở các chợ phiên cuối năm trên mọi miền quê, khu vực bán chiếu lúc nào cũng người ra vào mua bán tấp nập. Chiếu Cải, Chiếu Đót, Chiếu Cạp Điều, Chiếu kẻ sọc, Chiếu in hoa, Chiếu sợi xe, Chiếu đơn, Chiếu đôi, Chiếu trơn, Chiếu đậu, Chiếu gon... được dùng bán đủ màu sắc, tỏa mùi thơm nồng nàn, gợi sự ấm áp của mùa đông.

Cói và đay được trồng ở những cánh bãi nước ngọt. Cói bánh tẻ cắt về phân loại, dùng dao hay máy chẻ (chẻ đôi, chẻ ba), đem phơi sân. Đay già đốn về, bóc tước vỏ đem ngâm, phơi khô, xe thành sợi đều trắng muốt. Người thợ thủ công dệt chiếu bằng khung cửi cổ truyền. Ngày nay, có nơi đã dùng máy dệt chiếu. Kĩ thuật dệt chiếu là ở mặt chiếu phẳng lì, sợi cói đều tăm tắp và óng nuột, hai đường biên được bện thật chặt, thật đều, không cộm. Dân gian có câu ca lưu truyền: "*Mua chiếu xem biên, người hiền xem mặt*". Chiếu dệt xong có thể được in hoa, sau đó đem hấp cách thủy trên chảo lớn, vạc lớn độ ba bốn giờ rồi đem phơi khô để chống mốc.

Chiếu để trải giường, và còn dùng để đắp. Một cặp vợ chồng sắp cưới, thứ mua sắm đầu tiên là đôi chiếu trải giường. Ca dao có câu:

"Giúp em đôi chiếu em nằm,

Đôi chăn em đắp đôi trâm em đeo".

Ngày xưa chưa có nhiều bàn ghế thì chiếu cói là vật duy nhất dùng để ngồi. Chiếu trải trên sân đình, sân nhà thờ họ, chiếu trải trên nền nhà, các cụ ngồi chiếu cạp điều nơi trang trọng, con cháu ngồi trên chiếu cói, cùng uống rượu ăn cỗ, đông vui. Màn chèo "*Thị Mầu lên chùa*", "*Nghêu Sò Ốc Hến*",... cũng chỉ diễn trên chiếu nơi sân đình dịp đầu xuân. Người ta gọi "chiếu chèo" là vậy.

Nhiều câu ví, lời ca nói về chiếc chiếu: "*Sống làm săng, chết bó chiếu*". Săng là quan tài. Kẻ giàu sang thì "*Ăn cơm hom, nằm giường hòm, đắp chiếu Hới*". Chiếu Hới nổi tiếng xưa nay trên miền Bắc nước ta. Làng Hới là tên Nôm của làng Hải Triều, xã Tân Lễ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Trạng nguyên Phạm Đôn Lễ được vua Lê cử đi sứ sang Tàu (thế kỉ 15), ông đã học được kĩ thuật dệt chiếu, đem về truyền dạy cho bà con làng xóm. Nghề dệt chiếu cói ở nước ta ra đời từ đó.

Nguyễn Thị Lộ là cô gái xinh giòn của làng Hới từng mang chiếu cói lên Kinh kì Thăng Long và đã kì ngộ Nguyễn Trãi. Bài thơ đối đáp: "*Ả ở đây bán chiếu gon...*" - "*Tôi ở Tây Hồ bán chiếu gon...*" nhiều người đã biết.

Nghề dệt chiếu có ở nhiều nơi như Hà Nam, Ninh Bình, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An... Chiếu Nga Sơn Thanh Hóa, nức tiếng gần xa: "*Chiếu Nga Sơn, gạch Bát Tràng*"... Nhưng chỉ có Hải Triều là thịnh vượng nhất về nghề dệt chiếu. Phạm Đôn Lễ đã được dân làng đúc tượng và tôn là Thành Hoàng. Hội thi dệt chiếu của các cô gái làng Hới năm nào cũng nô nức diễn ra vào tháng Giêng. Cuộc thi tài cũng là hội giao duyên kì thú.

Ngày nay, cuộc sống của nhân dân ta đã có nhiều đổi mới. Dân thành phố phần lớn dùng ga trải đệm mút, thảm trải nền nhà, dùng chiếu ni-lông, chiếu tre cao cấp. Nhưng bà con ở các xóm làng, quê vẫn dùng chiếu cói, một vật dụng thân thiết hàng ngày của họ. Phiên chợ Tết cuối năm, mua được đôi chiếu hoa vẫn là niềm vui bình dị, hãnh diện của nhiều người.

Đáp án đề 15

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Trả lời	D	B	A	A	C	B	D	A

ĐỀ 16

* Ôn dịch, thuốc lá.
* Câu ghép (tiếp theo)
* Phương pháp thuyết minh.

1. Bài "Ôn dịch, thuốc lá" của Nguyễn Khắc Viện là một văn bản thuyết minh?

A. Đúng **B.** Sai

2. Ý tưởng chủ đạo của văn bản này là gì?

A. Thuốc lá rất có hại.

B. Phần lớn mọi bệnh tật nguy hiểm mà con người mắc phải đều do thuốc lá gây ra.

C. Ôn dịch thuốc lá đe doạ sức khoẻ và tính mạng loài người còn nặng hơn cả AIDS.

D. Đã đến lúc mọi người phải đứng lên chống lại, ngăn ngừa nạn ôn dịch này.

E. Gồm cả C và D.

3. Dựa vào văn bản, hãy nêu lên những tác hại nguy hiểm của khói thuốc lá đối với sức khoẻ con người như thế nào?

- Chất hắc ín trong khói thuốc lá làm tê liệt những lông rung của những tế bào ở niêm mạc và ở vòm họng, ở phế quản, ở nang phổi,... gây ra ho hen, viêm phế quản.

- Chất ô-xít các-bon trong khói thuốc lá thấm vào máu, làm cho sức khoẻ của người nghiện thuốc lá ngày càng sút kém.

- Chất hắc ín trong khói thuốc lá gây nên bệnh ung thư. Hơn 80% bệnh nhân ung thư vòm họng, ung thư phổi là do khói thuốc lá.

- Các bệnh như huyết áp cao, tắc động mạch, nhồi máu cơ tim đều do chất ni-cô-tin của thuốc lá gây ra.

- Hàng triệu người bị bệnh viêm phế quản đều do khói thuốc lá gây ra.

A. Sai **B.** Đúng.

4. Về mặt đạo đức xã hội, người nghiện thuốc lá đã gây nên những tai hoạ gì?

- Khói thuốc lá của người nghiện đã làm cho nhiều bà mẹ nhiễm độc rồi đẻ non, thai nhi bị nhiễm độc...

- Người lớn hút thuốc lá đã nêu gương xấu cho trẻ em.

- Thuốc lá và nghiện thuốc lá là nguyên nhân của mọi tệ nạn như trộm cắp. Nhiều trẻ em phạm pháp là do nghiện thuốc lá.

A. Đúng **B.** Sai

5. Phần cuối bài "Ôn dịch, thuốc lá" tác giả kiến nghị: "Đã đến lúc mọi người phải đứng lên chống lại, ngăn ngừa nạn ôn dịch này".

Từ in đậm là từ loại gì?

A. Danh từ **B.** Tính từ.

C. Động từ **D.** Trạng từ.

6. Em hiểu nghĩa của từ "ôn dịch" trong văn bản này như thế nào?

A. Một loại ma quái ghê sợ.

B. Một bệnh lây lan, nguy hiểm, gây chết người hàng loạt.

C. Là một loại dịch bệnh đáng sợ.

D. Là một từ để chửi rủa.

7. Có thể chia thành 2 loại câu ghép: câu ghép chính phụ và câu ghép liên hợp. Hãy nêu ví dụ:

- Câu ghép chính phụ:

"*Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta* **thì** *ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi!*".

(Hồ Chí Minh)

- Cây ghép liên hợp:

- "*Trời sáng dần, mặt trời từ từ nhô lên, biển càng rộng càng trong xanh*".

Lê Phan Quỳnh.

A. Đúng B. Sai

8. Đây là loại câu ghép gì?

"***Nếu*** *ai có bộ mặt không được xinh đẹp* **thì** *gương không bao giờ nói dối, nình rằng là xinh đẹp.* ***Nếu*** *ai mặt nhọ, gương nhắc nhở ngay.* ***Nếu*** *ai buồn phiền cau có* **thì** *gương cũng buồn phiền cau có theo như để an ủi, để sẻ chia*"...

Băng Sơn

A. Câu ghép liên hợp B. Câu ghép chính phụ

9. Đọc 4 ví dụ sau, cho biết ví dụ nào là câu ghép liên hợp?

A. *Trên đồng cạn, dưới đồng sâu*
Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa.

Ca dao

B. ***Bởi*** *chàng ăn ở hai lòng,*
Cho nên *phận thiếp long đong một đời*

Ca dao

C. ***Vì*** *hoa* ***nên*** *phải đánh đường tìm hoa.*

Nguyễn Du

D. ***Thà*** *rằng liều một thân con,*
Hoa ***dù*** *rã cánh, lá còn xanh cây*

Nguyễn Du

10. Câu ghép nào là câu ghép chính phụ trong các ví dụ sau?

A. *Tuy tuổi cao sức yếu, nhưng Bác Hồ vẫn quyết tâm đi chiến dịch Biên giới*

B. *Cô tôi chưa dứt câu, cổ họng tôi đã nghẹn ứ khóc* **không** *ra tiếng.*

Nguyên Hồng

C. *Ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong.*

Hồ Chí Minh

D. *Từ phen đá biết tuổi vàng*
Tình càng thấm thía, dạ càng ngẩn ngơ

Nguyễn Du

11. Đây là câu ghép gì?

"Có nhiều bạc thì mới vào được cửa quan, chứ hai bàn tay trắng thì mần răng được!".

(Đi tìm công lí)

A. Câu ghép chính phụ   **B.** Câu ghép liên hợp.

12. ***Phân tích và nêu cảm nghĩ sau khi đọc bài "Ôn dịch, thuốc lá" của Nguyễn Khắc Viện.***

Bài làm

Nguyễn Khắc Viện là một trí thức Tây học, đỗ bác sĩ tại Pháp trong thập niên bốn mươi của thế kỉ XX. Ông là nhà hoạt động văn hóa, nhà hoạt động xã hội rất nổi tiếng, ở nước ta.

Bài "*Ôn dịch, thuốc lá*" thể hiện cái tâm và cách viết, cách nói sắc sảo, độc đáo của Nguyễn Khắc Viện.

Nhan đề rất độc đáo: "*Ôn dịch, thuốc lá*". Độc đáo ở hai chữ "*Ôn dịch*"; độc đáo về cách dùng dấu phẩy ở đây, dấu phẩy tạo nên ngữ điệu, gợi lên một tình huống nguy cấp, phải báo động, gây ấn tượng mạnh cho người đọc, người nghe. Cách dùng dấu phẩy ở nhan đề đã thể hiện một lối nói, lối viết theo văn phong châu Âu hiện đại. Nếu viết: "*Ôn dịch thuốc lá*" hoặc "*Thuốc lá là một loại ôn dịch*" đều được, nhưng viết như thế thì "*bằng phẳng quá*", "*hiền lành quá*" không hấp dẫn, không phù hợp với nội dung văn bản (Chú ý, ở cuối bài tác giả có viết: "*... Lại còn thêm ôn dịch thuốc lá này*".

Mở đầu tác giả dùng phép so sánh - đối chiếu để lôi kéo, thu hút người đọc: Dịch hạch, thổ tả, những dịch bệnh khủng khiếp từng gây ra và làm chết hàng vạn, hàng triệu người. Nhờ tiến bộ y học mà những dịch khủng khiếp ấy "*đã diệt trừ được*". Cuối thế kỉ XX, loài người lại "*lo âu về nạn AIDS*" mà "*chưa tìm ra giải pháp*" thì "*ôn dịch thuốc lá đang đe dọa sức khỏe và tính mạng loài người còn nặng hơn cả AIDS*". Sự thật khủng khiếp được nhiều nhà bác học, sau mấy chục năm và hơn năm vạn công trình nghiên cứu lớn tiếng báo động. Đúng là con số biết nói!

Phần thứ hai bài văn, Nguyễn Khắc Viện phân tích và chứng minh rằng ôn dịch thuốc lá gây ra bao tệ nạn kinh khủng. Trước hết, ông nhắc lại một câu nói nổi tiếng của Trần Hưng Đạo căn dặn nhà vua: "*Nếu giặc đánh như vũ bão thì không đáng sợ, đáng sợ là giặc gặm nhấm như tằm ăn dâu*" để chỉ rõ ôn dịch thuốc lá giết dần giết mòn con nghiện, gây ra bao tai hại ghê gớm trong cộng đồng là nguyên nhân, nguồn gốc của mọi tệ nạn xã hội khác. Dẫn câu nói của Trần Hưng Đạo không chỉ làm tiền đề cho lập luận, làm cho luận cứ và luận chứng thêm phần sắc bén, chặt chẽ mà còn tạo cho người đọc bao liên tưởng đầy thuyết phục về "*ôn dịch, thuốc lá*". Thuốc lá là ôn dịch, là một thứ giặc rất đáng sợ vì nó "*gặm nhấm*" con nghiện và xã hội.

Khói thuốc lá rất độc, chất hắc ín sẽ "*làm tê liệt*" những lông rung, lông mao của những tế bào niêm mạc ở nơi vòm họng, ở phế quản, ở nang phổi; chất hắc ín ấy "*tích tụ lại*" gây ho hen, đờm dãi, và sau nhiều năm gây viêm phế quản.

Người nghiện thuốc lá sẽ bị chất ô-xít các-bon trong khói thuốc lá thấm vào máu... làm cho sức khỏe *"ngày càng sút kém"*.

Tác giả nêu lên những số liệu để chứng minh *"ôn dịch, thuốc lá"* rất đáng sợ. 80% bệnh nhân ung thư vòm họng và ung thư phổi ở bệnh viện K là do thuốc lá. Các bệnh huyết áp cao, tắc động mạch, nhồi máu cơ tim đều do chất ni-cô-tin của thuốc lá gây ra. Những cái chết đột xuất về nhồi máu cơ tim, những khối ung thư ghê tởm của con bệnh 40-50 tuổi đều cho thấy *"tác hại ghê gớm của thuốc lá"*. Hàng triệu người bị viêm phế quản làm mất bao nhiêu ngày lao động và tổn hao sức khỏe đều do thuốc lá gây ra. Những số liệu ấy đầy sức thuyết phục vì đó là những căn cứ khoa học, là ý kiến của bác sĩ viện trưởng Bệnh viện K, của bác sĩ Viện trưởng Viện Nghiên cứu các bệnh tim mạch nêu lên.

Nguy hại hơn nữa là kẻ nghiện thuốc lá *"đã đầu độc"* những người xung quanh bằng khói thuốc lá. Vợ con... bị nhiễm độc, nhất là những thai nhi. Hiện tượng đẻ non, đẻ ra đã suy yếu... đều do bị nhiễm độc bởi khói thuốc lá. Câu văn: *"Hút thuốc lá cạnh một người đàn bà có thai quả là một tội ác"* vang lên như một lời kết tội nghiêm khắc.

Về mặt đạo đức, người lớn (bố, anh, chú, bác...) nghiện thuốc lá *"không những dẫn độc con em mà còn nêu gương xấu"*. Cho nên câu nói: *"Tôi hút, tôi bị bệnh, mặc tôi !"* chỉ là lời lẽ gàn bướng của con nghiện!

Phần cuối, tác giả cho biết nghiện thuốc lá là nguyên nhân của các tệ nạn khác như ma túy, trộm cắp. Ở Việt Nam ta, một nước thuộc diện *"nghèo"* mà tỉ lệ thanh thiếu niên hút thuốc ở các thành phố lớn *"ngang với tỉ lệ các thành phố Âu - Mỹ"*.

Ở châu Âu, chiến dịch chống thuốc lá rất quyết liệt. Cấm hút thuốc lá ở tất cả những nơi công cộng, phạt nặng những người vi phạm (như ở Bỉ); cấm quảng cáo thuốc lá trên báo chí, vô tuyến. Cuối năm 1990, có thể nêu lên những khẩu hiệu: *"Một châu Á không còn thuốc lá"*.

Trái lại, ở Việt Nam, một nơi có nhiều bệnh như sốt rét, bệnh phong, lao, ỉa chảy chưa thanh toán được, *"lại ôm thêm ôn dịch thuốc lá này"*. Tệ nạn ấy *"nghĩ đến mà kinh !"*. Bằng tấm lòng của người thầy thuốc, Nguyễn Khắc Viện thiết tha kêu gọi mọi người Việt Nam *"phải đứng lên chống lại, ngăn ngừa nạn ôn dịch"* thuốc lá.

"Ôn dịch, thuốc lá" là một văn bản thuyết minh được viết bằng một văn phong hiện đại, độc đáo. Các lí lẽ và dẫn chứng được tác giả nêu lên qua sự phân tích sắc bén, qua sự so sánh liên tưởng đầy sức thuyết phục. Bài văn đã thể hiện sự quan tâm và lo lắng của Nguyễn Khắc Viện trước tệ nạn *"ôn dịch, thuốc lá"*.

Bài văn đã nâng cao nhận thức cho mỗi chúng ta, nhất là các bạn trẻ, biết về những tác hại ghê gớm về thuốc lá. Và hãy coi chừng ôn dịch, thuốc lá!

Đáp án đề 16

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Trả lời	A	E	B	A	C	B	A	B	A	A	B

ĐỀ 17

> *** Bài toán dân số.**
> *** Dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm**
> *** Đề văn thuyết minh và cách làm bài văn thuyết minh**

1. "Bài toán dân số" được tác giả sử dụng nhiều phương thức biểu đạt để làm nổi bật ý tưởng chủ đạo của vấn đề nêu ra. Em hãy cho biết đó là những phương thức biểu đạt nào?

A. Thuyết minh　　**B.** Tự sự

C. Biểu cảm　　**D.** Miêu tả

E. Thuyết minh và tự sự　　**F.** Thuyết minh và lập luận

G. Thuyết minh kết hợp với tự sự và lập luận.

2. Câu chuyện nhà thông thái kén rể có được coi là sự thể hiện phương thức tự sự không?

A. Đúng　　**B.** Không đúng.

3. Bài toán dân số được tính toán từ một chuyện trong Kinh Thánh có phải được tác giả kết hợp 2 phương thức biểu đạt là thuyết minh và lập luận không?

A. Đúng　　**B.** Sai

4. Đoạn kết được tác giả sử dụng phương thức biểu đạt nào?

A. Thuyết minh　　**B.** Tự sự

C. Lập luận　　**D.** Biểu cảm

5. Vấn đề mà tác giả nêu lên trong văn bản này là gì? Chọn ý đúng.

A. Bài toán dân số.

B. Vấn đề dân số và kế hoạch hoá gia đình.

C. Con đường "tồn tại hay không tồn tại" của chính loài người.

D. Vấn đề dân số và kế hoạch hoá gia đình là con đường "tồn tại hay không tồn tại" của chính loài người.

6. Câu chuyện kén rể của nhà thông thái có vai trò và ý nghĩa trong việc làm nổi bật vấn đề chính mà tác giả muốn nêu ra. Đó là, nếu bài toán dân số và kế hoạch hoá gia đình không được giải quyết thì đến một ngày không xa dân số thế giới sẽ như thóc phải có trong chuyện kén rể, nhiều đến mức có thể phủ khắp bề mặt trái đất này ! Trái Đất sẽ không đủ chỗ sinh sống cho hàng tỉ tỉ con người.

A. Sai　　**B.** Đúng

7. Việc tác giả đưa ra những con số về tỉ lệ sinh con của phụ nữ ở một số nước theo thông báo của Hội nghị Cai-rô nhằm mục đích cho thấy ở châu Phi và châu Á dân số phát triển và gia tăng quá lớn, trong đó có Việt Nam. Nếu bài toán dân số và kế hoạch hoá gia đình không giải quyết được thì sự phát triển xã hội như chống đói nghèo, lạc hậu, vấn đề giáo dục, y tế, vấn đề phát triển kinh tế ở các nước chậm phát triển sẽ không bao giờ giải quyết được. Vấn đề "nhân mãn" sẽ trở thành tai họa khi bệnh AIDS mỗi năm một gia tăng !

A. Đúng　　**B.** Sai

8. Bố cục của văn bản gồm có 3 phần:

- Đoạn 1: Tác giả đã "sáng mắt ra" về bài toán dân số.

- Đoạn 2: Câu chuyện về nhà thông thái kén rể (bài toán dân số) và những con số về bài toán dân số trong thời hiện đại.

- Đoạn 3: Giải thuyết được bài toán dân số là giải quyết được con đường "tồn tại hay không tồn tại" của chính loài người.

A. Sai **B.** Đúng

9. Riêng về phần thân bài có 3 đoạn văn, mỗi đoạn văn là một ý lớn (một luận điểm):

- Vấn đề dân số được nhìn nhận từ một bài toán cổ.

- Bài toán dân số được tính toán từ một chuyện trong Kinh Thánh.

- Vấn đề dân số được nhìn nhận từ thực tế, thực trạng của con người, của hai châu lục Á, Phi.

A. Đúng **B.** Sai

10. Vấn đề mà tác giả nêu lên đã làm cho mỗi chúng ta nâng cao nhận thức về sự cấp thiết, tầm quan trọng về bài toán dân số và kế hoạch hoá gia đình. Việt Nam chúng ta muốn công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh thì phải giải quyết được bài toán dân số và kế hoạch hoá gia đình.

A. Sai **B.** Đúng

11. Dấu hai chấm trong câu văn dùng để làm gì?

A. Để liệt kê

B. Để đánh dấu (báo trước) phần giải thích, thuyết minh cho một phần trước đó.

C. Đánh dấu (báo trước) lời dẫn trực tiếp hay lời đối thoại.

D. Gồm cả B và C.

12. Hãy nêu tác dụng của dấu hai chấm trong ví dụ sau:

Tôi nói chuyện lão với vợ tôi. Thị gạt phắt đi:

- Cho lão chết! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ! Lão làm lão khổ chứ ai làm lão khổ! Nhà mình sung sướng gì mà giúp lão? Chính con mình cũng đói.

(Lão Hạc)

A. Đánh dấu lời dẫn trực tiếp

B. Đánh dấu lời đối thoại

C. Đánh dấu phần giải thích cho phần trước đó.

D. Đánh dấu phần thuyết minh cho một phần trước đó.

13. Nêu tác dụng của dấu hai chấm trong các ví dụ sau:

Khi sống sung túc, phẩm hạnh lớn nhất là sự điều độ, còn khi gặp tai hoạ, phẩm hạnh lớn nhất là sự kiên cường. Có ba điều đạt tới hạnh phúc: thân xác khoẻ mạnh, tinh thần thoải mái, trái tim trong sạch.

Đô-mát

A. Đánh dấu lời đối thoại

B. Đánh dấu lời dẫn trực tiếp

C. Đánh dấu phần thuyết minh cho một phần trước đó.

D. Đánh dấu phần giải thích cho phần trước đó.

14. Đọc đoạn văn sau rồi trả lời câu hỏi:

Một mặt, Nguyễn Trãi phơi phới bay bay bằng tâm hồn, mặt nữa Ông Cụ nói tới công việc đồng áng nhà nông, và quý báu biết bao! Ta thử hỏi các nhà thơ Việt Nam xưa trước, ai đã nói được thắm thiết trong thơ Nôm như Nguyễn Trãi, về rau cỏ sản vật thường ngày của quê hương đất nước mình:

"Ao quan thả gửi hai bè muống,
Đất Bụt ươm nhờ một luống mùng.
Ao cạn vớt bèo cấy muống,
Trì thanh phát cỏ ương sen.
Một cày một cuốc thú nhà quê,
Áng cúc lan chen vãi đậu kê.
Cây rợp chồi cành chim kết tổ,
Ao quang mấu ấu cá nên bầy.
Ngày tháng kê khoai những sản hằng,
Tường đào ngõ mận ngại thung thăng.
Tả lòng thanh vị núc nác,
Vun đất ải, luống mồng tơi".

Chúng ta thấy có rau muống, dọc mùng, đậu kê, kê khoai, mồng tơi, núc nác, củ ấu, cây sen.., từ năm sáu trăm năm trước Nguyễn Trãi gửi đến cho chúng ta nay.

Xuân Diệu

Em hãy cho biết, dấu hai chấm ở đây, Xuân Diệu dùng để đánh dấu lời dẫn trực tiếp thơ văn, có đúng không?

A. Đúng **B.** Sai

15. Cho biết tác dụng của dấu ngoặc đơn là gì?

A. Đánh dấu lời thoại.

B. Đánh dấu lời dẫn trực tiếp.

C. Đánh dấu phần giải thích, thuyết minh cho một phần trước đó.

D. Đánh dấu phần chú thích (giải thích, thuyết minh, bổ sung thêm).

16. Cho biết dấu ngoặc đơn trong đoạn văn sau dùng để làm gì?

Đối với nguyệt, với trăng, Nguyễn Trãi có tâm tình của một người bạn; trăng tri kỉ, trăng tương thức, bởi thế trăng xuất hiện thật đúng vào lúc Nguyễn Trãi cần có bạn tri âm:

"Khách đến, vườn có hoa lác (=lác đác)
Thơ nên, cửa thấy nguyệt vào !"

Nghiền ngẫm, vừa mới hoàn thành bài thơ, "thơ nên", thì nhìn ra cửa, thấy trăng đã mọc, đã lên, và bước vào nhà! Trăng ở đây có một tâm hồn, trăng sáng đẹp, trong trẻo, thanh tao, đến như một người bạn quý xuất hiện!

Xuân Diệu

- Dấu ngoặc đơn ở đây dùng để chú thích cho chữ "lác" trong câu thơ của Nguyễn Trãi nghĩa là "lác đác", thưa thớt, rải rác.

A. Sai **B.** Đúng .

17. *Thuyết minh một món ăn quê hương.*

Cá lòng tong nấu đọt cóc

Bài làm

Khi mùa nước nổi bắt đầu dâng ở các tỉnh đầu nguồn sông Tiền, sông Hậu, thì miệt hạ lưu sông Cửu Long dòng sông như mênh mông hơn. Khi con nước dâng cao bờ bãi là thời điểm bắt đầu của mùa cá lòng tong. Mùa này kéo dài cho đến cuối năm âm lịch.

Để đánh bắt cá lòng tong, người nông dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long áp dụng hai cách. Thứ nhất là *chắn ụ*. Người ta đào một cái ao rộng khoảng mười mét vuông, mở một cửa có rãnh nhỏ, ngăn dẫn ra sông (hoặc kinh, rạch). Nơi rãnh tiếp giáp kinh, rạch được chặn lại bằng phương tiện nào đó mà họ có được, nhưng phải đạt yêu cầu là cá vào rất thuận lợi mà ra thì... không bao giờ. Cách thứ hai là *làm mùng*. Dụng cụ là một miếng vải mùng khá rộng, mắc vào bốn thanh tre, ấn xuống sông (hoặc kinh, rạch), bên trên rắc cám rang dụ cá đến ăn. Dụng cụ đánh bắt này giống như những chiếc vó mà nông dân ta đã làm từ nhiều chục năm nay. Nhưng để có được những con cá lòng tong nhỏ nhắn, xinh xinh một cách thú vị không gì hơn bằng câu. Chỉ cần một chiếc cần câu cùng một ít cơm nguội là người ta có thể tiêu khiển một cách... ích lợi bên bờ sông trong một trưa, một chiều nước lớn. Móc cơm vào lưỡi câu, quăng xuống nước. Lưỡi câu vừa chạm mặt nước, nhanh tay giật lên. Tòn teng cuối dây câu là một chú cá lòng tong đang vặn mình, lấp lánh ánh bạc trong nắng. Cứ thế mà câu một cách thích thú, chẳng mấy chốc cá đầy một giỏ mang về.

Cá lòng tong xưa nay thường được người dân đem kho, kho khô hoặc kho nước với tiêu bột ăn cơm nóng. Nhưng nếu cá được kho khô với chút mỡ cùng một ít tiêu bột thì cái ngon "thị giác" tăng hẳn lên, do mình cá bóng nhẫy những mỡ một cách hấp dẫn. Cá lòng tong đá (loại lòng tong to con) được dùng để chiên hoặc nướng rồi "ăn suông" chấm cá với nước mắm mặn nguyên chất giầm chút ớt hiểm xanh, ăn kèm với nhúm rau thơm. Vị ngọt của cá, mùi thơm của rau hòa quyện, hít một hơi gió châu thổ... thì còn gì bằng.

Nhưng lòng tong còn được chế biến thành một món ít ai biết được. Món này tuy ngon độc đáo nhưng thực hiện lại rất đơn giản. Đó là món cá lòng tong nấu canh đọt cóc. Bắc nồi nước lên bếp. Cá làm sạch, để ráo. Khi nước sôi, cho cá và một nhóm đọt lá cóc đã được rửa sạch vào. Nước sôi vài dạo, nêm mắm muối, bột ngọt vừa ăn, nhấc xuống, múc ra tô, rắc chút tiêu bột. Gắp cá lòng tong chấm nước mắm ớt, thêm vị chua độc đáo của đọt cóc thật hấp dẫn. Không giống như vị chua của me, vị chua của lá me, vị chua của lá giang, vị chua của bần..., vị chua của đọt cóc lâng lâng cảm khoái lan dần khắp người khi ta húp một muỗng nước canh. Bữa cơm này nếu được ăn chung với cá lòng tong kho mỡ trong một chiều mưa gió lành lạnh thì còn gì thích thú bằng.

Phương Kiều

Đáp án đề 17

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trả lời	G	A	A	C	D	B	A	B	A	B	D	B	C	A	D	B

ĐỀ 18

* **Chương trình văn học (địa phương).**
* **Dấu ngoặc kép**
* **Luyện nói: thuyết minh về một thứ đồ dùng.**

1. Lúc viết, người ta dùng dấu ngoặc kép vào những trường hợp nào?

A. Đánh dấu từ ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp.

B. Đánh dấu tên tác phẩm, đầu đề, nhan đề... được nhắc tới.

C. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt.

D. Có lúc dấu ngoặc kép đứng sát sau dấu hai chấm.

E. Tất cả các trường hợp **A, B, C, D.**

2. Dấu ngoặc kép trong ví dụ sau được dùng để làm gì?

Khi người nông dân đang ngồi than thở thì có một người lạ đến gần, mang cho ông ta một con ngỗng lông trắng rất đẹp. Người ấy nói: "*Hãy chăm sóc cẩn thận con ngỗng của ta, và rồi con ngỗng sẽ chăm sóc cho anh*".

(Truyện ngụ ngôn Ê-đốp *"Con ngỗng đẻ trứng vàng"*)

A. Dùng để dẫn trực tiếp lời nói của nhân vật.

B. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt.

C. Đánh dấu câu văn, câu thơ được trích dẫn.

D. Dùng để chú thích nghĩa.

3. Có phải dấu ngoặc kép trong đoạn văn sau đây được dùng theo nghĩa đặc biệt không?

Lần đầu tiên, tôi theo tía nuôi và thằng Cò đi "*ăn ong*" đây! Mấy hôm trước, má nuôi tôi đã kể tỉ mỉ cho tôi nghe cách gác kèo ong như thế nào, nhưng tôi vẫn chưa hình dung được "*ăn ong*" ra sao. Những điều má nuôi tôi kể, trong các sách giáo khoa không thấy nói.

(*"Đất rừng Phương Nam"* - Đoàn Giỏi)

A. Sai **B.** Đúng

4. Thi sĩ Xuân Diệu dùng dấu ngoặc kép trong đoạn văn sau để làm gì?

Bà Huyện Thanh Quan, dùng từ nôm sinh động ở cái mức "*Lom khom dưới núi tiều vài chú - Lác đác bên sông chợ mấy nhà*", chấm phá lơ thơ và có phần chiếu lệ; còn Hồ Xuân Hương thì phải có cao độ, chồng chất, đã "*xanh om cổ thụ*" lại phải "*tròn xoe tán*", đến hai tầng chữ, rất sống, rất diễn tả.

(*"Sự trong sáng của tiếng Việt trong thơ"*)

A. Dùng để dẫn trực tiếp câu thơ hoặc một phần của câu thơ.

B. Dùng để đưa đẩy lời văn cho sang trọng.

C. Dùng để minh hoạ lời văn.

D. Dùng để dẫn trực tiếp lời đối thoại.

5. Đọc đoạn văn sau:

Nguyễn Trãi đã viết "*Quân trung từ mệnh tập*", "*Bình Ngô đại cáo*" sang sảng vang dội như ngựa hí voi gầm, giáo múa gươm khua một thời oanh liệt.

Nguyễn Trãi còn là tác giả của hai thi phẩm cổ nhất, có giá trị nhất: "*Quốc âm thi tập*", bằng chữ Nôm, và "*Ức trai thi tập*" bằng chữ Hán. Cuộc đời, sự nghiệp và thơ văn Nguyễn Trãi mãi mãi là bài ca yêu nước và tự hào dân tộc.

Chọn đáp án đúng:

A. Dùng để dẫn trực tiếp thơ văn.

B. Dùng để dẫn trực tiếp lời đối thoại.

C. Dùng để đánh dấu đầu đề, tên tác phẩm.

D. Dùng để đánh dấu câu chữ mang ý nghĩa đặc biệt.

6. Đọc đoạn văn sau:

Mỗi câu thơ hay, bài thơ hay cứ làm ta buâng khuâng chợt nhớ, chợt thương. Ca dao từ lời ru của mẹ đã thấm sâu vào hồn ta từ ngày còn nằm trong nôi:

"Đồng Đăng có phố Kì Lừa,
Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh..."

Lời ru ngọt ngào cứ ngân nga mãi:

"Anh về miền Bắc làu vò,
Vẽ tranh họa đồ để lại cho em".

Cắp sách đến trường, nghe thầy đọc câu thơ của Nguyễn Du trong "Truyện Kiều", ta chưa hiểu nhiều, nhưng cảm thấy hay, lòng như phản chiếu bao ánh sáng:

"Long lanh đáy nước in trời,
Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng".

Tiếng Việt ta đẹp, thơ ta du dương như tiếng sáo, tiếng đàn bầu, mềm mại như dải lụa nuột nà, óng chuốt. Lần đầu nghe cô giáo đọc câu thơ của Đỗ Trung Quân trong bài "Quê hương" mà nước mắt ta ứa ra, vì ta mồ côi mẹ:

"...Quê hương... là bàn tay mẹ
Dịu dàng hái lá mồng tơi
Bát canh ngọt ngào toả khói
Sau chiến tan học mưa rơi".

("*Kỉ niệm tuổi thơ*" - Lê Phan Quỳnh)

- Hãy cho biết, người viết đoạn văn này dùng dấu ngoặc kép trong những trường hợp nào?

A. Để dẫn trực tiếp câu ca dao, câu thơ.

B. Để chú thích đầu đề, tên tác phẩm.

C. Gồm cả A và B.

D. Không phải như thế.

7. Thuyết minh về một thứ đồ dùng

Chiếc nón

Chiếc nón có từ bao giờ? Mỗi lần thấy bà, thấy mẹ đội nón, tôi cứ bâng khuâng về câu hỏi ấy.

Cái nón quê kiểng bình dị thật ưa nhìn. Xương nón làm bằng tre, nứa, được vót tròn óng chuốt, được kết thành những vòng tròn có đường kính khác nhau theo khuôn nón. Cái chóp nón lúc nào cũng hướng về trời cao. Lá lợp nón là sản phẩm của núi rừng. Việt Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn, Tây Nguyên, U Minh... là nguồn vô

tận về lá nón. Lá cọ, lá kè cũng để làm nón. Chiếc nón mới làm ra lại được quê một lớp mỏng dầu rái (thảo mộc), óng ánh, vừa bền vừa đẹp.

Dáng hình chiếc nón cũng nhiều vẻ. Nón ba tầm quai thao của các cô gá Kinh Bắc trong lễ hội mùa xuân: hội Lim, hội chùa Dâu, hát Quan họ. Lại có chiế nón của các bà, các cô đội lúc làm đồng, vừa chắc bền, vừa tiện lợi. Che nắng mưa làm quạt,... Các cô thôn nữ làm duyên sau vành nón ấy. Chiếc nón thanh nhẹ còi che chở cho đôi má hồng, má lúm đồng tiền thêm xinh thêm dòn.

Ai đã sáng tạo ra chiếc nón bài thơ xứ Huế? Lá nón trắng nõn nà; bài thơ mi tỏ ẩn hiện. Chiếc quai nón bằng lụa thanh tao. Vành nón nghiêng nghiêng, dị dàng, e lệ, thầm kín của cô gái miền núi Ngự sông Hương. Chả thế mà du khách các cậu khóa ngẩn ngơ:

"Học trò xứ Quảng ra thi,
Gặp cô gái Huế bước đi không đành".

Còn có chiếc nón dấu anh lính thú đời xưa, mà khi xem phim ta mới biết:

"Ngang lưng thì thắt bao vàng,
Đầu đội nón dấu, vai mang súng dài"...

Mẹ em bảo nước ta nắng lắm mưa nhiều. Chiếc nón là vật dụng thân thiết củ mọi người, nhất là nhà nông. Vừa rẻ, vừa tiện lợi. Nhẹ nhàng dễ mang theo. C nhiều làng nghề thủ công làm nón nổi tiếng xưa nay từng được truyền tụng qua c dao, dân ca:

"Muốn ăn cơm trắng, cá mè,
Muốn đội nón tốt thì về làng Chuông".

hay:

"Hỡi cô đội nón ba tầm,
Cô về Yên Phụ hôm rằm lại sang.
Phiên rằm chợ chính Yên Quang,
Yên Hoa anh đợi hoa nàng mới mua".

Chiếc nón làng Găng, chiếc nón chóp Ba Đồn, chiếc nón bài thơ xứ Huế đ trở thành món quà lưu niệm của khách phương xa. Nghe nói trong phòng khách củ nhà thơ Xi-mô-nốp Nga có chiếc điếu cày và chiếc nón bài thơ mà ông đã mang t Việt Nam về? Và trong chúng ta, ai đã từng được xem điệu múa nón, tưởng như đà bướm sặc sỡ đang rập rờn bay trong ngàn hoa? Hình ảnh cô nữ sinh Huế ngày xư tưởng như gặp trong mộng:

"Những nàng thiếu nữ sông Hương,
Da thơm là phấn, má hường là son.
Tựu trường chân sát thon thon,
Lao xao nón mới màu sơn sáng ngời"...

("*Tựu trường*" - Nguyễn Bính)

Ngày nay, ở các đô thị, hầu như không thấy học sinh đội nón đến trường. Mà chỉ thấy những chiếc mũ vải đủ màu sắc xinh xinh. Nhưng trên đường làng, giữ các phiên chợ miền quê, chiếc nón lá màu trắng xinh xinh thanh nhẹ vẫn thấy nhiều

và ưa nhìn, dễ mến. Các bà, các mẹ, các cô thôn nữ... làm sao rời được chiếc nón quê hương?

Trên con đường phát triển, công nghiệp hóa và hiện đại hoá đất nước, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ta ngày một phong phú hơn, sang trọng hơn. Nhưng giậu cúc tần, lũy tre xanh, đồng lúa chín, con trâu hiền lành, tiếng sáo diều,... và chiếc nón ba tầm, chiếc nón bài thơ sẽ còn mãi trong tâm hồn nhân dân ta. Những câu hát bài ca về chiếc nón bình dị, quê kiểng ấy vẫn là sợi nhớ sợi thương giăng mắc trong hồn người, man mác và bâng khuâng có bao giờ vơi...

Đáp án đề 18

Câu	1	2	3	4	5	6
Trả lời	E	A	B	A	C	C

ĐỀ 19 + 20

*** Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác**
*** Đập đá ở Côn Lôn**
*** Ôn luyện về dấu câu**
*** Thuyết minh về một thể loại văn học.**

1. Bài thơ "Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác" đã được Phan Bội Châu viết vào năm 1914 khi nhà cách mạng Việt Nam bị bọn quân phiệt Quảng Đông (Trung Quốc) bắt giam âm mưu trao trả cho thực dân Pháp.

A. Đúng **B.** Sai

2. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

A. Thơ tự do **B.**Thơ tứ tuyệt (2 khổ)

C. Thơ tám chữ **D.** Thất ngôn bát cú Đường luật.

3. Chủ đề của bài thơ là gì?

A. Nỗi đau khổ vì bị tù đày.

B. Lòng khao khát tự do.

C. Ý chí kiên cường bất khuất.

D. Sẵn sàng chấp nhận mọi nguy hiểm tù đày, lạc quan và tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng.

4. Bài thơ viết theo luật gì, có mấy vần, đó là những vần cụ thể nào? - Bài thơ viết theo luật bằng (chữ thứ hai câu 1 là chữ là thanh bằng). Có 5 vần thơ, cụ thể là: lưu - tù - châu - thù - đâu (chữ cuối của các câu 1 và câu chẵn 2, 4, 6, 8 vần với nhau).

A. Sai **B.** Đúng

5. Giọng thơ thế nào?

A. Nhẹ nhàng **B.** Êm ái, du dương.

C. Hùng hồn, mạnh mẽ. **D.** Buồn lê thê.

6. Những câu thơ nào đối nhau? Có phải câu 3 đối câu 4, câu 5 đối câu 6 không?

A. Đúng **B.** Sai

7. Em hiểu nghĩa ba chữ "bồ kinh tế" là thế nào?

A. Vật dụng sản vật của cải vật chất.

B. Chỉ sự nghiệp cách mạng to tát, vĩ đại.

C. Nói lên khát vọng độc lập, tự do.

D. Lấy từ chữ "*kinh bang tế thế*", nghĩa là trị nước cứu đời, một hoài bão phi thường của kẻ sĩ quân tử, của đấng hào kiệt phi thường.

8. "Cuộc oán thù" là gì?

A. Oán hận và căm thù

B. Chỉ cảnh bị bắt giam, bị tù đày.

C. Cuộc đời cách mạng, chống thực dân Pháp và bè lũ tai sai để cứu nước, cứu dân, giải phóng dân tộc.

D. Cả **A, B, C** đề sai.

9. Có ý kiến cho rằng:

"*Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác*" đã dựng lên hình ảnh người chiến sĩ cách mạng kiên cường bất khuất, lạc quan tin tưởng trong cảnh nguy hiểm tù đày.

A. Sai　　　　**B.** Đúng.

10. Bài thơ "Đập đá ở Côn Lôn" được Phan Châu Trinh viết vào hoàn cảnh nào?

A. Viết tại Côn Lôn.

B. Viết vào năm 1908.

C. Viết vào năm 1908 tại đảo Côn Lôn khi Phan Châu Trinh bị thực dân Pháp cầm tù với cái án "*khổ sai chung thân*".

D. Cả A, B và C đề không đúng.

11. Có phải bài "Đập đá ở Côn Lôn" được viết theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật?

A. Đúng　　　　**B.** Sai

12. Chủ đề bài thơ là gì?

A. Tả cảnh đập đá ở Côn Lôn.

B. Tả cảnh lao động khổ sai đập đá của người tù.

C. Nêu cao khí phách bất khuất của người chiến sĩ cách mạng.

D. Thể hiện ý chí kiên cường bất khuất, khí phách hiên ngang, lòng trung thành sắt son của người chiến sĩ cách mạng phi thường.

13 Giọng thơ như thế nào? Có phải là trầm tĩnh, ung dung, hào hùng?

A. Sai　　　　**B.** Đúng

14. Chữ thứ hai của câu 1 bài thơ là chữ "trai" thanh bằng. Vậy "Đập đá ở Côn Lôn" theo luật gì của thơ thất ngôn bát cú Đường luật?

A. Luật bằng　　　　**B.** Luật trắc.

15. Bài thơ có 5 vần, đó là những vần bằng được gieo vào chữ cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8 (Lôn - non - hòn - son - con)

A. Sai　　　　**B.** Đúng

16. Các cặp câu 3-4, 5-6 được cấu trúc như thế nào?

- Xách búa đánh tan năm bảy đống,
Ra tay đập bể mấy trăm hòn.
- Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,
Mưa nắng chi sờn dạ sắt son.

A. Những câu song hành.

B. Những câu hô ứng nhau.

C. Những câu bổ sung nghĩa cho nhau.

D. Hai cặp câu bình đối trong bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

17. Các từ: "lừng lẫy, sành sỏi, sắt son, gian nan, con con" có phải là từ láy không?

A. Từ láy **B.** Không phải.

18. Có một học sinh đã lập một bảng thống kê tổng kết về các dấu câu như dưới đây. Em xem kĩ và có thể bổ sung, điều chỉnh cho đúng.

<u>Bảng tổng kết về dấu câu</u>

Tên dấu câu	Công dụng, cách sử dụng
Dấu phẩy	Dùng để cách các từ ngữ cùng chức vụ trong câu, thành phần trạng ngữ với cụm chủ vị, các vế câu ghép.
Dấu chấm	Đặt ở cuối câu trần thuật, câu cầu khiến khi ý đã trọng vẹn, khi câu đã đúng cú pháp.
Dấu chấm hỏi	Đặt cuối câu hỏi (câu nghi vấn)
Dấu chấm than	Đặt cuối câu cảm thán hoặc câu cầu khiến
Dấu chấm lửng	Để diễn tả người nói không nói được hết câu hoặc ngập ngừng, ngắt quãng; tỏ ý còn nhiều sự vật, sự việc tương tự, làm dãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị một nội dung bất ngờ.
Dấu chấm phẩy	Dùng để ngăn cách các vế trong câu ghép đẳng lập.
Dấu hai chấm	Dùng để đánh dấu lời đối thoại, lời dẫn trực tiếp
Dấu ngoặc đơn	Dùng để giải thích, chú thích, bổ sung nghĩa cho một ý, một từ ngữ, một bộ phận đứng trước câu.
Dấu ngoặc kép	Dùng để đánh dấu lời dẫn trực tiếp, đánh dấu nhan đề tác phẩm, đánh dấu từ ngữ có nghĩa đặc biệt trong câu.
Dấu gạch ngang	Ngăn cách bộ phận chú thích, đặt trước lời đối thoại, ngăn cách câu thơ được dẫn trực tiếp.

19. Phân tích bài thơ "Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông" của Phan Bội Châu.

Bài làm

Vẫn viết theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật; giọng thơ mạnh mẽ hào hùng. Lúc bấy giờ, nhà thơ đang bị đày đọa vô cùng dã man: cổ đeo gông, chân tay bị xiềng xích trong nhà ngục tứ tù Quảng Đông. Có biết cảnh ngộ ấy mới cảm thấy cốt cách và khí phách anh hùng của Phan Bội Châu qua "*Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông*".

Phần đề nói đến chết và sống. Câu phá đề bộc lộ một tâm thế coi cái chế nhẹ tựa lông hồng, sẵn sàng chấp nhận mọi hi sinh. "*Nếu chết xong đi thế cũng hay*", bởi lẽ tự biết: Chết vì nước là chết vinh; Chết vinh còn hơn sống nhục trong vòng nô lệ! Câu thừa đề lại nói đến sống: "*Còn ta, tại lại tính cho mày !*" "*Mày*" là bè lũ thực dân Pháp, lũ vua quan bán nước, là bọn phản động Long Tế Quang, v.v.. "*Tính*" là tính số, tính tội ác tày trời của bè lũ. Bao căm thù, khinh bỉ dồn vào chữ "*mày*"cuối câu.

Hai câu thực đăng đối, tác giả sử dụng hình ảnh tượng trưng, biểu lộ một niềm tin sáng chói. Người anh hùng chân chính (thần thánh) không thể chết (chôn) trong chốn ngục tù. Con đường cách mạng "*ruổi gió mây*" không kẻ thù nào có thể ngăn cản được. Ngôn ngữ thơ vừa đối xứng, vừa tương phản đầy ấn tượng. Hai chữ "*dâu có*" với "*há không*" đối lập, phủ định và khẳng định một sự nghiệp chính nghĩa cao cả:

"Trời dâu có ngục chôn thần thánh,
Đất há không đường ruổi gió mây".

Phần luận thể hiện một cốt cách anh hùng của người chiến sĩ vĩ đại. Một chí lớn quyết vượt qua mọi thử thách, không lùi bước trước mọi nguy hiểm khó khăn để hướng tới sự nghiệp: "*tát cạn bể Đông*", "*mở quang ngàn Bắc*". Phan Bội Châu đã từng kêu gọi đồng chí, đồng bào đoàn kết đứng lên chiến đấu bằng gươm giáo, bằng xương máu, bằng thơ ca: "*thiết chiến, thiệt chiến, huyết chiến*" để giành lại tự do. "*Chèo tấc lưỡi*", "*vẫy đôi tay*" là những hoán dụ nghệ thuật đầy ý nghĩa. Ở phần thực đã nói đến trời, đất, tiếp theo phần luận lại hướng tới bể Đông, ngàn Bắc, một không gian nghệ thuật kì vĩ mở ra, và đó cũng là tầm vóc lớn lao của người anh hùng xứ Nghệ dù máu chảy đầu rơi mà "*gan không núng, chí không mòn*":

"Tát cạn bể Đông chèo tấc lưỡi,
Mở quang ngàn Bắc vẫy đôi tay".

Hai câu kết là lời động viên, kêu gọi chiến đấu. Sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc là to lớn, lâu dài (ngàn thu) há đâu chỉ ngày một ngày hai. Cho nên phải "*gắng sức*", phải biết "*xối máu nóng rửa vết nhơ nô lệ*" (Bài ca chúc tết thanh niên). Và đó cũng là lời tự động viên mình:

"Anh em ai nấy xin thêm gắng,
Công nghiệp ngàn thu há một ngày".

Ngôn ngữ khoa trương, hình ảnh tượng trưng, hài hòa cân xứng, giọng thơ hào hùng là vẻ đẹp bài thơ thứ hai trong chùm thơ "*Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông*" này. Nó là bài ca yêu nước. Cốt cách anh hùng, khí phách anh hùng của người con vĩ đại xứ Nghệ làm cho chúng ta cảm phục, ngưỡng mộ.

20. Phân tích bài thơ "Đập đá ở Côn Lôn" của Phan Châu Trinh.

Bài làm

Phan Châu Trinh (1872-1926), chiến sĩ cách mạng vĩ đại của dân tộc ta trong ba thập niên đầu thế kỉ XX. Ông còn để lại nhiều thơ văn thấm đượm tinh thần dân chủ và chứa chan tình yêu nước. Bài thơ "*Đập đá ở Côn Lôn*" đã thể hiện khí phách hiên ngang bất khuất của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đày

Bài thơ viết theo thể thất ngôn bát cú Đường luật, mang tính hàm nghĩa sâu sắc:

"Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn,
Lừng lẫy làm cho lở núi non.
Xách búa đánh tan năm bảy đống,
Ra tay đập bể mấy trăm hòn.
Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,
Mưa nắng chi sờn dạ sắt son.
Những kẻ vá trời khi lỡ bước,
Gian nan chi kể việc con con."

Nhan đề bài thơ là "*Đập đá ở Côn Sơn*" nói về cảnh lao động khổ sai của nhà thơ và các chiến sĩ yêu nước bị thực dân Pháp đày đọa tại nhà tù Côn Đảo. Năm 1908, sau vụ chống sưu thuế nổ ra ở Trung Kì, Phan Châu Trinh bị chính quyền thực dân bắt giam và đày ra Côn Đảo với cái án khổ sai chung thân.

1. Bốn câu đầu vừa tả thực cảnh đập đá, vừa biểu lộ một tâm thế, một ý chí. Chí nam nhi, chí làm trai coi việc "*đứng giữa đất Côn Lôn*", bị tù đày khổ sai là một thách thức nặng nề nhưng chẳng hề nao núng, vẫn "*lừng lẫy làm cho lở núi non*". Hai từ "*đứng giữa*" biểu thị một tư thế hiên ngang, một tâm thế bất khuất trước uy vũ quân thù. Câu thơ thứ hai, nhất là cụm từ "*làm cho lở núi non*" thể hiện chí khí kiên cường trước cảnh ngộ bị quân thù đày đọa.

Các vị ngữ: "*đánh tan*" và "*đập bể*" vừa tả thực sức mạnh đập đá "*năm bảy đống*" và "*mấy trăm hòn*", đồng thời ngụ ý một quyết tâm, một ý chí căm thù phá tan chốn ngục tù, lật đổ ách thống trị thực dân tàn bạo. Phép đối, cách dùng số từ, hàm súc, đa nghĩa làm nên giá trị nghệ thuật ở phần thực bài thơ:

"Xách búa đánh tan năm bảy đống,
Ra tay đập bể mấy trăm hòn".

2. Hai câu 5, 6 đối nhau rất chỉnh. Lấy thời gian bị cầm tù (tháng ngày) đối với gian truân thử thách (mưa nắng) lấy thân dày dạn phong trần (thân sành sỏi) đối với tinh thần cứng cỏi trung kiên (dạ sắt son). Tất cả đã làm hiện lên hình ảnh một chiến sĩ cách mạng có tâm hồn và khí phách cao đẹp. "*Thân sành sỏi*" và "*dạ sắt son*" là hai hình ảnh ẩn dụ nói lên một cách hàm súc và hình tượng phẩm chất cách mạng của nhà thơ:

"Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,
Mưa nắng chi sờn dạ sắt son."

Các từ ngữ: "*bao quản*" và "*chi sờn*" biểu thị một thái độ sẵn sàng chấp nhận, một quyết tâm dám thách thức với bạo lực quân thù. Tinh thần ấy, ta bắt gặp nhiều trong "*Nhật ký trong tù*" của Hồ Chí Minh hơn 30 năm sau:

"Kiên trì và nhẫn nại,
Không chịu lùi một phân;
Vật chất tuy đau khổ,
Không nao núng tinh thần"

("Bốn tháng rồi")

3. Hai câu kết thể hiện bản lĩnh phi thường của những người có chí lớn, mưu đồ đại sự (vá trời) mà không thành (lỡ bước). Đó là những anh hùng thất thế mà vẫn hiên ngang, coi chuyện tù đày, gian nan chỉ là "*việc con con*" không đáng kể, không đáng nói. Câu kết toát lên một phong thái ung dung tự tại, rất ngạo nghễ của nhà chiến sĩ:

"Những kẻ vá trời khi lỡ bước,
Gian nan chi kể việc con con."

"*Đập đá ở Côn Lôn*" tiêu biểu cho thơ ca viết trong nhà tù thực dân của các chiến sĩ yêu nước và cách mạng đầu thế kỉ XX. Bài thơ có giọng điệu đĩnh đạc, hào hùng. Ngôn ngữ hàm súc, vừa bình dị vừa cổ kính trang trọng. Người xưa thường lấy thơ để giãi bày cái tâm, để nói lên cái chí. Sẵn sàng xả thân để cứu nước, sắt son thủy chung với dân tộc, bất khuất hiên ngang trước cảnh tù đày, đó là cái tâm, cái chí của Phan Châu Trinh thể hiện trong bài thơ "*Đập đá ở Côn Lôn*" này. Cái tâm, cái chí của nhà cách mạng tiền bối Phan Châu Trinh là bài học lớn cho chúng ta ngưỡng mộ và noi theo.

Đáp án đề 19 + 20

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Trả lời	A	D	D	B	C	A	D	C	B	C	A	D	B	A	B	D	A

ĐỀ 21

*** Muốn làm thằng Cuội**
*** Ôn tập và kiểm tra phần Tiếng Việt**

1. Tản Đà là nhà thơ lỗi lạc, nổi tiếng nhất trên thi đàn Việt Nam trong thập niên hai mươi của thế kỉ XX.

A. Đúng. **B.** Sai.

2. Chọn ý đúng trong các nhận định sau:

A. Tản Đà là nhà thơ cổ điển.

B. Tản Đà là nhà thơ yêu nước.

C. Tản Đà là nhà thơ lãng mạn thoát li.

D. Tản Đà là nhà thơ hiện đại.

3. Nhận xét nào sau đây đúng với vị thế của thơ Tản Đà trong nền thi ca Việt Nam.

A. Thơ Tản Đà đã đặt nền móng cho thơ mới Việt Nam.

B. Thơ Tản Đà là cái gạch nối giữa hai nền thơ cổ điển và nền thơ hiện đại Việt Nam.

C. Thơ Tản Đà mở đầu nền thi ca Việt Nam hiện đại.

D. Thơ Tản Đà là sự khởi đầu chói sáng của thơ Việt Nam viết bằng chữ Quốc ngữ.

4. Bài "Muốn làm thằng Cuội" được viết bằng thể thơ nào?

A. Thơ bảy chữ. **B.** Thơ tự do.

C. Bài hành thất ngôn. **D.** Thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

5. Chủ đề của bài thơ "Muốn làm thằng Cuội" là gì?

A. Chán ngán cõi trần.

B. Mơ tưởng chốn cung trăng để thảnh thơi vui thú.

C. Lòng yêu đời và cuộc sống thanh cao của nhà thơ.

D. Tâm sự của nhà thơ buồn chán trước thực tại tầm thường, xấu xa, muốn được thoát li bằng mộng tưởng lên cung Quế với chị Hằng.

6. Câu thơ "Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi !" là câu cảm thán?

A. Sai. **B.** Đúng.

7. "Cung quế đã ai ngồi đó chửa?" là câu nghi vấn, câu hỏi tu từ?

A. Sai. **B.** Đúng.

8. Bài thơ "Muốn làm thằng Cuội" viết theo luật bằng, vần bằng, đúng thi pháp thất ngôn bát cú Đường luật?

A. Sai. **B.** Đúng.

9. Cấu trúc câu 3 đối với câu 4, câu 5 đối với câu 6 là như thế nào?

A. Đó là các câu trong *phần thực* và *phần luận* của bài thơ.

B. Đó là hai cặp câu song hành nhau.

C. Đó là các câu bổ sung ý nghĩa cho nhau.

D. Đó là các câu đối nhau theo từng cặp (câu 3 đối câu 4, câu 5 đối câu 6)

10. Các từ: "buồn, chán, chơi, tủi, vui, cười" - đã thể hiện tâm sự, tâm trạng mộng tưởng của Tản Đà. Có đúng không?

A. Sai. **B.** Đúng.

11. Lập bảng tổng kết về: *từ tượng hình, từ tượng thanh, từ địa phương, biệt ngữ xã hội, nói quá, nói giảm nói tránh.*

Đơn vị kiến thức	Nội dung, tác dụng
Từ tượng hình	Là những từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, màu sắc, tính chất, trạng thái của sự vật.
Từ tượng thanh	Là những từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên và của con người
Từ địa phương	Là những từ ngữ chỉ được dùng ở một vùng quê, một địa phương nhất định.
Biệt ngữ xã hội	Là từ ngữ chỉ quen dùng trong một tầng lớp hẹp trong xã hội.
Nói quá	Là một biện pháp tu từ dùng lối nói cường điệu, phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của hiện tượng, sự vật để gây ấn tượng, tăng biểu cảm.
Nói giảm, nói tránh	Là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển để tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề, tránh thô tục, khiếm nhã, bất lịch sự.

***12. Lập bảng tổng kết về:** thán từ, trợ từ, tình thái từ, câu ghép đẳng lập, câu ghép chính phụ.*

Đơn vị kiến thức	Nội dung, tác dụng
Thán từ	Là những từ biểu lộ cảm xúc, tình cảm, thái độ của người nói, hoặc dùng để gọi đáp.
Trợ từ	Là những từ đi kèm một từ ngữ khác để nhấn mạnh, hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó.
Tình thái từ	Là những từ được thêm vào câu để cấu tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán, và để biểu thị sắc thái tình cảm của người nói.
Câu ghép đẳng lập	Là kiểu câu ghép có các vế ngang hàng nhau về ngữ pháp.
Câu ghép chính phụ	Là câu ghép có vế phụ thuộc chứa quan hệ từ.

13. Cảm nhận về bài thơ "Muốn làm thằng Cuội" của Tản Đà thi sĩ.

Bài làm

Những năm hai mươi của thế kỉ XX, Tản Đà là thi bá trên thi đàn Việt Nam. Tài hoa, lãng mạn, thoát li và ngông là phong cách nghệ thuật của thi sĩ Tản Đà. Trong bài "*Thú ăn chơi*", thi sĩ viết:

"Trời sinh ra bác Tản Đà,
Quê hương thời có, cửa nhà thời không.
Nửa đời Nam, Bắc, Tây, Đông,
Bạn bè sum họp, vợ chồng biệt li.
Túi thơ đeo khắp ba kì,
Lạ chi rừng biển, thiếu gì gió trăng...".

Bài "*Muốn làm thằng Cuội*" là bài thơ kiệt tác, tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Tản Đà thi sĩ:

"Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi !
Trần thế em nay chán nửa rồi.
Cung quế đã ai ngồi đó chửa?
Cành đa xin chị nhắc lên chơi.
Có bầu có bạn can chi tủi,
Cùng gió, cùng mây thế mới vui.
Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám,
Tựa nhau trông xuống thế gian cười."

1. Mở đầu bài thơ là một tiếng kêu "*buồn lắm chị Hằng ơi !*". Một tiếng kêu đầy ắp tâm sự. Thi sĩ Xuân Diệu đã nhận xét như vậy:

"Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi !
Trần thế em nay chán nửa rồi."

Nỗi buồn đến mức "*buồn lắm*", trong cô đơn chỉ còn biết gọi chị Hằng để giãi bày tâm sự. Ba tiếng "*chị Hằng ơi!*" rất biểu cảm, ý vị làm cho giọng thơ thiết tha thân mật. Câu thơ man mác sự buồn và chán. Tản Đà đã từng viết: "*Đời đáng chán hay không đáng chán?*", nay thì đã "*chán nửa rồi*". Bài thơ in trong tập "*Khối tình con*" xuất bản năm 1916, qua đó ta thấy rõ nguyên cớ sâu xa, buồn và chán vì trần thế, vì cuộc đời xấu xa, vì chế độ thực dân nửa phong kiến ngột ngạt, thối nát, tù hãm. Vì công danh dở dang: "*Tài cao, phận thấp, chí khí uất*". Buồn vì non nước đang bị ngoại bang thống trị "*Lệ ai giàn giụa với giang san*". Đó là nỗi buồn của một thế hệ trong vòng nô lệ lầm than. Là một thi sĩ đa cảm, đa tình, nỗi buồn đã kết thành mối sầu:

"Nửa ngòi bút ngỗng bao sinh lụy,
Một mối tơ tằm mấy đoạn vương".

("Đề khối tình con thứ nhất")

2. Một chữ "*xin*" rất chân thành thiết tha, như nài nỉ:

"Cung quế đã ai ngồi đó chửa?
Cành đa xin chị nhắc lên chơi."

Hai câu thực đã làm rõ đề bài "*Muốn làm thằng Cuội*" ở nơi cung trăng, cung quế. Câu hỏi tu từ gợi nhiều man mác bâng khuâng. "*Cành đa*" đã trở thành cái thang bắc lên chín tầng mây xanh để "*chị nhắc lên chơi*" cung quế. Đó là giấc mộng thoát li. Mộng vì chán đời, ngán đời. Mộng có tính phủ định:

"Nghĩ đời lắm lúc không bằng mộng,
Tiếc mộng bao nhiêu lại ngán đời"

("Nhớ mộng")

3. Có lên được cung quế mới đỡ "*tủi*", mới thỏa thích "*thế mới vui*". Có chị Hằng làm bầu bạn. Có gió, có mây cùng chơi với. Điệp ngữ (có, cùng) và phép đối được vận dụng sáng tạo, có cả tiểu đối và bình đối. Cách ngắt nhịp 2/2/3 tạo nên giọng thơ nhún nhảy lâng lâng. Thấm đẫm vần thơ là chất phong tình lãng mạn. Đọc lên nghe rất thú vị:

"Có bầu, có bạn can chi tủi,
Cùng gió, cùng mây thế mới vui."

Đúng như nhà phê bình văn học Lê Thanh trong cuốn "*Tản Đà thi sĩ*" (1939) đã nhận xét: "*Thơ của ông (Tản Đà) là chất thơ trong như lọc với những cảnh tượng không rõ rệt, những hình ảnh mờ mờ, ông vẽ những bức tranh tuyệt bút; với những tư tưởng lâng lâng, với những cảm giác mơ mộng, ông làm nên những câu thơ tuyệt mĩ...*".

4. Cái ngông, cái phong tình của thi sĩ đã dâng lên cực điểm. Đêm rằm tháng tám, là đêm trung thu đẹp nhất. Chẳng còn buồn vì cô đơn nữa, thi sĩ được cùng chị Hằng "*Tựa nhau trông xuống thế gian cười*". Cái cử chỉ "*tựa nhau*" và nụ cười ấy cũng là một giấc mộng đẹp. Thoáng một chút mỉa mai (cho trần thế) nhưng đầy thú vị vì được thoát li, được thỏa thích nơi cung quế:

"Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám,
Tựa nhau trông xuống thế gian cười."

Cái kết thoát li. Một cách nói phong tình, tài hoa. Có đọc bài thơ "*Hầu trời*" mới thấy được, cảm được cái hay, cái thú vị của bài "*Muốn làm thằng Cuội*". Nửa đêm, Tản Đà tỉnh dậy đun nước pha trà, rồi ngâm thơ... Trời nghe giọng ngâm bèn sai hai tiên nữ xuống cõi trần rước thi sĩ bay lên. Thi sĩ đọc thơ cho Trời và bầy tiên nghe. Tất cả đều tấm tắc khen:

"Văn đã giàu thay, lại lắm lối
Trời nghe Trời cũng bật buồn cười !
Chư tiên ao ước tranh nhau dặn:
- Anh gánh lên đây bán chợ Trời !".

("Hầu trời")

Bài "*Muốn làm thằng Cuội*" là một bài thơ có thi đề độc đáo, thú vị. Giọng thơ nhẹ nhàng, thanh thoát, chơi vơi. Trí tưởng tượng phong phú, kì diệu. Chất mộng ảo, sắc màu lãng mạn thấm đẫm bài thơ.

Tuy có nói đến buồn, nói đến chán, có nói đến thoát li, có thấm vị phong tình... nhưng toàn bài thơ toát lên một tinh thần phủ định thực tại xã hội thực dân nửa phong kiến xấu xa, khao khát được sống trong sạch hơn, thanh cao hơn, để mãi mãi giữ trọn thiên lương cao đẹp. Giá trị đích thực của bài thơ "*Muốn làm thằng Cuội*" là ở chỗ ấy.

Đáp án đề 21

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Trả lời	A	C	B	D	D	B	A	B	D	B

ĐỀ 22

*** Hai chữ nước nhà.**
*** Hoạt động ngữ văn: làm thơ bảy chữ**

1. Sao lại gọi là Á Nam Trần Tuấn Khải.

- Trần Tuấn Khải (1895 - 1983) là họ tên nhà thơ.
- Á Nam là bút danh nhà thơ Trần Tuấn Khải.
- Một cách gọi đặc biệt: vừa có bút danh vừa có họ tên.

A. Đúng　　**B.** Sai.

2. Đề tài và cảm hứng bài thơ "Hai chữ nước nhà" là gì?

- Đề tài lịch sử và cảm hứng yêu nước.

A. Sai　　**B.** Đúng.

3. Bài thơ "Hai chữ nước nhà" được sáng tác theo thể thơ nào?

A. Lục bát.　　**B.** Thất ngôn trường thiên.
C. Song thất lục bát.　　**D.** Thơ tự do.

4. Giọng thơ của bài "Hai chữ nước nhà" như thế nào?

A. Hùng hồn mạnh mẽ.　　**B.** Trầm bổng du dương.
C. Nhẹ nhàng thiết tha.　　**D.** Bi hùng thống thiết.

5. Bài thơ đã tái hiện lại một câu chuyện lịch sử của dân tộc ta đầu thế kỉ XV, đó là chuyện gì?

- Năm 1407 giặc Minh kéo quân sang xâm lược nước ta. Cha con Hồ Quý Ly và một số đại thần trong đó có Nguyễn Phi Khanh bị giặc bắt, bị giặc đóng cũi giải về Trung Quốc.

Nguyễn Trãi tiễn cha lên tận ải Nam Quan. Tác giả nhắc lại lời Nguyễn Phi Khanh dặn con là Nguyễn Trãi phải nuôi mối hận thù, quyết chiến đấu giành lại Tổ quốc: "*Ngọn cờ độc lập máu đào còn đây*".

A. Đúng **B.** Sai.

6. Bốn câu thơ đầu đã dựng lên một không gian, một cảnh tượng như thế nào?

"Chốn ải Bắc mây sầu ảm đạm,
Cõi giời Nam gió thảm đìu hiu,
Bốn bề hổ thét chim kêu,
Đoái nom phong cảnh như khêu bất bình".

A. Cả đất nước từ ải Bắc đến cõi giời Nam.

B. Bao trùm một không khí đau thương tang tóc dưới ách thống trị của quân cuồng Minh xâm lược.

C. Nỗi bất bình của dân tộc ngùn ngụt bốc lên.

D. Gồm tất cả A, B, C.

7. Câu** "Con ơi, con nhớ lấy lời cha khuyên" **có phải là câu cảm thán không?

A. Đúng **B.** Sai.

8. Đoạn thơ sau đây nêu lên những tư tưởng tình cảm gì?

"Giống Hồng Lạc hoàng thiên đã định,
Mấy ngàn năm suy thịnh đổi thay,
Giời Nam riêng một cõi này,
Anh hùng hiệp nữ xưa nay kém gì !".

A. Một đất nước có chủ quyền.

B. Giống Hồng Lạc là chủ nhân của đất nước đã mấy ngàn năm.

C. Tự hào về dân tộc ta có nhiều anh hùng hiệp nữ, tự lập, tự cường.

D. Gồm tất cả A, B, C.

9. Những câu thơ nào diễn tả cảnh đất nước bị đốt phá, nhân dân tang tóc điêu linh dưới ách thống trị tàn bạo của giặc Minh xâm lược?

A. *"Bốn phương khói lửa bừng bừng,*
Xiết bao thảm hoạ xương rừng máu sông !"

B. *"Nơi đô thị thành tung quách vỡ,*
Chốn nhân gian bỏ vợ lìa con".

C. *"Khói Nùng Lĩnh như xây khối uất,*
Sông Hồng Giang nhường vật cơn sầu".

D. Tất cả A, B, C.

10. Những từ ngữ nào diễn tả tâm trạng của Nguyễn Phi Khanh trước cảnh nước mất nhà tan được thể hiện trong đoạn thơ này?

"Thảm vong quốc ***kể sao xiết kể,***
Trông cơ đồ những ***xé tâm can,***
Ngậm ngùi *đất khóc giời than,*
Thương tâm *nòi giống lầm than nỗi này!".*

Đó là các từ ngữ: *kể sao cho xiết, xé tâm can, ngậm ngùi khóc than, thương tâm.*

A. Sai **B.** Đúng.

11. Hai câu thơ sau thể hiện tâm trạng gì của người cha?

"Con ơi, càng nói càng đau,
Lấy ai tế độ dân sau đó mà?".

A. Đau đớn, lo lắng cho tiền đồ của dân tộc. **B.** Sầu tủi.

C. Bi quan. **D.** Căm thù.

12. Hai câu thơ trên có đúng đó là câu cảm thán và câu hỏi tu từ không?

A. Sai **B.** Đúng.

13. Hai khổ thơ cuối là lời cha khuyên con. Gồm những ý gì?

A. Khuyên con hãy "*giang sơn gánh vác*" để trả thù nước, rửa thù nhà.

B. Khuyên con "*nhớ tổ tông khi trước*", nhớ công ơn của tổ tiên ông cha nghìn đời.

C. Khuyên con quyết đem máu đào phất cao ngọn cờ độc lập.

D. Gồm tất cả A, B, C.

14. Hãy nêu cảm nghĩ ngắn của em sau khi đọc bài thơ "Hai chữ nước nhà" của Á Nam Trần Tuấn Khải.

Bài thơ "*Hai chữ nước nhà*" là khúc bi ca uất hận về nợ nước thù nhà, về tình phụ tử cao dày sâu nặng, là lời non nước cao cả và thiêng liêng. Bài học về chí phục thù rửa hận cho giang san giống nòi thấm đượm bài ca, có giá trị bồi đắp tinh thần yêu nước, niềm tự tôn, tự hào cho mỗi chúng ta.

A. Đúng **B.** Sai

15. Thuyết minh về một loài hoa mà em yêu thích.

Bài làm

Cây thuốc bỏng

Mẹ em là y sĩ xã. Trong vườn, mẹ trồng nhiều loại rau. Một vài mảnh đất, chậu sứ, mẹ trồng một số loài hoa làm thuốc. Cây thuốc bỏng được trồng trong một chậu gốm Bát Tràng, đặt ở góc sân thật trang trọng.

Năm em lên 2 tuổi bị bỏng. Phích nước nóng bị vỡ làm em bỏng chân phải; đến nay còn sẹo, da tím đen. Mẹ trồng cây thuốc bỏng từ năm đó.

Cây thuốc bỏng nhà em trồng đã được gần nhiều năm thế mà quanh năm xanh tốt, lá dày, thân mập. Lá đơn giản, nhưng khác nhau ở hình dạng: lá ở dưới gốc hình bầu dục hay hình trứng, lá ở đầu cành to hơn, dài ra, đôi khi xẻ thuỳ lông chim, mép có răng cưa tròn. Từ các gốc răng cưa khi tiếp xúc với đất ẩm có thể mọc ra cây con.

Hoa bỏng nở thành chùm. Sắc hoa màu đỏ tía, màu đỏ gạch, màu vàng tẩm, màu trắng xanh. Gốc hoa dài từ 2 -3cm, bụ bẫm. Cánh hoa hình tam giác, thường là màu đỏ gạch, đài hoa màu xanh ánh đỏ. Lá xanh sum sê ôm lấy gốc hoa.

Cây thuốc bỏng sống khoẻ, chịu nắng và chịu rét giỏi. Cây ra hoa nhiều vào mùa xuân và mùa hè. Mẹ chăm sóc cây hoa bỏng đặc biệt.

Mùa thu, mẹ cắt lá, cành, hoa, đem ủ một tuần trong lá chuối. Sau đó mẹ đem giã, lọc lấy nước rồi chưng cất, pha thêm một ít rượu. Các sản phụ bị nứt đầu vú, người bị bỏng được chữa bằng loại thuốc bỏng chỉ độ mười ngày sau là khỏi.

Cây thuốc bỏng, hoa không rực rỡ và ngát hương như hồng, nhài, quế. Nó mộc mạc, giản dị, khiêm tốn, nhưng rất có ích. Một thứ "cây nhà, lá vườn" không thể thiếu đối với chúng ta.

15. Phân tích trích đoạn 36 câu trong bài thơ "Hai chữ nước nhà" của Trần Tuấn Khải.

Bài làm

Những năm 20 của thế kỉ trước, những bài hát theo các làn điệu dân ca, những bài thơ lục bát, song thất lục bát, thất ngôn... được truyền bá sâu rộng trong dân gian. Những đề tài lịch sử, những gương anh hùng được Trần Tuấn Khải nói đến có giá trị khích lệ tinh thần yêu nước, nói lên nỗi đau nhục nô lệ lầm than, bày tỏ khát vọng độc lập tự do không bao giờ nguôi.

Đoạn trích bài thơ "*Hai chữ nước nhà*" gồm có 36 câu thơ song thất lục bát được Trần Tuấn Khải sáng tác vào năm 1926, in trong tập "*Bút quan hoài*". Trong lời đề từ, nhà thơ nói rõ cảm hứng của mình là "*Nghĩ lời ông Phi Khanh dặn ông Nguyễn Trãi khi ông bị quân Minh bắt giải sang Tàu*". Qua đó, ta cảm nhận được "*Hai chữ nước nhà*" là bài thơ mượn đề tài lịch sử để thể hiện cảm hứng yêu nước, kích thích lòng yêu nước cho quốc dân đồng bào khi đang làm thân trâu ngựa cho thực dân Pháp. Lời đề từ đưa chúng ta trở về những năm tháng đau thương của đất nước và dân tộc. Năm 1407, giặc Minh xâm lược nước ta, dìm đất nước ta vào máu lửa, chúng đã bắt cha con Hồ Quý Ly và một số đại thần, trong đó có Nguyễn Phi Khanh giải về Tàu. Có thể nói bài thơ là lời cha dặn con về "*Hai chữ nước nhà*", về mối thù nhà nợ nước.

1. Phần đầu, tác giả gợi lên cảnh đất nước đau thương dưới ách thống trị của giặc Minh tàn bạo. Những hình ảnh nhân hóa rất gợi: "*mây sầu ảm đạm*", "*gió thảm đìu hiu*", "*hổ thét chim kêu*"... Cảnh vật, núi sông như mang nỗi đau của con người. Cả một không gian rộng lớn từ "*chốn ải Bắc*" đến "*cõi giời Nam*" và "*khắp bốn bề*" đều thấm máu và nước mắt của hàng triệu con người:

"Chốn ải Bắc, mây sầu ảm đạm,
Cõi giời Nam, gió thảm đìu hiu
Bốn bề hổ thét chim kêu..."

Trước thảm cảnh "*vong quốc*" người cha già trên con đường đi đày ngổn ngang nỗi niềm. Các chữ, các hình ảnh như: "*bất bình*", "*hạt máu nóng thấm quanh hồn nước*", "*tầm tã châu rơi*" đã nói lên một cách cảm động "*di hận*" của người anh hùng thất thế, một b[illegible]ch lịch sử của cha con Phi Khanh và Nguyễn Trãi. Câu thơ như thấm đầy lệ, giọng thơ thiết tha não nùng:

"Trông con tầm tã châu rơi,
Con ơi, con nhớ lấy lời cha khuyên".

Nguyễn Trãi có câu thơ chữ Hán: "*Anh hùng di hận kỉ thiên niên*", nghĩa là người anh hùng để lại mối hận đến nghìn năm. Phần đầu bài "*Hai chữ nước nhà*", Trần Tuấn Khải đã nói lên thật xúc động nỗi đau nước mất nhà tan, nỗi "*di hận*" của người anh hùng thất thế Nguyễn Phi Khanh.

2. Phần thứ hai là những lời thống thiết cha dặn con.

Nhớ "*Hai chữ nước nhà*" là nhớ về giòng giống Hồng Lạc, là nhớ về lịch sử trường tồn "*mấy ngàn năm*" của dân tộc, là nhớ giang sơn "*giời Nam riêng một cõi này*", là nhớ đến bao "*anh hùng hiệp nữ*" như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn... Nhớ "*Hai chữ nước nhà*" là để nâng cao lòng tự tôn, tự hào dân tộc:

"Giời Nam riêng một cõi này,
Anh hùng hiệp nữ xưa nay kém gì !".

Giọng thơ trở nên bừng bừng căm giận khi cha dặn con hãy khắc cốt ghi tâm những tội ác tày trời của quân "*cuồng Minh*":

"Bốn phương khói lửa bừng bừng,
Xiết bao thảm họa xương rừng máu sông !
Nơi đô thị thành tung quách vỡ,
Chốn nhân gian bỏ vợ lìa con,
Làm cho xiêu tán hao mòn
(...)
Khói Nùng Lĩnh như xây khối uất,
Sông Hồng Giang nhường vật cơn sầu"...

Những từ ngữ hình ảnh: "*khói lửa bừng bừng*", "*xương rừng máu sông*", "*thành tung quách vỡ*", "*đất khóc giời than*", "*xây khối uất*", "*vật cơn sầu*"... tuy mang tính ước lệ, nhưng trong văn cảnh vẫn có sức truyền cảm mạnh mẽ vì đã gợi lên bao nỗi đau nhục mất nước, lòng căm thù đối với quân xâm lược. Đặc biệt đoạn thơ của Trần Tuấn Khải đã đem đến liên tưởng cho người đọc về "*Bình Ngô đại cáo*", đoạn nói về tội ác giặc Minh tàn bạo:

"Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn,
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ.
Dối trời, lừa dân, đủ muôn nghìn kế,
Gây binh, kết oán, trải hai mươi năm.
Bại nhân nghĩa nát cả đất trời,
Nặng thuế khóa sạch không đầm núi...".

Người cha bị cùm trói, bị giải sang Tàu, nhìn cơ đồ giang san mà đau đớn như "*xé tâm can*". Càng đau đớn, càng lo lắng cho vận mệnh của đất nước, tương lai của giống nòi. Câu cảm thán kết hợp với câu hỏi tu từ cất lên vô cùng thống thiết:

"Con ơi ! Càng nói càng đau,

Lấy ai tế độ đàn sau đó mà?".

Vần thơ như chứa đầy lệ, có lời than, có tiếng nức nở. Lời cha dặn con cũng là ời non nước.

3. Tám câu sau trong phần cuối trích đoạn vừa nói lên bi kịch của người cha: "*tới già sức yếu*", "*sa cơ đành chịu bó tay*"..., vừa trông cậy vào con để trả thù nh, rửa hận nước: "*Giang sơn gánh vác sau này cậy con...*". Cha thiết tha dặn con lầi cuối: hãy "*vì nước*", hãy "*nhớ tổ tông*", hãy đem máu đào mà hi sinh chiến đấu ch độc lập của Tổ quốc. Đó là "*Hai chữ nước nhà*", đó là những lời huyết lệ:

"Con nên nhớ tổ tông khi trước,
Đã từng phen vì nước gian lao.
Bắc Nam bờ cõi phân mao,
Ngọn cờ độc lập máu đào còn dây..."

"*Hai chữ nước nhà*" là một bài thơ hay và cảm động. Nó nói lên một cách hài súc cô đọng nỗi đau, nỗi nhục mất nước của dân tộc ta trong thế kỉ 15 và căm thì đối với giặc Minh cướp nước. Sâu xa hơn, bài thơ đã khích lệ lòng yêu nước của đồng bào, khêu gợi khát vọng độc lập tự do của dân tộc khi đang làm thân trâu nga cho thực dân Pháp. "*Hai chữ nước nhà*" vừa là lời cha dặn con, vừa là lời Tổ quốc kêu gọi.

Từ ngôn ngữ, hình ảnh đến giọng thơ vần thơ, từ những cặp câu thất ngôn đối nhau đến những hình ảnh nhân hóa, tượng trưng ước lệ đều cho thấy một bút pháp nghệ thuật rất già dặn, giàu bản sắc của Á Nam.

Trong thời Pháp thuộc, bài thơ "*Hai chữ nước nhà*" đã làm lay động hàng triệu con người. Ngày nay, nó vẫn làm ta xúc động.

Đáp án đề 22

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Trả lời	A	B	C	D	A	D	A	D	D	B	A	B	D	A

ĐỀ 23 + 24

*** Nhớ rừng.**
*** Ông đồ.**
*** Câu nghi vấn.**
*** Viết đoạn văn trong văn bản thuyết minh**

1. Tác giả bài thơ "Nhớ rừng" là ai?

A. Xuân Diệu. B. Tế Hanh. C. Thế Lữ. D. Hàn Mặc Tử.

2. Trong bài "Nhớ rừng", tâm trạng của nhân vật trữ tình là nhân vật nào?

A. Tác giả. B. Chúa sơn lâm.

C. Một anh hùng thất thế. D. Mọi người.

3. Tâm trạng của nhân vật trữ tình là tâm trạng gì?

A. Căm hờn uất hận vì bị tù hãm.

B. Nuối tiếc một thời oanh liệt đã qua.

C. Chán ghét những cảnh tầm thường giả dối.

D. Khao khát tự do.

E. Gồm tất cả A, B, C, D.

4. Khung cảnh núi rừng nơi "hầm thiêng ngự trị" là một cảnh tượng như thế nào?

A. Cảnh không đời nào thay đổi. B. Cảnh tầm thường giả dối.

C. Những mô gò thấp kém. D. Cảnh nước non hùng vĩ oai linh.

5. Nỗi đau khổ, uất hận và tủi nhục của chúa sơn lâm khi nằm trong cũi sắt là những gì?

A. Trở thành thứ đồ chơi, làm trò lạ mắt.

B. Bị lũ người ngạo mạn, ngẩn ngơ "giương mắt chế giễu".

C. Chúa sơn lâm bị tù hãm phải "chịu ngang bầy" với bọn gấu "dở hơi", với cặp báo "vô tư lự".

D. Gồm tất cả A, B, C.

6. Đọc đoạn thơ sau và cho biết, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào để diễn tả cốt cách "tung hoành" những ngày xưa của chúa sơn lâm và tạo nên giọng thơ hào hùng mạnh mẽ?

"Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ
Thuở tung hoành hống hách những ngày xưa
Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già
Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi
Với khi thét khúc trường ca dữ dội".

A. Điệp ngữ B. So sánh

C. Nhân hoá D. Điệp ngữ, nhân hoá.

7. Các hình ảnh: "chân, tấm thân, mắt" trong các câu thơ sau là hình ảnh được tạo nên bằng biện pháp tu từ nào?

*"Ta bước **chân** lên, dõng dạc, đường hoàng,*
*Lượn **tấm thân** như sóng cuộn nhịp nhàng,*
Với bóng âm thầm, lá gai, cỏ sắc.
*Trong hang tối **mắt** thần khi đã quắc,*
Là khiến cho mọi vật đã im hơi".

A. So sánh B. Ẩn dụ

C. Hoán dụ D. Nhân hoá

8. Bài thơ được tác giả ngắt thành 5 đoạn, theo em thì đoạn thơ nào là hay nhất, tráng lệ nhất? - Đó là đoạn 3.

A. Đúng. B. Sai.

9. Đọc đoạn thơ sau:

"Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?
- Than ôi ! Thời oanh liệt nay còn đâu?"

- Cho biết ý chính của đoạn thơ là gì?

A. Nói lên tâm trạng của chúa sơn lâm tiếc nuối thời oanh liệt đã qua, nay không còn nữa.

B. Tả cảnh núi rừng trong mọi thời gian.

C. Niềm tự hào của chúa sơn lâm về một thời oanh liệt.

D. Tất cả đều sai.

10. Tác giả sử dụng thành công những biện pháp tu từ nào (chủ yếu) trong đoạn thơ trên?

A. Điệp ngữ. **B.** Nhân hoá và câu hỏi tu từ.

C. So sánh. **D.** Câu hỏi tu từ và điệp ngữ.

11. Cấu trúc đoạn thơ trên là cấu trúc tứ bình về thời gian và không gian.

Thời gian	*Không gian*
- Đêm vắng	- Suối, trăng
- Ngày mưa	- Bốn phương ngàn, cảnh giang san
- Bình minh	- Cây xanh nắng gội, chim ca.
- Chiều tàn	- Rừng, mặt trời.

A. Sai. **B.** Đúng.

12. Có phải đây là những từ láy không? Từ in đậm trong các câu thơ ở đoạn 5:

...Nơi ***thênh thang*** *ta vùng vẫy ngày xưa.*
...Có biết chăng trong những ngày ***ngao ngán,***
...Để hồn ta ***phảng phất*** *được gần ngươi,*
- Hỡi cảnh rừng ***ghê gớm*** *của ta ơi !*

A. Đúng. **B.** Sai

13. Bài thơ "Nhớ rừng" được viết theo thể thơ nào?

A. Thơ tự do. **B.** Thơ tám chữ.

C. Thơ thất ngôn. **D.** Thơ lục bát.

14. Âm điệu bài thơ như thế nào?

A. Thiết tha. **B.** Hùng tráng.

C. Thiết tha, hùng tráng. **D.** Du dương.

15. Chủ đề bài thơ "Nhớ rừng" là gì?

A. Nỗi chán ghét thực tại tầm thường, tù túng.

B. Tiếc nuối một thời oanh liệt đã qua.

C. Niềm khao khát tự do vùng vẫy.

D. Gồm tất cả A, B, C.

16. Trong cuốn "Thi nhân Việt Nam", nhà văn Hoài Thanh đã viết như sau về Thế Lữ:

"Độ ấy thơ mới vừa ra đời. Thế Lữ như vừng sao đột hiện ánh sáng chói khắp cả trời thơ Việt Nam".

Và như ta đã biết: "Nhớ rừng" là bài thơ kiệt tác của nền thi ca Việt Nam hiện đại.

A. Đúng. **B.** Sai

17. Bài thơ "Ông đồ" của Vũ Đình Liên được viết theo thể thơ gì?

A. Thơ lục bát. **B.** Thơ bảy chữ.

C. Thơ năm chữ. **D.** Thơ tự do.

18. Hai câu thơ "Hoa tay thảo những nét - Như phượng múa rồng bay" nói lên gì?

A. Ông đồ có hoa tay.

B. Ông đồ rất tài hoa.

C. Ông đồ có hoa tay viết câu đối rất đẹp.

D. Ông đồ văn hay chữ tốt.

19. Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ gì trong hai câu thơ trên?

A. Hoán dụ (hoa tay)

B. Ẩn dụ.

C. So sánh (những nét như phượng múa rồng bay)

D. Hoán dụ và so sánh.

20. Vũ Đình Liên đã sử dụng biện pháp tu từ nhân hoá trong hai câu thơ sau?

"Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sầu..."

A. Sai. **B.** Đúng.

21. Hình ảnh ông đồ trong hai khổ thơ đầu với hai khổ thơ 3, 4 được miêu tả bằng thủ pháp nghệ thuật tương phản, có đúng không?

A. Đúng. **B.** Sai

22. Câu cuối bài thơ "Hồn ở đâu bây giờ?" có đúng là câu nghi vấn?

A. Sai. **B.** Đúng.

23. Chọn ý đúng nói về chủ đề bài thơ "Ông đồ"?

A. Ca ngợi ông đồ viết câu đối đẹp.

B. Chỉ rõ số phận của những tài tử đa truân.

C. Tiếc thương một nét đẹp văn hoá bị mai một.

D. Qua hình ảnh đáng thương của ông đồ già, nhà thơ biểu lộ tình xót thương đối với một lớp người đang tàn tạ, và nỗi nhớ tiếc cảnh cũ người xưa.

24. *Phân tích bài "Nhớ rừng" của Thế Lữ.*

Bài làm

Thế Lữ (1907-1989) là bút danh của Nguyễn Thứ Lễ. Làm thơ, viết truyện, viết kịch, làm đạo diễn. Chủ tịch Hội nghệ sĩ sân khấu Việt Nam. Phương diện nào ông cũng có thành tựu xuất sắc.

Thế Lữ là thi sĩ tiên phong, được ngợi ca là *"Đệ nhất thi sĩ"* trong phong trào *"Thơ mới"* (1932-1941). Tác phẩm thơ *"Mấy vần thơ"* thể hiện một *"hồn thơ rộng mở"*, với cảm hứng lãng mạn dào dạt, nồng nàn, say đắm và thiết tha.

Bài thơ *"Nhớ rừng"* được Thế Lữ viết năm 1934, in trong tập *"Mấy vần thơ"* xuất bản năm 1935. Mượn lời con hổ bị nhốt ở vườn Bách thú, tác giả thể hiện tâm sự u uất, căm hờn và niềm khao khát tự do mãnh liệt của con người bị giam cầm, nô lệ.

1. Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt.

Bị nhốt *"trong cũi sắt"*, căm hờn uất hận đã chứa chất thành *"khối"*, *"gậm"* mãi mà chẳng tan, càng *"gậm"* càng cay đắng. Chỉ còn biết "nằm dài" bất lực, đau khổ. Bị *"giễu"*, bị *"nhục nhằn tù hãm"*, trở thành *"thứ đồ chơi"* cho *"lũ người kia ngạo mạn, ngẩn ngơ"*. Đau khổ nhất là chúa sơn lâm nay bị tầm thường hóa, vị thế bị xuống cấp:

"Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi,
Với cặp báo chuồng bên vô tư lự"

Đó là một nét tâm trạng điển hình đầy bi kịch của chúa sơn lâm khi bị sa cơ, thất thế, bị giam cầm. Trong hoàn cảnh lịch sử đất nước ta khi bài thơ ra đời (1934) thì nỗi tủi nhục, căm hờn, cay đắng của con hổ cũng đồng điệu với bi kịch của nhân dân ta trong xích xiềng nô lệ sống trong tăm tối *"nhơ nhuốc lầm than"*.

2. Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ.

"Tình thương nỗi nhớ" sống mãi, chẳng bao giờ quên. Nhớ *"thuở tung hoành..."*, *"nhớ cảnh sơn lâm bóng cả cây già"*. Nhớ khúc nhạc rừng hùng tráng dữ dội. Chữ *"nhớ"*, chữ *"với"* và cách ngắt nhịp (4-2-2, 5-5, 4-2-2...) biến hoá, cân xứng đã làm dội lên nỗi nhớ tiếc khôn nguôi, nhớ cồn cào, nhớ da diết. Sự phong phú về nhạc điệu đã khắc họa đời sống nội tâm vô cùng mạnh mẽ của một nhân vật phi thường từng có một quá khứ oanh liệt. Một tấm thân *"như sóng cuộn nhịp nhàng"*. Một bước chân cao sang đầy uy lực *"dõng dạc, đường hoàng"*. Một cặp *"mắt thần"* và khi *"đã quắc"*; *"mọi vật đều im hơi"*. Một sức mạnh của uy quyền bất khả xâm phạm.

Những vần thơ đầy nhạc điệu nói về nỗi nhớ:

"Nhớ cảnh sơn lâm bóng cả cây già
Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi.
Với khi thét khúc trường ca dữ dội
Ta bước chân lên, dõng dạc, đường hoàng.
Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng
Vờn bóng âm thầm, lá gai, cỏ sắc
Trong hang tối, mắt thần khi đã quắc
Là khiến cho mọi vật đều im hơi..."

Các động từ "*gào, hét, thét*" đặc tả khúc trường ca dữ dội của rừng núi, suối ngàn thiêng liêng, hùng tráng. Đó là những câu thơ tuyệt bút làm sang trọng cho "*Thơ mới*" 1932-1941.

"*Ta nằm dài*"... rồi "*ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ*". Nhớ khi "*ta bước chân lên...*", nhớ một thời vàng son ngự trị:

"Ta biết ta chúa tể của muôn loài,
Giữa chốn thảo hoa không tên, không tuổi".

Một chữ "*ta*" vang lên đầy kiêu hãnh tự hào. Chúa sơn lâm được miêu tả, được khắc hoạ trong chiều sâu của tâm linh, trong chiều cao của uy quyền được khẳng định.

Các câu hỏi tu từ liên tiếp xuất hiện như một nỗi niềm lay tỉnh và khêu gợi nỗi "*nhớ*" trào lên: "*nào đâu những...*", "*đâu những ngày...*", "*đâu những bình minh...*", "*đâu những chiều...*". Nhớ mãi không nguôi, nhớ đêm trăng và suối, nhớ những ngày mưa rừng, nhớ bình minh, nhớ giấc ngủ, nhớ tiếng chim ca. Và nhớ "*những chiều lênh láng máu...*". Đoạn thơ tráng lệ nói về 4 nỗi nhớ của chúa sơn lâm, nhớ triền miên ngày và đêm, sớm và chiều, mưa và nắng, thức và ngủ, lúc say mồi và lúc lặng ngắm, lúc đợi chờ... Một không gian nghệ thuật được tái hiện và mô tả qua bộ tứ bình của một nhà danh họa. Chúa sơn lâm có lúc mơ mộng giữa cảnh suối trăng, có lúc trầm ngâm trong chiêm nghiệm, có lúc nén xuống, kiên nhẫn đợi chờ để "*tung hoành...*" và "*quắc mắt...*"!

Đoạn thơ 10 câu này là đoạn thơ hay nhất trong bài "*Nhớ rừng*":

"Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới?
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?
- Than ôi ! Thời oanh liệt nay còn đâu?"

Sau nỗi nhớ một thuở vàng son, một thời oanh liệt, bỗng chúa sơn lâm chợt tỉnh mộng, trở về thực tại với cái cũi sắt, đau đớn và cay đắng vô cùng. Như một trái núi sụp đổ xuống, mãnh hổ cất lời than. Sự kết hợp giữa cảm thán với câu hỏi tu từ làm dội lên một lời thơ, một tiếng than của "*hùm thiêng sa cơ*", của một kẻ phi thường thất thế. Đó cũng là tiếng thở dài của một lớp người khao khát tự do ngày ấy:

" Than ôi ! Thời oanh liệt nay còn đâu?"

3. Nay ta ôm niềm uất hận ngàn thâu:

Lại trở về nỗi buồn đau và nỗi nhớ "*cảnh nước non hùng vĩ*". Chỉ còn biết nhắn gửi thiết tha và bồn chồn:

"Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi !"

"Nhớ rừng" là bài thơ tuyệt bút. Nó được xếp vào loại 10 bài thơ hay nhất của *"Thơ mới"* (1932-1941). Hình tượng tráng lệ, kỳ vĩ. Lối diễn tả và sử dụng ngôn ngữ biến hóa. Chất nhạc đa thanh và phức điệu tạo nên những vần thơ du dương. Thơ nên họa nên nhạc như cuốn hút và làm mê say hồn ta.

Hình tượng chúa sơn lâm với nỗi nhớ rừng được nói đến với bao "lớp lớp sóng cồi". Trong nỗi đau sa cơ, thất thế có niềm kiêu hãnh tự hào. Bài thơ như một lời nhắn gửi thiết tha về tình yêu thương đất nước. Tư tưởng lớn nhất của bài thơ là nói lên cái giá tự do, và khát vọng tự do.

25. Phân tích bài thơ "Ông đồ" của Vũ Đình Liên

Bài làm

Vũ Đình Liên (1913-1996) là nhà giáo từng viết văn và làm thơ. Ông nổi tiếng trong phong trào *"Thơ mới"* với bài *"Ông đồ"* viết theo thể ngũ ngôn trường thiên gồm có 20 câu thơ. Nó thuộc loại thi phẩm *"từ cạn"* mà *"tứ sâu"* biểu lộ một hồn thơ nhân hậu, giàu tình thương người và mang niềm hoài cổ bâng khuâng.

Ông đồ là những nhà nho, không đỗ đạt cao để đi làm quan, mà chỉ ngồi dạy học *"chữ nghĩa Thánh hiền"*. Ông đồ được nhà thơ nói đến là nhà nho tài hoa. Ông xuất hiện vào độ *"hoa đào nở"*... *"bên phố đông người qua"*. Ông đã có những tháng ngày đẹp, những kỉ niệm đẹp:

"Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay"

Hoa đào nở tươi đẹp. Giấy đỏ đẹp, mực Tàu đen nhánh. Nét chữ bay lượn tài hoa. Còn gì vui sướng hơn:

"Bên phố đông người qua
Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài".

Thời thế đã đổi thay. Hán học lụi tàn trong xã hội thực dân nửa phong kiến: *"Thôi có ra gì cái chữ Nho - Ông Nghè, ông Cống cũng nằm co..."* (Tú Xương). Ông đồ già là một khách tài tử sinh bất phùng thời. Xưa *"phố đông người qua"*, nay *"mỗi năm mỗi vắng"*. Xưa kia *"bao nhiêu người thuê viết"*, bây giờ *"người thuê viết nay đâu?"*. Một câu hỏi cất lên nhiều ngơ ngác, cảm thương. Nỗi sầu, nỗi tủi từ lòng ông đồ như làm cho mực khô và đọng lại trong *"nghiên sầu"*, như làm cho giấy đỏ nhạt nhòa *"buồn không thắm"*. Giấy đỏ, nghiên mực được nhân hóa, thấm bao nỗi buồn tê tái của nhân tình thế sự:

"Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sầu..."

Cảnh vật buồn. Lòng người buồn. Vũ Đình Liên đã xuất thần viết nên hai câu thơ tuyệt bút lay động bao thương cảm trong lòng người.

Nỗi buồn từ lòng người thấm sâu, tỏa rộng vào không gian cảnh vật. Dưới trời mưa bụi *"ông đồ vẫn ngồi đấy"* như bất động. Lẻ loi và cô đơn: *"Qua đường không ai hay"*. Cái vàng của lá, cái nhạt nhòa của giấy, của mưa bụi đầy trời và cơn mưa trong lòng người. Một nỗi buồn lê thê:

"Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay".

Thơ tả ít mà gợi nhiều. Cảnh vật tàn tạ mênh mang. Lòng người buồn thương thấm thía.

Khép lại bài thơ là một câu hỏi diễn tả một nỗi buồn trống vắng, thương tiếc, xót xa. Hoa đào lại nở. Ông đồ già đi đâu về đâu...

"Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?"

Thương ông đồ cũng là thương một lớp người đã vĩnh viễn lùi vào quá khứ. Thương ông đồ cũng là xót thương một nền văn hóa lụi tàn dưới ách thống trị của ngoại bang. Sự đồng cảm xót thương của Vũ Đình Liên đối với ông đồ đã trang trải và thấm sâu vào từng câu thơ, vần thơ. Thủ pháp tương phản, kết hợp với nhân hóa, ẩn dụ, đã tạo nên nhiều hình ảnh gợi cảm, thể hiện một bút pháp nghệ thuật điêu luyện, đậm đà.

Bài thơ "*Ông đồ*" chứa chan tinh thần nhân đạo. "*Theo đuổi nghề văn mà làm được một bài thơ như thế cũng đủ. Nghĩa là đủ lưu danh với người đời*" (Hoài Thanh). Đó là những lời tốt đẹp nhất, trân trọng nhất mà tác giả "*Thi nhân Việt Nam*" đã dành cho Vũ Đình Liên và bài thơ kiệt tác "*Ông đồ*".

Đáp án đề 23 + 24

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Trả lời	C	B	E	D	D	D	C	A	A	D	B	A

Câu	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
Trả lời	B	C	D	A	C	C	D	B	A	B	D

ĐỀ 25 + 26

* Quê hương.
* Khi con tu hú.
* Câu nghi vấn (tiếp theo)
* Thuyết minh về một phương pháp.

1. Bài thơ "Quê hương" được Tế Hanh viết khi còn học Trung học tại Huế, năm 1939 in trong tập thơ "Nghẹn ngào", sau được in lại trong tập "Hoa niên" (1945) của tác giả.

A. Đúng **B.** Sai.

2. Bài "Quê hương" được viết bằng thể thơ gì?

A. Thơ tự do. **B.** Thơ bảy tiếng.

C. Thơ tám chữ. **D.** Thơ lục bát.

*3. **Bài thơ được chia làm mấy phần, ý mỗi phần là gì?***

Có 4 phần.

- Hai câu đầu: *giới thiệu làng chài quê hương.*
- Sáu câu tiếp theo: *Cảnh ra khơi đánh cá*
- Tám câu kế tiếp: *Cảnh làng chài đón đoàn thuyền ra khơi đánh cá trở về.*
- Bốn câu cuối: *Nỗi nhớ làng chài của đứa con tha hương.*

A. Sai **B.** Đúng

4. Hai câu thơ sau, hình ảnh thơ được xây dựng bằng biện pháp tu từ gì?

- Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã.
- Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng.

A. Nhân hoá **B.** Hoán dụ

C. Ẩn dụ **D.** So sánh

5. Đọc đoạn thơ và cho biết các từ in đậm thuộc từ loại nào?

"Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng
*Dân trai tráng **bơi** thuyền **đi đánh** cá*
Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã
***Phăng** mái chèo, mạnh mẽ **vượt** trường giang*
*Cánh buồm **giương** to như mảnh hồn làng*
***Rướn** thân trắng bao la **thâu góp** gió.*
Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ,
*Cả dân làng tấp nập **đón** ghe về*
***Nhờ** ơn trời biển lặng cá đầy ghe*
Những con cá tươi ngon, thân bạc trắng".

A. Danh từ **B.** Tính từ

C. Động từ **D.** Trợ từ

6. Đoạn thơ đã thể hiện ý tưởng gì?

A. Niềm vui của đoàn trai tráng.

B. Miêu tả con thuyền, mái chèo, cánh buồm ra khơi.

C. Ca ngợi tinh thần lao động của làng chài.

D. Khí thế ra khơi mạnh mẽ và hào hứng của đoàn trai tráng làng chài.

7. Các từ: "ồn ào, tấp nập, lặng, đầy, tươi ngon, bạc trắng, ngăm, nồng, xa xăm" thuộc từ loại nào?

A. Động từ **B.** Tính từ

C. Trợ từ **D.** Tình thái từ.

8. Tác giả sử dụng biện pháp tu từ gì trong hai câu thơ sau?

"Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ".

A. Ẩn dụ
B. So sánh
C. Hoán dụ
D. Nhân hoá

9. Bốn câu cuối bài thơ thể hiện nỗi nhớ thiết tha làng chài của đứa con tha hương. Tình cảm ấy được diễn tả qua từ ngữ nào? *- Tình cảm ấy được diễn tả qua điệp ngữ: "lòng tôi luôn tưởng nhớ... tôi thấy nhớ...".*

"Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ
Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá".

("Nhớ con sông quê hương" - Tế Hanh)

A. Đúng
B. Sai

10. Chủ đề bài thơ "Quê hương" là gì?

- Bài thơ nói lên nỗi nhớ làng chài quê hương của đứa con tha hương.

A. Sai
B. Đúng

11. Nêu xuất xứ bài thơ "Khi con tu hú" của Tố Hữu.

Tố Hữu viết bài thơ "*Khi con tu hú*" vào tháng 7 năm 1939 khi ông bị thực dân Pháp cầm tù tại nhà lao Thừa Phủ (Huế). Bài thơ được in trong tập "Từ ấy" của Tố Hữu.

A. Đúng
B. Sai

12. "Khi con tu hú" được viết bằng thể thơ gì?

A. Thơ tám chữ
B. Thơ thất ngôn
C. Thơ lục bát
D. Thơ tự do

13. Hình ảnh nào xuất hiện đầu, cuối bài thơ?

A. Lúa chiêm
B. Trời xanh
C. Tu hú
D. Tiếng ve
E. Nắng đào
F. Con diều sáo

14. Bốn câu cuối bài thơ, lòng uất hận của tác giả được diễn tả bằng loại câu nào?

A. Câu trần thuật
B. Câu cầu khiến
C. Câu nghi vấn
D. Câu cảm thán

15. Chủ đề bài thơ "Khi con tu hú" là gì?

Bài thơ thể hiện nỗi nhớ da diết đồng quê, lòng uất hận bị giam cầm và khao khát tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đày.

A. Đúng
B. Sai

16. Phân tích và nêu cảm nghĩ bài thơ "Quê hương" của Tế Hanh.

Bài làm

Thi sĩ Tế Hanh sinh năm 1921, ở Quảng Ngãi, miền Trung. Năm 18 tuổi đang học Trung học tại Huế, ông viết bài thơ "*Quê hương*". Bài thơ có 20 câu, mỗi câu có 8 chữ. Lời thơ trong sáng, hình ảnh sáng tạo, cảm xúc nồng hậu thiết tha. Tình yêu quê hương, lòng thương nhớ quê hương của đứa con xa quê được trang trải qua những vần thơ đậm đà, ý vị.

1. Hai câu thơ đầu, với hai chữ "*làng tôi*" cất lên đầy thương nhớ tự hào. Đó là một làng chài ven biển miền Trung. Sông nước bao la "*bao vây*". Làng cách xa biển "*nửa ngày sông*", một cách tính độ dài dân dã. Chữ "*vốn*" rất hay, nói lên nghề chài lưới là nghề chính rất lâu đời của làng tôi:

"Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới,

Nước bao vây cách biển nửa ngày sông".

Sáu câu thơ tiếp theo nói về cảnh ra khơi đánh cá của trai tráng "*làng tôi*". Đó là những bình minh đẹp. Bầu trời trong sáng, gió nhẹ thổi, ánh mai hồng bừng lên. Các tính từ dùng rất chọn lọc, tạo nên hình ảnh đẹp: "*trong*", "*nhẹ*", "*hồng*". Giọng thơ nhỏ nhẹ, tâm tình. Như có tiếng reo:

"Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng

Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá".

Niềm vui đi chinh phục biển và khí thế ra khơi của bà con dân chài được thể hiện qua các hình ảnh con thuyền, cánh buồm, mái chèo đầy ấn tượng. Chiếc thuyền được so sánh với "*con tuấn mã*" ngựa đẹp phi nhanh lướt sóng ra khơi, đầy khí thế hăng hái. Mái chèo như lưỡi kiếm khổng lồ chém xuống, "*phăng*" xuống lòng sông. Cánh buồm trắng "*to như mảnh hồn làng*" đang mang con thuyền "*rướn*" lên mặt sóng. So sánh cánh buồm với "*Mảnh hồn làng*" rất sáng tạo nhằm nói lên khí thế lao động và khát vọng về ấm no, hạnh phúc của làng chài. Câu thơ "*Rướn thân trắng bao la thâu góp gió*" là một câu thơ rất đẹp gợi lên cánh buồm rất to, lớn, ôm trọn bầu trời, căng gió biển khơi. Các từ ngữ: "*hăng*", "*phăng*", "*vượt*", "*rướn*", "*thâu góp*" đã làm nổi bật sức mạnh, niềm tin tưởng tự hào vào khí thế ra khơi của đoàn thuyền đánh cá:

"Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã

Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang

Cánh buồm giương, to như mảnh hồn làng

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió".

3. Hai khổ thơ 8 câu tả cảnh làng chài trong mùa cá. Vui như hội, bến đỗ "*ồn ào*", "*tấp nập*" đông vui. Các hình ảnh: "*cá đầy ghe*" và "*những con cá tươi ngon thân bạc trắng*" đã nói lên rất gợi cảm của một chuyến ra khơi may mắn, đánh bắt được nhiều cá tươi, cá ngon. Ba tiếng "*nhờ ơn trời*" là tiếng lòng cảm tạ thiên nhiên của những người dân chài chất phác, hồn hậu. Trời đã cho biển lặng sóng êm, một chuyến ra khơi may mắn. Vần thơ đầy màu sắc và hương vị biển:

"Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ

Khắp dân làng tấp nập đón ghe về

Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe

Những con cá tươi ngon thân bạc trắng".

Yêu quê hương là yêu mến tự hào những chàng trai làng chài cường tráng có "*làn da ngăm rám nắng*", được tôi luyện trong lao động, trong sóng gió mặn mòi của đại dương: "*Cả thân hình nồng thở vị xa xăm*". Yêu làng chài là yêu những con

thuyền sau một chuyến ra khơi vất vả, trở về nằm ngủ im lìm trên bến. Con thuyền được nhân hóa gợi cảm cuộc sống lao động vất vả mà yên vui của bà con làng chài:

"Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm,
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ"

Các chữ: "*im*", "*mỏi*", "*nằm*", "*nghe*", "*thấm dần*" rất gợi cảm và biểu cảm. Sự chuyển đổi cảm giác tài tình đã tạo nên vần thơ giàu cảm xúc và cảm giác.

4. Khổ cuối nói lên nỗi nhớ nhung làng chài của đứa con li hương. Nhớ cảnh sắc cụ thể. Nhớ tha thiết bồi hồi. Cảm xúc ấy được diễn tả qua điệp ngữ "*nhớ*":

"Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ
Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá".

"*Tưởng nhớ*" quê hương là nhớ màu "*xanh*" của nước, màu "*bạc*" tươi ngon của cá, màu "*vôi*" bạc phếch vì nắng mưa của cánh buồm. Là nhớ hình bóng con thuyền làng chài "*rẽ sóng ra khơi*". Là nhớ "*cái mùi nồng mặn quá*" hương vị của biển, nơi chôn nhau cắt rốn thân yêu. Chữ "thoáng" rất hay, vừa gợi tả hình bóng con thuyền ra khơi mờ dần cuối chân trời dòng sông, vừa thể hiện niềm "*tưởng nhớ*" trong hoài niệm.

Thi sĩ Tố Hữu đã ca ngợi thơ Tế Hanh là "*những câu hát yêu thương*". Nhà thơ Xuân Diệu nhận xét thơ Tế Hanh "*như một dòng suối nhỏ nhưng là nguồn tình cảm trong lành, và bền vững*". Đọc bài "*Quê hương*" ta cảm thấy yêu thơ, hồn thơ Tế Hanh. Với ông, những cảnh sắc về bầu trời, dòng sông, con thuyền, chiếc buồm, bến đỗ, con cá... là màu sắc, hương vị, hình bóng quê hương thân yêu. Hình tượng thơ của Tế Hanh tuy bình dị thân thuộc mà hữu tình nên thơ. Những nhân hóa và so sánh trong "*Quê hương*" rất sáng tạo, đáng yêu. Ta càng thêm bồi hồi về một câu hát: "*Quê hương nghĩa nặng tình sâu..*".

17. Cảm nhận của em về bài thơ "Khi con tu hú" của Tố Hữu.

Bài làm

Tố Hữu viết bài thơ "*Khi con tu hú*" vào tháng 7 năm 1939 sau gần 100 ngày "*ác mộng*" bị cùm trói trong nhà lao Thừa Phủ (Huế). Không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật, tâm trạng nghệ thuật, đồng hiện qua 10 câu thơ lục bát da diết và ám ảnh.

1. Tiếng chim tu hú vọng qua song sắt nhà tù hay tiếng chim trong nỗi nhớ, trong hoài niệm?

Chim thì "*gọi bầy*". Lúa chiêm thì "*đang chín*". Trái cây thì "*ngọt dần*". Âm thanh ấy, hương vị ấy thể hiện nỗi nhớ đồng quê, nhớ làng xóm thân yêu. Chữ "*đang chín*" và "*ngọt dần*" gợi tả thời gian đang lặng lẽ trôi qua. Một giọng thơ bồi hồi tha thiết: "*Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn*" (Truyện Kiều):

"Khi con tu hú gọi bầy
Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần"

Giữa chốn ngục tù "*lòng sôi rạo rực*", người chiến sĩ trẻ nhớ "*tiếng ve ngân*", nhớ màu "*vàng*" của bắp, nhớ màu "*đào*" của nắng. Cảnh sắc đồng quê trong hoài niệm trào lên trong tâm hồn biết bao bình dị, thân thiết, yêu thương:

"Vườn râm dậy tiếng ve ngân

Bắp rây vàng hạt, đầy sân nắng đào"

Có khao khát sống mới có lời nhớ ấy. Vần thơ đầy màu sắc, ánh sáng và âm thanh. Tiếng ve chứa đầy tâm trạng. Ve không kêu mà là "*ve ngân*". Sáu trăm năm về trước, Nguyễn Trãi lấy tiếng ve để nói về cảnh tình mùa hè:

"Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương"

("Quốc âm thi tập")

Sau này, trong bài "*Việt Bắc*", Tố Hữu lại viết:

"Ve kêu rừng phách đổ vàng".

Sau tiếng ve là màu "*vàng*" của bắp, là màu "*đào*" của nắng hiện lên. Chữ "*ngân*" tả tiếng ve "*sôi*" lên và ngân dài trong vườn quê. Chữ "*đầy*" gợi nắng đẹp, nắng chan hòa, nắng đầy sân, nắng rực rỡ.

Nỗi nhớ trở nên bồi hồi: nhớ bầu trời xanh, nhớ con diều sáo "*lộn nhào*" giữa cái mênh mông "*cao rộng*" của từng không. Hình ảnh con diều "*lộn nhào từng không*" mang ý nghĩa biểu tượng cho sự tung hoành và khát vọng tự do:

"Trời xanh càng rộng càng cao,

Đôi con diều sáo lộn nhào từng không".

Sáu câu thơ đầu làm hiện lên bức tranh đồng quê thân yêu. Thơ nên nhạc, nên họa. Ngôn từ trong sáng, tinh luyện. Mỗi chữ được dùng như được chắt lọc qua hồn quê và hồn thơ đậm đà: "*đang chín*", "*ngọt dần*", "*dậy tiếng ve ngân*", "*đầy sân nắng đào*", "*xanh, rộng, cao*", "*lộn nhào*"...

Trẻ trung và yêu đời, say mê và khao khát sống, khao khát tự do. Nhà thơ đang bị đày đọa trong ngục tối, nhưng "*tinh thần ở ngoài lao*" mới có cảm xúc, cảm hứng ấy.

2. Giọng thơ từ tha thiết nhớ chuyển thành sục sôi uất hận:

"Ta nghe hè dậy bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi !

Ngột làm sao, chết uất thôi

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu".

Mùa hè đã đến, mùa hè đang qua. Bao âm thanh đã "*dậy bên lòng*", thôi thúc, giục giã: "*muốn đạp tan phòng*" xà lim chật chội. Không cam chịu cảnh tù đày! Lòng uất hận dâng trào muốn phá tung chốn ngục tù chật chội và ngột ngạt. Câu thơ "*Ngột làm sao // chết uất thôi*" với cách ngắt nhịp 3/3, cảm xúc như nén xuống bỗng trào lên thể hiện một ý chí bất khuất. Quyết sống vì tự do! Quyết chết vì tự do! Mở đầu bài thơ là tiếng chim tu hú "*gọi bầy*", khép lại bài thơ là tiếng chim tu hú "*ngoài trời cứ kêu*". Tiếng chim vừa gợi nhớ gợi thương, vừa giục giã lên đường chiến đấu.

"*Khi con tu hú*" là khúc ca tâm tình, là tiếng gọi đàn, hướng về đồng quê và bầu trời tự do với tất cả tình yêu và niềm khao khát cháy bỏng. Bài thơ ghi lại một nét đẹp bức chân dung tinh thần tự họa của người thanh niên cộng sản Tố Hữu thuở ấy. Để ta ngưỡng mộ và tin yêu.

Đáp án đề 25+26

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Trả lời	A	C	B	D	C	D	B	D	A	B	A	C	C	D	A

ĐỀ 27

*** Tức cảnh Pác Bó**
*** Câu cầu khiến**
*** Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh**
*** Ôn tập về một văn bản thuyết minh**

1. Nêu xuất xứ của bài thơ?

Sau 30 năm bôn ba hải ngoại đi tìm đường cứu nước, đầu xuân năm 1941, Bác Hồ về tới Cao Bằng trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Bác đã sống và làm việc tại hang Pác Bó thuộc huyện Hà Quảng (Cao Bằng) trong hoàn cảnh bí mật, thiếu thốn, vô cùng nguy hiểm và gian khổ. Bài thơ "*Tức cảnh Pác Bó*" được Bác viết vào tháng 2 năm 1941.

A. Đúng
B. Sai

2. Bài thơ "Tức cảnh Pác Bó" được viết bằng thể thơ gì?

A. Thơ tứ tuyệt
B. Thơ ngũ ngôn tứ tuyệt.
C. Thơ lục bát
D. Thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.

3. Hãy kể tên một số bài thơ cùng thể thơ này mà em đã học, hoặc đã biết? Trong số 6 bài thơ nêu ra sau đây bài thơ nào không phải là bài thơ tứ tuyệt?

A. Nam quốc sơn hà
B. Bánh trôi nước
C. Xa ngắm thác núi Lư
D. Thuật hoài
E. Qua Đèo Ngang
F. Ngắm trăng.

4. Câu thơ đầu có hai vế đối nhau là hai vế nào?

A. Sáng/tối
B. Ra/vào
C. Bờ suối/hang
D. Sáng ra bờ suối/ tối vào hang.

5. Những chi tiết nào nói lên sự thiếu thốn, gian khổ của người chiến sĩ cách mạng trong hoàn cảnh hoạt động bí mật?

A. Suối, hang
B. Cháo bẹ, rau măng.
C. Bàn đá chông chênh
D. Gồm tất cả A, B, C.

6. Ba chữ "vẫn sẵn sàng" thể hiện tinh thần gì của Bác?

A. Chấp nhận thiếu thốn
B. Coi thường gian khổ.
C. Lạc quan
D. Ung dung.

7. Chủ đề bài thơ "Tức cảnh Pác Bó" là gì?

Bài thơ thể hiện tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của người chiến sĩ cách mạng trong hoạt động bí mật đầy gian khổ khó khăn.

A. Sai B. Đúng

8. Thế nào là câu cầu khiến?

A. Câu dùng để kêu gọi B. Câu dùng để ra lệnh

C. Câu dùng để yêu cầu D. Câu dùng để nhắc nhở, khuyên bảo.

E. Câu có những từ cầu khiến. F. Gồm tất cả A, B, C, D, E.

9. Những câu sau đây, câu nào không phải là câu cầu khiến?

A. Con hãy đi học kẻo muộn.

B. Các em đừng nói chuyện riêng trong giờ học.

C. Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.

D. Tinh thần yêu nước là một truyền thống vô cùng quý báu của nhân dân ta.

10. Trong những câu sau đây, câu nào là câu cầu khiến?

A. *"Học tập là niềm vui và hạnh phúc của tuổi trẻ".*

B. *Ai ơi chớ vội cười nhau,*
Cười người hôm trước, hôm sau người cười.

(Ca dao)

C. *Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới:*
Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông.

Tế Hanh

D. *Nước biếc non xanh thuyền gối bãi,*
Đêm thanh nguyệt bạc khách lên lầu.

Nguyễn Trãi

11. Những từ in đậm trong đoạn văn sau đây có phải là những từ cầu khiến trong câu cầu khiến không?

*"Con **hãy** yêu mến thầy giáo như một người bố; yêu mến thầy khi thầy vuốt ve con; khi thầy công bằng và cả khi con cho rằng thầy không công bằng; **hãy** yêu mến khi thầy vui, và càng yêu mến hơn khi thầy buồn; và con **hãy** nói đến tiếng "thầy" với tấm lòng luôn luôn tôn kính, bởi vì, sau tiếng "bố" thì đó là danh vị cao quý nhất, dịu dàng nhất mà một con người có thể tặng cho một con người khác.*

Bố của con"

Trích *"Lòng biết ơn"* - Thư của bố

(Những tấm lòng cao cả)

A. Đúng **B.** Không đúng

12. ***Thuyết minh về một danh thắng***

Bài làm

Nguyên sơ giai nhân Vĩnh Hy

Ở nước ta có nhiều đảo, vịnh biển nổi tiếng: Trà Cổ, vịnh Hạ Long, đảo Cát Bà, biển Đồ Sơn, Sầm Sơn, Cửa Lò, Cửa Tùng, Quy Nhơn, Phan Rang, Mũi Né,

Vũng Tàu,... Quê hương mình, tỉnh Ninh Thuận có vịnh Vĩnh Hy, mà một du khách nước ngoài phải thốt lên: *"Giai nhân "Vĩnh Hy", "người đẹp Vĩnh Hy, tuyệt vời !"*.

Cách thành phố Hồ Chí Minh không xa, Vĩnh Hy khoác trên mình một vẻ đẹp độc đáo. Như một nàng tiên ngủ quá lâu trong rừng, mấy năm gần đây, Vĩnh Hy mới bừng tỉnh. Vĩnh Hy được bao bọc bởi những ngọn núi, hang động. Mặt nước trong lòng vịnh luôn yên ả, xanh màu ngọc bích, chưa thấy dấu vết của sự ô nhiễm. Những bãi cát trắng phau, êm đềm, tinh khôi sau cơn mưa rào, trải dài trải rộng phẳng lì từ mép biển đến chân núi gần xa.

Vĩnh Hy cách thị xã Phan Rang 40km, đường nhựa phẳng lì. Nhiều tiền, du khách có thể chọn một trong những khu du lịch, khách sạn nằm sát bờ biển Ninh Chữ, để tận hưởng những phút giây tuyệt vời nhất khi về với vùng biển. Nếu chỉ có túi tiền "khiêm tốn", du khách sẽ thuê ghế có dù che, say mê ngắm nhìn lòng vịnh luôn yên ả, xanh màu xanh ngọc bích. Gió mát rượi lao xao từ mặt nước đến hàng cây xanh ngắt bao la.

Vẻ đẹp kì thú của vịnh Vĩnh Hy là những rặng san hô với nhiều hình thù khác nhau, nhấp nhô, trập trùng tầng tầng lớp lớp như những cung điện nằm sâu dưới đáy biển độ 5 - 6 mét. Du khách có thể ngắm san hô khi ngồi trên du thuyền, loại thuyền có đáy kính; hoặc bơi lặn để ngắm nghía san hô.

Một miếng ăn thơm ngon đậm đà vị biển Vĩnh Hy. Một cuộc chơi leo núi, luồn sâu vào các hang động, một buổi câu cá, dạo chơi trên bãi cát, một buổi tắm mát khám phá thế giới san hô... Du khách sẽ một lần đến Vĩnh Hy và nhớ mãi. Nhớ vẻ đẹp thiên nhiên hữu tình, nhớ bà con vùng biển Vĩnh Hy hồn hậu, hiếu khách.

Bạn có biết không, Vĩnh Hy là quê má thương yêu của mình đó.

13. Thuyết minh về một loại trái cây ngon, ngọt có thể làm vị thuốc.

Bài làm

Mướp đắng

Ở góc vườn gia đình, anh Thuận trồng hai cây mướp đắng. Anh xin giống ở Củ Chi đem về. Anh bắc giàn cho cây leo. Anh bón nhiều phân, luôn tưới nước vo gạo, hai cây mướp đắng xanh tốt, trĩu quả.

Mướp đắng là loại cây thuộc họ bầu bí còn gọi là "khổ qua". Lá giống như lá mướp. Hoa trắng phơn phớt vàng. Tháng ba trở đi, mướp đắng ra nhiều lứa hoa và kết trái.

Quả mướp đắng tròn, thon dài, hình trứng, hai đầu thon nhọn, ngoài vỏ có nhiều nốt sần mọc không theo quy luật nào. Vỏ xanh, trắng xanh hoặc xanh đậm, khi chín ngả sang màu vàng quýt.

Gọi là mướp đắng vì nó có vị rất đắng, nhưng tính mát, thân và lá giống như cây nho, vỏ ngoài sần lên như vỏ quả vải, trông không bắt mắt, nên có người gọi nó là quả vải cẩm (cẩm lệ chi), trái nho ghẻ.

Mướp đắng tuy đắng nhưng chưa bao giờ truyền cái đắng cho người. Mướp đắng để xào thịt, xào tim gan, nấu cá... ăn rất ngon. Mẹ vẫn bổ đôi quả mướp đắng, nạo bớt phần hạt và ruột, rồi nhồi thịt xay, mộc nhĩ, gia vị, buộc lại đem hấp; các con ăn mãi không chán. Anh Thuận nói có nơi người ta gọi quả mướp đắng là "rau quân tử". Nhiều nhà hàng hiện nay xếp các món ăn mướp đắng vào loại "đặc sản".

Quả mướp đắng lúc chín, đầu quả tách ra làm ba mảnh để lộ ra thịt quả màu hồng tươi, nên có nơi gọi tên nó là quả "hồng cô nương". Quả xanh thái mỏng, hạt mướp đắng già đều được dùng làm vị thuốc chữa bệnh tiểu đường, viêm họng, chốc đầu... rất hiệu nghiệm

Cả xóm em, nhiều nhà đã trồng mướp đắng. Nhiều người đã "nghiện" món mướp đắng thổi thịt. Mẹ thường cười bảo: *"Cây mướp đắng làm thủng ví tiền của mẹ"*

14. ***Phân tích bài thơ "Tức cảnh Pác Bó" của Hồ Chí Minh.***

Bài làm

Sau 30 năm bôn ba hải ngoại tìm đường cứu nước, đầu năm 1941, Chủ tịch Hồ Chí Minh bí mật về tới Pác Bó, Cao Bằng. Giây phút thiêng liêng và cảm động ấy đã được nhà thơ Tố Hữu ghi lại:

"Ôi sáng xuân nay, Xuân 41

Trắng rừng Biên Giới nở hoa mơ

Bác về... Im lặng. Con chim hót

Thánh thót bờ lau, vui ngẩn ngơ...".

("Theo chân Bác")

Hang Pác Bó đã trở thành nơi sống và hoạt động bí mật của Người. Bài thơ *"Tức cảnh Pác Bó"* được Bác Hồ viết vào tháng 2 năm 1941 theo thể thất ngôn tứ tuyệt Đường luật:

"Sáng ra bờ suối, tối vào hang,
Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng;
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng,
Cuộc đời cách mạng thật là sang!"

Bài thơ phản ánh hoạt động phong phú, sôi nổi, phong thái ung dung tự tại và tinh thần lạc quan cách mạng của người chiến sĩ vĩ đại trong hoàn cảnh bí mật khó khăn gian khổ.

Câu thơ mở đầu gợi lên cuộc sống hoạt động bí mật của nhà thơ vào những ngày đầu mới về nước đang "*nhóm lửa*". Hai vế tiểu đối đầy ấn tượng:

"Sáng ra bờ suối/ tối vào hang".

Câu thơ có thời gian, không gian và hành động. Thời gian là "*sáng*" và "*tối*"; không gian là "*suối*" và "*hang*"; hoạt động là "*ra*" và "*vào*". Mọi hoạt động đã trở thành nền nếp, từ sáng đến tối, từ suối đến hang, từ ra đến vào, khi cách mạng còn trứng nước, hoạt động chính trị gây dựng phong trào là chính, còn bí mật và nhiều khó khăn. Người chiến sĩ vĩ đại của dân tộc đã sống và làm việc tại Pác Bó: "*Sáng ra bờ suối, tối vào hang*". Quy luật vận động ấy thể hiện một tinh thần làm chủ hoàn cảnh rất chủ động và lạc quan.

Câu thơ thứ hai, ba chữ "*vẫn sẵn sàng*" có hai cách hiểu khác nhau rất lí thú. Sống và hoạt động bí mật nơi suối rừng hang động chỉ có cháo bẹ rau măng nhưng sẵn có, đủ dùng ở nơi suối hang này. Đằng sau vần thơ là nụ cười của một con người lão thực, gian khổ khó khăn vẫn lạc quan yêu đời. Sau này, ý tưởng "*giàu có hào phóng*" ấy, được Người nhắc lại trong bài "*Cảnh rừng Việt Bắc*" đầu xuân 1947:

"Khách đến thì mời ngô nếp nướng,
Săn về thường chén thịt rừng quay.
Non xanh nước biếc tha hồ dạo,
Rượu ngọt, chè tươi mặc sức say...".

"*Vẫn sẵn sàng*", "*tha hồ dạo*", "*mặc sức say*",... là những cách nói "*sang trọng*", hóm hỉnh và yêu đời.

Cách hiểu thứ hai: Mặc dù thiếu thốn khó khăn, phải ăn cháo bẹ rau măng, nhưng tinh thần cách mạng vẫn hăng say, vẫn nhiệt tình. Gian khổ biết bao, nhưng với tinh thần "*vẫn sẵn sàng*", Người vẫn bền bỉ sáng niềm tin "*nhóm lửa*":

"Ai hay ngọn lửa trong hang núi
Mà sáng muôn lòng, vạn kiếp sau !"

("Theo chân Bác")

Khác với người xưa "*công thành, thân thoái*", mai danh ẩn tích ở chốn lâm tuyền, Hồ Chí Minh đã sống và chiến đấu vì một lí tưởng cao đẹp:

"Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng".

Đất nước cần, Bác viết "*Đường cách mệnh*". Phong trào và cán bộ cần, Người "*dịch sử Đảng*". Hình ảnh "*bàn đá chông chênh*" không chỉ nói lên khó khăn thiếu thốn chồng chất mà còn biểu lộ tinh thần phấn đấu hi sinh vì sự thắng lợi của cách mạng.

Câu cuối bài thơ đọc lên nghe rất thú vị. Một câu cảm thán vang xa:

"Cuộc đời cách mạng thật là sang !"

"*Sang*" nghĩa là sang trọng, cao sang. Một cách nói, một lối sống, một quan niệm nhân sinh và ứng xử tuyệt đẹp. Vượt lên trên gian khổ, khắc nghiệt là sang. Chỉ có "*cháo bẹ rau măng*", chỉ có "*bàn đá chông chênh*" mà vẫn sang. Sang vì lạc quan tin tưởng về con đường cách mạng đánh Nhật đuổi Tây nhất định thắng lợi. Sang vì lí tưởng, vì đời sống tâm hồn phong phú, vì ung dung tự tại. Nhà thơ Tố Hữu đã có vần thơ rất hay nói về cái sang của Bác Hồ kính yêu:

"Mong manh áo vải hồn muôn trượng,
Hơn tượng đồng phơi những lối mòn".

("Bác ơi")

"*Tức cảnh Pác Bó*" là một bài thơ hồn nhiên, giản dị mà sâu sắc, đẹp. Thơ là tâm hồn, là cuộc đời, là cách ứng xử của Bác Hồ. Bài tứ tuyệt viết về Pác Bó đã vượt qua một hành trình hơn 60 năm. Nó như một chứng tích lịch sử về những ngày tháng gian khổ của cách mạng Việt Nam và của lãnh tụ nơi suối lạnh hang sâu đầu nguồn. Nó gợi lên trong lòng mỗi chúng ta bài học về tinh thần lạc quan yêu đời, biết sống và hướng về một lí tưởng cao đẹp.

Đáp án đề 27

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Trả lời	A	D	E	D	D	C	B	F	D	B	A

ĐỀ 28 + 29

* Ngắm trăng (Vọng nguyệt)
* Đi đường (Tẩu lộ)
* Câu cảm thán
* Câu trần thuật

1. Nêu suất xứ của hai bài thơ "Ngắm trăng":

Mùa thu năm 1942, lãnh tụ Hồ Chí Minh đi công tác sang Trung Quốc. Vừa đến Túc Vinh, Người đã bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam một cách vô cớ, đày đọa trong nhiều nhà tù tỉnh Quảng Tây từ tháng 8/1942 đến tháng 9/1943. Trong những tháng năm đen tối ấy, Người đã viết tập nhật kí bằng thơ gồm có 133 bài thơ chữ Hán. Hai bài thơ: "*Ngắm trăng*", "*Đi đường*" đều rút trong "*Nhật kí trong tù*" (Ngục trung nhật kí) của Bác Hồ.

A. Sai. **B.** Đúng.

2. Hai bài thơ "Ngắm trăng", "Đi đường" trong nguyên tác chữ Hán được viết theo thể thơ gì?

A. Thơ ngũ ngôn. **B.** Thơ thất ngôn.

C. Thơ thất ngôn bát cú. **D.** Thơ thất ngôn tứ tuyệt.

3. Bản dịch bài "Đi đường" (Tẩu lộ) được thể hiện bằng thể thơ nào?

A. Thơ tự do. **B.** Thơ thất ngôn.

C. Thơ lục bát. **D.** Thơ tám chữ.

4. Câu thơ "Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ" được viết bằng biện pháp tu từ nào?

A. So sánh. **B.** Ẩn dụ.

C. Nói quá. **D.** Nhân hoá.

5. Hai câu thơ 3, 4 được tác giả sáng tạo bằng biện pháp tu từ nào?

"Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,
Nguyệt tòng song khích khán thi gia".

A. Hoán dụ. **B.** Phép đối xứng và nhân hoá.

C. So sánh. **D.** Ẩn dụ.

6. Những từ nào được điệp lại, láy lại trong hai câu thơ trên?

A. Song (cửa sổ) **B.** Khán (xem, ngắm, nhìn, trông)

C. Nguyệt (trăng) **D.** Có cả A, B, C.

7. Bài thơ "Ngắm trăng" thể hiện phẩm chất, cốt cách gì của Hồ Chí Minh?

A. Một người không cam chịu sống tù túng, dù trong hoàn cảnh đen tối.

B. Một con người rất yêu tự do.

C. Một con người rất yêu đời.

D. Một con người giàu tình yêu thiên nhiên, sống lạc quan dù đang bị tù đày.

8. Trong câu thơ: "Núi cao rồi lại núi cao trập trùng", hình ảnh "núi cao trập trùng" có phải là hình ảnh tượng trưng?

A. Đúng. **B.** Sai.

9. Vậy, hình ảnh "núi cao trập trùng" tượng trưng cho gì?

A. Thiên nhiên hùng vĩ. **B.** Thiên nhiên tráng lệ.

C. Những khó khăn, hiểm trở trên đường đời. **D.** Cả A, B, C đều sai.

10. Có phải niềm vui thắng lợi của người đi đường được thể hiện qua hai câu thơ cuối bài thơ?

"Núi cao lên đến tận cùng,
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non"

A. Sai. **B.** Đúng.

13. Ý tưởng bài thơ "Đi đường" rất đẹp. Đó là ý tưởng gì?

A. Đường đời nhiều khó khăn, hiểm trở.

B. Phải cố gắng vươn lên, quyết tâm, vượt khó.

C. Có thế mới giành được thắng lợi, hạnh phúc.

D. Gồm tất cả A, B, C.

12. Câu cảm thán là gì?

Câu cảm thán là loại câu dùng từ ngữ cảm thán, là câu dùng để biểu đạt cảm xúc trực tiếp của nhân vật.

A. Đúng. **B.** Sai.

13. Trong 4 ví dụ sau đây, câu nào không phải là câu cảm thán?

A. *Thương ôi ! Trăm sự tại người.*
Chữ đồng ai dám ngăn rời chữ tâm !

Phan Bội Châu

B. *Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi !*

(Nhớ rừng)

C. *Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa !*

(Bếp lửa)

D. *Máu đào của các liệt sĩ đã làm cho lá cờ Tổ quốc thêm đỏ thắm.*

14. Câu trần thuật là gì?

Câu trần thuật là câu dùng để tả sự vật, để kể sự việc.

A. Sai. **B.** Đúng.

15. Đoạn văn 4 câu sau đây, có mấy câu trần thuật?

"Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhợt. Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà. Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường, người ta thấy một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa".

(Em bé bán diêm)

A. Một câu. **B.** Hai câu.

C. Ba câu. **D.** Bốn câu.

16. Phân tích bài thơ "Ngắm trăng" của Hồ Chí Minh.

Bài làm

Trước chùm thơ "*Trung thu*" là bài thơ "*Ngắm trăng*". Hồ Chí Minh đã viết "*Ngắm trăng*" vào mùa thu năm 1942, đó là bài số 21 trong "*Ngục trung nhật kí*".

Nguyên tác bằng chữ Hán, đây là bản dịch thơ:

"Trong tù không rượu cũng không hoa,
Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ;
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ".

Bài thơ viết về một cảnh ngắm trăng, một tư thế ngắm trăng trong tù, qua đó biểu hiện một tâm hồn thanh cao, một phong thái ung dung tự tại của nhà thơ - chiến sĩ.

1. Hai câu thơ đầu nói lên một cảnh ngộ và một nỗi niềm: lòng bối rối biết làm thế nào trước cảnh đẹp đêm nay vì không có rượu có hoa để thưởng ngoạn? Trong tù phải chia nước, khẩu phần là lưng bát cháo loãng, muỗi rệp, phải đắp chăn giấy.... thiếu thốn và cay đắng vô cùng. Vậy tìm đâu ra rượu và hoa để ngắm cảnh đẹp đêm thu trong tù. Rượu, trăng, hoa là 3 thú vui tao nhã của thi nhân xưa nay. Câu đầu như một lời tự an ủi: "*Trong tù không rượu cũng không hoa*". Trước cảnh đẹp đêm thu, thiếu rượu và hoa, thi nhân băn khoăn, bối rối "*biết làm thế nào?*". Đó là tâm trạng, là bi kịch của một thi nhân có tâm hồn thanh cao và giàu tình yêu thiên nhiên:

"Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ".

Câu thơ chưa nói đến trăng mà người đọc đã cảm thấy một vầng trăng đẹp xuất hiện.

2. Hai câu 3, 4 nói vầng trăng mới xuất hiện. Một cảnh ngắm trăng hiếm có:

"Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ".

Câu thơ chữ Hán nào cũng có hai hình ảnh đối chiếu: "*nhân - nguyệt*", "*nguyệt - thi gia*" và điệp từ "*khán*" (xem, nhìn, nhòm). Chữ "*nhân*" là người, đã biến thành "*thi gia*" - nhà thơ, mang ý nghĩa thẩm mĩ đặc sắc. Từ trong ngục tối, người chiến sĩ ngắm trăng qua song sắt nhà tù. Tư thế ngắm trăng ấy rất đẹp, như một cuộc "*vượt ngục tinh thần*". Trăng được nhân hóa có gương mặt và ánh mắt: "*Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ*". Nhà thơ và trăng lặng lẽ nhìn nhau, cảm thông, chia sẻ với mối tình tri âm tri kỉ, cùng "*đối diện đàm tâm*". Hai câu 3, 4 đối nhau, ngôn ngữ, hình ảnh cân xứng, hài hòa. Trăng và nhà thơ, hai gương mặt trong sáng, hai tâm hồn thanh cao dù bị song sắt nhà tù ngăn cách vẫn gần gũi sâu nặng ân tình. Có thể nói đây là 2 câu thơ trăng đẹp nhất, độc đáo nhất. Đã mấy ai ngắm trăng qua song sắt nhà tù? Tư thế ngắm trăng của Hồ Chí Minh thể hiện tình yêu trăng, biểu lộ một tâm hồn thanh cao, một phong thái ung dung tự tại. Nó còn biểu lộ khát vọng tự do: từ bóng tối ngục tù hướng về vầng trăng sáng, nhà thơ khẳng định một tâm thế: "*Thân thể ở trong lao - Tinh thần ở ngoài lao*".

Nhà văn Hoài Thanh nhận xét: "*Thơ Bác đầy trăng*". "*Nhật kí trong tù*" có 7 bài thơ nói đến trăng. Một thế giới trăng hữu tình và chứa chan thi vị:

- "*Chẳng được tự do mà thưởng nguyệt,*
Lòng theo vời vợi mảnh trăng thu"
("Trung thu")

- "*Khóm chuối trăng soi càng thấy lạnh,*
Nhòm song, Bắc đẩu đã nằm ngang".
("Đêm lạnh")

- "*Trên trời, trăng lướt giữa làn mây*".
("Đêm thu")

- v.v...

"*Ngắm trăng*" và thế giới trăng ấy phản chiếu một hồn thơ "mênh mông bát ngát tình". Ngắm trăng vì yêu trăng cũng là yêu tự do.

17. Cảm nhận của em về bài thơ "Đi đường" của Hồ Chí Minh.

Bài làm

"*Đi đường*" là bài thơ thất ngôn tứ tuyệt số 30 của "*Nhật kí trong tù*". Lúc bấy giờ, Hồ Chí Minh đã bị chính quyền Tưởng Giới Thạch giải lui giải tới qua nhiều nhà tù trên tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Trải qua bao cay đắng thử thách nặng nề. Người gửi gắm bao suy nghĩ, cảm xúc của mình vào bài thơ "*Tẩu lộ*" này. Nam Trân đã dịch thành thơ lục bát:

"*Đi đường mới biết gian lao,*
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng;
Núi cao lên đến tận cùng,
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non".

Bài thơ mang hàm nghĩa. Tác giả mượn chuyện đi đường để nêu lên cảm nhận đường đời vô cùng khó khăn, nguy hiểm; phải có quyết tâm cao, nghị lực mới chiến thắng thử thách, mới giành được thắng lợi vẻ vang.

1. Hai câu đầu trong bài thơ chữ Hán có nghĩa là:

"*Có đi đường mới biết đường đi khó,*
Hết lớp núi này lại tiếp đến lớp núi khác".

Câu thứ nhất nêu lên một kinh nghiệm, một chiêm nghiệm sống ở đời, đó là chuyện đi đường và bài học đi đường khó. Với nhà thơ, con đường được nói tới còn là con đường cách mạng vô cùng nguy hiểm: "*Là gươm kề tận cổ, súng kề tai - Là thân sống chỉ coi còn một nửa*" ("*Trăng trối*" - Tố Hữu). Hình ảnh con đường được miêu tả bằng điệp ngữ "*trùng san*" đã làm nổi bật khó khăn, thử thách chồng chất, người đi đường luôn luôn đối diện với bao gian khổ. Câu thơ chữ Hán không hề có chữ "*cao*"; dịch giả đã thêm vào, người đọc thơ cần biết:

"*Đi đường mới biết gian lao,*
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng".

Hai câu thơ đầu về mặt văn chương chữ nghĩa không có gì mới. Ý niệm: *"hành lộ nan"* đã xuất hiện trong cổ văn hơn nghìn năm về trước. Thế nhưng vần thơ Hồ Chí Minh hay và sâu sắc ở tính nghiệm sinh: nó cho thấy trải nghiệm của một con người *"ba mươi năm ấy chân không nghỉ"* (Tố Hữu), để tìm đường cứu nước. Con đường mà người chiến sĩ ấy đã vượt qua đâu chỉ có *"Núi cao rồi lại núi cao trập trùng"* mà còn đầy phong ba bão táp, trải dài trải rộng khắp bốn biển năm châu:

"Đời bồi tàu lênh đênh theo sóng bể
Người đi hỏi khắp bóng cờ châu Mỹ, châu Phi
Những đất tự do, những trời nô lệ
Những con đường cách mạng đang tìm đi...".

("Người đi tìm hình của Nước")

Người xưa có nhắc: *"Đọc sách người ấy, đọc thơ người ấy, phải biết con người ấy"* là thế.

2. Hai câu cuối cấu trúc theo mối quan hệ điều kiện - hệ quả. Khi đã chiếm lĩnh được đỉnh cao chót vót (cao phong hậu) thì muôn dặm nước non (vạn lí dư đồ) thu cả vào tầm mắt:

"Núi cao lên đến tận cùng,
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non".

Muốn vượt qua các lớp núi lên đỉnh cao chót vót thì phải có quyết tâm và nghị lực lớn. Chỉ có thế mới giành được thắng lợi vẻ vang, thu được kết quả tốt đẹp. Câu thơ Hồ Chí Minh hàm chứa bài học quyết tâm vượt khó, nêu cao ý chí và nghị lực trong cuộc sống để giành thắng lợi. Bài học *"Đi đường"* thật là vô giá đối với bất cứ ai.

3. *"Nhật kí trong tù"* có nhiều bài thơ viết về đề tài *"đi đường"* như *"Thế lộ nan"*, *"Tẩu lộ"*, *"Lộ thượng"*,... Đó là những vần thơ giàu chất trí tuệ, mang ý vị triết lí, được đúc kết từ máu và nước mắt:

- *"Núi cao gặp hổ mà vô sự,*
  Đường phẳng gặp người bị tống lao".
- *"Xử thế từ xưa không phải dễ,*
  Mà nay, xử thế khó khăn hơn".

("Đường đời hiểm trở")

Bài thơ *"Đi đường"* cho ta bài học về đường đời nhiều khó khăn nguy hiểm, bài học về quyết tâm, vượt khó, vươn lên giành thắng lợi trên con đường đời. Mỗi cuộc đời là một trăm năm, ai cũng phải một trăm năm đi đường. Có con đường lao động mưu sinh, có con đường công danh lập nghiệp. Tuổi trẻ còn có con đường học tập. Bài thơ *"Đi đường"* trở thành hành trang cho mỗi chúng ta sức mạnh để vươn lên thực hiện ước mơ của mình.

Đáp án đề 28 + 29

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Trả lời	B	D	C	D	B	D	D	A	C	B	D	A	D	B	D

ĐỀ 30 + 31

* Chiếu dời đô (Thiên đô chiếu)
* Câu phủ định
* Chương trình địa phương (Phần Tập làm văn)

1. Tác giả "Chiếu dời đô" là ai?

- Lý Công Uẩn tức là vua Lý Thái Tổ (974 - 1028)

A. Đúng. **B.** Sai.

2. Chiếu là gì?

A. Lời kêu gọi chiến đấu của vua chúa.

B. Lời tuyên bố của vua chúa.

C. Là thể văn do vua dùng để ban bố mệnh lệnh.

D. Là loại văn xuôi cổ để vua chúa dùng.

3. "Chiếu dời đô" được viết theo thể văn xuôi cổ có đối, ngôn từ trang trọng, trang nghiêm.

A. Sai. **B.** Đúng.

4. Trong các câu sau đây, câu nào không có đối?

A. Cho nên / vận nước lâu dài / phong tục phồn thịnh.

B. Địa thế rộng mà bằng / đất đai cao mà thoáng.

C. Thật là / chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.

D. Trẫm muốn dựa vào sự tiện lợi của đất ấy để định chỗ ở.

5. Lý Công Uẩn đã dời đô từ đâu tới đâu?

A. Cổ Loa → Hoa Lư. **B.** Hoa Lư → Đại La.

C. Cổ Loa → Huế. **D.** Cổ Loa → Đại La

6. Hãy cho biết vì sao vua Lý Thái Tổ đổi Đại La thành Thăng Long?

- Tục truyền rằng khi đoàn thuyền của vua Lý Thái Tổ và quân quan Triều đình vừa tới thành Đại La thì thấy rồng vàng bay lên; nhà vua cho là điềm lành, bèn đổi tên thành Đại La thành Thăng Long, kinh đô nước Đại Việt từ đấy (1010).

A. Sai. **B.** Đúng.

7. Tại sao Lý Công Uẩn lại nói: "Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dời đổi"?

- Chỉ vì muốn đóng đô ở nơi trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu, trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân, nếu thấy thuận lợi thì thay đổi.

- Thế mà hai nhà Đinh, Lê lại theo ý riêng của mình, khinh thường mệnh trời,... cứ đóng yên đô thành ở nơi đây (Hoa Lư) khiến cho triều đại không được lâu bền, số vận ngắn ngủi, trăm họ phải hao tổn, muôn vật không được thích nghi.

Đó là hai lí do khiến Lý Công Uẩn "rất đau xót" và quyết định dời đô.

A. Đúng. **B.** Sai.

8. **_Tại sao Lý Công Uẩn gọi Đại La là "thắng địa"?_**

A. Ở vào nơi trung tâm trời đất; được cái thế rồng cuộn hổ ngồi.

B. Đã đúng ngôi nam bắc đông tây; lại tiện hướng nhìn sông dựa núi.

C. Địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng.

D. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt; muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi.

E. Là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.

F. Có đủ các nhân tố A, B, C, D, E.

9. **_"Chiếu dời đô" của vua Lý Thái Tổ thể hiện ý chí tự lập tự cường của dân tộc ta, mở ra một thiên niên kỉ Thăng Long vô cùng rực rỡ của Đại Việt._**

A. Sai. B. Đúng.

10. **_Từ "trẫm" và từ "khanh" trong bài "Chiếu dời đô" thuộc lớp từ gì trong ngôn ngữ dân tộc?_**

A. Biệt ngữ xã hội. B. Từ địa phương.

11. **_Phân tích và nêu cảm nghĩ của em về "Chiếu dời đô" của Lý Thái Tổ._**

Bài làm

Lý Công Uẩn (974-1028) quê ở Kinh Bắc, là võ tướng cao cấp của Lê Đại Hành, từng giữ chức Tả thân vệ Điện tiền chỉ huy sứ. Ông là người tài trí, đức độ, sắc sảo, nhiều uy vọng. Năm 1009, Lê Ngọa Triều chết, ông được giới tăng lữ và triều thần tôn lên làm vua, tức Lý Thái Tổ dựng nên triều đại nhà Lý hơn 200 năm (1009-1225). Năm 1010, Lý Thái Tổ viết "Thiên đô chiếu" dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) ra thành Đại La, sau đổi là Thăng Long, kinh đô của Đại Việt.

"*Chiếu là lời của vua ban bố hiệu lệnh cho thần dân*" (Dương Quảng Hàm), thuộc văn xuôi cổ, câu văn có vế đối, ngôn từ trang nghiêm, trang trọng. "*Chiếu dời đô*" của Lý Công Uẩn là một văn kiện mang ý nghĩa lịch sử to lớn. Sắp đến lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội (1010-2010), ta càng thấy rõ ý nghĩa lịch sử trọng đại của luận văn này.

Văn bản chữ Hán chỉ có 214 chữ, bản dịch của Nguyễn Đức Vân dài 360 chữ.

1. Phần đầu "*Chiếu dời đô*" nói lên mục đích sâu xa, tầm quan trọng của việc dời đô là để "*đóng đô ở nơi trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu; trên theo mệnh trời, dưới theo ý dân*". Nói một cách khác, việc dời đô là một việc lớn, vừa hợp mệnh trời vừa hợp lòng dân, là để xây dựng đất nước cường thịnh, đem lại hạnh phúc, thái bình cho nhân dân.

Việc dời đô không còn là chuyện hi hữu, mà đó là những kinh nghiệm lịch sử, phản ánh xu thế phát triển lịch sử của từng quốc gia, từng thời đại. Tác giả đã nêu lên những dẫn chứng lịch sử để thu phục nhân tâm. Chuyện ở xa là chuyện bên Tàu: "*Xưa nhà Thương đến vua Bàn Canh năm lần dời đô; nhà Chu đến vua Thành Vương cũng ba lần dời đô*". Chuyện gần là ở nước ta thời nhà Đinh, nhà Lê vì chỉ "*theo ý riêng mình, khinh thường mệnh trời...*", cứ "*đóng yên đô thành*" ở Hoa Lư nên dẫn đến thảm kịch: "*triều đại không được lâu bền, số vận ngắn ngủi, trăm họ*

phải hao tổn, muôn vật không được thích nghi"... Sử sách cho biết, Đinh Bộ Lĩnh sau khi dẹp tan 12 sứ quân, năm 968 ông lên ngôi hoàng đế thì đến năm 979 nhà vua bị ám hại. Năm 981, Lê Hoàn lên làm vua, tuy đã đánh thắng giặc Tống xâm lược, nhưng năm 1005, Lê Đại Hành băng hà, thì các thế lực phong kiến, các hoàng tử... lại xung đột, tranh giành ngôi báu, loạn lạc kéo dài "*trăm họ phải hao tổn*" nhiều xương máu, tiền của. Cái chết của vua Lê Ngọa Triều năm 1009 đã chứng tỏ hai triều đại Đinh, Lê "*không được lâu bền, số vận ngắn ngủi*". Hai triều đại Đinh, Lê phải đóng đô là do nhiều nguyên nhân lịch sử: nhà nước phong kiến Việt Nam chưa đủ mạnh, nạn cát cứ của các lãnh chúa hoành hành, giặc giã loạn lạc kéo dài. Do đó, các vua nhà Đinh, nhà Lê phải nuôi hổ báo ở trong nhà, phải nấu vạc dầu ở ngoài sân, dựa vào sông sâu núi cao, địa thế hiểm trở vùng Hoa Lư để đóng đô và phòng thủ. Đóng đô ở Hoa Lư là một hạn chế của lịch sử của nhà Đinh, nhà Lê.

Lý Công Uẩn "*đau xót*" khi nghĩ về "*vận số ngắn ngủi*" của nhà Đinh, nhà Lê và cảm thấy việc dời đô là một việc cấp thiết "*không thể không dời đổi*".

"*Chiếu dời đô*" trong phần mở đầu, lí lẽ sắc bén, dẫn chứng lịch sử là sự thật hiển nhiên, giàu sức thuyết phục lòng người. Tác giả đã lồng cảm xúc vào bài chiếu, tạo nên bao ấn tượng đẹp: "*Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dời đổi*".

Cuốn "*Lịch sử Việt Nam*" của Viện Sử học đã viết:

"*Việc dời đô về Thăng Long phản ánh yêu cầu phát triển mới của quốc gia phong kiến tập quyền và chứng tỏ khả năng, lòng tin và quyết tâm của cả dân tộc giữ vững nền độc lập*"...

2. Đại La rất thuận lợi, rất đẹp để đóng đô.

Đại La không có gì xa lạ, là "*kinh đô cũ của Cao Vương*". Cao Vương là Cao Biền, đại quan của nhà Đường, từng làm Đô hộ sứ Giao Châu từ 864 - 875; năm 866, Cao Biền đã xây thành Đại La, thuộc Hà Nội ngày nay.

Đại La rất thuận tiện.

Về vị trí địa lí là "*ở vào nơi trung tâm trời đất... đã đúng ngôi nam bắc đông tây*".

Về địa thế, rất đẹp, rất hùng vĩ: "*được cái thế rồng cuộn hổ ngồi*", "*lại tiện hướng nhìn sông dựa núi*", "*địa thế rộng mà bằng; đất đai cao mà thoáng*".

Là một vùng đất cư trú lí tưởng cho dân cư, không "*ngập lụt*", "*muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi*".

Tóm lại, Đại La là "*thắng địa*", là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, "*chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước*". Đại La xứng đáng là "*kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời*".

Phần thứ hai của "*Chiếu dời đô*" cho thấy tầm nhìn chiến lược của Lý Công Uẩn về Đại La, nơi sẽ dời đô đến. Một cái nhìn toàn diện, sâu sắc, chính xác về các mặt vị trí địa lí, địa thế, nhân văn... Sau một nghìn năm, Hà Nội đã trở thành thủ đô hòa bình của đất nước ta, nhân dân ta, ta càng thấy việc dời đô từ Hoa Lư ra Đại La của Lý Công Uẩn là một cống hiến vô cùng vĩ đại "*mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu*".

Sử sách còn ghi lại: khi thuyền rồng của nhà vua vừa cập bến sông Nhị Hà ở chân thành Đại La thì có con rồng vàng bay lên, vua cho là điềm tốt mới đổi tên là Thăng Long. Thăng Long là *"Rồng lên"* thể hiện cái thế bay lên và khát vọng của nhân dân xây dựng Đại Việt thành một quốc gia cường thịnh có nền văn hiến lâu đời rực rỡ. Ý chí tự lập tự cường và niềm tin về ngày mai tốt đẹp được khẳng định một cách mạnh mẽ.

Về mặt văn chương, phần thứ hai *"Chiếu dời đô"* rất đặc sắc. Cách viết hàm súc, giàu hình ảnh và biểu cảm, những vế đối rất chỉnh, đọc lên nghe rất thú vị, mặc dù phải qua bản dịch:

"Huống gì thành Đại La... ở vào nơi trung tâm trời đất //; được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đúng ngôi nam bắc tây đông //; lại tiện hướng nhìn sông dựa núi. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt //; muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi... Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước //; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời".

3. Phần cuối nguyên tác *"Thiên đô chiếu"* chỉ có 14 chữ bản dịch thành 19 chữ. Nhà vua bày tỏ ý mình về việc dời đô và hỏi quần thần. Đúng Lý Công Uẩn là một người *"tài trí, đức độ, kín đáo"*.

"Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. Các khanh nghĩ thế nào?".

Việc dời đô của Lý Công Uẩn là một kì tích, kì công. Sau một ngàn năm Thăng Long - Hà Nội *"đất văn vật"* đã trở thành thủ đô của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, trung tâm chính trị, kinh tế, quốc phòng, văn hóa của đất nước ta.

"Chiếu dời đô" là áng văn xuôi cổ độc đáo, đặc sắc của tổ tiên để lại. Ngôn từ trang trọng, đúng là khẩu khí của bậc đế vương. Nó là kết tinh vẻ đẹp tâm hồn và trí tuệ Việt Nam. Nó khơi dậy trong lòng nhân dân ta lòng tự hào và ý chí tự cường mạnh mẽ.

Đáp án đề 30 + 31

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Trả lời	A	C	B	D	B	B	A	F	B	A

ĐỀ 32 + 33

*** Hịch tướng sĩ**
*** Hành động nói**

1. Tác giả "Hịch tướng sĩ" là ai?

A. Trần Thủ Độ. B. Trần Quang Khải

C. Vua Trần Nhân Tông. D. Trần Quốc Tuấn.

2. "Hịch tướng sĩ" được tác giả viết vào thời gian nào?

A. Trước cuộc kháng chiến lần thứ nhất của Đại Việt chống giặc Nguyên Mông (1258)

B. Trước cuộc kháng chiến lần thứ hai của Đại Việt đánh thắng giặc Nguyên Mông (1285)

C. Trước cuộc kháng chiến lần thứ ba của Đại Việt đánh thắng giặc Nguyên Mông (1288)

3. "Hịch tướng sĩ" được viết bằng thể văn gì?

A. Văn xuôi cổ. **B.** Văn xuôi cổ có đối.

C. Văn vần. **D.** Cả A, B, C đều sai.

4. Trần Quốc Tuấn đứng trên vị thế nào để viết "Hịch tướng sĩ"?

- Trên vị thế "Tiết chế thống lĩnh", Trần Quốc Tuấn đã viết "Hịch tướng sĩ". Vì thế ông tự xưng là "ta", gọi các tướng sĩ là "các ngươi" một cách trang nghiêm.

A. Sai. **B.** Đúng.

5. Phần đầu, Trần Quốc Tuấn nêu lên những trung thần nghĩa sĩ trong Bắc sử nhằm mục đích gì?

A. Ca ngợi các trung thần nghĩa sĩ đã lưu danh sử sách, để lại tiếng tốt muôn đời mai sau.

B. Giáo dục lòng trung quân ái quốc của tướng sĩ.

C. Khích lệ, động viên tướng sĩ, nêu cao lòng trung nghĩa, sẵn sàng xả thân vì sơn hà xã tắc, quyết đánh thắng giặc Nguyên Mông.

D. Gồm cả A, B, C.

6. Những từ ngữ nào, hình ảnh nào căm thù vạch trần và lên án bộ mặt tham lam tàn bạo của đế quốc Mông Nguyên?

A. Sứ giặc ***đi lại*** nghênh ngang ngoài đường, ***uốn** lưỡi* cú diều mà ***sỉ mắng*** triều đình, ***đem*** thân dê chó mà ***bắt nạt*** tể phụ.

B. ***Thác** mệnh* Hốt Tất Liệt mà ***đòi*** ngọc lụa, để ***thoả** lòng* tham không cùng.

C. ***Giả** hiệu* Vân Nam Vương mà ***thu*** bạc vàng, để ***vét*** của kho có hạn.

D. Gồm tất cả A, B, C

7. Các từ in đậm ở A và B (câu 6) là những từ thuộc từ loại nào?

A. Danh từ. **B.** Tính từ.

C. Động từ. **D.** Trợ từ.

8. Các hình ảnh: "lưỡi cú diều", "thân dê chó", "hổ đói" là những hình ảnh được xây dựng bằng biện pháp tu từ gì?

A. So sánh. **B.** Ẩn dụ.

C. Hoán dụ. **D.** Nhân hoá.

9. Câu *"Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai vạ về sau!"* **là kiểu câu gì?**

A. Câu trần thuật. **B.** Câu cảm thán.

C. Câu nghi vấn. **D.** Câu cầu khiến.

10. Câu văn nào trong "Hịch tướng sĩ", Trần Quốc Tuấn biểu lộ tâm trạng lo lắng, uất hận căm thù sục sôi giặc Mông - Nguyên, sẵn sàng xả thân để tiêu diệt chúng?

"Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng".

A. Đúng. **B.** Sai.

11. Biện pháp nghệ thuật nào được tác giả sử dụng trong các cụm từ, các hình ảnh sau? *Chú ý các từ in đậm: "**ruột** đau như cắt", "**nước mắt** đầm đìa", "căm tức chưa xả thịt lột **da**, nuốt **gan** uống **máu** quân thù", "trăm **thân** này", "nghìn **xác** này"?*

A. So sánh. **B.** Ẩn dụ.

C. Hoán dụ. **D.** Hoán dụ và ẩn dụ.

12. Có đúng là tác giả đã dùng phép thậm xưng (nói quá) để thể hiện lòng căm thù sục sôi, ý chí chiến đấu mạnh mẽ, quyết không đội trời chung với giặc Mông Nguyên qua câu văn này?

"Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài cỏ nội, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng".

A. Sai. **B.** Đúng.

13. Đọc đoạn văn sau:

*"Nếu có giặc Mông Thát tràn sang thì cựa gà trống **không thể đâm thủng** áo giáp của giặc, mẹo cờ bạc **không thể dùng làm** mưu lược nhà binh; dẫu rằng ruộng lắm vườn nhiều, tấm thân quý nghìn vàng **khôn chuộc**, vả lại vợ bìu con díu, việc quân cơ trăm sự **ích chi**; tiền của tuy nhiều **không mua được** đầu giặc, chó săn tuy khoẻ **không đuổi được** quân thù; chén rượu ngon **không thể làm cho** giặc say chết, tiếng hát hay **không thể làm cho** giặc điếc tai".*

- Cho biết những từ ngữ in đậm là những từ ngữ làm nổi bật ý phủ định để nêu bật nguy cơ bại vong tất yếu không?

A. Sai. **B.** Đúng.

14. Chọn ý đúng nói về tác dụng các từ ngữ in đậm trong đoạn văn sau:

*"Lúc bấy giờ, ta cùng các ngươi **sẽ bị bắt**, đau xót biết chừng nào ! Chẳng những thái ấp của ta **không còn**, mà bổng lộc các ngươi **cũng mất**; chẳng những gia quyến của ta **bị tan**, mà vợ con các ngươi **cũng khốn**; / chẳng những xã tắc tổ tông ta **bị giày xéo**, mà phần mộ cha mẹ các ngươi **cũng bị quật lên**; / chẳng những thân ta kiếp này **chịu nhục**, rồi đến trăm năm sau, **tiếng dơ khôn rửa tên xấu còn lưu** / mà đến gia thanh các ngươi cũng không khỏi **mang tiếng là tướng bại trận**. Lúc bấy giờ, dẫu các ngươi muốn vui vẻ phỏng có được không?".*

A. Niềm vui thắng trận. **B.** Nỗi đau đớn bại trận.

C. Nỗi nhục nhã bại trận. **D.** Cả B và C.

15. Câu đầu và câu cuối đoạn văn là kiểu câu gì?

A. Câu trần thuật. **B.** Câu cầu khiến.

B. Câu phủ định. **D.** Câu cảm thán.

E. Câu nghi vấn. **F.** Cả D và E.

16. Phần giữa đoạn văn có 3 câu ghép chính phụ. Cho biết các vế trong mỗi câu ghép được nối bằng cặp quan hệ từ nào?

- Đó là cặp quan hệ từ: *chẳng những ... mà ...*

A. Đúng. **B.** Sai.

17. Trần Quốc Tuấn sau khi phân tích cái hại của tư tưởng cầu an hưởng lạc, mất cảnh giác, ông khuyên tướng sĩ phải rèn luyện chiến mã, cung tên, sẵn sàng quyết chiến và quyết thắng giặc Mông Nguyên. Câu văn nào nói lên ý tưởng ấy? - *Đó là câu văn sau đây:*

"Huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên; khiến cho người người giỏi như Bàng Mông, nhà nhà đều là Hậu Nghệ; có thể bêu được đầu Hốt Tất Liệt ở cửa khuyết, làm rữa thịt Vân Nam Vương ở Cảo Nhai".

A. Sai. **B.** Đúng.

18. Những từ ngữ in đậm trong đoạn văn sau đã khẳng định niềm vui và hạnh phúc của chủ soái và tướng sĩ trong thắng trận hay không?

"Như vậy, chẳng những thái ấp của ta ***mãi mãi vững bền****, mà bổng lộc các ngươi* ***cũng đời đời hưởng thụ****; chẳng những gia quyến của ta* ***được êm ấm gối chăn*** *mà vợ con các ngươi* ***cũng được bách niên giai lão****; chẳng những tông miếu của ta* ***sẽ được muôn đời tế lễ****, mà tổ tông các ngươi* ***cũng được thờ cúng quanh năm****; chẳng những thân ta kiếp này* ***đắc chí****; mà đến các ngươi trăm năm về sau* ***tiếng vẫn lưu truyền****; chẳng những danh hiệu ta* ***không bị mai một****, mà tên họ các ngươi* ***cũng sử sách lưu thơm****".*

A. Đúng. **B.** Sai.

19. Câu "Lúc bấy giờ, dẫu các ngươi không muốn vui vẻ phỏng có được không?" là kiểu câu gì?

A. Câu cảm thán. **B.** Câu cầu khiến.

C. Câu nghi vấn. **D.** Câu trần thuật.

20. Hai đoạn văn cuối bài "Hịch tướng sĩ" nêu lên yêu cầu gì đối với tướng sĩ?

A. Chuyên tập "Binh thư yếu lược" thì mới phải đạo thần chủ.

B. Khinh bỏ sách này tức là kẻ nghịch thù.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

21. Câu văn trong "Hịch tướng sĩ" là câu ngắn (đoản cú) hay câu dài (trường cú) lúc tác giả giải thích phân tích về tác hại của tinh thần mất cảnh giác, của thói cầu an hưởng lạc, về cái nhục bại trận, về cái vinh thắng trận?

A. Câu đoản cú. **B.** Câu trường cú.

22. Nhận định sau đây đúng hay sai?

- "Hịch tướng sĩ" đã nêu cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu và quyết thắng, là bài ca chiến đấu rực lửa căm thù sáng ngời hào khí Đông A. Lí lẽ đanh thép, lí và tình hài hoà, lập luận chặt chẽ, giọng văn lúc thiết tha chân tình, lúc hùng hồn

mạnh mẽ tạo nên sức thuyết phục cảm hoá lớn lao. Phải là người anh hùng thuở "bình Nguyên" trăm trận trăm thắng mới có lời hịch vang vọng núi sông, chấn động lòng người như thế!

A. Đúng. **B.** Sai.

23. Hành động nói là gì?

A. Hành động nói là hành động được thực hiện bằng lời nói nhằm mục đích nhất định.

B. Mục đích đó là hỏi, trình bày, điều khiển, hứa hẹn, bộc lộ cảm xúc.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

24. Các ví dụ sau đây có phải chứa đựng hành động nói hay không?

A. *Ta viết ra bài hịch này để các ngươi biết bụng ta.*

Trần Quốc Tuấn

B. *Mai mốt bên cửa rừng*
Hễ nghe tiếng súng nổ
Là chúng tôi đang cố
Tiêu diệt kẻ thù chung

("Viếng bạn" - Hoàng Lộc)

C. *Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ!*

Hồ Chí Minh

D. *Tiến lên! Chiến sĩ đồng bào!*
Bắc Nam sum họp xuân nào vui hơn?

Hồ Chí Minh

E. *Còn non còn nước còn người,*
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay.

Hồ Chí Minh

F. Gồm tất cả A, B, C, D, E.

25. Phân tích đoạn văn sau:

... "Huống chi, ta cùng các ngươi sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng Triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu bạc vàng để vét của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai vạ về sau.

Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan, uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng".

("Hịch tướng sĩ" - Trần Quốc Tuấn)

Bài làm

Trong thế kỷ XIII, Đại Việt đã 3 lần đánh thắng giặc Nguyên - Mông. Chương Dương, Hàm Tử, Bạch Đằng... là những chiến công vang dội đời Trần đã tô thắm trang sử chống xâm lăng của nhân dân ta.

"Bạch Đằng một cõi chiến tràng,
Xương bay trắng đất, máu màng đỏ sông"

(Đại Nam quốc sử diễn ca)

Tên tuổi người anh hùng Trần Quốc Tuấn gắn liền với những chiến công hiển hách ấy. Ông là tác giả cuốn "*Binh thư yếu lược*" và "*Hịch tướng sĩ*" bất hủ. Năm 1285, Hốt Tất Liệt lại sai Thoát Hoan mang 50 vạn quân sang xâm lược Đại Việt lần thứ hai. Trước đó, Trần Quốc Tuấn đã được vua Trần cử giữ chức "*Tiết chế thống lĩnh*". Và ông đã viết "*Hịch tướng sĩ*" kêu gọi ba quân, vương hầu, tướng lĩnh học tập binh thư, rèn tập giáo mác, cung tên, chiến mã, sẵn sàng quyết chiến quyết thắng lũ xâm lược.

Đoạn văn sau đây trích trong bài "*Hịch tướng sĩ*":

... "Huống chi, ta cùng các ngươi sinh phải thời loạn lạc... Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng"....

1. Câu thứ nhất là một lời tâm huyết của vị thống soái thổ lộ tâm tình với các tướng sĩ: cùng một thế hệ đang gánh vác sứ mệnh lịch sử: "*Huống chi ta cùng các ngươi sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan*". "*Thời loạn lạc*" và "*buổi gian nan*" ấy là khi đất nước ta đang đứng trước họa xâm lăng của quân Mông Cổ. "*Ta cùng các ngươi*" đang chung chịu gian nan thử thách nặng nề, cùng chia ngọt sẻ bùi với nhau, cùng vinh, nhục với dân tộc và đất nước.

2. Bằng cái nhìn sáng suốt và cảnh giác, Trần Quốc Tuấn đã vạch trần dã tâm và bộ mặt tham lam, tàn bạo của quân xâm lược phương Bắc qua hình ảnh tên sứ giặc. Sau thảm bại lần thứ nhất 1258, cậy thế "*Thiên triều*", đế quốc Nguyên - Mông liên tiếp cử sứ giả sang nước ta sách nhiễu. Chẳng khác nào lũ thái thú thuở nào, sứ giặc Mông Cổ "*nghênh ngang đi lại ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ*". "*Lưỡi cú diều*", "*thân dê chó*" là hai hình ảnh ẩn dụ lột tả bộ mặt tham tàn của bọn ngụy sứ. Hành động của chúng thì ngang ngược, "*nghênh ngang*", coi Đại Việt và kinh thành Thăng Long là quận huyện của chúng. Cậy thế nước lớn chúng ra sức hoành hành, vừa "*bắt nạt*", vừa "*sỉ mắng*" triều đình và vua tôi nhà Trần. Giặc đã xúc phạm đến quốc thể và niềm tự tôn dân tộc. Trần Quốc Tuấn đã biểu lộ lòng căm thù và khinh bỉ đối với sứ giặc, khêu gợi ý thức dân tộc đối với tướng sĩ.

Lòng tham vô đáy là bản chất của bọn giặc phương Bắc. Lúc thì chúng "*thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, để thỏa lòng tham không cùng*", lúc thì chúng "*giả hiệu Vân Nam Vương mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn*". Giặc tìm đủ trăm phương nghìn kế "*mà đòi... mà thu... để vét...*" tài sản quý báu của ta, bóc lột dân ta đến tận xương tủy. Nghệ thuật đối ngẫu được vận dụng sắc bén làm nổi bật hành động và dã tâm của bọn sứ giặc. Mỗi vế câu vạch trần một âm mưu, một hành động tham tàn của bọn sứ giặc: "*Uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình // đem*

thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, để thỏa lòng tham không cùng // giả hiệu Vân Nam Vương mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn".

Lòng căm thù giặc như ngọn lửa ngày một bốc cao. Tác giả gọi sứ giặc là "*hổ đói*" không thể khoan nhượng, không thể khoanh tay ngồi nhìn chúng hoành hành. Với cái nhìn sáng suốt, ông đưa ra một so sánh vô cùng sâu sắc: "*Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai vạ về sau !*" Hổ đói phải ném cho chúng bao nhiêu thịt mới vừa, có lúc người nuôi hổ đói phải thế mạng! Cũng như phải cống nạp bao nhiêu ngọc lụa, bạc vàng cho thỏa lòng tham vô đáy của lũ giặc! "*Tai vạ về sau*" mà Trần Quốc Tuấn chỉ rõ là thảm họa nước mất nhà tan, "*ta cùng các ngươi sẽ bị giặc bắt, đau xót biết chừng nào?*".

Một trong những yêu cầu của hịch là vạch trần tính chất phi nghĩa, dã man của đối phương, của giặc để khêu gợi lòng căm thù giặc của đông đảo nhân dân. Đoạn văn trên đây với cách lập luận sắc bén, cách đưa dẫn chứng, với nghệ thuật sáng tạo hình ảnh ẩn dụ, cách cấu trúc các vế biền ngẫu đối xứng... đã tạo nên giọng văn đanh thép, hùng hồn, mạnh mẽ, đầy ấn tượng!

3. Phần hai của đoạn văn sục sôi nhiệt huyết và tinh thần quyết chiến. Một tâm trạng nhiều đau đớn, đắng cay, tủi nhục trước hành động tham tàn của sứ giặc, trước họa xâm lăng đang đến gần. Ăn và ngủ là những nhu cầu sống không thể thiếu được đối với mỗi người. Thế mà vị thống soái đã và đang trải qua những đêm ngày căng thẳng. Tới bữa "*quên ăn*", nửa đêm "*vỗ gối*"; đau đớn, tủi nhục đến cực độ "*ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa*". Một cách nói cụ thể, ám ảnh. Một cách diễn tả mạnh mẽ qua các vế câu cân xứng, hô ứng (chủ yếu mỗi vế 4 từ) làm nổi bật tâm trạng của người anh hùng khi Tổ quốc Đại Việt lâm nguy:

"*Ta thường / tới bữa quên ăn / nửa đêm vỗ gối / ruột đau như cắt / nước mắt đầm đìa*"...

Cái nguyên cớ sâu xa về nỗi đau, về sự căm tức của vị thống soái cũng thật phi thường, quyết không dung tha lũ giặc cướp: "*Chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan, uống máu quân thù !*". Các động từ mạnh được sử dụng rất đắt để diễn tả lòng căm thù giặc sôi sục: "*xả*" thịt, "*lột*" da, "*nuốt*" gan, "*uống*" máu (quân thù). Đó là cách nói, cách biểu thị của người xưa quyết không đội trời chung với giặc!

Khép lại đoạn văn là lời nguyền của Trần Quốc Tuấn. Từ tâm trạng mà thể hiện thái độ, từ thái độ mà biểu thị hành động, đó là *cấu trúc nội tại ý tưởng - cảm xúc của đoạn văn trên*. Vị thống soái quyết một phen sống mái với giặc Nguyên - Mông

"*Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng !*"

"*Trăm thân... nghìn xác...*" là cách nói thậm xưng, là *phép khoa trương* trong phú, hịch ngày xưa. "*Nội cỏ*" là đồng cỏ, bãi chiến trường; "*Xác gói trong da ngựa*" là điển tích nói lên niềm kiêu hãnh tự hào của các tráng sĩ, tướng tá ngày xưa được

hi sinh trên chiến địa. Tác giả đã có một cách nói rất hay, rất sâu sắc và độc đáo về một lời thề thiêng liêng, thể hiện tư thế hiên ngang, lẫm liệt, tinh thần quyết chiến của người anh hùng thuở "*Bình Nguyên*". Chính vì vậy mà khi giặc Nguyên Mông tràn vào nước ta mạnh như gió lướt sóng dữ, ông vẫn ung dung, nghiêm nghị tâu với vua Trần Nhân Tông: "*Nếu bệ hạ muốn hàng thì trước hết hãy chém đầu thần đi đã !...*".

Đoạn văn trên đây tiêu biểu cho tư tưởng và nghệ thuật của "Hịch tướng sĩ". *Lí lẽ và cảm xúc kết hợp hài hòa. Giọng văn đanh thép, hùng hồn. Hình ảnh quân giặc tham lam, tàn bạo bao nhiêu thì hình ảnh Trần Quốc Tuấn lại hiên ngang, lẫm liệt và anh hùng bấy nhiêu ! Đoạn văn đã làm sống lại những năm tháng hào hùng thuở* "Bình Nguyên". *Nó như tiếng kèn vang dội non sông, nâng cao dũng khí đoàn quân* "Sát Thát" *ào ào xung trận với quyết tâm* "phá cường địch, báo hoàng ân". *Thể hịch dưới ngòi bút Trần Quốc Tuấn đã trở thành bản anh hùng ca thời đại.* "Hịch tướng sĩ" *là bài ca yêu nước thể hiện cao đẹp tinh thần quyết chiến quyết thắng của dân tộc ta, biểu hiện rực rỡ nhất* "Hào khí Đông A".

Đáp án đề 32 + 33

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Trả lời	D	B	B	B	D	D	C	B	B	A	C	B

Câu	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Trả lời	B	D	F	A	B	A	C	C	B	A	C	F

ĐỀ 34 + 35

*** Nước Đại Việt ta (trích "*Bình Ngô đại cáo*")**
*** Hành động nói (tiếp theo)**
*** Ôn tập về luận điểm.**

1. Cáo là gì? Chọn ý đúng.

A. Cáo là báo cáo về một chủ trương, một công việc.

B. Cáo là văn nghị luận cổ.

C. Cáo là một thể văn xuôi cổ, thường là văn biền ngẫu.

D. Cáo là thể văn nghị luận cổ, thường được vua chúa hoặc thủ lĩnh dùng để trình bày một chủ trương hay công bố kết quả một sự nghiệp để mọi người cùng biết.

2. "Bình Ngô đại cáo" của Nguyễn Trãi thay lời Lê Lợi được công bố vào thời gian nào?
- Đó là ngày 17 tháng Chạp năm Đinh Mùi (tức đầu năm 1428).

A. Đúng. **B.** Sai

3. "Bình Ngô đại cáo" được viết theo lối văn biền ngẫu (câu có 2 vế đối), có đủ các kiểu câu vật xuôi có.

A. Sai. **B.** Đúng.

4. Giọng văn "Bình Ngô đại cáo" như thế nào?

A. Du dương. **B.** Tha thiết.

C. Trầm hùng. **D.** Đanh thép, hùng hồn.

5. "Bình Ngô đại cáo" được ca ngợi là:

A. Thiên cổ kì bút **B.** Thiên cổ hùng văn.

6. Ý nào nói đúng hoàn cảnh sáng tác và thời điểm công bố "Bình Ngô đại cáo"?

A. Sau khi đánh tan hai đạo viện binh của giặc Minh do Liễu Thăng và Mộc Thạnh cầm đầu kéo sang.

B. Sau khi Vương Thông xin giảng hoà.

C. Sau khi hàng chục vạn tù, hàng binh của giặc được tha tội chết cho về Tàu.

D. Sau khi giặc Minh bị quét sạch ra khỏi đất nước ta, hoà bình được vãn hồi, Đại Việt giành được độc lập hoàn toàn (cuối năm 1427, đầu năm 1428)

7. Mở đầu "Bình Ngô đại cáo", Nguyễn Trãi nêu cao triết lí, tư tưởng nhân nghĩa. Em hiểu thế nào là nhân nghĩa?

A. Nhân nghĩa là tình thương người.

B. Nhân nghĩa là cách ứng xử giàu tình người.

C. Nhân nghĩa là khái niệm đạo đức của Nho giáo, nói về đạo lí, cách ứng xử và tình thương giữa con người với nhau.

D. Cả A, B, C đều sai.

8. Câu nào trong "Bình Ngô đại cáo" nêu lên "việc nhân nghĩa"?

"Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo".

A. Đúng. **B.** Sai.

9. Em hiểu như thế nào về hai câu văn ấy?

- Vì thương người mà trừng phạt kẻ có tội, trừ khử, tiêu diệt kẻ tham lam tàn bạo để đem lại yên vui hạnh phúc cho nhân dân. "*Quân điếu phạt trước lo trừ bạo*" ở đây là nghĩa quân Lam Sơn đã đánh đuổi giặc Minh và bè lũ tay sai bán nước, giành lại độc lập cho nước, hạnh phúc cho dân đó là "*việc nhân nghĩa*".

A. Sai. **B.** Đúng.

10. Nguyễn Trãi viết:

"Như nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu".

Nền văn hiến Đại Việt, theo tác giả có mấy nhân tố, là những nhân tố nào?

A. Có cương vực lãnh thổ, có chủ quyền.

B. Có phong tục riêng.

C. Có nền độc lập trải qua các triều đại Đinh, Lý, Trần.

D. Có anh hùng hào kiệt.

E. Có những trang sử vàng chống ngoại xâm chói lọi.

F. Tất cả A, B, C, D, E, đều sai.

G. Tất cả A, B, C, D, E, đều đúng.

11. "Bình Ngô đại cáo" được xem là bản Tuyên ngôn Độc lập lần thứ hai của Đại Việt. Vậy thì áng thơ văn nào được coi là bản Tuyên ngôn Độc lập lần thứ nhất của nước ta?

A. Nam quốc sơn hà. B. Hịch tướng sĩ.

C. Thuật hoài. D. Tụng giá hoàn kinh sư.

12. Trong "Nam quốc sơn hà" chỉ mới nêu lên hai nhân tố, đó là những nhân tố nào? Chọn ý đúng.

A. Nước Nam có lãnh thổ (Sông núi nước Nam) đã được ghi rõ ở "*Thiên thư*".

B. Nước Nam có chủ quyền, có nền độc lập (Nam đế cư)

C. Cả A và B.

13. Các câu:

"Như nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu,
Núi sông bờ cõi đã chia,
Phong tục Bắc Nam cũng khác".

- Có phải hành động nói trong 4 câu văn này là hành động trình bày?

A. Sai **B.** Đúng

14. Hành động nói được thể hiện trong đoạn văn sau là hành động trình bày (tuyên bố) kèm với bộc lộ cảm xúc (tự hào dân tộc) đúng hay sai?

"Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương".

A. Đúng **B.** Sai

15. Ngoài các lí lẽ nói về việc nhân nghĩa, về nền văn hiến Đại Việt, Nguyễn Trãi còn nêu lên thực tiễn lịch sử của nước ta, của nhân dân ta để tự hào khẳng định chân lí lịch sử sáng ngời. Vậy thực tiễn lịch sử đó là những gì?

A. Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập.

B. Lưu Cung tham công nên thất bại.

C. Triệu Tiết thích lớn (xâm lược, bành trướng) phải tiêu vong.

D. Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô.

E. Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã.

F. Gồm tất cả A, B, C, D, E.

16. Câu văn nào, Nguyễn Trãi sử dụng biện pháp so sánh, tương phản, đối lập?

A. *Phong tục Bắc / Nam cũng khác.*

B. *Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập.*
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

17. Trong đoạn văn sau, tác giả đã trình bày luận điểm theo cách gì? Chú ý câu in đậm

*"**Tiếng Việt có những đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay.** Nói thế có nghĩa là nói rằng: tiếng Việt là một thứ tiếng hài hòa về mặt âm hưởng, thanh điệu mà cũng rất tế nhị, uyển chuyển trong cách đặt câu. Nói thế cũng có nghĩa là nói rằng: tiếng Việt có đầy đủ khả năng để diễn đạt tình cảm, tư tưởng của người Việt Nam và để thỏa mãn cho yêu cầu của đời sống văn hóa nước nhà qua các thời kì lịch sử".*

("Sự giàu đẹp của Tiếng Việt" - Đặng Thai Mai)

A. Trình bày luận điểm theo cách diễn dịch.

B. Trình bày luận điểm theo cách quy nạp.

18. Đọc đoạn văn sau, và cho biết tác giả đã trình bày luận điểm theo cách gì? Chú ý câu in đậm và từ in đậm:

"Ở Việt Nam ta có câu tục ngữ "Có thực mới vực được đạo". Trung Quốc cũng có câu tục ngữ "Dân dĩ thực vi thiên". Hai câu ấy tuy đơn giản, nhưng rất đúng lẽ.

*Muốn nâng cao đời sống của nhân dân thì trước hết phải giải quyết tốt **vấn đề ăn** (rồi đến **vấn đề mặc** và các vấn đề khác). Muốn giải quyết **vấn đề ăn** thì phải làm thế nào cho có đầy đủ lương thực. Mà lương thực là do nông nghiệp sản xuất ra. Vì vậy, **phát triển nông nghiệp là việc cực kì quan trọng**".*

(Hồ Chí Minh - Tháng 4 năm 1962)

A. Trình bày luận điểm theo cách diễn dịch

B. Trình bày luận điểm theo cách quy nạp.

C. Trình bày luận điểm theo cách song hành.

D. Trình bày luận điểm theo cách móc xích.

19. Cảm nhận về phần đầu bài "Bình Ngô đại cáo" của Nguyễn Trãi.

Bài làm

Năm 1407, giặc Minh kéo sang xâm lược nước ta. Chúng *đã "gây binh kết oán trải hai mươi năm - Bại nhân nghĩa nát cả đất trời"* gây nên bao tội ác, bao thảm họa cho đất nước ta, nhân dân ta:

"Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội,

Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi".

Năm 1418, Lê Lợi phất cờ khởi nghĩa tại rừng núi Lam Sơn, Thanh Hóa. Sau 10 năm chiến đấu gian lao và anh dũng, quân ta đã quét sạch giặc Minh ra khỏi bờ cõi, giành lại độc lập, tự do cho đất nước và dân tộc.

Đầu xuân năm 1428, Nguyễn Trãi đã thay lời Lê Lợi viết bài "*Bình Ngô đại cáo*", tổng kết những chiến công oanh liệt trong 10 năm kháng chiến và tuyên bố Đại Việt bước sang một kỉ nguyên mới "*Muôn thuở nền thái bình vững chắc*"...

Phần đầu "*Bình Ngô đại cáo*", Nguyễn Trãi nêu cao tư tưởng nhân nghĩa, đồng thời ca ngợi nền văn hiến rực rỡ lâu đời của Đại Việt.

Nhân nghĩa là mục tiêu chiến đấu của nhân dân ta:

"Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo"

Yên dân, điếu phạt, trừ bạo là cốt lõi của tư tưởng nhân nghĩa, tất cả đều hướng về con người, về nhân dân đang bị áp bức lầm than. Thương dân, đánh kẻ có tội (điếu phạt), tiêu diệt lũ tham tàn, bạo ngược (trừ bạo), cứu nhân dân thoát khỏi chết chóc đau thương, đem lại cuộc sống yên vui hạnh phúc cho nhân dân (yên dân), đó là việc nhân nghĩa. Nhân nghĩa mà Nguyễn Trãi nói đến là một tư tưởng vô cùng cao đẹp: đánh giặc để cứu nước cứu dân, vì độc lập của nước, vì tự do hạnh phúc, hòa bình của nhân dân. Việc nhân nghĩa nên rất chính nghĩa. Nhân nghĩa là sức mạnh vô địch để chiến thắng quân "*cuồng Minh*":

"Đem đại nghĩa để thắng hung tàn,
Lấy chí nhân để thay cường bạo"

Nhân dân ta giàu nhân nghĩa đã lấy nhân nghĩa để xây dựng và phát triển nền văn hiến lâu đời, rực rỡ của Việt Nam. Nếu ở "*Nam quốc sơn hà*", Lý Thường Kiệt chỉ mới nói đến sông núi nước Nam là nơi "*Nam đế cư*", lãnh thổ thiêng liêng ấy đã được "*định phận rõ ràng ở sách Trời*" thì ở "*Bình Ngô đại cáo*", Nguyễn Trãi đứng trên đỉnh cao thời đại "*bình Ngô*" đã có một cái nhìn mới sâu sắc và toàn diện về đất nước, nhân dân Đại Việt:

"Như nước Đại Việt ta từ trước
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu
Núi sông bờ cõi đã chia
Phong tục Bắc Nam cũng khác
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần
bao đời xây nền độc lập
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên
mỗi bên xưng đế một phương
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau
Song hào kiệt đời nào cũng có".

Nước Đại Việt đâu phải "*man di mọi rợ*" mà rất đáng tự hào:

- 1, có nền văn hiến đã lâu.
- 2, có lãnh thổ núi sông bờ cõi.
- 3, có thuần phong mĩ tục.
- 4, có nền độc lập trải qua nhiều triều đại "*xưng đế một phương*".
- 5, có nhân tài hào kiệt.

Năm yếu tố ấy hợp thành đã tạo nên tầm vóc Đại Việt, sức mạnh Đại Việt để đánh bại mọi âm mưu xâm lược bành trướng của Thiên triều, lập nên bao chiến công chói lọi:

"Lưu Cung tham công nên thất bại
Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong
Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô
Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã".

Giọng văn đĩnh đạc hào hùng. Lý lẽ sắc bén, đanh thép và lối diễn đạt sóng đôi, cân xứng của những câu văn biền ngẫu đã khẳng định và ngợi ca tầm vóc lịch sử lớn lao của Đại Việt, biểu lộ một ý chí tự cường dân tộc cao độ.

Phần mở đầu đã góp phần thể hiện tuyệt đẹp giá trị tư tưởng và nghệ thuật của "*Bình Ngô đại cáo*", bản tuyên ngôn độc lập, áng "*thiên cổ hùng văn*" của dân tộc.

Đáp án đề 34 + 35

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Trả lời	D	A	B	D	B	D	C	A	B	G	A	C	B	A	F	C	A	B

ĐỀ 36

*** Bàn luận về phép học (Luận học pháp)**
*** Viết đoạn văn trình bày luận điểm.**
*** Luyện tập xây dựng và trình bày luận điểm**

1. Xuất xứ bài tấu "Luận học pháp"

- Tháng 8 năm 1791, Nguyễn Thiếp gửi lên vua Quang Trung bài tấu nói về kế sách dựng nước xây đời thịnh trị. Bài tấu gồm có 3 điều mà theo ông thì bậc đế vương nên biết: quân đức (đức của vua), dân tâm (lòng dân), học pháp (phép học). Đoạn văn trong sách giáo khoa trích ở phần cuối bản tấu này.

A. Đúng B. Sai

2. Nguyễn Thiếp là người như thế nào?

- Ông quê ở làng Mật Thôn, xã Nguyệt Ao, huyện La Sơn, nay thuộc huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Ông là người "*thiên tư sáng suốt, học rộng hiểu sâu*", đỗ Hương cống (Cử nhân) từng làm quan vài năm dưới triều Lê - Trịnh, sau đó từ quan về quê mở trường dạy học, rồi lên núi ở ẩn.

Khi mang đại quân ra đánh quân Thanh xâm lược, Vua Quang Trung gặp Nguyễn Thiếp và hỏi về sự thành bại. Nguyễn Thiếp nói: "Chúa công xuất quân chuyến này không quá mười ngày, giặc Thanh sẽ bị dẹp tan".

Sau chiến thắng Đống Đa (1789), vua Quang Trung mấy lần gửi biếu vàng lụa, nhưng Nguyễn Thiếp chỉ cảm ơn mà không nhận lễ vật. Sau đó vua Quang

Trung mời ông ra làm Viện trưởng Viện Sùng Chính (để dịch sách). Nhưng khi vua Quang Trung băng hà (1792), Nguyễn Thiếp lại về núi cho đến khi mất (1804).

A. Đúng B. Sai

3. Theo sử sách thì ở Việt Nam có hai vị được người đương thời kính ái tôn vinh là "phu tử". Đó là hai vị nào?

A. Nguyễn Bỉnh Khiêm - Tuyết Giang Phu Tử.

B. Nguyễn Thiếp - La Sơn Phu Tử.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

4. Tấu là gì? Chọn ý đúng.

A. Tấu là tấu lên.

B. Tấu là một loại hình nghệ thuật vừa kể chuyện vừa đọc thơ, mang yếu tố hài.

C. Tấu là văn xuôi cổ, một loại văn thư của bề tôi, của thần dân gửi lên vua chúa để trình bày sự việc, ý kiến, đề nghị,...

D. Tấu là một loại văn thư, giấy tờ, một loại báo cáo ngày xưa.

5. Đoạn đầu có 3 câu, Nguyễn Thiếp nêu lên vấn đề gì?

"*Ngọc không mài không thành đồ vật, người không học không biết rõ đạo*". *Đạo là lẽ đối xử hằng ngày giữa mọi người. Kẻ đi học là học điều ấy*".

A. Đi học để hiểu biết

B. Đi học để biết chữ, biết đạo Thánh hiền.

C. Đi học là học cái đạo (đạo làm người).

D. Đi học để cầu danh lợi.

6. Cách lập luận của Nguyễn Thiếp chặt chẽ như thế nào?

- Câu 1, ông lấy sự việc, câu nói của cổ nhân: "*Ngọc không mài, không thành đồ vật*", rồi suy diễn ra chân lí: "*người không học không biết rõ đạo*".

- Câu 2, ông giải thích đạo là gì? Ông nói rõ: "*Đạo là lẽ đối xử hằng ngày giữa mọi người*". Đó là đạo làm người.

- Câu 3, ông quy nạp và khẳng định: "*Kẻ đi học là học điều ấy*" nghĩa là học cái đạo làm người.

A. Sai B. Đúng.

7. Có thể nói, Nguyễn Thiếp đã lập luận theo cách gì trong đoạn văn ba câu ấy?

A. Diễn dịch B. Song hành.

C. Móc xích D. Quy nạp

8. Tác giả nêu lên ba điều tệ hại do lối học hình thức hòng cầu danh lợi gây ra là những gì?

A. Không còn biết đến tam cương ngũ thường.

B. Chúa tầm thường, thần nịnh hót.

C. Nước mất, nhà tan.

D. Cả A, B và C.

9. Nói về nội dung và phương thức học tập, La Sơn Phu Tử viết:

"Phép dạy, nhất định theo Chu Tử. Lúc đầu học tiểu học để bồi lấy gốc. Tuần tự tiến lên học đến Tứ thư, Ngũ kinh, Chư sử. Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm. Họa may, kẻ nhân tài mới lập được công, nhà nước nhờ thế mà vững yên. Đó mới thực là cái đạo ngày nay có quan hệ tới lòng người. Xin chớ bỏ qua".

Em hãy cho biết, sau hai thế kỉ, nội dung và phương pháp học tập mà Nguyễn Thiếp nêu ra có còn hợp thời nữa hay không?

A. Rất tiến bộ. **B.** Không còn hợp thời nữa.

10. Câu văn này: "Đạo học thành thì người tốt nhiều; người tốt nhiều thì triều đình ngay ngắn mà (triều đình ngay ngắn thì) thiên hạ thịnh trị" - Tác giả đã lập luận theo cách gì?

A. Diễn dịch **B.** Quy nạp

C. Móc xích **D.** Song hành

11. Qua bài "Luận học pháp", ta thấy La Sơn Phu Tử là một con người đức trọng tài cao rất quan tâm đến việc mở mang dân trí, đào tạo nhân tài để chấn hưng đất nước, xây đời thịnh trị.

A. Sai **B.** Đúng

12. Đọc đoạn văn sau và cho biết người viết đã nêu lên phương pháp hỏi trong học. Cách trình bày luận điểm và lập luận như thế nào?

*"Phải biết **hỏi** trong khi **học** thì mới tích cực và sâu sắc. **Hỏi** để hiểu sâu hiểu rộng nội dung đang học, để đi tới cùng chân lí. Kiến thức về xã hội nhân văn, về tự nhiên, về khoa học và kĩ thuật là vô cùng rộng lớn bao la. Nhờ biết **hỏi** mà ta vươn lên không ngừng, mở rộng tầm mắt, tích lũy được nhiều tri thức mới mẻ. Không thể học một cách thụ động, chỉ biết thầy đọc trò chép, mà phải biết **hỏi**, đào sâu suy nghĩ về mọi ngóc ngách của vấn đề đang học. Học đâu chỉ giới hạn ở lớp ở trường, trong mấy quyển sách giáo khoa? **Hỏi** để học ở thầy, ở bạn, ở trong cuộc sống. Biết **hỏi** mới tiến bộ, tránh giấu dốt!".*

("Học và hỏi" - Lê Phan Quỳnh)

A. Luận điểm nêu ra không rõ.

B. Lập luận không chặt chẽ, lí lẽ quá đơn giản.

C. Luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ, lí lẽ khá sắc bén.

13. Phân tích bài "Bàn luận về phép học" của Nguyễn Thiếp.

Bài làm

"*Bàn luận về phép học*" là đoạn văn trích từ ***bài tấu*** của Nguyễn Thiếp gửi vua Quang Trung vào tháng 8 - 1791. Lúc bấy giờ Nguyễn Thiếp đang làm Viện trưởng Viện Sùng Chính, phụ trách việc biên soạn sách và xây dựng Trung đô Phượng Hoàng (Nghệ An), một công việc vô cùng to lớn và hết sức nặng nề.

Bài tấu này thể hiện cái tâm của Nguyễn Thiếp đối với việc chấn hưng nền quốc học, nền giáo dục nước nhà, nhằm mở mang dân trí, đào tạo nhân tài cho đất nước.

Các vấn đề như *mục đích* việc học, *nội dung* học tập và *phương pháp* học tậ đã được Nguyễn Thiếp trình bày một cách ngắn gọn và tường tận.

Mở đầu, ông nhắc lại câu cổ ngữ: "*Ngọc không mài, không thành đồ vậ người không học, không biết rõ đạo*". Vậy mục đích học là biết "*lẽ đối xử hàn ngày giữa mọi người*". Nói cách khác, học để mở mang trí tuệ và bồi bổ đạo đứ *Đạo* mà Nguyễn Thiếp nói đến là *đạo làm người*. Ông than phiền "*nền chính họ đã bị thất truyền*". Có biết bao tệ lậu đáng chê trách như "*đua nhau lối học hìn thức hòng cầu danh lợi*", coi thường đạo lí "*không còn biết đến tam cương, ng thường*". Nhà dột từ nóc: "*Chúa trọng nịnh thần*". Ví dụ, cuối thời Lê - Trịnh, t nạn buôn quan bán tước hoành hành. Sử sách cho biết: năm 1750, đời vua Lê Hiể Tông, vì Nhà nước thiếu tiền, đã đặt ra lệ thu tiền *thông kinh*: hễ ai nộp ba quan tl được đi thi hương, không phải khảo hạch. Thành ra những người làm ruộng, c buôn, ai cũng nộp quyển vào thi; rồi người thì dùng sách, kẻ thì thuê người làm bà kẻ thuê học mười người không được một (theo Dương Quảng Hàm). Sống tron thời kì đen tối, loạn lạc ấy, Nguyễn Thiếp vô cùng đau buồn, thở than: "*Nước m nhà tan đều do những điều tệ hại ấy*". Nguyễn Thiếp đã có một cách nói trầm tĩnl ôn hòa mà sâu sắc.

Phần thứ hai, tiên sinh nói đến *nội dung* và *phương pháp* học tập. Học ở đâu - Trường học của phủ, huyện, các trường tư, con cháu các nhà văn võ, thuộc l "*đều tùy tiện đấy mà đi học*". Học cái gì? Tác giả *bài tấu* cho hay: "*Nhất địn theo Chu Tử*" (1130 - 1200). Một học giả đời Nam Tống. Nội dung học tập: "*Lú đầu học tiểu học để bồi lấy gốc. Tuần tự tiến lên học đến Tứ thư, Ngũ kinh, Ch sử*". Điều đó cho thấy, nội dung học tập mà Nguyễn Thiếp nêu lên *không có gì mớ* ông chưa vượt qua được những hạn chế của lịch sử và của thời đại. Sách Tàu đ mấy nghìn năm vẫn được tôn thờ! Vẫn coi trọng thơ văn, chưa hướng tới khoa học.

Về phương pháp học, ý kiến của Nguyễn Thiếp rất xác đáng và tiến bộ. Co trọng vấn đề thiết yếu cơ bản: "*Học rộng rồi tóm lược cho gọn*". Học phải đi đôi vớ hành "*theo điều học mà làm*". Niềm mong ước của ông rất đẹp và chân thành: "*Họ may kẻ nhân tài mới lập được công, Nhà nước nhờ thế mà vững yên. Đó mới thực l cái đạo ngày nay có quan hệ tới lòng người. Xin chớ bỏ qua*".

Tiên sinh đã khẳng định tầm quan trọng của đạo học, ý nghĩa to lớn của đạ học: "*Đạo học thành thì người tốt nhiều; người tốt nhiều thì triều đình ngay ngắ mà thiên hạ thịnh trị*". Đúng là việc học góp phần đào tạo nhân tài, mở mang dâ trí, góp phần xây dựng đất nước thịnh trị. Chiến lược "*trồng người*" được tiên sin nói lên thật sáng tỏ.

Phần cuối, Nguyễn Thiếp giãi bày lòng mình. Bài tấu nói về *phép học* l những lời "*thành thật*", chứ không phải "*lời nói vu vơ*", ông khiêm tốn và cung kín "*cúi mong Hoàng thượng soi xét*".

Nguyễn Thiếp đức trọng tài cao, được người đương thời kính ái gọi là La Sơ phu tử. Tài năng của ông chưa kịp thi thố, thì vua Quang Trung băng hà. Ông đã t

chức và lui về núi cũ rừng xưa ở ẩn. Ông đã qua đời năm 81 tuổi, thanh bạch và thanh cao. Bài tấu "*Bàn luận về phép học*" với những ý kiến của tiên sinh về *mục đích học tập, phương pháp học tập rất đúng đắn tiến bộ*. Về *nội dung học tập*, ý kiến của tiên sinh *chưa vượt qua được hạn chế của lịch sử và thời đại*. Có điều, nhiệt tâm của La Sơn phu tử đối với nước, với dân, đối với sự nghiệp trồng người đã để lại nhiều ngưỡng mộ cho hậu thế.

Đáp án đề 36

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Trả lời	A	A	C	C	C	B	D	D	B	C	B	C

ĐỀ 37

*** Thuế máu (trích "Bản án chế độ thực dân Pháp").**
*** Hội thoại**
*** Tìm hiểu yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận**

1. Văn bản "Thuế máu" được trích trong tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp" của Nguyễn Ái Quốc.

A. Đúng   **B.** Sai.

2. Tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp" được viết bằng thứ ngôn ngữ, văn tự nào?

A. Tiếng Việt   **B.** Tiếng Nga

C. Tiếng Trung Quốc   **D.** Tiếng Pháp.

3. Văn bản có 3 tiêu đề, có ý nghĩa gì?

- Chiến tranh và "*người bản xứ*".
- Chế độ lính tình nguyện
- Kết quả sự hi sinh.

A. Ba tiêu đề như ba luận điểm làm nổi bật vấn đề "*Thuế máu*" đã nêu ra.

B. Qua đó, tác giả đã dùng lí lẽ và dẫn chứng để vạch trần thứ thuế này là vô nhân đạo nhất mà bọn thực dân Pháp đã đánh vào "*người bản xứ*", dân thuộc địa.

C. Có cả A và B.

D. A và B đều sai.

4. Trong đoạn văn sau, có dấu ngoặc kép dùng để làm gì? Có tác dụng gì?

"Trước năm 1914, họ chỉ là những tên da đen bẩn thỉu, những tên **"An-nam-mít"** *bẩn thỉu, giỏi lắm thì cũng chỉ biết kéo xe tay và ăn đòn của các quan cai trị nhà ta Ấy thế mà cuộc chiến tranh vui tươi vừa bùng nổ, thì lập tức họ biến thành những đứa "con yêu", những người "bạn hiền" của các quan cai trị phụ mẫu nhân*

hậu, thậm chí của cả các quan toàn quyền lớn, toàn quyền bé nữa. Đùng một cái, họ (những người bản xứ) được phong cho cái danh hiệu tối cao là "chiến sĩ bảo vệ công lí và tự do".

A. Đánh dấu các từ ngữ có nghĩa đặc biệt.

B. Làm nổi bật tính châm biếm.

C. Vạch trần bộ mặt giả dối, thủ đoạn bịp bợm của thực dân Pháp khi đánh thuế máu.

D. Gồm cả A, B, C.

5. Cái giá khá đắt đối với người dân các thuộc địa Pháp trong thời gian phải nộp thuế máu là vô cùng khủng khiếp như thế nào?

A. Họ phải đột ngột xa lìa vợ con, rời bỏ mảnh ruộng hoặc đàn cừu của họ.

B. Đi phơi thây trên các chiến trường châu Âu.

C. Làm mục tiêu cho các cuộc phóng ngư lôi, bỏ xác tại những niềm hoang vu vùng Ban-căng.

D. Đưa thân cho người ta tàn sát trên bờ sông Mác-nơ.

E. Lấy máu mình tưới những vòng nguyệt quế của các cấp chỉ huy, và lấy xương mình chạm nên những chiếc gậy của các ngài thống chế.

F. Làm kiệt sức trong các xưởng thuốc súng ghê tởm, nhiễm phải những luồng khí độc đỏ ối, khạc ra từng miếng phổi.

G. Gồm tất cả A, b, C, D, E, F.

6. Tác giả đã đưa ra những số liệu cụ thể nào để lên án thứ thuế máu cực kì vô lí và vô nhân đạo của thực dân Pháp?

A. Bảy mươi vạn người dân bản xứ phải nộp thuế máu.

B. Tám vạn người đã bỏ xác.

C. Gồm cả A và B.

7. Trong mục "Chế độ lính tình nguyện", tác giả đã nêu lên những hình thức bắt lính cực kì dã man của bọn thực dân Pháp như thế nào?

A. Chúng tiến hành những cuộc lùng ráp lớn rồi đưa những người phải nộp thuế máu "*nhốt vào các trại lính*".

B. Vị "*chúa tỉnh*" (công sứ) ra lệnh cho bọn quan lại dưới quyền "*trong một thời hạn nhất định phải nộp cho đủ một số người nhất định*".

C. Chúng tóm những người khoẻ mạnh, nghèo khổ; chúng lùng đến con cái nhà giàu, giam cổ họ lại cho đến khi họ phải chọn một trong hai con đường: "*đi lính tình nguyện hoặc xì tiền ra*".

D. Gồm tất cả A, B và C.

8. Phủ toàn quyền Đông Dương trịnh trọng tuyên bố trong một bản bố cáo như thế nào?

- "Các bạn đã tấp nập đầu quân, các bạn đã không ngần ngại rời bỏ quê hương xiết bao trìu mến để người thì hiến xương máu của mình như lính khố đỏ, kẻ thì hiến dâng cánh tay lao động của mình như lính thợ".

Đọc và chọn ý đúng:

A.. Bọn toàn quyền đã hết lời ca ngợi nhiệt tình đầu quân và hiến dâng xương máu của những người đã nộp thuế máu.

B.. Chỉ là giọng điệu "*mị dân*", tuyên truyền lừa bịp của Phủ Toàn quyền Đông Dương.

9. Những ý nào dưới đây nói lên hành động trốn tránh, chống đối phải đi nộp thuế máu của những người dân nô lệ, thuộc địa?

A.. ... bước chân vào trại lính là họ liền tìm mọi cơ hội để trốn thoát.

B.. ... không thể trốn thoát được thì họ tìm mọi cách tự làm cho mình nhiễm phải những bệnh nặng nhất.

C.. Những cuộc biểu tình đổ máu ở Cao Miên, những vụ bạo động ở Sài Gòn, ở Biên Hoà và ở nhiều nơi khác nữa.

D.. Có tất cả A, B, C.

10. "Khi đại bác đã ngấy thịt đen thịt vàng rồi" thì các quan cai trị thực dân đã có thái độ, cách hành xử trắng trợn, dã man như thế nào đối với những người đã từng đi nộp thuế máu? Chọn ý đúng.

A.. Những đứa "*con yêu*", những người "*bạn hiền*" của các quan cai trị phụ mẫu, những "*chiến sĩ bảo vệ công lí và tự do*" mặc nhiên trở lại "*giống người bẩn thỉu*".

B.. Họ bị lột hết tất cả của cải, tư trang.

C.. Người ta giao họ cho bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập họ vô cớ.

D.. Cho họ ăn như cho lợn ăn và xếp họ như xếp lợn dưới hầm tàu ẩm ướt.

E.. Quan cai trị nồng nhiệt đón họ bằng một bài diễn văn yêu nước: "...Bây giờ, chúng tôi không cần đến các anh nữa, cút đi!".

F.. Gồm tất cả A, B, C, D, E.

11. Trong bài "Thuế máu", Nguyễn Ái Quốc đã vận dụng sáng tạo và kết hợp tài tình các phương thức biểu đạt nào?

A.. Nghị luận + tự sự.

B.. Nghị luận + tự sự + miêu tả.

C.. Nghị luận + tự sự + biểu cảm.

D.. Nghị luận + tự sự + miêu tả + biểu cảm.

12. Thế nào là vai xã hội trong hội thoại?

- Vai xã hội là vị trí của người tham gia hội thoại đối với người khác trong cuộc đàm thoại. Vai xã hội được xác định bằng các quan hệ: trên - dưới hay ngang hàng, quan hệ thân-sơ, khinh-trọng,...

A.. Đúng **B.** Sai.

13. Những từ in đậm trong đoạn văn có thể hiện rõ vai xã hội trong hội thoại của nhân vật chị Dậu không? Đó là quan hệ gì?

*Cai lệ tát vào mặt chị Dậu một cái đánh bốp, rồi hắn cứ nhảy vào cạnh **anh Dậu**.*

Chị Dậu nghiến hai hàm răng:

*- **Mày** trói ngay chồng **bà** đi, **bà** cho **mày** xem !*

(Tức nước vỡ bờ)

A. Quan hệ ngang hàng

B. Thể hiện sự căm thù, khinh bỉ của chị Dậu đối với tên cai lệ.

14. Quan hệ xã hội, vai xã hội trong đoạn thơ sau đây là gì?

Anh vội vàng nằng nặc:
- Mời Bác ngủ Bác ơi!
Trời sắp sáng mất rồi
Bác ơi! Mời Bác ngủ!
- Chú cứ việc ngủ ngon
Ngày mai đi đánh giặc
Bác thức thì mặc Bác
Bác ngủ không an lòng...

("Đêm nay Bác không ngủ"- Minh Huệ).

A. Từ *Bác* và *Chú* chỉ rõ vai xã hội.

B. Thể hiện quan hệ trên - dưới trong vai hội thoại.

C. Biểu lộ tình cảm kính trọng và thân thiết thương yêu.

D. Gồm tất cả A, B, C.

15. Phân tích mục "Chiến tranh và người dân bản xứ" trong bài "Thuế máu" của Nguyễn Ái Quốc, và nêu cảm nghĩ của em.

Bài làm

Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918), Nguyễn Ái Quốc sống và hoạt động tại Pháp. Người từng viết truyện kí, viết phóng sự... bằng tiếng Pháp đăng trên báo "*Người cùng khổ*", báo "*Nhân đạo*",...

Năm 1925, tác phẩm "*Bản án chế độ thực dân Pháp*" của Nguyễn Ái Quốc viết bằng tiếng Pháp được xuất bản tại Pari. Tác phẩm đã *tố cáo và kết án những tội ác tày trời của chủ nghĩa thực dân Pháp, đồng thời phản ánh cuộc sống tủi nhục, đau thương của những người dân nô lệ ở các xứ thuộc địa trên thế giới.*

Đoạn trích "*Thuế máu*" rút trong *Chương I "Bản án chế độ thực dân Pháp"* với nhan đề "*Thuế máu*" rất độc đáo, có giá trị tố cáo tội ác của bọn thực dân một cách đanh thép. Các tiêu đề bổ sung như: 1. Chiến tranh và "*người bản xứ*"; 2. Chế độ lính tình nguyện; 3. Kết quả của sự hi sinh - đã làm nổi rõ cái thứ "*Thuế máu*" vô cùng kì lạ và vô nhân đạo. Những người An-nam-mít, những nô lệ da đen phải

làm bia đỡ đạn cho bọn thực dân Pháp và bị đối xử một cách vô cùng dã man. Ta hãy tìm hiểu và phân tích mục *"Chiến tranh và người bản xứ"*.

Trước khi có chiến tranh thì những thanh niên *"bản xứ"* chỉ là *"những tên da đen bẩn thỉu"*, *"những tên An-nam-mít bẩn thỉu"* chỉ biết làm cu-li *"kéo xe tay"* và *"ăn đòn"* của các quan cai trị da trắng. Nhưng khi chiến tranh vừa bùng nổ, bọn thực dân đã xảo quyệt dùng mọi thủ đoạn lừa mị, bịp bợm biến những kẻ khốn nạn ấy thành *"con yêu"*, *"bạn hiền"* của các quan cai trị *"phụ mẫu nhân hậu"*, của các quan *"toàn quyền lớn, toàn quyền bé"*, họ được phong cho các danh hiệu tối cao là *"chiến sĩ bảo vệ công lí và tự do"*. Tác giả đã sử dụng thủ pháp tương phản để vạch trần giọng lưỡi, thủ đoạn bịp bợm quất quay của bọn thực dân trong việc bắt nô lệ *"bản xứ"* làm bia đỡ đạn, một cách đánh *"thuế máu"* vô cùng xảo quyệt. Các từ ngữ như *"chiến tranh vui tươi"*, *"lập tức họ biến thành"*, *"đùng một cái"*, *"được phong cho cái danh hiệu tối cao"*- đã làm cho giọng văn châm biếm trở nên sâu cay, mỉa mai.

Nguyễn Ái Quốc đã gợi lên những mất mát đau thương của những thanh niên bản xứ bị bắt đi làm bia đỡ đạn. Họ phải *"xa lìa"* vợ con, phải *"rời bỏ"* quê hương, mảnh ruộng, đàn cừu. Họ đi *"phơi thây"* trên các bãi chiến trường châu Âu. Có biết bao cảnh chết chóc thương tâm. Chết vì thủy lôi, *"được xuống tận đáy biển để bảo vệ Tổ quốc của các loài quỷ quái"*. Bị *"đem nướng"*, đã *"bỏ xác"* tại các vùng hoang vu Ban-căng, để *"lúc chết còn tự hỏi phải chăng nước mẹ muốn chiếm ngôi nguyên phi trong cung cấm vua Thổ"*. Xương máu của họ, cái chết của họ thật vô nghĩa, hoặc *"anh dũng đưa thân cho người ta tàn sát"* trên bờ sông Mác-nơ, trong bãi lầy miền Săm-pa-nhơ, hoặc *"lấy máu mình tưới những vòng nguyệt quế của các cấp chỉ huy"*, hoặc *"lấy xương mình chạm nên những chiếc gậy của các ngài thống chế"*. Tác giả đã kết hợp miêu tả với bình luận để mỉa mai, châm biếm cái *"thuế máu"* của bọn thực dân.

Những người lính thợ không bị bỏ xác trên các bãi chiến trường thì lại bị đầu độc, phải lao động khổ sai, *"làm kiệt sức"* trong các xưởng thuốc súng ghê tởm *"nhiễm phải những luồng khí độc đỏ ối"*. Những kẻ khốn khổ ấy "đã khạc ra từng miếng phổi" chẳng khác gì hít phải hơi ngạt vậy! Đó là một sự *"trả giá"* rùng rợn của *"dân bản xứ" đối với chiến tranh!*

Những con số dưới ngòi bút Nguyễn Ái Quốc thật sự *"biết nói"*: Bảy mươi vạn người bản xứ bị đánh thuế máu, và trong số ấy có tám vạn người đã chết đau đớn vô nghĩa *"không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình nữa"*.

Đọc mục *"Chiến tranh và người bản xứ"* trong chương *"Thuế máu"*, ta vô cùng xúc động trước số phận đau thương của những *"người bản xứ"* những nô lệ da đen da vàng đã phải nộp *"thuế máu"* cho bọn thực dân Pháp trong đại chiến thế giới lần thứ nhất.

Nguyễn Ái Quốc đã sử dụng sắc sảo các thủ pháp nghệ thuật như tương phản đối lập, kết hợp miêu tả với bình luận, nêu lên những con số, những sự thực, đặc biệt tạo nên những lời văn, giọng văn chua cay để vạch trần, để lên án, để châm biếm loại "*thuế máu*", một trong những hình thức bóc lột dã man nhất của thực dân Pháp.

Trong suốt 80 năm thống trị nước ta, thực dân Pháp đã đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lí, bóc lột dân ta đến tận xương tủy. Sưu thuế dã man đã làm tan nát, điêu linh bao gia đình. Ta quên sao được hình ảnh anh Dậu "*bị trói như chó để giết thịt*", chú Hợi đã chết từ năm ngoái vẫn "*không trốn được nợ nhà nước*"; chị Dậu phải bán con, bán chó để nộp sưu cho chồng. Nhưng khi đọc chương "*Thuế máu*" trong "*Bản án chế độ thực dân Pháp*", ta vô cùng kinh khủng về bộ mặt ghê tởm của bọn thực dân Pháp. "*Thuế máu*" là một trong những tội ác tày trời của chúng. "*Thuế máu*" đã bóc trần luận điệu "*khai hóa*", "*bảo hộ*" của thực dân Pháp.

2. ***Cảm nhận về bài "Thuế máu" của Nguyễn Ái Quốc.***

Bài làm

"*Bản án chế độ thực dân Pháp*" của Nguyễn Ái Quốc in lần đầu năm 1925, đến nay đã 80 năm trôi qua, nhưng nó vẫn làm ta xúc động về bao tội ác vô cùng dã man của bọn thực dân Pháp, về nỗi thống khổ của những người nô lệ da màu, những Nê-gơ-rô, những An-nam-mít.

Đặc biệt chương "*Thuế máu*" đã xây dựng hình tượng khái quát về tên thực dân quỷ quyệt, ghê tởm đầy ấn tượng.

Trong những thế kỉ trước, với tàu chiến và đại bác, thực dân Pháp đã xâm lược nhiều nước châu Phi, châu Á. Chúng đã mượn lá cờ "*tự do, bình đẳng, bác ái*" đi xâm lược nô dịch các dân tộc, bóc lột, áp bức dã man những người nô lệ "*bản xứ*". Nhưng chúng vẫn rêu rao là "*khai hóa*", là "*bảo hộ*"... Nguyễn Ái Quốc qua chương "*Thuế máu*" đã vạch trần, đã tố cáo, đã lên án tội ác tày trời của những công sứ, những tên toàn quyền bụng phệ!

Bọn thực dân Pháp rất xảo quyệt, tàn bạo và quắt quay. Dưới con mắt chúng, dân bản xứ chỉ là những tên da đen "*bẩn thỉu*", những tên "*An-nam-mít*" "*bẩn thỉu*", được chúng đối xử bằng dùi cui, bằng roi vọt. Chúng khinh miệt cho họ là "*chỉ biết kéo xe tay*" và "*ăn đòn*" của các quan cai trị! Thế nhưng, khi chiến tranh bùng nổ, để bắt được nhiều lính đi làm bia đỡ đạn chúng đã quay ngoắt 180°, dùng những lời lẽ ngọt ngào, dụ dỗ, bịp bợm. Những người nô lệ "*bẩn thỉu*" và khốn nạn ấy "*lập tức*" được bọn quan lại thực dân "*biến thành*" những "*con yêu*" của "*nước mẹ*", những "*bạn hiền*" của các ông Tây bà đầm, những "*chiến sĩ bảo vệ công lí và tự do*". Thật mỉa mai là "*những chiến sĩ*" vĩ đại ấy chưa bao giờ được hưởng một tí công lí và tự do. Đau thương cho họ là phải trả giá bằng nước mắt và xương máu. Phải "*xa lìa*" vợ con, phải "*rời bỏ*" mảnh ruộng, đàn cừu. Phải làm mồi cho thủy lôi. Phải "*bỏ xác*" trên vùng Ban-căng hoang vu. Xương máu của những kẻ làm bia đỡ đạn thật vô lí, vô nghĩa, hoặc "*tưới những vòng nguyệt quế của cấp chỉ huy*", hoặc "*chạm nên những chiếc gậy của các ngài thống chế*". Những lính thợ phải

"*làm kiệt sức*", "*bị nhiễm những luồng khí độc đỏ ối*", phải "*khạc ra từng miếng phổi*". Nguyễn Ái Quốc đã nêu lên những sự thật, những con số nói lên chiến tích đánh "*Thuế máu*" của thực dân Pháp: bảy mươi vạn người bản xứ được đi nộp "*thuế máu*", trong đó có 8 vạn người phải bỏ xác trên các bãi chiến trường châu Âu "*không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình*".

Chiến tranh kết thúc, khi đại bác "*đã ngấy thịt đen, thịt vàng rồi*", thì bọn cầm quyền thực dân "*bỗng dưng im bặt như có phép lạ*". Những kẻ đi nộp "*thuế máu*" có may mắn sống sót trở về, cả người Nê-gơ-rô lẫn người "*An-nam-mít*", lại trở lại "*giống người bẩn thỉu*". Họ bị bọn thực dân "lột hết" tất cả của cải của họ, từ cái đồng hồ, đến bộ quần áo mới. Họ bị đẩy xuống tàu, về nước, bị đối xử như súc vật,... Và bọn quan cai trị đã "*đón chào*" họ bằng một bài diễn văn "*yêu nước*": "*Các anh đã bảo vệ Tổ quốc, thế là tốt. Bây giờ, chúng tôi không cần đến các anh nữa, cút đi!*" Giọng lưỡi ấy đã thể hiện bản chất trơ tráo, đểu cáng của bọn thực dân Pháp.

Hình ảnh tên thực dân quỷ quyệt, ghê tởm đã bị tác giả vạch mặt và lên án qua cảnh bắt lính. Chúng đã từng bắt dân nô lệ Đông Dương mua rượu và thuốc phiện "*theo lệnh quan trên*", chúng từng "*bóp nặn*" họ bằng mọi thứ sưu thuế, tạp dịch. Chiến tranh bùng nổ, bọn thực dân đã "*tiến hành những cuộc lùng ráp lớn về nhân lực trên toàn cõi Đông Dương*". Hàng vạn người "*bị bắt đều bị nhốt vào các trại lính*". Để có nhiều "*vật liệu biết nói*", các vị "*chúa tỉnh*" - những viên công sứ ở Đông Dương ra lệnh cho bọn quan lại dưới quyền phải tìm mọi cách "*xoay xở*" để "*trong một thời hạn nhất định phải nộp cho đủ một số người nhất định*" được vinh hạnh đi nộp "*thuế máu*". Kẻ nghèo khổ bị bắt làm bia đỡ đạn thì cam tâm "*chịu chết*", còn con cái nhà giàu thì "*đi lính tình nguyện hoặc xì tiền ra*".

Để "*đền đáp*" công ơn các thương binh người Pháp, vợ của tử sĩ người Pháp, bọn thực dân đã "*ưu đãi*", cấp môn bài bán thuốc phiện cho họ. Nguyễn Ái Quốc đã khinh bỉ và căm thù lên án chính quyền thực dân "*đã phạm tới hai tội ác đối với nhân loại*". Món quà đó là "*món quà nhơ nhớp*". Bọn cá mập thực dân "*không ngần ngại đầu độc cả một dân tộc để vơ vét cho đầy túi*", phải nghiêm khắc lên án!

Bằng nghệ thuật tương phản, hoặc nhắc lại giọng lưỡi và thủ đoạn của bọn quan lại thực dân, tác giả đã dựng nên hình tượng khái quát về tên thực dân Pháp rất xảo quyệt, bịp bợm và trơ tráo trong việc đánh "*thuế máu*", trong việc đầu độc nhân dân Đông Dương bằng thuốc phiện. Qua đó, ta càng thấy rõ "*Bản án chế độ thực dân Pháp*" của Nguyễn Ái Quốc là một tác phẩm chính luận *giàu tính chất tố cáo và luận chiến* có giá trị *thức tỉnh* đặc sắc.

Đáp án đề 37

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Trả lời	A	D	C	D	G	C	D	B	D	F	D	A	B	D

ĐỀ 38

* **Đi bộ ngao du (trích "Ê-min hay Về giáo dục"**
* **Hội thoại (tiếp theo)**
* **Luyện tập đưa yếu tố biểu cảm vào bài văn.**

1. Hãy giới thiệu một vài nét về Ru-xô?

A. Ru-xô (1712-1778) là nhà văn, nhà triết học, nhà hoạt động xã hội của nước Pháp trong thế kỉ XVIII.

B. Ru-xô là tác giả nhiều bộ tiểu thuyết nổi tiếng như: "*Giuy-li hay Nàng Ê-lôi-dơ mới*", "*Ê-min hay Về giáo dục*".

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

2. Nêu xuất xứ bài "Đi bộ ngao du".

A. Ru-xô viết cuốn "*Ê-min hay Về giáo dục*" năm 1762, khi ông tròn 50 tuổi.

B. Bài "*Đi bộ ngao du*" trích trong quyển V, quyển cuối cùng trong cuốn "*Ê-min hay Về giáo dục*".

C. Cả A và B đều sai

D. Cả A và B đều đúng.

3. Ba luận điểm chính trong bài "Đi bộ ngao du" là những luận điểm nào?

A. Đi bộ ngao du thú vị hơn đi ngựa (luận điểm 1).

B. Đi bộ ngao du là đi như Ta-lét, Pla-tông và Pi-ta-go (luận điểm 2).

C. Biết bao hứng thú khác nhau ta tập hợp được nhờ cách đi bộ ngao du đầy thú vị ấy (luận điểm 3).

D. Có cả A, B, C đều sai.

E. Cả A, B, C đều đúng.

4. Đọc đoạn văn sau đây, và cho biết tác giả nói lên điều gì?

"Ta quan sát khắp nơi; ta quay sang phải, sang trái, ta xem xét tất cả những gì thấy hay hay, ta dừng lại ở mọi khía cạnh. Tôi nhìn thấy một dòng sông ư, tôi đi men theo dòng sông; một khu rừng rậm ư; tôi đi vào dưới bóng cây; một hang động ư, tôi đến tham quan; một mỏ đá ư, tôi xem xét các khoáng sản".

A. Đi bộ ngao du có thể quan sát, xem xét những gì thấy hay hay.

B. Đi bộ ngao du có thể đến tham quan mọi cảnh trí thiên nhiên (dòng sông, khu rừng, hang động, mỏ đá).

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

5. Có phải đi bộ ngao du là được "hưởng thụ tất cả sự tự do mà con người có thể hưởng thụ" như Ru-xô đã nói qua đoạn văn sau đây?

"Tôi chẳng phụ thuộc vào những con ngựa hay gã phu trạm. Tôi chẳng cần chọn những lối đi có sẵn hay những con đường thuận tiện; tôi đi qua bất cứ nơi nào con người có thể đi qua; tôi xem tất cả những gì mà con người có thể xem; và, chỉ phụ thuộc vào bản thân tôi, tôi hưởng thụ tất cả sự tự do mà con người có thể hưởng thụ"

A. Đúng. **B.** Sai.

6. Có phải Ru-xô đã dùng thao tác lập luận so sánh đối chiếu trong đoạn văn sau đây?

"Những triết gia phòng khách của các ngài nghiên cứu tự nhiên học trong các phòng sưu tập; họ có các thứ linh tinh, họ biết gọi tên nhưng chẳng có một ý niệm gì về tự nhiên cả. Nhưng phòng sưu tập của Ê-min thì phong phú hơn các phòng sưu tập của vua chúa; phòng sưu tập ấy là cả trái đất. Nơi đây, mỗi vật đều ở đúng chỗ của nó, nhà tự nhiên học làm công việc chăm sóc đã sắp xếp mọi thứ đâu ra đấy. Đô-băng-tông chắc cũng không thể làm tốt hơn".

A. Sai. **B.** Đúng.

7. Bốn câu sau đây là những kiểu câu gì?

"Ta hân hoan biết bao khi về gần đến nhà! Một bữa cơm đạm bạc mà sao có vẻ ngon lành thế! Ta thích thú biết bao khi lại ngồi vào bàn ăn! Ta ngủ ngon giấc biết bao trong một cái giường tồi tàn!".

A. Câu trần thuật. **B.** Câu nghi vấn.

C. Câu cầu khiến. **D.** Câu cảm thán.

8. Tác giả đã sử dụng những phương thức biểu đạt nào trong đoạn văn trên?

A. Nghị luận + miêu tả. **B.** Nghị luận + tự sự.

C. Nghị luận + biểu cảm. **D.** Nghị luận + thuyết minh.

9. Qua bài "Đi bộ ngao du", ta thấy Ru-xô là một con người giản dị, quý trọng tự do và giàu tình yêu thiên nhiên.

A. Đúng. **B.** Sai.

10. Trong đoạn sau có mấy lượt lời? Chọn đúng ý.

"Một hôm vua đi chơi, ra khỏi hoàng cung. Thấy có quán nước bên đường sạch sẽ bèn ghé vào. Bà lão mang trầu nước dâng lên vua. Thấy trầu têm cánh phượng, vua sực nhớ tới trầu vợ mình têm ngày trước cũng y như vậy, liền phán hỏi:

- Trầu này ai têm?

- Trầu này con gái già têm - Bà lão đáp.

- Con gái bà đâu, gọi ra đây cho ta xem mặt.

Bà lão gọi Tấm ra. Tấm vừa xuất hiện, vua nhận ra ngay vợ mình ngày trước, có phần trẻ đẹp hơn xưa. Vua mừng quá, bảo bà hàng nước kể lại sự tình, rồi truyền cho quân hầu đưa kiệu rước Tấm về cung..."

(Trích truyện cổ tích "Tấm Cám")

A. Có 2 lượt lời. B. Có 3 lượt lời.

C. Có 4 lượt lời. D. Có 5 lượt lời.

11. Bài thơ sau đây có sử dụng câu nghi vấn (câu hỏi tu từ) không?

Tiếng thu

Lưu Trọng Lư

Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ thổn thức?
Em không nghe rạo rực
Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người cô phụ?
Em không nghe rừng thu
Lá thu rơi xào xạc
Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô?

A. Có. B. Không.

12. Khổ thơ sau, có người chép đã bỏ mất dấu chấm hỏi (?). Theo em thì nên điền dấu chấm hỏi vào cuối câu thơ nào?

"Trường Sơn Tây anh đi, thương em
Bên ấy mưa nhiều, con đường gánh gạo
Muỗi bay rừng già cho dài tay áo
Rau hết rồi, em có lấy măng không".

("Trường Sơn Đông Trường Sơn Tây" - Phạm Tiến Duật)

A. Nên đặt dấu chấm hỏi vào cuối câu thơ thứ nhất.

B. Nên đặt dấu chấm hỏi vào cuối câu thơ thứ hai.

C. Nên đặt dấu chấm hỏi vào cuối câu thơ thứ ba.

D. Nên đặt dấu chấm hỏi vào cuối câu thơ thứ tư.

13. Thuyết minh chân dung nhà văn, nhà triết học vĩ đại Pháp: Giăng-Giắc Ru-xô.

Bài làm

Nhà văn, nhà triết học vĩ đại Giăng-Giắc Ru-xô.

Giăng-Giắc Ru-xô (Jean-Jacques Rousseau) là nhà văn, nhà triết học vĩ đại của nước Pháp trong thế kỉ Ánh sáng (thế kỉ XVIII). Ông sinh năm 1712 tại Thụy Sĩ và mất năm 1778 tại Pháp.

Là con của một người thợ đồng hồ khéo tay, nhưng mãi đến năm lên 10 tuổi, Ru-xô mới được đi học 2 năm. Đó là thời kì ngọt ngào của tuổi thơ. Sau đó, ông đi học nghề thợ khắc. Từ năm 1728 đến năm 1741 là thời gian dài phiêu bạt, suốt 13 năm trời kiếm sống, trải qua nhiều cay đắng, tủi nhục. Lúc làm thợ khắc, lúc làm đầy tớ trong các gia đình quý tộc, có khi nương bóng bà Đơ Van-ren, có khi vào

học ở Đại chủng viện, đi học nhạc, rồi đi dạy nhạc kiếm ăn. Từ năm 1732-1746 gần 5 năm rời, được sống dễ chịu trong nhà Đơ Van-ren, ông đọc sách suốt ngày đêm, từ lịch sử, triết học, văn học, địa lí đến thiên văn, vật lí, hoá học...

Cuối năm 1740, Ru-xô đến Pa-ri, mở ra một giai đoạn mới trong cuộc đời của ông. Lúc thì dạy nhạc, lúc thì làm thư ký. Năm 1746, Ru-xô lấy vợ, một cô gái nghèo làm nghề giặt thuê tên là Tê-re-dơ, sau này trong cuốn hồi kí ông đã viết: "*Tê-re-dơ là niềm an ủi duy nhất có thực trời ban cho tôi trong cảnh cùng khổ, và chỉ riêng niềm an ủi ấy đủ giúp cho tôi chịu đựng được cuộc đời*". Năm 1750, Ru-xô giành được giải thưởng của Viện Hàn lâm Khoa học Đi-giông với tác phẩm "*Luận về Khoa học và Nghệ thuật*". Năm 1752, ông viết "*Thầy bói nông thôn*" và trở thành nổi tiếng. Những năm sau đó, tài năng Ru-xô nở rộ, hàng loạt tác phẩm ra đời: *Nàng Ê-lôi-dơ mới, Khế ước xã hội, Ê-min hay Về giáo dục, Những bức thư từ trên núi Những điều bộc lộ* (hồi kí -1772), v.v... Những năm cuối đời, Ru-xô bị các thế lực Nhà thờ, bọn phản động xua đuổi, săn lùng,... có lúc ông phải thay họ đổi tên, trải qua nhiều gian truân, cay cực.

Năm 1778, Ru-xô qua đời. Hơn mười năm sau, khi Cách mạng thắng lợi, di hài ông được đưa về táng tại điện Păng-tê-ông, nơi dành cho các danh nhân vĩ đại của nước Pháp.

Cuộc đời của Ru-xô là cuộc đời của một con người "*nhiều cay đắng mà vinh quang*". Bài học lớn nhất của ông là *bài học về tự học và kiên cường vượt qua mọi thử thách, quyết tâm theo đuổi chí hướng của mình.*

Đáp án đề 38

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Trả lời	C	D	E	C	A	B	D	C	A	B	A	D

ĐỀ 39

*** Lựa chọn trật tự từ trong câu**
*** Tìm hiểu các yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận.**

1. Lúc nói và viết, ta cần có sự lựa chọn gì?

A. Lựa chọn ý.

B. Lựa chọn tình cảm và cách biểu cảm.

C. Lựa chọn từ ngữ.

D. Lựa chọn cách diễn đạt, chọn sắp xếp trật tự từ trong câu.

E. Nếu nói, ta cần nói chọn ngữ điệu.

F. Tất cả A, B, C, D, E đều đúng.

G. Tất cả A, B, C, D, E đều sai.

2. Câu tục ngữ nào cho ta một lời khuyên đẹp về cách ăn nói (viết)? Phải chăng câu này?

"Lời nói chẳng mất tiền mua,

Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau".

A. Đúng. **B.** Sai.

3. Có bao nhiêu cách lựa chọn trật tự từ trong câu?

A. Sắp xếp sự vật, hiện tượng... trước sau đúng diễn biến, theo một trình tự hợp lí.

B. Đặt lên đầu câu những từ ngữ, hình ảnh thể hiện ý quan trọng, cần nhấn mạnh. Có thể nói dùng phép đảo ngữ.

C. Đảm bảo sự hài hoà về ngữ âm, về thanh điệu.

D. Nếu là thơ, còn phải căn cứ vào vần thơ, vào thi pháp từng loại thơ

E. Tất cả đều đúng.

F. Tất cả đều sai.

4. Hai câu thơ sau đây, Nguyễn Du đã lựa chọn từ theo trật tự thời gian và trật tự sự vật, hiện tượng tự nhiên: cuối hạ thì sen tàn, thu đến thì cúc nở hoa; hết mùa đông thì sang mùa xuân:

"Sen tàn, cúc lại nở hoa,

Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân"

A. Sai. **B.** Đúng.

5. Cách lựa chọn trật tự trong lời chào sau là theo cách nào?

- Cháu chào ông bà, cháu chào hai bác, em chào các anh các chị.

A. Chào theo thứ bậc trong gia đình.

B. Chào theo thứ bậc tuổi tác.

C. Chào theo vị thế, cấp bậc.

D. Chào theo quan hệ thân sơ, yêu ghét.

6. Tại sao trong đoạn thơ sau, Chế Lan Viên lại không sắp xếp nhân vật, sự việc theo đúng tiến trình lịch sử dân tộc?

"Khi Nguyễn Trãi làm thơ và đánh giặc,

Nguyễn Du viết Kiều đất nước hoá thành văn

Khi Nguyễn Huệ cưỡi voi vào cửa Bắc,

Hưng Đạo diệt quân Nguyên trên sông Bạch Đằng"...

- Nếu sắp xếp đúng lịch sử thì phải: Hưng Đạo - Nguyễn Trãi - Nguyễn Huệ - Nguyễn Du. Hạn chế này có lẽ do sự "ép vần", tác giả phải theo vần thơ chăng?

A. Sai. **B.** Đúng.

7. Đọc những câu sau, và cho biết người viết đã lựa chọn trật tự từ trong câu theo cách nào? Chú ý các từ in đậm.

*"**Cậy sức** cây du nhiều chị nhún,*

***Tham tiền** cột mỡ lắm anh leo".*

("Hội Tây" - Tú Xương)

"***Lắt lẻo*** *cành thông cơn gió thốc,*
Đầm đìa *lá liễu giọt sương gieo*"

("Đèo Ba Dội" - Hồ Xuân Hương)

"***Sột soạt*** *gió trêu tà áo biếc,*
Trên giàn thiên lí. Bóng xuân sang".

("Mùa xuân chín" - Hàn Mặc Tử)

"***Lom khom*** *dưới núi tiều vài chú,*
Lác đác *bên sông chợ mấy nhà*".

("Qua Đèo Ngang" - Bà Huyện Thanh Quan)

A. Cách lựa chọn trật tự từ trong các câu thơ trên là để nhấn mạnh hành động, đặc điểm, tính chất... của sự vật.

B. Còn do thi pháp, âm điệu, vần thơ.

C. Cả A, B, đều đúng.

D. Cả A, B, đều sai.

8. Có phải đây là những câu thơ mà Nguyễn Trãi đã đặt trạng ngữ chỉ thời gian, trạng ngữ chỉ không gian lên đầu câu thơ, lên trước chủ - vị?

"***Đêm thanh*** *nguyệt hiện ngoài hiên trúc,*
Ngày vắng *chim kêu cuối khóm hoa*".

("Ngôn chí" - 17)

"***Nước biếc non xanh*** *thuyền gối bãi,*
Đêm thanh nguyệt bạc *khách lên lầu*".

("Bảo kính cảnh giới" - 26)

"***Đồ thư bốn vách*** *nhà làm của,*
Phong nguyệt năm hồ *khách nổi thuyền*".

("Bảo kính cảnh giới" - 17)

A. Đúng. **B.** Sai.

9. Các yếu tố tự sự, miêu tả trong văn nghị luận.

Đọc ba bài văn sau để cảm nhận các yếu tốt tự sự, yếu tố miêu tả được những người viết thể hiện như thế nào?

Bài đọc tham khảo

Sống, sống có ích, và sống đẹp

Đến với núi cao, sông dài, biển rộng là để biết cái hùng vĩ của vũ trụ vô cùng. Đến với cỏ nội hoa ngàn, trăng thanh gió mát, là muốn cảm được cái kì diệu của hóa công, đo được cái trong của hồn mình, bày tỏ được cái chí của đời mình. Khắc đá đề thơ vào vách động, lưu bút đến ngàn năm sau, phải là bậc danh sĩ cao khiết ở đời. Tựa như trăng sao vằng vặc vậy. Còn như đúc chuông, tạc tượng, xây chùa dựng am, trồng tháp là sự bày tỏ cái lòng thành của bậc chân nhân, vĩ nhân. Lo cho dân cày thêm ruộng cấy trâu cày, kẻ bần hàn có cơm no áo ấm, được sống yên bình giữa bốn cõi, là cái tài, cái tâm của bậc đống lương, kinh bang tế thế xưa nay.

Lòng vui khi nghe suối reo chim hót. Rơi lệ trước nỗi đau của kẻ nghèo hèn, thao thức vì tiếng khóc của cô nhi quả phụ, hân hoan khi nghe trẻ thơ ca hát vui cười. Đau cái đau của người, vui cái vui của thiên hạ. Ăn một miếng ngon, mặc cái áo đẹp, nơi ở là lâu đài, du ngoạn có xe tứ mã, thế là sang. Nếu thiếu đi một tâm hồn trong sáng, một đời sống tinh thần phong phú, thì chưa hẳn đã hạnh phúc?

Đến với một chân trời xa lạ, một ngọn núi dòng sông, một đảo xa biển biếc,... là được sống thêm một phần cuộc đời tốt đẹp. Gặp gỡ thêm một người bạn hiền tựa như sông suối thêm nguồn, như đứng trên núi cao ngắm trăng, không chỉ cảm được "*thanh phong minh nguyệt*" mà còn thấy được cái sáng của lòng mình, cái trong của hồn mình, cái thành thực của tình bằng hữu. Tình bốn phương cao nhã là vậy.

("Tạp hứng ngẫu đàm" - Lê Phan Quỳnh)

Sống đẹp với thiên nhiên

1. Đây chính là tinh thần của hội hoạ phương Đông: cái hồn của tranh chính ở trong không gian, ở trong khoảng trống trên tranh, trong đường nét cô đọng có đắn đo cân nhắc của ngọn bút. Kim Đông Tâm có nói: "*Khi vẽ cành cây phải như nghe có tiếng gió thổi*".

2. Đặc trưng của nghệ thuật Nhật Bản có thể tóm gọn trong một câu: "*Không có lúc nào nhớ đến bạn bè như lúc ngắm tuyết, trăng, hoa*". Khi anh chiêm ngưỡng vẻ đẹp của tuyết, trăng, hoa hay nói khác đi, khi anh cảm thấy hạnh phúc được gặp gỡ với cái đẹp, khi ấy anh đặc biệt nhớ đến bạn bè: muốn chia sẻ với họ niềm vui. Cảm động trước cái đẹp khơi dậy sự đồng cảm và tình yêu mạnh mẽ trong con người, và khi ấy từ "*bạn hữu*" trở thành từ "*con người*".

Hơn nữa tuyết, trăng, hoa và vẻ đẹp 4 mùa nối tiếp nhau theo quan niệm truyền thống Nhật Bản tượng trưng cho cái đẹp nói chung: đó là sắc đẹp của núi, sông, cỏ cây, của vô vàn hiện tượng tự nhiên, kể cả tình cảm con người.

"*Không có lúc nào nhớ đến bạn bè như lúc ngắm tuyết, trăng, hoa*". Cơ sở thẩm mĩ của nghi lễ uống trà Nhật Bản (cha-no-yu) cũng chứa đựng ý này: "*Lúc sum họp quanh ấm trà cũng là lúc sum họp của tình cảm*". Đó là lúc thời tiết dễ chịu, bạn bè quây quần, tâm đầu ý hợp...

3. Nếu như "*vabi sabi*" (đơn sơ, mộc mạc, tự nhiên) được đánh giá cao trong nghi lễ trà với các nguyên tắc "*hòa, kính, thanh, tịch*" (hài lòa, hay hòa bình, kính trọng, trong sạch và tĩnh mịch) biểu tượng cho sự giàu có của tâm hồn thì phòng trà bé xíu và đơn giản cực kì tượng trưng cho cái gì đó rộng lớn và trang nhã vô biên.

Một bông hoa thể hiện được cái đẹp của hoa hơn cả trăm bông. Ngay từ xưa Ri-kiu đã dạy không lấy những nụ đã nở khi cắm hoa. Ở Nhật Bản cho đến bây giờ vào lúc làm nghi lễ trà, trong phòng trà chỉ cắm một bông hoa còn chúm chím. Hoa được chọn theo mùa, ví dụ mùa đông thì hoa đông nhỏ bạch ngọc hay hải đường

giống ba va bi-xu-kê nổi tiếng, khác các giống hải đường khác ở chỗ bông hoa nhỏ. Chọn lấy một nụ trắng. Màu trắng thanh nhã, trong sạch nhưng cũng là màu hàm súc nhất, nó có trong tất cả các màu khác. Trên nụ hoa, nhất thiết phải có một giọt sương, có thể vẩy nước vào hoa. Vào tháng năm để làm nghi lễ trà dùng hoa mẫu đơn cắm vào lọ đá xanh là tuyệt nhất. Nhưng chỉ lấy một bông và phải là bông trắng. Thế nào cũng phải có một giọt sương đọng trên đó. Hơn nữa, không phải chỉ bông hoa mà cả lọ hoa trước khi cắm cũng phải vẩy nước thẫm vào. Khi vẩy nước vào, lọ hoa trở nên tươi tỉnh hẳn lên. Những đường nét hoa văn đậm nhạt, thoải mái trên lọ cổ ánh lên dưới tác dụng của nước ẩm và bắt đầu thở cùng một nhịp với giọt sương trên hoa.

Theo phong tục, trong nghi lễ trà, cốc chén cũng được vẩy nước trước khi dùng để tạo cho nó cái vẻ đẹp tự nhiên...

4. Hòa nhan, ái ngôn: nụ cười trên khuôn mặt, tình yêu trong lời nói.

5. *Hoa xuân hè rộn trăng thu,*
Đông về băng tuyết lạnh trơ.

(Đô-gen - 1200-1253)

6. *Còn gì nữa sau khi anh ta khuất !*
Hoa xuân, chim núi, hay lá vàng rơi?

(Ri-ô-can 1758-1831)

Tình cảm và tư tưởng yêu nước Việt Nam

Yêu nước là một tình cảm và tư tưởng phổ biến, dân tộc nào cũng có, riêng gì dân tộc Việt Nam...

Quả thực yêu nước là tình cảm và tư tưởng tự nhiên phổ biến. Chim luyến tổ, cá quen đồng, người sao không yêu quê hương? Quê hương nhỏ là bản làng, ở đó có cha mẹ, anh chị em, có mồ mả ông bà, có bờ ao, bến đò quen thuộc. Quê hương lớn là nước nhà, ở đó có tất cả đồng bào cùng tiếng nói, phong tục, có toàn bộ lịch sử dân tộc gồm những lúc vinh, lúc nhục, lúc vui, lúc buồn đều có nhau; có vầng sao những anh hùng liệt sĩ với những chiến công hiển hách, đạo đức sáng ngời, lòng hi sinh vô hạn; có đền đài, miếu mạo, có núi cao, đồng rộng, sông dài, đủ làm nơi sinh tụ cho giống nòi ta. Quê hương lớn cũng gọi là Tổ Quốc. Người Việt Nam yêu nước Việt Nam.

(...) Tình cảm và tư tưởng yêu nước đều tồn tại ở tất cả các dân tộc trên đời, nhưng tùy nước, tư tưởng ấy sớm hay muộn, đậm hay nhạt khác nhau. Và, xưa nay cuộc đời dâu bể, có dân không còn nước để mà yêu, có nước mãi đến hiện đại mới hình thành. Nội dung lịch sử mỗi nước không nơi nào giống nơi nào. Tình cảm và tư tưởng yêu nước Việt Nam sinh nở và phát triển trong những điều kiện cụ thể riêng của mình, mang đường nét, thực chất và tác dụng đặc sắc mà người Việt Nam cần tìm hiểu thấu đáo để biết được chính mình.

Trần Văn Giàu

("Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam)

Đáp án đề 39

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Trả lời	F	A	E	B	A	B	C	A

ĐỀ 40 + 41

* Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục (trích hài kịch "*Trưởng giả học làm sang*")
* Lựa chọn trật tự từ trong câu (tiếp theo).
* Luyện tập đưa các yếu tố tự sự và miêu tả vào bài văn nghị luận.

1. Mô-li-e là nhà soạn kịch nổi tiếng của nước nào?

A. Anh. **B.** Ý.

C. Đức. **D.** Pháp.

2. Kịch của Mô-li-e là hài kịch hay bi kịch?

A. Hài kịch. **B.** Bi kịch.

3. Hãy kể tên một số vở kịch nổi tiếng của Mô-li-e?

A. "*Lão hà tiện*". **B.** "*Trưởng giả học làm sang*".

C. "*Người bệnh tưởng*". **D.** "*Các bà đài các rởm*".

E. "*Tác-tuy-phơ*". **F.** "*Đông Gioăng*".

G. Các vở kịch đã nêu trong số 30 vở kịch của ông để lại.

4. Xuất xứ cảnh "Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục"?

- "*Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục*" là lớp kịch kết thúc hồi II trong vở hài kịch 5 hồi "*Trưởng giả học làm sang*" được trình diễn lần đầu vào năm 1670.

A. Sai. **B.** Đúng.

5. Cảnh "Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục" có mấy nhân vật, là những nhân vật nào?

A. Hai nhân vật: ông Giuốc-đanh và lão Phó may.

B. Ba nhân vật: ông Giuốc-đanh, lão Phó may và bốn anh thợ phụ.

6. Cuộc đối thoại giữa ông Giuốc-đanh và lão Phó may về đôi tất và đôi giày đã làm nổi bật tính cách gì của ông Giuốc-đanh?

A. Tinh khôn, lõi đời. **B.** Tế nhị.

C. Dễ dãi, cho qua chuyện vặt. **D.** Ngốc nghếch

7. Câu nói của lão Phó may về cái áo lễ phục của ông Giuốc-đanh thuộc kiểu hành động nói nào?

- *"Thưa, đây là bộ lễ phục đẹp nhất triều đình và may vừa nhất. Sáng chế ra được một bộ lễ phục trang nghiêm mà không phải màu đen thật là tuyệt tác. Tôi thách các thợ giỏi nhất mà làm nổi đấy".*

A. Hành động nói thuộc kiểu hỏi.

B. Hành động nói thuộc kiểu trình bày.

C. Hành động nói thuộc kiểu bộc lộ cảm xúc.

D. Gồm cả B và C.

8. rong cuộc đối thoại giữa lão Phó may và ông Giuốc-đanh về chiếc áo lễ phục "may ngược hoa" đã làm nổi bật tính cách gì của ông Giuốc-đanh?

A. Rất sành điệu trong ăn mặc.

B. Dễ tính, không chấp nhặt.

C. Thích làm sang mà ngờ nghệch, ngốc nghếch.

D. Khôn ngoan, sắc sảo.

9. ác giả đã dùng biện pháp nghệ thuật nào trong lời nói sau đây của lão Phó may?

- "Còn phải nói ! Tôi đố họa sĩ nào lấy bút mà vẽ hầu ngài bộ áo vừa khít hơ được. Ở nhà tôi có một chú thợ phụ may quần cộc thì tài nhất thiên hạ; và một chkhác là anh hùng của thời đại về may áo chẽn đấy".

A. Nói giảm, nói tránh. B. Nói quá, nói khoác.

10. âu nói sau đây của lão Phó may là hành động nói thuộc kiểu gì?

- "Khoan đã, không thể mặc như thế được. Thứ áo này phải mặc đúng thể th, tôi có đem người đến để mặc hầu ngài theo nhịp điệu. Ớ này ! Vào đây, các ch Các chú hãy mặc bộ lễ phục này hầu ngài theo cách thức mặc cho các nhà quý ph".

A. Hành động nói theo kiểu trình bày.

B. Hành động nói theo kiểu hứa hẹn.

C. Hành động nói theo kiểu điều khiển.

D. Hành động nói theo kiểu bộc lộ cảm xúc.

11.ốn thợ phụ đã được ông Giuốc-đanh thưởng tiền vì họ đã gọi ông ta bằng những dan vị cao quý nào?

A. Ông lớn. B. Cụ lớn.

C. Đức ông. D. Cả 3 cách gọi lần lượt.

12. âu nói sau đây của ông Giuốc-đanh là hành động nói thuộc kiểu gì?

- "Lại "đức ông" nữa ! Hà hà ! Hà hà ! Các chú hãy đợi tí, đừng vội đi. Ta là đứông kia mà ! Của đáng tội, nếu nó tôn ta lên bậc tướng công, thì nó sẽ được cả túiếm mất. Đây nữa này, thưởng cho chú về tiếng "đức ông" đấy nhé.".

A. Hành động nói thuộc kiểu điều khiển.

B. Hành động nói thuộc kiểu bộc lộ cảm xúc.

C. Hành động nói thuộc kiểu trình bày.

D. Gồm tất cả A, B, C.

13.ua cảnh mặc áo và thưởng tiền, tác giả đã cười tính cách gì của ông Giuốc-đanh?

A. Ưa phỉnh nịnh. B. Lố bịch.

C. Gồm cả A và B. D. Hào phóng.

14. Đọc bài thơ dưới đây, các em có nhận xét gì về nghệ thuật chọn trật tự từ trong câu. Tìm dụng ý của tác giả.

Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu (1897)

Tú Xương (1870-1907)

Nhà nước ba năm mở một khoa,
Trường Nam thi lẫn với trường Hà.
Lôi thôi */ sĩ tử vai đeo lọ,*
Ậm ọe */ quan trường miệng thét loa.*
Lọng cắm rợp trời */ quan sứ đến,*
Váy lê quét đất */ mụ đầm ra.*
Nhân tài đất Bắc nào ai đó,
Ngoảnh cổ mà trông lại nước nhà.

15. Tóm tắt vở hài kịch "Trưởng giả học làm sang"

Bài làm

Vở hài kịch "*Trưởng giả học làm sang*" gồm có 5 hồi, được Mô-li-e sáng ác vào năm 1670, ba năm trước khi ông qua đời. Trước đây đã có người dịch, đặt tênlà "*Gã tư sản quý tộc*".

Cốt truyện vở kịch như sau:

Lão Giuốc-đanh cục mịch, xấu xí, dốt nát, ngờ nghệch... Nhờ buôn dạ mà rở nên giàu có. Lão muốn trở thành nhà quý tộc. Lão mời thầy triết về nhà để lọc tiếng La-tinh, học lô-gic, học luân lí, học vật lí, học chính tả, học phát âm, học vết thư tình để gửi cho một bà đại quý tộc mà ông ta "*phải lòng*". Sau khi muốn rở thành nhà bác học, lão Giuốc-đanh lại muốn có bộ đồ lễ phục đẹp nhất triều đình. Phó may và bốn thợ phụ kéo đến để mặc thử lễ phục cho lão. Giuốc-đanh đã được chúng tâng bốc từ "*ông lớn*", "*cụ lớn*" lên đến "*đức ông*". Nhiều kẻ đã lợi dụngsự hợm hĩnh, ngờ nghệch của tên trưởng giả, săn đón, nịnh hót lão để moi tiền.

Nàng Luy-xin là con gái xinh đẹp của Giuốc-đanh. Lão không tán thành tình yêu của con gái với Clê-ông, chỉ vì anh ta không phải là quý tộc. Cô-vi-en, đầytớ khôn ngoan đã lập mưu, đã hiến kế cho Clê-ông. Clê-ông bèn cải trang thành Hoàng tử Thổ Nhĩ Kì đến hỏi Luy-xin làm vợ, và đã được lão Giuốc-đanh ưng thuận!...

16. Phân tích lớp kịch "Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục".

Bài làm

Hài kịch "*Trưởng giả học làm sang*" là một trong những kiệt tác của Mô-li-e, kịch tác gia vĩ đại của nước Pháp trong thế kỉ XVII. Vở hài kịch này gồm 5 hồi, mỗi hồi là những trận cười nổ ra tưởng như vô tận.

Sau lớp 4 của hồi 2 (Ông Giuốc-đanh muốn trở thành nhà bác học) là lớp 5 (Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục). Muốn trở thành quý tộc thì phải giỏi, phải hiểu biết

vềtriết, về ngôn ngữ học, phải biết viết thư tình,... Vẫn chưa đủ. Còn phải sang trọng, phải có lễ phục. Vì thế, ông Giuốc-đanh đã ném vàng bạc ra, mua loại vải hoa cực tốt, thuê thợ may bộ lễ phục "*đẹp nhất triều đình*", phải sắm đủ tất, giày th hảo hạng!

1. Cảnh thứ nhất có 32 lời thoại giữa ông Giuốc-đanh và gã phó may. Vì hăo hức muốn được mặc lễ phục, nên khi phó may xuất hiện, ông Giuốc-đanh vừ vui mừng reo lên, vừa trách móc: "*A! Bác đã tới đấy à? Tôi sắp phát khùng lê vì bác đấy*".

Vốn là kẻ lắm tiền, thích học đòi làm sang, nhưng ngờ nghệch nên ông Giuốc-đanh đã lần lượt bị gã phó may mơn trớn, lừa bịp. Mọi thứ mà trưởng giả gửi ma, thuê may, nhận về đều là hàng rởm. Bít tất lụa quá chật, mới xỏ chân vào đã đi mất hai mắt rồi! Đôi giày không đúng số, đúng cỡ làm "*đau chân ghê gớm*". Rì buồn cười là khi nghe phó may biến báo bít tất "*rồi nó sẽ giãn ra*", thì ông Giuốc-đanh ngớ ngẩn phụ họa: "*Phải, nếu tôi cứ làm đứt mãi các mắt thì sẽ rộng thì*". Nghe phó may giải thích: đôi giày không làm ngài đau mà chỉ vì "*ngài cứ tưởng tượng ra thế*" thì vị trưởng giả vừa phân bua vừa hể hả: "*Tôi tưởng tượng ra th vì tôi thấy thế. Bác này lí luận hay nhỉ!*". Chân to mà giày nhỏ thì đi vào sẽ đau chn; đau chân là cảm giác. Không phân biệt được cảm giác với tưởng tượng là do ng dốt, ngờ nghệch. Gã phó may dùng hai chữ "*tưởng tượng*" là nguỵ biện, lừa bịp th mà con người mới thụ giáo thầy triết để làm nhà bác học vẫn nghe rất xuôi tai!

Lễ phục quý tộc, đúng mốt thời thượng ở Pháp trong thế kỷ XVI, XVII là my bằng vải hoặc len, dạ màu đen, may xuôi hoa, nhưng bộ lễ phục của ông Giốc-đanh tuy "*đẹp nhất triều đình*", "*may vừa mắt nhất*", "*trang nghiêm mà khng phải màu đen, thật là tuyệt tác!*". Oái oăm thay, bộ lễ phục lại may "*hoa ngược mất rồi !*". Nghe gã phó may biến báo là "*những người quý phái đều mặc nh thế này cả*", thì ông Giuốc-đanh rối rít hỏi lại với tất cả sự ngờ nghệch đến hồn nhên: "*Những người quý phái mặc áo ngược hoa ư? Ồ! Thế thì bộ áo này may đư đấy!*".

Rồi ông Giuốc-đanh hỏi phó may về chiếc áo "*có vừa vặn không*", bộ tóc giả vàông đính mũ "*có được chững chạc không?*". Khi phát hiện ra gã phó may đã cắt xé vải may lễ phục để may áo mặc, ông Giuốc-đanh cất lời trách móc, nhưng đã bị gãbiến báo đánh trống lảng bằng cách mời ông ta mặc thử bộ lễ phục! Lão phó my tinh quái đã "*lấy dây xỏ mũi*" ông Giuốc-đanh mà dắt đi!

Lão trưởng giả không chỉ dốt nát, ngờ nghệch bị gã phó may lừa bịp mà còn lộ chân tướng một kẻ lố bịch như một con rối, một thằng hề. Phó may đã đem tho 4 thợ phụ để "*hầu*" ông Giuốc-đanh mặc lễ phục "*đúng thể thức*", mặc theo "*nịp điệu*", "*theo cách thức mặc cho các nhà quý phái*". Cái quần cộc đã được hai ch thợ "*cởi tuột*" ra! Hai thợ phụ khác đã "*lột áo ngắn rồi họ mặc bộ lễ phục mới và cho ông*". Buồn cười nhất là cử chỉ, hành động của ông Giuốc-đanh: "*phô áo mi*", "*đi đi lại lại giữa đám thợ*". Càng hợm hĩnh bao nhiêu càng buồn cười bấy nhêu: "*Cởi áo, mặc áo, chân bước, miệng nói, tất cả đều theo nhịp của dàn nhạc*".

2. Sau cảnh ông Giuốc-đanh mặc lễ phục là cảnh xin tiền, moi tiền của bọn thợ phụ đi theo phó may. Cảnh này chỉ có 10 lời thoại. Mô-li-e đã giễu cợt, châm biếm thói háo danh, ưa phỉnh nịnh của ông Giuốc-đanh. Bọn thợ phụ xin tiền thưởng sau khi đã mặc lễ phục cho ông ta. Ông Giuốc-đanh giờ đây đâu còn là trưởng giả nữa. Gà đã trở thành công, bìm bịp đã hóa nên phượng hoàng rồi! Bộ lễ phục may ngược hoa đã làm cho ông ta trở nên sang trọng, trở thành quý phái có thể gia nhập tầng lớp quý tộc rồi! Vốn biết tâm lý ông Giuốc-đanh, bọn thợ phụ xúm vào tâng bốc lão trưởng giả ngờ nghệch hám danh lên tận mây xanh để "*lột*", để moi tiền! Chỉ 3 tiếng "*Bẩm ông lớn*" chúng đã làm cho Giuốc-đanh vô cùng hả dạ: "*Ông lớn ư? Ấy đấy, ăn mặc theo lối quý phái thì thế đấy!*"... Rất hào phóng: "*Đây, ta thưởng về tiếng "ông lớn" đây này!*". Bọn thợ phụ lại tung hô: "*Bẩm cụ lớn, anh em chúng tôi đội ơn cụ lớn lắm lắm*". Quá cảm động, quá sung sướng, hay nhờ thầy triết dạy ngôn ngữ, dạy phát âm, dạy viết thư tình mà ông Giuốc-đanh nói rất kiểu cách: "*Cụ lớn*", ồ, ồ, cụ lớn!... Cái tiếng "*cụ lớn*" đáng thưởng lắm. "*Cụ lớn*" không phải là một tiếng tầm thường đâu nhé"... Bọn thợ phụ đã được "*cụ lớn*" thưởng! Bọn thợ phụ ranh ma lại tôn Giuốc-đanh thành "*Đức ông!*". Hả hê lắm, khoái chí lắm, kẻ háo danh đắc chí nói, cười: Lại "*Đức ông*" nữa! "*Hà hà! Hà hà!*". Thật buồn cười là khi lão Giuốc-đanh vừa móc túi lấy tiền thưởng cho bọn thợ phụ, vừa nói riêng với mình. Giuốc-đanh như vừa mê vừa tỉnh, vừa khoái chí được tâng bốc là "*Đức ông*" nhưng cũng vừa tự biết: "*Của đáng tội, nếu nó tôn ta lên bậc tướng công, thì nó sẽ được cả túi tiền mất*". Cảnh bọn thợ phụ "*tôn vinh*" lão trưởng giả từ "*ông lớn*" lên "*cụ lớn*" rồi trở thành "*Đức ông*", Mô-li-e đã nâng cao dần kịch tính làm nổ ra những trận cười châm biếm thói hợm hĩnh, háo danh, ưa phỉnh nịnh, thích được tâng bốc của bọn quý tộc phong kiến lỗi thời, bọn tư sản đang lên nhưng chứa đầy ung nhọt!

3. Cảnh ông Giuốc-đanh mặc lễ phục đã diễn ra tại tư dinh ông ta. Bên cạnh lão trưởng giả còn có gã phó may, một kẻ ranh ma bịp bợm; bọn thợ phụ giỏi hót, khéo moi tiền. Qua những nhân vật này, Mô-li-e đã châm biếm, giễu cợt và đả kích sự ngu dốt ngờ nghệch, thói háo danh vô cùng lố bịch của Giuốc-đanh, điển hình cho bọn trưởng giả học đòi quý tộc, học làm sang. Tiếng cười trong hài kịch của Mô-li-e là tiếng cười có giá trị phê phán sâu sắc, mang ý nghĩa xã hội rất tiến bộ.

Lớp 5 của hồi 2 đã khép lại bằng những trận cười mà khán giả thú vị hướng về "*Đức ông*" xúng xính trong bộ lễ phục may ngược hoa! Chân tướng một trưởng giả học làm sang vừa ngu dốt vừa háo danh, một gã phó may láu lỉnh, bịp bợm, một bọn thợ phụ ranh ma. Một cuộc hội ngộ hiếm có đã thể hiện nghệ thuật châm biếm bậc thầy của Mô-li-e, tạo nên những trận cười thoải mái cho khán giả đang hồi hộp, đang thích thú, đang suy ngẫm về những trò lố bịch của tên trưởng giả học làm sang! Ở đây, sân khấu cũng là cuộc đời!

Đáp án đề 40 + 41

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Trả lời	D	A	G	B	B	D	D	C	B	C	D	D	C

ĐỀ 42

* Chương trình địa phương (phần Văn).
* Chữa lỗi diễn đạt (lỗi lô-gíc).

1. Các văn bản sau có phải là văn bản nhật dụng không?

- *"Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000".*
- *"Ôn dịch, thuốc lá".*
- *"Bài toán dân số".*

A. Đúng. **B.** Sai.

2. Những vấn đề cấp bách và thiết thực đối với cộng đồng mà các văn bản nhật dụng ấy nêu lên là gì?

A. Khuyên mọi người hạn chế sử dụng bao bì ni-lông.

B. Nêu bật những tác hại của việc hút thuốc lá.

C. Đưa ra bài toán dân số và kế hoạch hoá gia đình.

D. Gồm tất cả A, B, C.

3. Phương thức biểu đạt chủ yếu nào được sử dụng trong văn bản "Thông tin về Ngày Trái đất năm 2000".

A. Tự sự. **B.** Miêu tả.

C. Thuyết minh. **D.** Biểu cảm.

4. Phương thức biểu đạt chủ yếu nào được sử dụng trong bài "Ôn dịch, thuốc lá"?

A. Thuyết minh + miêu tả. **B.** Lập luận + thuyết minh.

C. Thuyết minh + biểu cảm. **D.** Tự sự + miêu tả.

5. Văn bản "Bài toán dân số" được biểu đạt bằng phương thức chủ yếu nào?

A. Tự sự + thuyết minh + lập luận. **B.** Tự sự + miêu tả.

C. Thuyết minh + miêu tả. **D.** Tự sự + biểu cảm.

6. Có hai lỗi chính lúc nói và viết là lỗi về ý tưởng, lỗi về dùng từ, đặt câu (ngữ pháp).

A. Đúng. **B.** Sai.

7. Đây là hai câu thơ nói về nhân nghĩa và sức mạnh nhân nghĩa Việt Nam.

"Đem đại nghĩa để thắng hung tàn,
Lấy chí nhân để thay cường bạo".

(Bình Ngô đại cáo)

A. Sai về diễn đạt.

B. Sai về kiến thức (*"Bình Ngô đại cáo"* viết bằng văn xuôi cổ; bảo rằng *"hai câu thơ"* là sai!)

8. Lão Hạc phải "bán con" bán chó, cuối cùng "chết đói" một cách thảm thương.

A. Con Lão Hạc đi phu đồn điền cao su, chứ không phải lão Hạc "bán con".

B. Lão Hạc không chết đói mà lão Hạc tự tử bằng bả chó.

C. A và B đều sai (sai kiến thức).

9. Tre là cánh tay của nhà nông, "nhưng" tre còn là người bạn thân thiết của họ đã bao đời nay.

A. Dùng từ "nhưng" là sai và thừa.

B. Có thể cắt bỏ chữ "nhưng", thay dấu phẩy bằng dấu chấm phẩy.

C. Có thể cắt bỏ chữ "nhưng", thay dấu phẩy bằng dấu chấm để tạo thành 2 câu đơn.

D. Cả A, B, C, đều hợp lí.

10. Em cố gắng học giỏi, phấn đấu trở thành một người trí thức hay một bác sĩ.

A. "Một người trí thức" bao hàm nghĩa "một bác sĩ".

B. Hoặc là loại bỏ 5 chữ "một người trí thức hay".

C. Hoặc là cắt bỏ 4 chữ "hay một bác sĩ".

D. Phát hiện đúng, nêu cách chữa hợp lí.

11. Bình luận câu tục ngữ: "Thất bại là mẹ thành công"

Bài làm

Tục ngữ là kho báu trí tuệ dân gian. Có biết bao bài học sâu sắc ta tìm thấy trong tục ngữ. Câu "*Thất bại là mẹ thành công*" vẫn được nhiều người nhắc đi nhắc lại trong cuộc đời để tự động viên mình vươn lên.

Hai chữ "*thất bại*" và "*thành công*" trong câu tục ngữ tương phản nhau. "*Thất bại*" được nhân hoá thành "*mẹ*"; người con ấy là "*thành công*" do người mẹ "*thất bại*" sinh ra. Ông cha ta đã có **một cách nói quá** thật sắc, thật gọn, thật hay để nêu lên một bài học quý báu khuyên mọi người đừng ngã lòng nản chí mà phải bền gan bền chí, quyết tâm vươn lên sau mỗi lần thất bại. Thành công là hệ quả được tìm thấy trong bài học thất bại:

"Thất bại là mẹ thành công".

Trong cuộc sống, ta luôn luôn đứng trước nhiều khó khăn thử thách. Bắt tay vào làm một công việc mới ai cũng cảm thấy: "*Vạn sự khởi đầu nan*". Trong học tập, lao động, chiến đấu,... ta phải đối diện với bao cái khó, ngay những người thông minh, tài trí cũng thế. Có cái khó, ta tìm được cách để vượt qua. Nhưng cũng có cái khó làm ta thất bại.

Có người bị thất bại thì nản chí, hoang mang, trở nên bi quan tiêu cực. Nhưng cũng có người, sau mỗi lần thất bại, mỗi lần ngã đau, họ đã dũng cảm đứng lên, dám nhìn thẳng vào sự thật, tỉnh táo tìm ra nguyên nhân thất bại, để ý chí, quyết tâm được nâng cao hơn bao giờ hết. Trước mọi thất bại, không nên cay cú, nóng vội, không được chủ quan mà càng phải thận trọng. Bài học thất bại là bài học cay đắng ở đời, ta cần phải biết bình tĩnh, sáng suốt tìm ra được phương pháp, để giành được thành công mới, thắng lợi mới. **Sự lớn lên** ấy là chân lý mà ta đã tìm được qua câu tục ngữ: "*Thất bại là mẹ thành công*".

Có thất bại trong chiến đấu phải trả giá bằng xương máu. Có thất bại trong làm ăn phải tốn nhiều tiền của. Có thất bại... làm hao mòn trí lực, danh dự, thời

gian, vv... Mỗi một thất bại là một quả đắng! Có thành công nào mà không hề gặp khó khăn, không hề trải qua ít, nhiều thất bại? Phải đổ nhiều công sức, mồ hôi, tâm huyết, thời gian,... ta mới làm nên trái hạnh phúc ngọt ngào. Câu tục ngữ: "*Thất bại là mẹ thành công*" dạy ta bài học làm người, làm người chân chính, con người có nghị lực, có bản lĩnh, có niềm tin...

Đọc tiểu sử các vĩ nhân, ta càng thấy rõ những cống hiến của họ cho nhân loại là sự kết tinh của tài năng và ý chí chiến thắng khó khăn, thử thách. Sau hơn một thế kỉ chiến đấu anh dũng và hi sinh to lớn, nhân dân ta mới làm nên Cách mạng tháng Tám, chiến thắng Điện Biên Phủ, chiến thắng 30 – 4 – 1975 giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Trong đời học sinh mỗi chúng ta cũng vậy, sau mỗi bài tập bài kiểm tra, sau mỗi kì thi ai cũng cảm thấy mình "*lớn lên*" tự tin hơn, càng thấm thía lời dạy bảo của ông cha: "*Thất bại là mẹ thành công*".

Cụ Phan Bội Châu (1867-1940) là nhà cách mạng vĩ đại, là nhà thơ lỗi lạc của đất nước ta đầu thế kỉ XX đã có bài thơ "*Thất bại là mẹ thành công*" gồm có 30 câu thơ 4 chữ, viết năm 1926, giản dị mà sâu sắc vô cùng:

..."Càng nhiều thất bại,
Càng chắc thành công.
Xin chớ ngã lòng,
Xin càng bền chí
Ngã rồi liền dậy..."

(Trích "Nam quốc dân tu tri")

Trong cuộc sống, ta phải tỉnh táo để giảm bớt mọi thất bại. Nhưng phải dũng cảm trước mọi rủi ro, thất bại. Phải học tập để nâng cao tầm trí tuệ, phải rèn luyện ý chí và bản lĩnh để khắc phục khó khăn thử thách, vươn lên giành nhiều thắng lợi. Câu tục ngữ: "*Thất bại là mẹ thành công*" không chỉ cổ vũ chúng ta dũng cảm đứng vững trước thử thách mà còn nhắc nhở mỗi người gần xa "*Thắng không kiêu, bại không nản*". Trên con đường học tập đi tới Ngày mai của tuổi trẻ, những câu tục ngữ ấy bài học ấy là vô giá.

12. Thuyết minh một cảnh đẹp, một điểm du lịch của quê hương em.

Mũi Nai - "Hoa hậu" của vùng biển phương Nam

Đi suốt chiều dài bờ biển nước ta trên ba ngàn cây số, đến điểm chót là ta đã tới Mũi Nai. Mũi Nai thuộc Hà Tiên, phía tây bắc giáp Căm-pu-chia, phía tây đối diện với đảo Phú Quốc, phía đông là đầm Nước Mặn bao la, phía đông là vịnh Cây Dương.

Hà Tiên, thị xã thuộc tỉnh Kiên Giang, được bình chọn là "*hoa hậu du lịch*". Vùng đất ấm mặn này ôm ấp một hệ thống hang động, đảo lớn, đảo nhỏ thuộc loại đẹp nhất nước ta: Kim Dữ, Bình Sơn, Chùa Tiêu, Giang Thành, Thạch Động, Châu Nham, Đông Hồ, Nam Phố, Lộc Trĩ, Lư Đàm,... Những cảnh đẹp ấy đã được Mạc Thiên Tích, một đại quan giỏi thơ văn của chúa Nguyễn trong thế kỉ XVIII ca ngợi trong chùm thơ "*Hà Tiên thập vịnh*" nổi tiếng.

Những buổi sáng sớm hồng tươi đầu hè, những buổi chiều thu trong veo, những đêm trăng ảo huyền tháng giêng hai, đứng ở Mũi Nai mà ngắm đảo xa đảo gần, nghe sóng vỗ, nhìn cánh cò bay như sóng trắng lấp lánh trời xanh, trông về biển xa dõi nhìn hàng nghìn ghe, thuyền đánh cá nhấp nhô, ẩn hiện,... du khách sẽ cảm thấy lâng lâng hồn mình như đang bước tới Đào Nguyên.

Điểm độc đáo của Mũi Nai quê hương em là có điểm du lịch nổi tiếng khác các vùng xung quanh. Nghỉ hè, mời bạn đến chơi Mũi Nai, bạn sẽ tha hồ thăm thú những cảnh đẹp. Phía bên này là Kim Cương động còn gọi là Thạch Động, huyền ảo ẩn hiện trong mây trời, gió lùa hang đá nghe văng vẳng tiếng đàn Thạch Sanh. Kia là hòn Chông đá dựng, uy nghi huyền sử Hòn Phụ Tử đánh cá sấu, lung linh muôn vàn thạch nhũ có đủ hình dạng lạ kì, ngắm mãi không chán. Chùa Hang, Chùa Tiêu cổ kính, tiếng chuông vang ngân buông trong sớm sớm chiều chều lộng gió ngân nga...

Tôi xin chép tặng bạn một trong mười bài thơ của Mạc Thiên Tích (1706-1780) trong "*Hà Tiên thập vịnh*" để bạn ngâm nga lúc đến chơi Mũi Nai nhé:

Thạch Động nuốt mây - (Thạch Động thôn vân)

Non cao chót vót chạm trời xanh,
Trong núi lung linh động ẩn hình.
Mây khói ở đi không chủ ý,
Cỏ cây rung động cũng vô tình.
Văn chương thêm lạ, phong sương lắm,
Khí sắc càng nhiều, thay đổi nhanh.
Tuyệt đỉnh tinh hoa, phong cảnh ấy,
Gió trời hô hấp, ngọn chênh vênh.

Vũ Đình Liên dịch

Tắm biển Mũi Nai rất thú vị. Cát biển nâu sẫm, sóng chao sóng vỗ những làn sóng quyện vào cát mang một màu đen xanh nhấp nhánh lạ lùng. Cô bác quê mình cho biết cát biển Mũi Nai chứa rất nhiều bùn, một loại bùn đặc biệt có tác dụng dưỡng da không có thứ kem hảo hạng nào bằng. Sau một vài giờ tắm biển hoặc nằm đắp bằng cát biển, du khách sẽ có một làn da rám nắng mịn màng, tâm hồn vô cùng sảng khoái.

Biển Mũi Nai thoai thoải và khá nông, rất an toàn khi bơi lội và tắm nắng. Ba bốn năm nay có công viên nước mi-ni ngay sát biển, dành cho trẻ em và học sinh. Bà con mình rất hiếu khách, đã "nhường" hẳn bãi tắm này cho du khách.

Cảnh đẹp, êm đềm, thơ mộng. Cảnh biển, hang động còn ít nhiều mang màu sắc hoang sơ, cổ tích. Điều này trở thành một nét đẹp riêng quyến rũ đối với những ai gần xa muốn về với thiên nhiên, đến với Mũi Nai, miền đất cực nam của Tổ quốc.

Bao giờ bạn đến với Mũi Nai, quê hương mình? Chờ bạn nhé!

Lê Thị Ánh Tuyết
Hà Tiên

Đáp án đề 42

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Trả lời	A	D	C	B	A	A	B	C	D	D

ĐỀ 43

* Tổng kết phần Văn.
* Ôn tập và kiểm tra phần Tiếng Việt.
* Văn bản tường trình.
* Luyện tập làm văn bản tường trình.

1. Những bài thơ đã học cuối học kì I lớp 8 có những bài nào được viết bằng thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

A. "*Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác*".

B. "*Đập đá ở Côn Lôn*".

C. "*Muốn làm thằng Cuội*".

D. Cả ba bài A, B, C.

2. Trong 3 bài thơ ấy, bài thơ nào thuộc dòng văn thơ yêu nước và cách mạng?

A. "*Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác*".

B. "*Đập đá ở Côn Lôn*".

C. Cả 2 bài A, B.

3. Có phải bài thơ "Muốn làm thằng Cuội" của Tản Đà thi sĩ được sáng tác bằng nguồn cảm hứng lãng mạn thoát li?

A. Đúng. **B.** Sai.

4. Giới thiệu một vài nét khái quát về thi pháp thơ thất ngôn bát cú Đường luật: *số câu, chữ, bố cục, vần thơ, đối.*

- Mỗi bài có 8 câu, mỗi câu có 7 chữ.

- Bố cục 4 phần, mỗi phần 2 câu.

+ Câu 1, 2 gọi là **đề**.

+ Câu 3, 4 gọi là **thực**.

+ Câu 5, 6 gọi là **luận**.

+ Câu 7, 8 gọi là **kết**.

- Bài thơ có 5 vần; chữ cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8 vần với nhau.

- Câu 3 đối câu 4; câu 5 đối câu 6.

A. Sai. **B.** Đúng.

5. Ba bài thơ: "Tức cảnh Pác Bó", "Ngắm trăng", "Đi đường" của Bác Hồ được viết bằng thể thơ gì?

A. Thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

B. Thơ lục bát.

C. Thơ tự do.

D. Thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.

6. Nội dung chủ yếu của ba bài thơ này là gì?

A. Tinh thần lạc quan, yêu đời trong gian khổ.

B. Tình yêu thiên nhiên, phong thái ung dung trong tù đày.

C. Đường đời đầy khó khăn, phải có bản lĩnh vượt qua mọi thử thách để giành thắng lợi.

D. Gồm các ý A, B, C.

7. Bài thơ "Hai chữ nước nhà" viết theo thể thơ gì?

A. Lục bát. B. Thơ bảy chữ.

C. Thơ song thất lục bát. D. Thơ tự do.

8. Giọng thơ bài "Hai chữ nước nhà" như thế nào?

A. Uất hận căm thù. B. Thiết tha.

C. Du dương, réo rắt. D. Căm thù, đau đớn, thiết tha.

9. Trong 4 bài thơ mới: "Nhớ rừng", "Ông đồ", "Quê hương", "Khi con tu hú", mỗi bài thơ được viết theo một thể thơ khác nhau? Cho biết cụ thể?

A. "Nhớ rừng", "Quê hương": thơ tám tiếng.

B. "Ông đồ" : thơ năm chữ.

C. "Khi con tu hú": thơ lục bát.

D. Cả A, B, C đều đúng.

10. Đoạn văn sau đây gồm những kiểu câu gì?

"Nắng tháng mười vàng tươi như lụa. Lúa tám thơm, lúa dự chín vàng sẫm dâng hương ngào ngạt trên cánh đồng bao la. Cảnh gặt hái hối hả. Cả làng kéo ra đồng. Tiếng đập lúa, trục lúa, tiếng máy tuốt lúa, tiếng cười nói xôn xao đến thâu canh. Cả làng vui như hội".

("Vụ gặt làng quê" - Lê Phan Quỳnh

A. Đoạn văn 5 câu đều là câu trần thuật.

B. Đoạn văn 5 câu đều là câu cảm thán.

11. Có phải câu văn sau đây là câu phủ định?

"Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ !".

Hồ Chí Minh

A. Không phải. B. Đúng.

12. Đoạn văn sau đây có mấy câu nghi vấn?

..."Cuối cùng, tôi đánh bạo nói với bạn:

- Ga-rô-nê ạ, bố mình nay mai sẽ rời khỏi Tô-ri-nô mãi mãi đấy.

Ga-rô-nê hỏi tôi có đi theo bố không, tôi trả lời là có.

Vậy cậu không học năm thứ tư với mình nữa à?

Cậu im lặng một lúc, tay vẫn cứ vẽ và hỏi tôi mà không ngẩng đầu lên:

Sau này cậu có nhớ đến bạn bè cùng học lớp ba không?

Có chứ - tôi trả lời - nhớ tất cả... nhưng nhớ cậu hơn tất cả mọi người, ai mà có thể quên cậu được?

Ga-rô-nê đưa mắt nhìn tôi, cái nhìn muốn nói biết bao nhiêu điều...".

("Những tấm lòng cao cả" - A-mi-sitx)

A. Một câu nghi vấn. **B.** Hai câu nghi vấn.

C. Ba câu nghi vấn. **D.** Bốn câu nghi vấn.

13. Đọc đoạn thơ sau và cho biết tác giả đã sử dụng kiểu câu gì?

"Hỡi những người trai, những cô gái yêu
Trên những đèo mây, những tầng núi đá
Hai bàn tay ta hãy làm tất cả !"

("Bài ca mùa xuân năm 1961" - Tố Hữu)

A. Câu cảm thán. **B.** Câu cầu khiến.

C. Câu phủ định. **D.** Câu nghi vấn.

14. Đoạn văn 3 câu sau đây đều là câu cảm thán, có đúng không?

- Can đảm lên, người lính nhỏ của đạo quân mênh mông ấy ! Sách vở là vũ khí của con, lớp học là đơn vị của con, trận địa là hoàn cầu, và chiến thắng là nền văn minh của nhân loại ! Ôi, không bao giờ con làm một người lính nhát gan, En-ri-cô của bố ạ.

Trích bài "Trường học" ("Những tấm lòng cao cả")

A. Đúng. **B.** Sai.

15. Bài đọc tham khảo:

Ong, Bướm và Hoa

Cy thông, tùng, cây sồi, bạch đàn, liễu... không màu sắc rực rỡ của hoa nhưng ở các cây đó, phấn hoa phát tán trong không khí thành những đám mây mỏng lơ lửng màu vàng nhạt, thoang thoảng mùi hương lan xa. Gió nhẹ đã giúp cho thông, tùng, bạch đàn... thụ phấn, giao phấn một cách dễ dàng.

Hoa không thể thiếu bầy ong. Ong đi tìm mật, tìm phấn hoa. Ở đâu có hoa đẹp, hoathơm là ong dập dìu bay tới. Hoa cuốc-xi-nen, hoa đậu đũa, hoa đan sâm... đã lôi cuốn đàn ong từ sáng sớm đến xế chiều. Cánh hoa như được phủ đầy nhụy hoa; ong bay từ hoa này đến hoa khác để hút mật, và hoa được thụ phấn. Lại có loại ruồi bé t cũng biế thụ phấn cho hoa mộc hương.

Thế giới hoa lan là vương quốc của loài bướm.

Hoa lan là những hoa đẹp để nhất trong muôn nghìn loài hoa. Ở các nước ôn đới, hoa lan được trồng trong các nhà kính và các hoa này giá rất đắt. Ở các vùng

nhiệt đới, hoa lan có hàng trăm, hàng nghìn loài khác nhau, phong phú về hình dáng, rực rỡ ngào ngạt về hương sắc. Nhà thực vật Côn đã từng viết:

"Mỗi loài hoa đều có một kiểu "áo quán" đặc biệt. Trên hoa lan, ta có thể thấy mọi màu sắc từ màu trắng tinh hoặc hồng nhạt tới màu đỏ thẫm, vàng tươi và đỏ với những cách kết hợp đặc sắc. Một số hoa lan lốm đốm như da báo, số khác có sọc trông như da hổ, và số thứ ba thì tô vẽ những hình thù kì quái. Một số nằm lẫn trong đám cỏ, số khác lại quấn quanh thân các cây gỗ và đu đưa trên những cành cao nhất.

Một số lan tựa như thè lưỡi đỏ thẫm, ở số khác, hoa lại giống như đầu bò có sừng cong, số thứ ba nhìn hệt như một con nhện đáng ghét. Cuối cùng có những hoa lan có hình dạng tương tự như ong đất, ruồi, muỗi. Có hoa tựa hồ lượn lờ trong không khí như những cánh bướm. Có hoa giống như bồ câu trắng hoặc loài chim tí hon ở nước Mĩ có bộ lông sặc sỡ mà ta vẫn gọi là cô-li-bri."...

Nhưng các nhà thực vật đều biết rằng, mặc dầu lan có muôn màu muôn vẻ, chúng đều có cùng một kiểu thích nghi với sự giao phấn.

Chúng ta hãy dừng lại trên một loại hoa như vậy. Đó là một loài lan ở nước Nga cũng có, gọi là cỏ đồng, nở về đêm. Trên các thân dài của cây có những hoa trắng thơm mọc thành chùm. Mỗi hoa như thế lại có nhụy và nhị, nghĩa là các cơ quan sinh sản bình thường của bất kì hoa nào. Mỗi cặp nhị của hoa trông giống như một cái kim băng và cả hai đều dính trên một mảng mỏng gắn ở đáy hoa. Nhụy và đầu nhụy có hai thùy nằm ở hai bên gốc nhị.

Lúc bướm bay tới, thò vòi vào, và sau khi hút mật rút vòi ra thì ở đầu vòi đã thấy dính hai nhị. Khi bay tới hoa khác, bướm chạm nhị dính trên vòi của nó vào đầu nhụy của hoa thứ hai này và để lại đó các bao phấn. Tất cả điều đó đã tạo điều kiện cho hoa được thụ phấn, thụ tinh và tạo quả.

Ở hoa, mỗi cấu tạo đều thích nghi với việc giao phấn. Đối với sâu bọ cũng vậy, cấu tạo và cách sống của chúng phù hợp với đặc điểm cấu tạo của những hoa mà khi hút mật chúng giúp cho sự thụ phấn diễn ra. Ở ong nhà và ong đất, hàm và chân được cấu tạo hoàn toàn không giống các sâu bọ khác. Bướm không gặm và nghiền thức ăn như các loại bọ cánh cứng, chúng cũng không có lưỡi hoặc châm đốt như ở ong mà có vòi hút dài. Vòi hút của bướm thích nghi trong một chừng mực nhất định với cấu tạo các hoa khác nhau mà chúng thường tới hút mật.

Từ những điều đã nói ở trên ta thấy quả thực giữa hoa và sâu bọ đã hình thành một quan hệ chặt chẽ: sự sống của nhóm này có liên quan với sự sống của nhóm kia.

Bướm và hoa, ong và bướm... là những chuyện lí thú của sinh giới. Vì sự giao phấn bao giờ cũng có lợi cho cây hơn, và chỉ có sâu bọ là giúp cho sự giao phấn đó.

(Theo "Những chuyện lí thú của sinh giới" - V.V. Lun-kê-vic)

16. ***Bình luận câu nói sau đây của Hồ Chí Minh:***

... "Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có được vẻ vang sánh vai các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu"

Bài làm

Bác Hồ kính yêu đã dành cho thế hệ trẻ Việt Nam bao tình cảm thiết tha sâu nặng. "*Ai yêu các nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh?*". Tình yêu đằm thắm ấy được biểu hiện qua nhiều bức thư Bác gửi các cháu nhân ngày khai trường hoặc tết trung thu:

"Trung thu trăng sáng như gương,
Bác Hồ ngắm cảnh nhớ thương nhi đồng".

Trong thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám, Hồ Chủ tịch có viết:

... "Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có được vẻ vang sánh vai các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu".

Hơn nửa thế kỉ trôi qua, trên đất nước Việt Nam yêu quý của chúng ta đã có bao đổi thay lớn lao, bao biến cố lịch sử trọng đại, nhưng câu nói của Bác vẫn sáng ngời giá trị giáo dục và khích lệ tuổi trẻ trên mọi miền Tổ quốc.

Ý tưởng sâu sắc của Bác Hồ được diễn đạt bằng một câu văn giàu hình tượng và cảm xúc. Vế thứ nhất Bác hỏi: "*Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có được vẻ vang sánh vai các cường quốc năm châu được hay không?*" có nghĩa là Bác hỏi về tiền đồ của Tổ quốc ta, tương lai của dân ta có được tốt đẹp, rỡ ràng, có trở nên giàu mạnh, văn minh như các cường quốc Anh, Nga, Pháp, Mĩ, Nhật,... hay không? Vế thứ hai là sự gợi ý, là cách trả lời của Bác: "*chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu*", hay nói một cách khác, Bác nêu lên nghĩa vụ học tập của học sinh đối với Tổ quốc và dân tộc. Qua câu văn ấy, Bác giáo dục học sinh về *nhiệm vụ học tập, về trách nhiệm nặng nề, vẻ vang đối với tương lai tươi sáng của non sông Việt Nam, của dân tộc Việt Nam*.

Học tập là nghĩa vụ vẻ vang của học sinh đối với Tổ quốc và dân tộc. Học sinh là mầm non, là tương lai của gia đình và dân tộc; là thế hệ nối bước cha anh để xây dựng và bảo vệ đất nước "*mười lần đẹp hơn*" như Bác Hồ mong muốn. Bằng tính cần cù sáng tạo và chí dũng cảm, bằng tâm hồn và trí tuệ, tài năng, học sinh - thanh thiếu niên nhi đồng - sẽ đảm đương sứ mệnh lịch sử vẻ vang mà Bác Hồ giao phó. Muốn hoàn thành nghĩa vụ ấy, học sinh phải đủ đức, tài. Muốn có đức tài chỉ có con đường học tập và rèn luyện để nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, trở thành công dân tốt, người lao động giỏi, những chuyên gia... tài năng, giàu nhiệt huyết để phục vụ Tổ quốc, đóng góp "*một phần lớn*" vào mục tiêu dân giàu nước mạnh, mới kì vọng làm cho "*non sông Việt Nam được trở nên vẻ vang... dân tộc Việt Nam được vẻ vang sánh vai các cường quốc năm châu*"...

Học tập là trách nhiệm nặng nề nhưng vô cùng vẻ vang của học sinh. Sau gần một thế kỉ bị thực dân Pháp thống trị, "*nhà tù nhiều hơn trường học*", nước ta xơ xác tiêu điều, dân ta đói khổ, hơn 90% dân số bị mù chữ! Việt Nam là một trong những nước lạc hậu trên thế giới. Thanh toán quá khứ nặng nề ấy, "*diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm*" là nhiệm vụ của toàn dân, nhưng học sinh phải là những chiến sĩ xung kích, như Bác dạy "*chính một phần lớn là nhờ ở công học tập của các cháu*".

Câu nói trên đây là lời dạy, là tấm lòng, là tình thương của Bác đối với học sinh. Bác mong các cháu phải gắng sức, phải siêng năng học hành, biết học tập một cách thông minh sáng tạo. Có học tốt, học giỏi mới thành tài, có học vấn cao, có tri thức tiên tiến hiện đại. Có học tập tốt mới thực hiện được ước mơ, hoài bão của mình.

Bác giáo dục thế hệ trẻ Việt Nam phải có mục tiêu, động cơ học tập đúng đắn. Học để làm gì? Học tập không phải để làm quan, để vinh thân phì gia, mà là vì một mục đích cao cả: học tập để làm người, có nhân cách văn hóa, đem tài năng phục vụ sự nghiệp hiện đại hóa, công nghiệp hóa đất nước, góp phần xây dựng Tổ quốc Việt Nam giàu mạnh, văn minh.

Câu nói trên biểu lộ một phần niềm tin yêu sâu sắc của lãnh tụ đối với thế hệ trẻ Việt Nam. Lời của Bác là lời non nước. Bác thay mặt nhân dân nói lên tiếng nói của Tổ quốc để động viên, khích lệ học sinh ra sức thi đua học tập giỏi. Bác chỉ cho học sinh thấy con đường sáng đi tới ngày mai. Hạnh phúc của tuổi trẻ gắn liền với tiền đồ, tương lai xán lạn của đất nước và của dân tộc. *Bác tin yêu học sinh* - con em của một dân tộc cần cù và dũng cảm, thông minh và hiếu học.

Sau gần 30 năm chiến tranh giải phóng, Tổ quốc đã giành được độc lập, hòa bình. Việt Nam là một trong những nước kém phát triển, nhưng chúng ta đã ngẩng cao đầu bước vào thế kỉ XXI. Các kì thi quốc tế về toán, lí, hóa,... học sinh Việt Nam đã giành được nhiều thành tích vẻ vang. Chặng đường đi tới để dân tộc ta, đất nước ta "*vẻ vang sánh vai các cường quốc năm châu*" đâu thuận lợi, dễ dàng, một sớm một chiều mà thực hiện được! Cho nên câu nói của Bác vẫn mang ý nghĩa thời sự nóng bỏng, có giá trị giáo dục và động viên các thế hệ học sinh Việt Nam vươn lên.

Suốt đời Bác Hồ chỉ có "*một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành*". Bác đã dạy: "*Vì lợi ích mười năm phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm phải trồng người*". Trong thư Trung thu Bác đã viết:

"*Các cháu hãy xứng đáng*
Cháu Bác Hồ Chí Minh".

Ôn lại những lời dạy của Bác Hồ, đọc lại bức thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám, chúng ta vô cùng cảm động trước sự thương yêu, chăm sóc, giáo dục của Người đối với thế hệ trẻ Việt Nam. Còn gì hạnh phúc hơn được học tập và đem tài năng phục vụ Tổ quốc, làm vẻ vang cho dân tộc. Thi đua học tập tốt là chúng ta đã tự giác làm đúng lời Bác dạy. Câu nói trên là tình yêu lớn tỏa sáng tâm hồn tuổi thơ. *Học tập là yêu nước*.

Đáp án đề 43

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Trả lời	D	C	A	B	D	D	C	D	D	A	B	C	B	A

ĐỀ 44 + 45

* Tổng kết phần Văn.
* Ôn tập phần Tập làm văn.

1. Trong chương trình Ngữ Văn 8, các em đã được học một số trích đoạn trong một số tác phẩm văn xuôi cổ của dân tộc. Đó là những tác phẩm nào?

A. Chiếu dời đô (Thiên đô chiếu).

B. Hịch tướng sĩ

C. Bình Ngô đại cáo

D. Bàn luận về phép học (Luận học pháp).

E. Cả A, B, C, D đều không đúng.

F. Cả A, B, C, D đều đúng.

2. Nội dung chính của những tác phẩm ấy là gì?

A. Thể hiện ý chí tự lập, tự cường, xây dựng Đại Việt thành một quốc gia cường thịnh.

B. Phê phán tư tưởng cầu an hưởng lạc, mất cảnh giác trước hoạ xâm lăng, căm thù bộ mặt tham lam tàn bạo của đế quốc Mông Nguyên, khích lệ tướng sĩ học tập binh thư, rèn tập cung tên chiến mã sẵn sàng đánh thắng quân Thát Đát để bảo vệ sơn hà xã tắc Đại Việt.

C. Nêu cao nhân nghĩa, khẳng định nền văn hiến Đại Việt, vạch trần tội ác của giặc Minh tàn bạo, ca ngợi chiến công "bình Ngô" vô cùng oanh liệt, tuyên bố Đại Việt bước vào một kỉ nguyên mới: độc lập, thanh bình.

D. Đề nghị cải cách nền giáo dục nước nhà, đào tạo nhân tài để chấn hưng đất nước.

E. Tất cả A, B, C, D đều đúng.

F. Tất cả A, B, C, D đều sai.

3. Đặc điểm nghệ thuật nổi bật nhất của văn xuôi cổ là loại văn biền ngẫu, sử dụng nghệ thuật đối theo từng vế, từng cặp câu song hành.

A. Đúng　　　　　　**B.** Sai

4. Trong các câu sau, câu nào không có đối?

A. *"Địa thế rộng mà bằng; đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt; muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi".*

"Chiếu dời đô".

B. *"Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng".*

("Hịch tướng sĩ").

C. *"Trận Bồ Đằng sấm vang chớp giật,*
Miền Trà Lân trúc trẻ tro bay.
... Gươm mài đá, đá núi cũng mòn,
Voi uống nước, nước sông phải cạn.
Đánh một trận, sạch không kình ngạc,
Đánh hai trận, tan tác chim muông".

("Bình Ngô đại cáo")

D."*Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học; không biết rõ đạo*".

("Luật học pháp")

E. "*Cúi xin từ nay ban chiếu thư cho thầy trò trường học của phủ, huyện, các trường tư, con cháu các nhà văn võ, thuộc lại ở các trấn cựu triều, đều tuỳ đâu tiện đấy mà đi học*".

("Luật học pháp")

5. Phương thức biểu đạt chủ yếu trong đoạn văn sau là gì?

"Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội,
Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi.
Lẽ nào trời đất dung tha,
Ai bảo thần dân chịu được?"

("Bình Ngô đại cáo")

A. Tự sự

B. Miêu tả

C. Biểu cảm

D. Nghị luận

6. Trong đoạn văn sau, tác giả đã sử dụng phương thức biểu đạt nào?

"*Nước Việt ta, từ khi lập quốc đến giờ, nền chính học đã bị thất truyền. Người ta đua nhau lối học hình thức cầu danh lợi, không còn biết đến tam cương, ngũ thường. Chúa tầm thường; thần nịnh hót. Nước mất, nhà tan đều do những điều tệ hại ấy*".

("Luận học pháp")

A. Miêu tả

B. Nghị luận

C. Biểu cảm

D. Tự sự

7. "Cảm hứng chủ đạo của những bài chiếu, hịch, cáo, biểu ấy là lòng yêu nước thương dân, ý chí tự cường và niềm tự hào dân tộc". ***Ý kiến ấy đúng hay sai?***

A. Đúng

B. Sai

8. Những bài thơ như: "Nhớ rừng", "Quê hương", "Ông đồ" xuất hiện trong phong trào "thơ mới", đó là vào khoảng thời gian nào?

A. Cuối thế kỉ XIX | B. Ba mươi năm đầu thế kỉ XX
C. Từ năm 1930 - 1945 | D. Sau năm 1945

9. So với thơ cổ trung đại, những bài thơ này có gì "mới"?

A. Không viết bằng chữ Hán, chữ Nôm mà viết bằng chữ Quốc ngữ.

B. Không sử dụng thơ Đường luật mà sáng tác theo thơ tự do, thơ năm chữ, thơ tám chữ, thơ bảy chữ,... không bị gò bó vào một khuôn mẫu nhất định.

C. Cách diễn đạt mới dễ hiểu, hầu như không sử dụng điển tích, điển cố văn học.

D. Cảm hứng về thiên nhiên, về quê hương đất nước, về tình yêu... được thể hiện qua tâm trạng cá nhân, qua cái "*tôi*" trữ tình với màu sắc lãng mạn.

E. Nhiều bài diễn tả tâm trạng buồn, buồn vì cô đơn, buồn trong tình yêu, buồn vì yêu nước mà bất lực,...

F. Đúng

G. Sai

10. Hãy nêu một vài câu thơ mới mà em yêu thích, em thuộc.

A.
"Ta biết ta chúa tể của muôn loài,
Giữa chốn thảo hoa không tên, không tuổi".

("Nhớ rừng")

B.
"Giấy đỏ buồn không thắm;
Mực đọng trong nghiên sầu...
... Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?"

("Ông đồ")

C.
"...Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã,
Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang.
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng,
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió..."

("Quê hương")

D. Chưa hợp lí

E. Đúng

11. Hãy kể tên một số tác phẩm văn thơ nước ngoài mà em đã học trong chương trình Ngữ văn 8.

A. "*Cô bé bán diêm*" truyện của An-đéc-xen (Đan Mạch).

B. "*Đánh nhau với cối xay gió*" trích tiểu thuyết "*Đôn Ki-hô-tê*" của nhà văn Xéc-van-tex (Tây Ban Nha).

C. "*Chiếc lá cuối cùng*" truyện ngắn của O'Hen-ri (Mĩ).

D. "*Hai cây phong*" trích truyện "*Người thầy đầu tiên*" của Ai-ma-tốp (Liên xô cũ).

E. "*Đi bộ ngao du*" trích tiểu thuyết "*Ê-min hay Về giáo dục*" của Ru-xô (Pháp).

F. "*Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục*" trích hài kịch "*Trưởng giả học làm sang*" của Mô-li-e (Pháp).

G. Tất cả A, B, C, D, E, F đều đúng.

H. Tất cả A, B, C, D, E, F đều sai.

12. Tác phẩm nào nói lên tình thương đối với những em thơ bất hạnh và ước mơ vươn tới một thế giới đầy ánh sáng, niềm vui và hạnh phúc cho tuổi thơ.

A. "*Cô bé bán diêm*" | **B.** "*Chiếc lá cuối cùng*".

C. "*Hai cây phong*" | **D.** "*Đi bộ ngao du*".

13. Chủ đề: "*Ca ngợi tình thương, đức hi sinh của những tấm lòng cao cả; khẳng định nghệ thuật chân chính, kiệt tác nghệ thuật phải hướng tới con người, vì hạnh phúc của con người*" ***được thể hiện một cách cảm động trong tác phẩm nào?***

A. "*Hai cây phong*". | **B.** "*Cô bé bán diêm*".

C. "*Chiếc lá cuối cùng*". | **D.** "*Đánh nhau với cối xay gió*".

14. Tác phẩm nào đề cao thiên nhiên là một trường học vĩ đại; phải đi xa hiểu rộng; đi bộ ngao du là vô cùng thú vị?

A. "*Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục*".

B. "*Hai cây phong*".

C. "*Đánh nhau với cối xay gió*".

D. "*Đi bộ ngao du*".

15. Cảnh "Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục" nhằm châm biếm loại người nào trong xã hội và thói xấu gì của họ?

A. Kẻ giàu có hám danh,

B. mà ngốc nghếch, lố bịch.

C. Ưa bợ đỡ, xu nịnh, chỉ làm chò cười cho thiên hạ.

D. Gồm tất cả A, B, C.

16. Phương thức biểu đạt chủ yếu của văn nghị luận là gì?

A. Lí lẽ, lập luận, dẫn chứng.

B. Tự sự | **C.** Miêu tả

D. Biểu cảm | **E.** Thuyết minh

17: Trong văn bản nghị luận có thể kết hợp nghị luận với các phương thức biểu đạt nào?

A. Nghị luận + tự sự | **B.** Nghị luận + miêu tả

C. Nghị luận + thuyết minh | **D.** Nghị luận + biểu cảm.

E. Gồm tất cả A, B, C, D; và có sự lựa chọn hợp lí.

18. Giới thiệu, thuyết minh một địa danh văn hoá.

Bài làm

Làng bát cảnh Trường Lưu - Hà Tĩnh

Làng Trường Lưu thuộc tỉnh Hà Tĩnh, huyện Can Lộc, cách Đồng Lộc 9 km.

Là quê hương Thám hoa Nguyễn Huy Oánh (1713-1789). Ông là Thượng thư bộ Công, từng làm Tế tửu Quốc tử giám, là thầy học của chúa Trịnh Sâm và vua Lê Đức Tông.

Sau khi về hưu, ông mở trường dạy học, đào tạo được hàng trăm tú tài, cử nhân, 10 tiến sĩ, trong số đó có Phạm Nguyễn Du, Phạm Quý Thích,... Thạc Đình học hiệu là trung tâm giáo dục lớn.

Ông lập ra Phúc Giang thư viện, thuê thợ khắc ván in sách, hiện còn để lại trên 200 bản khắc.

Ông còn bỏ tiền ra đào giếng Thạc, lập vườn hoa dưới chân núi Phượng Sơn, xây dựng chợ Quan, tậu 20 mẫu ruộng lập ra học điền, Trường Lưu được xây dựng thành một làng văn hóa nổi tiếng, là đất học, là thắng cảnh trong các thế kỉ XVIII, XIX. Ngoài ba cha con anh em Nguyễn Huy Oánh, Nguyễn Huy Quýnh, Nguyễn Huy Tự đỗ tiến sĩ, còn có hơn 30 người đỗ tú tài, cử nhân. Danh tiếng họ "Nguyễn Huy ..." nức tiếng gần xa.

Bát cảnh Trường Lưu có: Quán thị triêu hà, Phượng Sơn tịch chiếu, Cổ Miếu âm dung, Liên trì nguyệt sắc, Thạc tỉnh hương truyền, Nguyễn trang hoa mĩ, Hân thiền tự chung, Nghĩa thương mộc đạc.

Dân Trường Lưu đến nay còn lưu truyền bài ca:

"Ráng bạc chợ Quan lúc tảng sáng,
Nắng viền núi Phượng lúc hoàng hôn.
Chùa Hân buổi sớm hồi chuông gọi,
Kho Nghĩa chiều hôm tiếng mõ dồn.
Rậm rạp bóng cây che Miếu cổ,
Lung linh bóng nguyệt chiếu hồ sen.
Nguyễn trang hoa đẹp nhìn ưa mắt
Giếng Thạc dòng thơm uống tỉnh hồn."

Thời Lý Trần chỉ có các thôn nhỏ Kẻ Tràng, Kẻ Bim, Kẻ Đò ở ven sông Phúc Giang, dưới chân núi Trà Sơn.

Nửa cuối thế kỷ XV, vua Lê Thánh Tông cho di dân về định cư quanh các ngọn núi Phượng Lĩnh, Bình Cương cạnh sườn phía tây núi Nhục Sạc (núi Cài). Làng Trường Lưu có từ đó.

Trường Lưu có nghề dệt vải lâu đời, con gái đẹp nổi tiếng, là cái nôi hát phường vải. Gái phường vải Trường Lưu (Can Lộc) và trai phường Nón Tiên Điền (Nghi Xuân) từng có mối giao tình bền đẹp. O Uy và ả Sạ từng làm đắm đuối bao

chàng trai mà Nguyễn Du nhắc đến trong bài "Văn tế sống Trường Lưu nhi nữ" và bài "Thác lời trai phường Nón gửi gái phường Vải Trường Lưu":

"Hồng Sơn cao ngất mấy tầng,

Đò Cài mấy trượng là lòng bấy nhiêu !"

Nguyễn Huy Tự là tác giả "Hoa Tiên truyện"; con là Nguyễn Huy Hổ, tác giả **"Mai Đình mộng kí"**. Cùng với Nguyễn Du... tạo thành "Hồng Sơn văn phái"...

(Theo báo Văn nghệ)

19. Giải thích và bình luận câu nói sau đây của M.Go-rơ-ki:

"Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống".

Bài làm

Sách là ông thầy, là người bạn vô cùng thân thiết đối với những người hiếu học xưa nay. Biết yêu sách và ham mê đọc sách là một đức tính quý báu cần được rèn luyện và sớm hình thành từ tuổi ấu thơ. Khẳng định giá trị và lợi ích to lớn của sách, văn hào Go-rơ-ki có nói:

"Phải yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống".

Sách là một trong những thành tựu văn minh kì diệu của con người. Từ những quyển sách được viết trên hàng trăm tấm da cừu, được khắc trên hàng nghìn thẻ tre, được in bằng mộc bản đến những cuốn sách in bằng máy in hiện đại như ngày nay, ta dễ dàng nhận thấy sự tiến bộ của loài người qua mấy nghìn năm lịch sử. Tác giả bài "*Phương pháp đọc nhanh*" (Lịch sử văn hóa tổng hợp 1987-1990) cho biết: "*Tính đến nay, trong 500 năm lịch sử của mình, ngành in thế giới đã xuất bản hơn 300 triệu đầu sách, hàng năm cho ra đời 600 triệu trang in*". Những con số ấy làm cho ta vô cùng sửng sốt!

Sách là sản phẩm tinh thần của những tài năng. Những nhà văn, những sử gia, những nhà tư tưởng vĩ đại mới có thể sáng tạo nên những tác phẩm vĩ đại. Kinh Thánh, Kinh Ko-ran, Kinh Phật, cuốn sử thi Ra-ma-ya-na, sách của Khổng Tử, Mạnh Tử, Lão Tử,... trải qua mấy nghìn năm, đến nay vẫn còn chiếm lĩnh tâm hồn hàng triệu con người trên trái đất. Những tác phẩm như "*Sử kí Tư Mã Thiên*", "*Chiến tranh và Hòa bình*", những bộ tiểu thuyết chương hồi như "*Tam quốc chí*", "*Đông Chu liệt quốc*",... những công trình của các nhà văn hóa, khoa học được giải thưởng Nô-ben mãi mãi chiếu sáng nền văn minh nhân loại. Hàng ngàn quyển sách Hán - Nôm được tổ tiên ông cha ta để lại là những chứng tích hùng hồn của nền văn hiến Đại Việt rực rỡ, lâu đời. Mọi thứ vật chất có thể mục nát theo thời gian, nhưng tên tuổi và các công trình của Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, của Niu-tơn, Anh-xtanh, v.v... sẽ đời đời bất tử.

Sông sâu, nước lớn là do từ nguồn. Sách cũng vậy. Sách là kết tinh trí tuệ của con người. Là nguồn kiến thức bao la và mênh mông. Sách nâng cao kiến thức, mở rộng tầm mắt cho độc giả, dạy ta biết yêu, biết ghét, biết mơ ước,... Còn có loại sách để đọc giải trí, nuôi dưỡng trí tưởng tượng, đem lại niềm vui. Sách là tài liệu

để học tập, để tu dưỡng. Cho nên "*phải biết yêu sách, biết quý sách*" vì "*nó là nguồn kiến thức*". Người xưa đã nói: "*Mỗi quyển sách là một hũ vàng*". Lê Quý Đôn, nhà bác học của nước ta trong thế kỉ thứ XVIII là một con người rất thông minh suốt đời "*mắt không rời sách, gối đầu lên sách*". Con người có hiếu học mới yêu sách đến thế!

Ở đời, ai cũng muốn giàu có, sang trọng. Ai cũng muốn học rộng, biết nhiều. Nghèo khổ thì bị người ta coi thường. Dốt nát càng bị thiên hạ coi khinh. Tại sao trong xã hội phong kiến Việt Nam, kẻ sĩ lại đứng đầu các đẳng cấp: "*Sĩ, nông, công, thương*"? Nhân tài là nguyên khí quốc gia. Sống trong thời đại tin học, ta mới thấy rõ tri thức, trí tuệ, tài năng là vô giá. Chúng ta càng thêm thấm thía ý kiến của Go-rơ-ki: "*Chỉ có kiến thức mới là con đường sống*". Không thể sống trong đói rét, tăm tối, dốt nát. Bởi lẽ "*người không có trí, ít hiểu biết, chỉ làm đầy tớ cho người ta sai khiến mà thôi*" (Mạnh Tử). Muốn biết thêm một, hai ngoại ngữ làm công cụ, muốn có một trình độ khoa học hiện đại, tiên tiến thì phải được đào tạo chuyên sâu, phải dày công học tập, phải biết tự học, tự đọc sách. Và bao giờ cũng vậy: "*Rễ của học tập thì đắng; quả của học tập thì ngọt*".

"*Chỉ có kiến thức mới là con đường sống*". Sống trong lao động sáng tạo. Sống để làm chủ thiết bị máy móc. Sống trong ánh sáng văn minh của khoa học kĩ thuật. Con đường sống mà Go-rơ-ki nói đến là con đường sáng tạo, có đời sống vật chất sang trọng, có đời sống tinh thần phong phú, tươi đẹp để làm chủ bản thân, làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên.

Gần 700 năm về trước, trong "*Quốc âm thi tập*", Nguyễn Trãi có viết:

"*Nên thợ, nên thầy vì có học,*

No ăn, no mặc bởi hay làm".

("Bảo kính cảnh giới" - bài 46)

Yêu sách nhưng không phải là con mọt sách. Đọc sách nhưng không được nô lệ vào sách, mà phải vừa thực sự cầu thị, vừa ý thức được: "*Học cho rộng, hỏi cho kĩ, suy nghĩ cho cẩn thận, phân biệt cho sáng suốt, làm việc cho hết lòng*". ("Trung dung").

Người yêu sách là người biết coi trọng tri thức, rất hiếu học, lúc nào cũng muốn vươn lên thành kẻ sĩ (người trí thức) trong xã hội.

Trên con đường hội nhập, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tuổi trẻ Việt Nam không chỉ học ở trường, học thầy, học bạn, học trong thực tế cuộc sống, mà còn phải biết đọc sách, sách khoa học, (sách kĩ thuật, sách ngoại ngữ, sách văn học,..), biết tự học để vũ trang cho mình những kiến thức hiện đại, đem tài năng phục vụ đắc lực công cuộc xây dựng đất nước phồn vinh.

Hãy phấn đấu cho mục tiêu mỗi học sinh có một ngăn sách, mỗi gia đình có một tủ sách, đúng như Ức Trai đã nói: "*Gia hữu cầm thư nhi bối lạc*" *(Trong nhà có đàn sách thì con cái vui).* Đọc sách phải trở thành niềm vui sáng tạo. Tuổi trẻ chúng ta, ai cũng biết học trong sách, mỗi ngày dành ra một hai giờ đọc sách.

Hơn bao giờ hết, chúng ta càng thấy rõ câu nói của Go-rơ-ki là một lời khuyên đẹp: "*Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống*".

Đáp án đề 44 + 45

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Trả lời	F	E	A	E	C	B	A	C	[illegible]	E	G	A	C	D	D	A	E

MỤC LỤC

45 ĐỀ TRẮC NGHIỆM VÀ TỰ LUẬN - NGỮ VĂN 8

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 Hàng Chuối – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Điện thoại: (04) 9718312; (04) 7547936. Fax: (04) 9714899
E-mail: nxb@vnu.edu.vn

* * *

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: PHÙNG QUỐC BẢO

Tổng biên tập: PHẠM THÀNH HƯNG

Biên tập: NGUYỄN VĂN THẢO

Chế bản: NHÀ SÁCH HỒNG ÂN

Trình bày bìa: VÕ THỊ THỪA

---

45 ĐỀ TRẮC NGHIỆM VÀ TỰ LUẬN NGỮ VĂN 8

Mã số: 3L - ĐH 2006
In 3.000 cuốn, khổ 16 × 24cm tại Xưởng in Tuần báo Văn nghệ Tp.HCM
Số xuất bản: 571 - 2006/CXB/ 4 – 102/ĐHQGHN, ngày 21/7/2006.
Quyết định xuất bản số: 230 LK/XB.
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2006.